

**BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐẠO DIỄN SÂN KHẤU**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Hà Nội, tháng 10 - 2023

**BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**



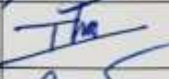
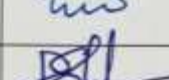
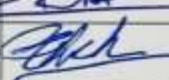

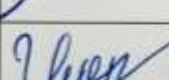
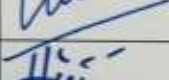
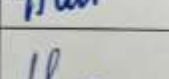
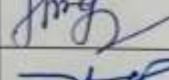
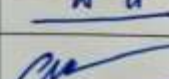

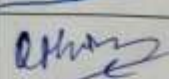


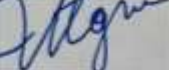
**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐẠO DIỄN SÂN KHẤU**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Hà Nội, tháng 10 - 2023

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐẠO DIỄN SÂN KHẤU**

(Kèm theo Quyết định số 362/QĐ-SKĐAHN ngày 24 tháng 04 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sân Khấu – Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Ký tên
1	Nguyễn Đình Thi	PGS. TS. NGND. Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Phạm Đắc Thi	TS. Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Nguyễn Thị Thanh Quế	ThS. Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
4	Bùi Như Lai	TS. Trưởng Khoa Sân khấu	Thư ký	
5	Phạm Trí Thành	TS. Chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên	
6	Lại Thị Thanh Bình	TS. Trưởng Khoa Kiến thức cơ bản; Đại diện Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Thành viên	
7	Nguyễn Thị Hồng Hiền	TS. Trưởng Phòng Đào tạo, Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế	Thành viên	
8	Nguyễn Thị Thu Hiền	TS. Trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên	
9	Chế Thị Hồng Phương	CN. Kế toán trưởng Phòng Hành chính, tổng hợp (Bộ phận tài vụ)	Thành viên	
10	Trần Thị Tuyết Hồng	ThS. Trưởng Phòng Công tác học sinh sinh viên	Thành viên	
11	Phạm Văn Cường	ThS. Phó trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên	
12	Đình Quang Trung	PGS. TS. Viện trưởng Viện Sân khấu - Điện ảnh	Thành viên	
13	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	CN. Giám đốc Trung tâm Thông tin, Thư viện	Thành viên	
14	Trịnh Thúy Hương	TS. Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên	
15	Lê Thị Ly Như	Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Thành viên	
16	Nguyễn Hoài Thanh	ThS. Phó trưởng Khoa Sân khấu	Thành viên	
17	Lại Huy Hoàng	Sinh viên ngành Đạo diễn Sân khấu K40 (VLVH)	Thành viên	

(Danh sách gồm có 17 người)

MỤC LỤC

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ	
MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	5
DANH MỤC BẢNG BIỂU	7
PHẦN I. KHÁI QUÁT	9
1. Đặt vấn đề.....	9
2. Tổng quan chung	11
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	17
Tiêu chuẩn 1	17
Mở đầu.....	17
Tiêu chí 1.1	17
Tiêu chí 1.2	19
Tiêu chí 1.3	21
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	22
Tiêu chuẩn 2	23
Mở đầu.....	23
Tiêu chí 2.1	23
Tiêu chí 2.2	24
Tiêu chí 2.3	25
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	26
Tiêu chuẩn 3	27
Mở đầu.....	27
Tiêu chí 3.1	27
Tiêu chí 3.2.	28
Tiêu chí 3.3	30
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3:</i>	31
Tiêu chuẩn 4	32
Mở đầu.....	32

Tiêu chí 4.1	32
Tiêu chí 4.2.....	34
Tiêu chí 4.3	36
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4:</i>	38
Tiêu chuẩn 5	38
Mở đầu	38
Tiêu chí 5.1	38
Tiêu chí 5.2	40
Tiêu chí 5.3	41
Tiêu chí 5.4	43
Tiêu chí 5.5	45
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	46
Tiêu chuẩn 6.....	46
Mở đầu	46
Tiêu chí 6.1	47
Tiêu chí 6.2	48
Tiêu chí 6.3	50
Tiêu chí 6.4	53
Tiêu chí 6.5	55
Tiêu chí 6.6	56
Tiêu chí 6.7	58
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6</i>	59
Tiêu chuẩn 7	60
Mở đầu	60
Tiêu chí 7.1	60
Tiêu chí: 7.2.....	61
Tiêu chí 7.3	62
Tiêu chí 7.4	63
Tiêu chí 7.5	65
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 7</i>	66

Tiêu chuẩn 8	67
Mở đầu	67
Tiêu chí 8.1	67
Tiêu chí 8.2	68
Tiêu chí 8.3	69
Tiêu chí 8.4	72
Tiêu chí 8.5	74
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 8</i>	75
Tiêu chuẩn 9	76
Mở đầu	76
Tiêu chí 9.1	76
Tiêu chí 9.2	78
Tiêu chí 9.3	80
Tiêu chí 9.4	82
Tiêu chí 9.5	84
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9</i>	86
Tiêu chuẩn 10	87
Mở đầu	87
Tiêu chí 10.1	87
Tiêu chí 10.2	88
Tiêu chí 10.3	89
Tiêu chí 10.4	91
Tiêu chí 10.5	95
Tiêu chí 10.6	97
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i>	98
Tiêu chuẩn 11	99
Mở đầu	99
Tiêu chí 11.1	100
Tiêu chí 11.2	102
Tiêu chí 11.3	103

Tiêu chí 11.4	104
Tiêu chí 11.5	106
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11:</i>	107
PHẦN III. KẾT LUẬN	108
PHẦN IV. PHỤ LỤC	115

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Số thứ tự	Từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	BLQ	Bên liên quan
3	BVHTTDL	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du Lịch
4	CBCCVC	Cán bộ, công chức, viên chức
5	CTĐT	Chương trình đào tạo
6	CĐR	Chuẩn đầu ra
7	CTHSSV	Công tác học sinh, sinh viên
8	CTDH	Chương trình dạy học
9	CSDL	Cơ sở dữ liệu
10	CSGD	Cơ sở giáo dục
11	CSVC	Cơ sở vật chất
12	ĐCCT	Đề cương chi tiết
13	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
14	ĐH	Đại học
15	ĐHSKĐAHN	Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội
16	ĐTN	Đoàn thanh niên
17	ĐDSK	Đạo diễn sân khấu
18	ĐT,QLKH&HTQT	Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế
19	ĐNNV	Đội ngũ nhân viên
20	GV	Giảng viên
22	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm

23	HCTH (TCCB)	Hành chính, Tổng hợp (Tổ chức cán bộ)
24	HP	Học phần
25	KQHT	Kết quả học tập
26	KH	Kế hoạch
27	KSK	Khoa Sân khấu
28	KT&ĐBCLGD	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
29	NCKH	Nghiên cứu khoa học
30	NH	Người học
31	NTD	Nhà tuyển dụng
32	NV	Nhân viên
33	NGND	Nhà giáo Nhân dân
34	NSND	Nghệ sĩ Nhân dân
35	NSƯT	Nghệ sĩ ưu tú
36	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
35	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
37	PGS	Phó Giáo sư
38	QĐ	Quyết định
39	SKĐA	Sân khấu điện ảnh
40	SV	Sinh viên
41	SVTN	Sinh viên tốt nghiệp
42	TCCB	Tổ chức cán bộ
43	TS	Tiến sĩ
44	ThS	Thạc sĩ
45	TB	Thông báo
46	TTTTV	Trung tâm Thông tin, Thư viện
47	VSKĐA	Viện Sân khấu – Điện ảnh

DANH MỤC BẢNG BIỂU

1. Bảng 1: Mục tiêu chương trình đào tạo (MTCTĐT) các năm.....	136
2. Bảng 2: Kết quả khảo sát của các bên liên quan đối với mục tiêu của CTĐT	137
3. Bảng 3: Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Đạo diễn sân khấu các năm	137
4. Bảng 4: Đối sánh chuẩn đầu ra (CDR) các năm.....	139
5. Bảng 5: Cấu trúc đề cương chi tiết học phần được thể hiện qua CTĐT Đạo diễn sân khấu của các năm 2018 và 2023	139
6. Bảng 6: Đánh giá của cựu người học về các vấn đề liên quan đến đề cương chi tiết học phần năm 2018.....	139
7. Bảng 7: Đánh giá của người học về các vấn đề liên quan đến đề cương chi tiết học phần năm 2018, 2023 (chỗ này Khoa chọn năm 2018 hoặc 2023)	140
8. Bảng 8: Đánh giá của giảng viên về các vấn đề liên quan đến đề cương chi tiết học phần năm 2023.....	141
9. Bảng 9: Thống kê khả năng đáp ứng công việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp..	141
10. Bảng 10: Ma trận mối quan hệ giữa các học phần đạt chuẩn đầu ra của CTĐT năm 2023	141
11. Bảng 11: Đánh giá của nhà sử dụng lao động về mức độ đáp ứng công việc của sinh viên tốt nghiệp (SVTN)	143
12. Bảng 12: Tỷ lệ các khối kiến thức trong chương trình đào tạo Đạo diễn Sân khấu áp dụng các năm.....	145
13. Bảng 13: Đánh giá mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp. (Khoa khảo sát 15 nhà tuyển dụng lao động liên quan)	145
14. Bảng 14: Đánh giá của người học về sự phù hợp và tính hiệu quả của các hoạt động dạy học trong đề cương chi tiết học phần và chương trình đào tạo ngành đạo diễn sân khấu năm học 2022- 2023	146
15. Bảng 15: Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT	147
16. Bảng 16: Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi.....	147
17. Bảng 17: Tỷ lệ giảng viên/sinh viên của ngành Đạo diễn sân khấu(cả chính quy và không chính quy)	148
18. Bảng 18: Thành tích TĐKT của giảng viên Khoa Sân khấu (2018-2023).....	148

19. Bảng 19: Bảng thống kê số lượng các đề tài nghiên cứu các cấp.....	148
20. Bảng 20: Bảng thống kê số lượng các bài báo được công bố của GV Khoa Sân khấu (2018 - 2023)	149
21. Bảng 21: Bảng đối sánh giờ NCKH của cán bộ GV Khoa Sân khấu giai đoạn 2018-2023	149
22. Bảng 22: Thống kê tình hình nhập học của người học năm thứ nhất (từ năm 2018 đến 2023)	149
23. Bảng 23: Thống kê số người học đang học CTĐT ngành Đạo diễn sân khấu (từ năm 2018 đến 2023)	150
24. Bảng 24: Thống kê các tài liệu học tập tại thư viện Trường Đại học SKĐAHN .	150
25. Bảng 25: Thống kê các tài liệu học tập tại văn phòng Khoa Sân khấu	150
26. Bảng 26: Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và Tỷ lệ thôi học của SV ngành Đạo diễn sân khấu từ khóa tuyển sinh 2018 đến 2023.	151

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội trong suốt chặng đường hơn 40 năm xây dựng và phát triển. Để có một bức tranh cụ thể về Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (ĐHSKĐAHN) đa ngành, phát triển toàn diện, đạt chuẩn chất lượng kiểm định trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, hoàn thành trọng trách trước Nhà nước, trước Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và trước xã hội, Trường ĐHSKĐAHN (sau đây gọi tắt là Trường hoặc Nhà trường) tiến hành thực hiện quy trình đánh giá CTĐT một số ngành đào tạo trong đó có CTĐT trình độ đại học ngành Đạo diễn sân khấu (ĐDSK).

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo cũng như xây dựng văn hóa chất lượng tại Khoa Sân khấu (KSK) trình độ đại học ngành ĐDSK. Trong quá trình triển khai công việc này, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành ĐDSK căn cứ vào các tiêu chuẩn và các mốc chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành ĐDSK để phát huy những điểm mạnh cũng như nhìn nhận lại những mặt tồn tại của CTĐT giai đoạn 2018-2023, trên cơ sở đó, Khoa và Trường có những phương hướng, hành động cụ thể nhằm cải tiến, nâng cao CLGD trong những năm tiếp theo.

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành ĐDSK được thành lập theo Quyết định số 362/QĐ-SKĐAHN ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHSKĐAHN bao gồm 17 thành viên và Ban thư ký giúp việc Hội đồng gồm 07 thành viên. Trong đó, PGS.TS.NGND. Nguyễn Đình Thi, Hiệu trưởng Nhà trường là Chủ tịch Hội đồng (HĐ); ThS. Nguyễn Thị Thanh Quế, Phó Hiệu trưởng - Phó chủ tịch HĐ; TS. Phạm Đắc Thi, Phó Hiệu trưởng - Phó Chủ tịch HĐ; TS.NSUT Bùi Như Lai - Trưởng KSK - Thư ký HĐ; các thành viên còn lại trong HĐ và Ban Thư ký đến từ các phòng liên quan (Đào tạo, Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế (ĐTQLKH&HTQT); Hành chính tổng hợp (HCTH); Công tác học sinh sinh viên (CTHSSV); Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục (KT&ĐBCLGD) và KSK.

Mục đích tự đánh giá chương trình đào tạo nhằm bảo đảm chất lượng CTĐT ngành ĐDSK, KSK - Trường ĐHSKĐAHN. Nâng cao chất lượng CTĐT ngành ĐDSK thông qua việc tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ở thời điểm tự đánh giá; là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành ĐDSK; thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành ĐDSK được cấu trúc thành 4 phần, cụ thể:

- Phần I: Tổng quan về quá trình tự đánh giá và mô tả hiện trạng ngắn gọn về Trường ĐHSKĐAHN và đơn vị thực hiện CTĐT - Khoa Sân khấu.

- Phần II: Tự đánh giá theo 11 tiêu chuẩn (gồm 50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT.

- Phần III: Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

- Phần IV: Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016, cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, danh mục minh chứng và các quyết định, văn bản liên quan đến quá trình TĐG, bảng tổng hợp kết quả TĐG.

Phương pháp tự đánh giá chủ yếu là thu thập thông tin, minh chứng từ các nguồn ở trong và ngoài Trường giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2023, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng. Với mỗi một tiêu chuẩn, các tiêu chí được phân tích thành các yêu cầu và các câu hỏi đặt ra cho các yêu cầu, sau đó các thông tin, minh chứng được thu thập từ các phòng chức năng, Khoa, Viện, và các bên liên quan.

Phương pháp mã hóa minh chứng được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT.

Hx.ab.cd. ef

H: viết tắt của “hộp minh chứng”

x: số thứ tự của tiêu chuẩn (có giá trị từ 1 đến 11)

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01)

ef: số thứ tự minh chứng theo từng tiêu chí.

Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 2085/QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo và công văn 744/QLCL-KĐCLGD về việc điều chỉnh một số phụ lục công văn số 2085. Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước chính sau: Thành lập Hội đồng tự đánh giá; lập kế hoạch tự đánh giá; phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng; xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được; viết báo cáo tự đánh giá; lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá; triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Để hoàn thành Bản báo cáo tự đánh giá, đội ngũ GV và các BLQ sử dụng nhiều phương pháp như thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp, khảo sát bằng bảng hỏi và tham vấn của các chuyên gia trong lĩnh vực ĐBCL CTĐT.

Hoạt động tự đánh giá chất lượng CTĐT của KSK được thực hiện trên cơ sở phối hợp với các phòng, trung tâm chức năng trực thuộc Trường ĐHSKĐAHN và đội ngũ

GV, cán bộ hỗ trợ, đại diện SV, cựu SV của Khoa. Bản “Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành ĐDSK” là sản phẩm của một quá trình tự đánh giá khách quan, trung thực, dân chủ, minh bạch và công khai CTĐT chuyên ngành ĐDSK theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT.

2. Tổng quan chung

Trường ĐHSKĐAHN chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; quản lý về giáo dục, đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời chịu sự quản lý theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. Trường là đơn vị sự nghiệp công lập, thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; hoạt động theo các quy định của Luật Giáo dục, Điều lệ trường đại học. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Mục đích hoạt động của Trường là đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu hoạt động trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình có trình độ từ đại học đến sau đại học, có phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực sáng tạo tốt, đáp ứng nhu cầu giữ gìn, kế thừa và phát triển văn hóa dân tộc, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Là một trung tâm đào tạo trọng điểm hàng đầu của cả nước trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình; có khả năng hội nhập và giao lưu quốc tế, đi đầu trong việc tiếp thu kinh nghiệm đào tạo trong lĩnh vực sân khấu - điện ảnh của các nước vận dụng vào thực tế Việt Nam.

Sứ mạng của Trường được công bố như sau: “Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội có sứ mạng đào tạo, bồi dưỡng nhân tài trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và công nghệ điện ảnh - truyền hình; thực hiện nghiên cứu khoa học và ứng dụng trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật; quan tâm, thúc đẩy các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; phát huy tinh thần, bản sắc văn hóa Việt Nam trong hội nhập quốc tế”.

Tầm nhìn của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội là: “Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và công nghệ điện ảnh - truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các cơ sở đào tạo sân khấu - điện ảnh hàng đầu trong khu vực châu Á”. Tầm nhìn này giúp Trường vạch ra cho mình hướng đi đúng và nâng cao vị thế của Nhà trường trong nước cũng như vươn tầm quốc tế.

Năm 2017, Trường ĐHSKĐAHN đã được công nhận là trường đạt chuẩn Quốc gia (Do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận). Thành quả đó chính là nhờ vào những chiến lược đúng đắn và những mục tiêu rõ ràng của nhà Trường. Những mục tiêu được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường.

Trong đề án “Phát triển Trường ĐHSKĐAHN giai đoạn 2014-2020” và Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2026, tầm nhìn đến năm 2030 đã ghi rõ mục

tiêu là: "Xây dựng Trường ĐHKĐAHN thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu chất lượng cao, đạt chuẩn quốc gia và đạt trình độ các trường tiên tiến trong khu vực về các lĩnh vực nghệ thuật và kỹ thuật của các ngành sân khấu, điện ảnh, truyền hình, múa, nhiếp ảnh và thiết kế mỹ thuật; góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. "Mục tiêu này đã được thay đổi để phù hợp với sứ mạng của Trường trong giai đoạn mới - giai đoạn xây dựng Trường thành trường đại học trọng điểm quốc gia. Mục tiêu của Trường trong giai đoạn mới đã được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và gắn với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học nhằm cụ thể hóa mục tiêu giáo dục. Kế hoạch năm học được phổ biến rộng rãi trong toàn Trường thông qua nhiều hình thức: Tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của Trường; "Tuần sinh hoạt công dân - HSSV"; đại hội Đảng và các đoàn thể; trên mạng lưới website của Trường; sổ tay sinh viên; các hội nghị tổng kết năm học của Nhà trường, của các đoàn thể, các đơn vị hằng năm có đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học.

Để những mục tiêu đã đề ra đạt được hiệu quả cao, Nhà trường có những chính sách cụ thể nhằm nâng cao và bảo đảm chất lượng về mặt giáo dục cũng như các hoạt động khác trong Nhà trường.

Trước hết, Nhà trường ban hành hệ thống các văn bản về tổ chức, quản lý để các hoạt động của Nhà trường được thực hiện đúng quy định. Hệ thống văn bản của Trường được công bố minh bạch trên phần mềm văn phòng điện tử Office, thông báo trong các cuộc họp, hội nghị, gửi thông báo công khai đến từng đơn vị, cá nhân trong toàn Trường. Trong đó quy định cụ thể chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc cũng như quy chế hoạt động, tổ chức hoạt động của Khoa đào tạo. Các quy định, quy chế này phù hợp với Điều lệ trường đại học, của pháp luật và thường được bổ sung, cập nhật phù hợp với từng giai đoạn phát triển như sứ mạng và mục tiêu đã tuyên bố thông qua việc lấy ý kiến của các đơn vị, cá nhân liên quan. Những văn bản có tính pháp lý này đã và đang phát huy hiệu quả việc quản lý các hoạt động chung của Nhà trường, tạo nên một khối thống nhất trong quá trình triển khai các hoạt động. Từ đó nâng cao chất lượng toàn diện các hoạt động đào tạo của Trường.

Ngoài các văn bản quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của Khoa, phòng; Trường còn ban hành các văn bản để phân định rõ chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, GV và NV. Sự phân công này được công bố công khai trên subweb của các đơn vị, nhờ đó việc liên hệ công tác của các đơn vị, cá nhân bên ngoài cũng như giữa các đơn vị, cá nhân trong Trường được tiện lợi. Việc phân công, phân cấp quyền hạn và trách nhiệm cho các đơn vị khá hợp lý, được cán bộ, nhân viên đồng tình, ủng hộ, phát huy được vai trò, tính tự chịu trách nhiệm của từng cá nhân và tập thể. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý, điều hành các mặt hoạt động của các đơn vị và Nhà trường.

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường luôn được nhấn mạnh về vai trò dẫn đầu trong việc duy trì cũng như phát huy hiệu quả làm việc của toàn trường. Dưới sự lãnh đạo sâu sát, toàn diện của Đảng uỷ, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên đã tổ chức được các hoạt động phong phú, đa dạng, thu hút đông đảo đảng viên, đoàn viên tham gia. Tổ chức Công đoàn đã đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động; chăm lo, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức. Công đoàn Trường đã tích cực, chủ động phối hợp với lãnh đạo các đơn vị, tham mưu cho Đảng uỷ Trường tổ chức triển khai, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết đến cán bộ, viên chức trong toàn Trường; tham gia tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách tiền lương và việc điều phối quỹ phúc lợi bảo đảm công bằng, minh bạch, góp phần ổn định Nhà trường.

Đoàn Thanh niên Trường đã tổ chức được các phong trào cho thanh niên sinh viên rèn luyện đạo đức, lối sống, kỹ năng sống. Nâng cao chất lượng và hiệu quả của các phong trào như: Hưởng ứng và tham gia đầy đủ các hoạt động của Đoàn Thanh niên Bộ VHTTDL tổ chức; kỷ niệm các ngày lễ lớn với những hoạt động thể dục thể thao nhằm nâng cao sức khỏe, tinh thần phục vụ cho việc học tập cũng như tăng tình đoàn kết, gắn bó giữa sinh viên các khoa trong Trường.

Bên cạnh việc chú trọng bảo đảm hiệu quả vận hành về mặt tổ chức, Nhà trường luôn coi chất lượng giáo dục đại học là chìa khoá thành công trong việc phát huy sứ mạng đào tạo của mình. Bởi vậy, từ năm 2014, Trường đã thành lập Phòng KT&ĐBCLGD. Công tác của Phòng là kiểm tra, giám sát thường xuyên thời gian giảng dạy, chất lượng giảng dạy, tính bảo mật của việc ra đề thi, chất lượng bài thi, tính nghiêm túc của các kỳ thi...

Bên cạnh đó, Nhà trường có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của Nhà trường. Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020 - 2025 đã giới thiệu khái quát giai đoạn phát triển quan trọng, các lĩnh vực hoạt động và những thành tựu của Nhà trường; phân tích những điểm mạnh cơ bản, những tồn tại cần khắc phục; đồng thời đánh giá những cơ hội và thách thức mà Nhà trường đang đối mặt trên các lĩnh vực hoạt động; tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn đến năm 2025 và xây dựng mục tiêu chiến lược cho các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường; cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược bằng hệ thống các giải pháp, chỉ số giám sát, khung thời gian và nguồn tài chính để đẩy mạnh việc xây dựng Trường thành trường đại học trọng điểm quốc gia.

Song song với việc xây dựng kế hoạch dài hạn, công tác xây dựng kế hoạch phát triển Nhà trường ngắn hạn, trung hạn cũng được Nhà trường xúc tiến hằng năm. Nhà trường đã đề ra được các chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường bao gồm: Xây dựng, ban hành các quy chế, quy định, hướng dẫn để cụ thể hóa. Triển khai thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện trong chương trình công tác hằng năm của Ủy ban Kiểm tra Đảng uỷ, Ban Thanh tra

nhân dân... Ban Giám hiệu trực tiếp duyệt kế hoạch công tác năm học của tất cả các đơn vị trực thuộc Trường.

Đơn vị thực hiện CTĐT ngành Đạo diễn sân khấu là Khoa Sân khấu (sau đây gọi tắt là Khoa). Đồng hành với Trường ĐHSKĐAHN từ buổi sơ khai, quá trình phát triển của KSK trải dài 61 năm lịch sử (Từ 1959 - tiền thân là Khoa Đạo diễn-Diễn viên, từ năm 1962, khi phân hiệu Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội được thành lập). Sau đó, năm 1980, để phù hợp với xu thế mới và đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội, Trường ĐHSKĐAHN, Bộ Văn hóa, Thông tin đã có quyết định thành lập Trường Đại học Sân khấu-Điện ảnh với Hiệu trưởng là Giáo sư tiến sĩ, Đạo diễn sân khấu, NSND Đinh Quang. Quy tụ được đội ngũ cán bộ nhiều kinh nghiệm nhất trong quản lý giáo dục và các giảng viên, nghệ sĩ ngành ĐDSK của cả nước.

Trải qua hơn 40 năm đào tạo liên tục, ngành ĐDSK đã đào tạo khoảng gần 100 cử nhân ĐDSK. Rất nhiều đạo diễn nổi tiếng trong nước đã học tập tại Trường ĐHSKĐAHN như NSND Trung Hiếu - Giám đốc Nhà hát kịch Hà Nội; NSƯT Xuân Bắc - Giám đốc Nhà hát kịch Việt Nam; NSƯT Kiều Minh Hiếu - Phó Giám đốc Nhà hát kịch Việt Nam; NSND Tụ Long - Phó Giám đốc Nhà hát Chèo Quân đội; NSƯT Bùi Như Lai- Trưởng Khoa Sân khấu; NSND Trọng Khôi - Nguyên Chủ tịch Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam, NSND Đoàn Dũng - Nguyên Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sân khấu Điện ảnh Thành phố Hồ Chí Minh.v.v....

Hiện nay đội ngũ giảng dạy của Khoa có 11 cán bộ, trong đó có 01 nhà giáo ưu tú, 01 phó giáo sư; 01 tiến sĩ và 9 thạc sĩ. Khoa hiện có 6 mã ngành đào tạo bậc đại học: Đạo diễn sân khấu; Diễn viên sân khấu, điện ảnh và truyền hình; Đạo diễn sự kiện lễ hội; Đạo diễn âm thanh ánh sáng sân khấu; Lý luận phê bình sân khấu; Biên kịch sân khấu. Các hình thức đào tạo của KSK bao gồm: Chính quy (đại học, sau đại học), vừa làm vừa học và liên kết đào tạo.

Sinh viên KSK khéo năng động và sáng tạo, luôn nằm trong nhóm đầu của Nhà trường khi tham gia các hội diễn sân khấu chuyên nghiệp, tham gia các bộ phim điện ảnh và truyền hình nổi tiếng, nhận được sự quan tâm của đông đảo khán giả. Các sự kiện tham gia thường xuyên của Khoa bao gồm: Liên hoan sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc, Liên hoan sân khấu về hình tượng người chiến sỹ Công an nhân dân, Liên hoan sân khấu Thủ đô... Đây là những sân chơi bổ ích cho sinh viên để họ có cơ hội giao lưu và học hỏi lẫn nhau, giúp sinh viên có các trải nghiệm thực tế với nghề nghiệp mà mình sẽ theo đuổi sau này.

Cán bộ và sinh viên KSK có truyền thống tinh thần tương thân tương ái. Các cựu SV, GV của Khoa có quỹ hỗ trợ các SV không may gặp phải điều kiện khó khăn và động viên khuyến khích các SV có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện.

Sứ mạng chính của Khoa cũng là sứ mạng của Trường ĐHSKĐAHN là đào tạo đào tạo cử nhân chính quy ngành Diễn viên sân khấu-điện ảnh; Đạo diễn sân khấu; Đạo diễn âm thanh-ánh sáng; Đạo diễn sự kiện lễ hội; Lý luận phê bình sân khấu; Biên kịch

sân khấu. Đào tạo cử nhân hệ vừa làm vừa học và văn bằng 2 ngành ĐDSK; Diễn viên sân khấu-điện ảnh. Từ năm 2021, KSK thực hiện quản lý các hoạt động chuyên môn đối với hệ đào tạo sau đại học với 2 mã ngành: Nghệ thuật sân khấu (mã ngành: 8210222) đào tạo trình độ thạc sĩ; ngành Lý luận và lịch sử sân khấu (mã ngành: 9210221) đào tạo trình độ tiến sĩ.

KSK đã và đang thực hiện những chính sách và hoạt động nhằm bảo đảm chất lượng toàn diện. Chính sách đầu tiên liên quan tới công tác chính trị, tư tưởng, truyền thông và cải cách hành chính. Được sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy Trường ĐHSKĐAHN, Chi bộ Sân khấu, CB,VC, NH của đơn vị luôn quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của ngành GD&ĐT; phát huy quyền làm chủ của CB, VC, NH gắn liền với sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng. Toàn thể cán bộ Khoa đoàn kết, đồng lòng với các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước cũng như Nhà trường, góp phần xây dựng Trường và Khoa ngày càng vững mạnh.

Thứ hai, công tác sinh viên; công tác đoàn thể được chú trọng. Khoa đã chỉ đạo liên chi đoàn và liên chi hội sinh viên tổ chức nhiều hoạt động bổ ích, thiết thực. Tổ chức tốt tuần sinh hoạt công dân theo quy định. Tổ chức quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của ngành GD&ĐT cho người học thông qua các buổi sinh hoạt cán bộ lớp, cán bộ đoàn và các hoạt động chung của Khoa. Tham gia Hội nghị đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo Nhà trường, Khoa nắm bắt thông tin và giải quyết kịp thời những kiến nghị, đề xuất của sinh viên và học viên, không có hiện tượng khiếu nại vượt cấp.

Thứ ba, công tác tổ chức và xây dựng đội ngũ được coi là nòng cốt để tạo nên móng bền vững cho chất lượng đào tạo. Đội ngũ GV được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp, nhiều kinh nghiệm thực tiễn. Hầu hết cán bộ giảng dạy được tham gia tập huấn và học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước.

Thứ tư, công tác đào tạo, bảo đảm chất lượng và thanh tra giáo dục cũng là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình nâng cao chất lượng giáo dục.

Chương trình đào tạo của Khoa thường xuyên được cập nhật với xu thế của thế giới, nội dung giảng dạy ngày càng phong phú, linh hoạt và theo định hướng phát triển năng lực đáp ứng nhu cầu xã hội.

Thứ năm, Khoa rất chú trọng công tác NCKH, thư viện tác phẩm kịch, điện ảnh, truyền hình của Khoa luôn cập nhật để các GV cùng phân tích, thảo luận để sử dụng trong các bài giảng. Đặc biệt, các chuyên đề mới luôn được tổ chức, mời các nhà sản xuất, đạo diễn, diễn viên chia sẻ kinh nghiệm từ thành công cũng như thất bại trong nghề để các GV và NH có được giao lưu thực sự cần thiết cho nghề.

Cuối cùng, công tác cơ sở vật chất, thiết bị, kế hoạch - tài chính, đời sống cũng được coi là nhiệm vụ thiết yếu trong tổng thể bảo đảm chất lượng của Trường và Khoa.

Cơ sở vật chất (CSVC) phục vụ đào tạo và chuyên môn nghiệp vụ của Khoa do Nhà trường phân bổ. Cán bộ phụ trách thiết bị có tinh thần trách nhiệm cao, bảo quản tốt các thiết bị máy móc tại phòng thực hành và các thiết bị tại văn phòng. Quỹ hoạt động của Khoa luôn được chi đúng mục đích và minh bạch, theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Quỹ phúc lợi được chia công bằng cho cán bộ nhân dịp các ngày lễ lớn như 20-11, Tết âm lịch. Ngoài ra, đơn vị còn tổ chức đi du lịch trong và ngoài nước cho toàn thể cán bộ trong các dịp hè, thăm hỏi động viên cán bộ và thân nhân khi có việc trọng đại. Công tác thăm hỏi cựu giáo chức luôn được quan tâm chu đáo, duy trì mối quan hệ tốt đẹp giữa các thế hệ cán bộ. Đời sống cán bộ Khoa ngày càng được nâng lên, cán bộ yên tâm làm việc và gắn bó với nghề.

Với những chính sách bao quát và toàn diện trong việc bảo đảm và phát huy chất lượng giáo dục của Trường từ khi thành lập đến nay, KSK luôn là địa chỉ tin cậy cho NH chọn làm nơi rèn đức luyện tài, là một trong những cơ sở đào tạo ngành ĐDSK tốt nhất khu vực miền Bắc nói riêng và cả nước nói chung, là nơi tạo dựng tương lai tươi sáng cho các SV trong nhiều lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Mục tiêu của CTĐT trình độ đại học ngành ĐDSK được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định trong Luật Giáo dục đại học. Trên cơ sở mục tiêu này, chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT trình độ cử nhân đạo diễn sân khấu được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2018, thực hiện chủ trương của Trường ĐHSKĐAHN, KSK đã tiến hành rà soát CTĐT ngành ĐDSK. Sau hai lần điều chỉnh CTĐT năm 2018 và 2023, CĐR ngành ĐDSK được xây dựng và ban hành theo Quyết định số Quyết định số 1191/QĐ-SKĐAHN, ngày 31/10/2018 và Quyết định số 505/QĐ-SKĐAHN, ngày 19/5/2023. Mục tiêu của CTĐT ngành ĐDSK của KSK, Trường ĐHSKĐAHN được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của luật Giáo dục Đại học; Thông tư số 14 năm 2010; Thông tư số 07 năm 2015; Thông tư số 17 năm 2021; Quyết định 1982 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016 [H1.01.01.01]; mục tiêu của CTĐT hướng tới việc thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Nhà Trường [H1.01.01.02]. Mục tiêu chung của CTĐT hệ đại học chính quy ngành ĐDSK nhằm: “Đào tạo ra các đạo diễn sân khấu chuyên nghiệp có thể độc lập sáng tạo, dàn dựng các vở diễn sân khấu, đồng thời có thể tham gia đạo diễn, hợp tác với một số phim điện ảnh, truyền hình trong và ngoài nước.” [H1.01.01.03]. [Xem thêm thông tin phần Phụ lục tại Bảng 1. Mục tiêu chương trình đào tạo (CTĐT) các năm].

CTĐT đã được rà soát, điều chỉnh, để phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H1.01.01.04]. Đặc biệt từ năm 2018, thực hiện hướng dẫn quy trình xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT của Trường ĐHSKĐAHN, KSK đã tổ chức xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT ngành ĐDSK. CTĐT sau khi được thông qua đã công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường để các bên liên quan có thể dễ dàng tra cứu, sử dụng [H1.01.01.05]. Mục tiêu đào tạo được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, được điều chỉnh, cập nhật và phát triển theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, quy mô phát triển của Khoa, của Trường. Theo đó, một điểm đổi mới quan trọng là sự thay đổi về số đơn vị học trình (ĐVHT) và số đầu môn. Từ năm 2018 đến 2023, điểm đổi mới quan trọng

là sự bổ sung đa dạng, phong phú các khối kiến thức của các môn học chuyên ngành như Kỹ thuật biểu diễn, nghệ thuật đạo diễn, các chuyên đề.... Khoa liên tục trau dồi, tiếp biến các phương pháp giảng dạy, rèn luyện kỹ năng, kỹ thuật cho sinh viên của nước ngoài như phương pháp Body Language của Na Uy, phương pháp Suzuki của Nhật Bản... và áp dụng ngay vào các môn học chuyên ngành như Nghệ thuật đạo diễn, Kỹ thuật biểu diễn, Tiếng nói, Hình thể..., nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới của xã hội. Năm học 2022-2023, Khoa thực hiện kế hoạch rà soát chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT, cập nhật rà soát CTĐT theo tín chỉ các môn học trong khung CTĐT của chuyên ngành [H1.01.01.06]. Giai đoạn 2018-2023, Khoa đã lấy ý kiến đóng góp của chuyên gia, cơ quan quản lý chuyên môn, trưởng Bộ môn, SV năm cuối, cựu SV và nhà tuyển dụng (NTD). Kết quả cho thấy tất cả đều đánh giá các kiến thức, kỹ năng, năng lực trong CĐR, các học phần trong khung CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường [H1.01.01.07].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành ĐDSK được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSKĐAHN, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học, cũng như mục tiêu và triết lý giáo dục của Nhà trường. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ. Nội dung của CTĐT đã có sự tích hợp, được cập nhật, rà soát, cải tiến cho phù hợp với yêu cầu của tình hình thực tế đào tạo trong nước.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát định kỳ lấy ý kiến đóng góp của các BLQ về mục tiêu của CTĐT ngành ĐDSK chưa được tiến hành bài bản, chuyên sâu. Phiếu khảo sát về CTĐT và CĐR của CTĐT chưa được nghiên cứu, đánh giá tính hiệu quả để thu thập được nhiều hơn và chất lượng hơn các thông tin nhằm đáp ứng điều chỉnh mục tiêu và CĐR của CTĐT phù hợp với thực tiễn.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2023 trở đi, định kỳ 2 năm 1 lần, KSK phối hợp với PĐTQLKH&HTQT tổ chức đánh giá, rà soát lại mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHSKĐAHN, với Luật giáo dục đại học sửa đổi, với những quy định mới của Bộ GD&ĐT nhằm đáp ứng hơn nữa nhu cầu xã hội, xu hướng phát triển của khu vực và thế giới.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2023- 2024, Khoa Sân khấu phối hợp với Phòng chức năng, đặc biệt là PKT&ĐBCLGD và các BLQ nghiên cứu cách thức lấy ý kiến, chỉnh sửa nội hàm phiếu khảo sát để thu thập được nhiều hơn thông tin của các BLQ đối với việc điều chỉnh mục tiêu CTĐT cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT trình độ cử nhân ngành ĐDSK được xác định rõ ràng và bắt đầu xây dựng từ năm 2018 theo một quy trình thống nhất, được bổ sung vào các năm 2022, chính thức ban hành năm 2023 [H1.01.02.01]. CĐR của CTĐT ĐDSK thể hiện tầm nhìn, sứ mạng của Trường ĐHSKĐAHN; phù hợp với mục tiêu của CTĐT được thể hiện thông qua các yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cũng như triển vọng việc làm trong tương lai. Theo đó, CĐR của CTĐT đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho SV và GV dễ dàng xác định mục tiêu cần đạt được trong quá trình giảng dạy và học tập về các kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập và giảng dạy [H1.01.02.02].

CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành ĐDSK bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể là: (1) Về mặt kiến thức: Về kiến thức và lập luận ngành, CTĐT ngành ĐDSK trang bị cho SV những kiến thức cơ bản liên quan đến hiểu biết về lý luận chính trị, kiến thức xã hội, sử dụng công nghệ thông tin trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu, các kiến thức cơ bản, hiểu biết về hội nhập quốc tế và định hướng nghề nghiệp. Những kiến thức cơ sở ngành liên quan đến các kiến thức và kỹ năng về kịch, điện ảnh, truyền hình, hiểu biết phương pháp NCKH chuyên ngành. Những kiến thức chuyên ngành giúp SV xác định và nắm bắt một cách rõ nét khối kiến thức nền tảng của ngành ĐDSK và của từng chuyên ngành chuyên sâu như Kỹ thuật đạo diễn sân khấu, kỹ thuật biểu diễn, Tiếng nói, Hình thể Sân khấu, Chuyên đề... giúp người học ngành ĐDSK vận dụng và sử dụng sáng tạo các kiến thức về sân khấu và đạo diễn sân khấu vào nghiên cứu và ứng dụng cũng như đảm nhận đạo diễn các vở diễn sân khấu khác nhau; kiến thức phát triển hoạt động nghề nghiệp. (2) Về mặt kỹ năng: Trong khối kiến thức phát triển hoạt động nghề nghiệp, SV được trang bị kiến thức từ cơ bản đến nâng cao, lập kế hoạch thực tập nghề nghiệp, triển khai quy trình thực tập nghề nghiệp, áp dụng các giải pháp thực tập nghề nghiệp hiệu quả, đánh giá và cải tiến hoạt động thực tập nghề nghiệp. CĐR ngành ĐDSK xác định rõ ràng những kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp mà SV phải đạt được như sau: Sau khi tốt nghiệp, SV có khả năng và kỹ năng đạo diễn để hoạt động nghề nghiệp, bao gồm kỹ năng đáp ứng các yêu cầu đạo diễn của vở diễn sân khấu hay những bộ phim. Bên cạnh đó, kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình cũng được chú trọng trong CĐR ngành ĐDSK. Cụ thể, SV phải có kỹ năng thể hiện khả năng cập nhật các kỹ năng mới, trải nghiệm sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc khác nhau. CĐR ngành ĐDSK cũng xác định những phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp như làm chủ tư duy và có trách nhiệm xã hội, hành xử chuyên nghiệp, trung thực trong nghề

nghiệp, nhiệt tình và say mê công việc, tính kỷ luật nghề nghiệp ĐDSK. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp được nhấn mạnh trong CĐR ngành ĐDSK. Theo đó, SV phải có kỹ năng làm việc nhóm bao gồm kỹ năng triển khai thành lập nhóm, hoạt động nhóm, lãnh đạo hoạt động nhóm; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, tổ chức sản xuất (3) Về mức tự chủ và trách nhiệm: Nhóm CĐR cuối cùng mà SV cần đạt liên quan đến năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển hoạt động nghề nghiệp trong môi trường xã hội và tổ chức. Liên quan đến bối cảnh xã hội, SV phải nhận thức được vai trò và trách nhiệm của cử nhân ngành ĐDSK, xác định được tác động giữa người làm nghệ thuật với xã hội, hiểu biết được các quy định của xã hội đối với hoạt động nghề nghiệp, hiểu biết bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc và bối cảnh hội nhập quốc tế. Bối cảnh tổ chức yêu cầu SV có hiểu biết về sự đa dạng văn hóa của tổ chức, hiểu biết sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược phát triển của tổ chức; hiểu biết bối cảnh kinh doanh, hoạt động của tổ chức. CĐR quy định SV hình thành được ý tưởng hoạt động nghề nghiệp, liên quan đến năng lực xác định nhu cầu và thiết lập các mục tiêu hoạt động nghề nghiệp, xác định chức năng, nguyên tắc tổ chức, nội dung và quy trình hoạt động nghề nghiệp, phác thảo kế hoạch hoạt động nghề nghiệp; năng lực xây dựng phương án liên quan đến xây dựng phương án khả thi cho hoạt động nghề nghiệp, phân tích các giai đoạn của hoạt động nghề nghiệp, lựa chọn phương pháp tiếp cận phù hợp, xây dựng phương pháp đánh giá hoạt động nghề nghiệp. CĐR còn chú trọng đến năng lực thực hiện triển khai hoạt động nghề nghiệp và vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp. (4) Về triển vọng việc làm trong tương lai: Sau khi tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành ĐDSK, SV có thể đảm nhận công việc của đạo diễn, đạo diễn các vở diễn sân khấu, các chương trình sân khấu, tại các nhà hát, các hãng phim, đoàn làm phim; đài truyền hình, tổ chức dự án liên quan đến kịch - điện ảnh - truyền hình, làm phim, sản xuất chương trình sân khấu; nghiên cứu lĩnh vực sân khấu – điện ảnh – truyền hình **[H1.01.01.05DC]**.

CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành ĐDSK được đo lường và đánh giá về các mặt kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm của SV thông qua năng lực của SV giải quyết các bài tập tình huống trên lớp, giải quyết các bài tập nhóm, bài tiểu luận, bài thi kết thúc học phần và thực hiện bài tốt, thang điểm đạt được của các phương pháp đánh giá trên cho thấy SV đạt được CĐR ở mức độ khá cao theo yêu cầu **[H1.01.02.03]**. Bên cạnh đó, KSK còn thực hiện việc khảo sát NTD, các GV là các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành và cựu SV về CĐR của CTĐT **[H1.01.02.04]**. Kết quả 87-90% đối tượng tham gia khảo sát đánh giá về CĐR ở mức đáp ứng được yêu cầu NH cũng như yêu cầu tại đơn vị tuyển dụng **[H1.01.02.05]**. (Xem thêm phụ lục danh mục bảng biểu: Bảng 2 – Kết quả khảo sát các BLQ đối với mục tiêu CTĐT).

2. Điểm mạnh

KSK đã xây dựng và ban hành CĐR cho CTĐT ngành ĐDSK đúng theo quy định

của Bộ GD&ĐT cũng như Khung trình độ quốc gia. CĐR được xác định rõ ràng, có khả năng đo lường và đánh giá. Các CĐR bảo đảm được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều phương pháp và công cụ để đánh giá và đo lường CĐR.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, KSK phối hợp với Phòng ĐT,QLKH&HTQT tiếp tục thực hiện các quy định về rà soát CTĐT, đặc biệt là CĐR để điều chỉnh phù hợp với thực tiễn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2023-2024, KSK định kỳ tổ chức 2 năm một lần phối hợp với Phòng ĐT,QLKH&HTQT; phòng KT&ĐBCLGD nghiên cứu về phương pháp và công cụ đo lường mức độ đạt được của CĐR để ban hành văn bản hướng dẫn đánh giá, đo lường CĐR của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành ĐDSK đã được tiến hành rà soát, chỉnh sửa và ban hành theo quy định [H1.01.03.01]. Do CĐR được rà soát, điều chỉnh theo góp ý của các BLQ nên CĐR của CTĐT cử nhân chuyên ngành ĐDSK ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp các SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình [H1.01.01.05.DC].

Sau khi ban hành CĐR vào năm 2018 [H1.01.01.06.DC]. Năm 2022, Phòng ĐT, QLKH & HTQT phối hợp với KSK đã tiến hành rà soát và điều chỉnh CTĐT từ phương thức đào tạo niên chế thành phương thức đào tạo theo tín chỉ các chuyên ngành của KSK [H1.01.01.06.DC]. CTĐT được lấy ý kiến khảo sát của các BLQ (sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng) [H1.01.01.06.DC], [H1.01.01.07.DC]; kết quả khảo sát được KSK tổng hợp, hợp thống nhất về nội dung cần chỉnh sửa CĐR và đề xuất Nhà trường ban hành [H1.01.03.02], [H1.01.01.06.DC] [H1.01.01.07.DC]. (Xem thêm phụ lục danh mục bảng biểu: Bảng 2 - Kết quả khảo sát các BLQ đối với mục tiêu CTĐT).

Ngoài ra Khoa còn chú trọng nghiên cứu thực trạng nguồn nhân lực ngành ĐDSK trên thị trường để điều chỉnh CĐR đáp ứng nhu cầu thực tiễn, cũng như tiến hành thực hiện đối sánh với CĐR của một CTĐT ĐDSK của một trường quốc tế [H1.01.03.03.DC] [H1.01.03.04.DC].

CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành ĐDSK được công bố công khai, rộng rãi thông qua website của Trường[H1.01.03.05], KSK và sổ tay SV, giúp GV, NH và các BLQ dễ dàng tiếp cận trình độ cử nhân ngành ĐDSK [H1.01.03.05DC].

2. Điểm mạnh

CĐR được định kỳ rà soát trên cơ sở góp ý của các BLQ. CĐR được điều chỉnh, đối sánh, được cập nhật, phù hợp với nhu cầu thực tế. CĐR được công bố công khai.

3. Điểm tồn tại

Chất lượng và số lượng tham gia đóng góp của các bên liên quan về CĐR chưa nhiều. Chưa phân tích mức độ đáp ứng CĐR theo thang đo năng lực.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, KSK phối hợp các BLQ đẩy mạnh hơn nữa việc ký kết các thỏa thuận hợp tác với những cơ quan đang sử dụng và có nhu cầu sử dụng SV tốt nghiệp ngành ĐDSK, tiếp tục duy trì hoạt động trao đổi với các bên liên quan để thực hiện định kỳ việc rà soát CĐR. Khoa sẽ tiếp tục trao đổi để xây dựng được kênh truyền thông riêng cho Khoa vào cuối năm 2023 nhằm phục vụ công tác đào tạo của Khoa.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2023 - 2024, Khoa Sân khấu phối hợp với Phòng CTHSSV xây dựng chiến lược mở rộng mối quan hệ với các BLQ, đặc biệt là các chuyên gia trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh và truyền hình để gia tăng quy mô, chất lượng của các đợt khảo sát. Định kỳ 2 năm/lần tổ chức hội nghị cựu sinh viên và NTD để lấy ý kiến về CĐR/CTĐT. Tổ chức nghiên cứu vận dụng thang nhận thức Bloom trong rà soát, điều chỉnh CĐR.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT trình độ đại học ngành ĐDSK được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường. CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành ĐDSK được xây dựng theo một quy trình rõ ràng, được điều chỉnh và bổ sung kịp thời trên cơ sở tham khảo ý kiến của các BLQ. CĐR được công bố rộng rãi trên các kênh truyền thông chính của Trường và KSK.

Điểm mạnh nổi bật: Mục tiêu CTĐT và CĐR được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, phản ánh được yêu cầu của các BLQ, có đối sánh với trường đại học nước ngoài.

Điểm tồn tại cơ bản: Số lượng nhà tuyển dụng, nhà khoa học tham gia vào công tác xây dựng và rà soát CĐR cũng như nội dung CTĐT chưa nhiều và chưa thường xuyên.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 1: Tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí đạt, trong đó 2 tiêu chí đạt mức 4/7 và 1 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT có ý nghĩa như một văn bản mô tả, giới thiệu chi tiết về CTĐT và hướng dẫn thực hiện hoạt động dạy và học cho GV, SV, đồng thời là tài liệu để giới thiệu, truyền thông về CTĐT. Bản mô tả CTĐT ngành ĐDSK được xây dựng theo quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Trường ĐHSKĐAHN và KSK. Bản mô tả CTĐT cung cấp cho các BLQ các thông tin về CTĐT, dự kiến kết quả đầu ra, cấu trúc khoá học, CDR của CTĐT và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/ đánh giá học phần. Đề cương học phần được chuẩn hoá, đầy đủ thông tin và cập nhật. Bản mô tả và đề cương học phần của CTĐT được công bố công khai qua nhiều kênh thông tin của Nhà trường và Khoa giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT trình độ cử nhân ngành ĐDSK được xây dựng theo các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Năm 2014, được chỉnh sửa, rà soát. CTĐT ngành ĐDSK được cập nhật, điều chỉnh năm 2018, năm 2022 (ban hành năm 2023), KSK đã tiến hành hoàn thiện bản mô tả CTĐT qua 2 lần cập nhật **[H2.02.01.01]**.

Đặc biệt, năm 2023 Bản mô tả CTĐT ngành ĐDSK cung cấp cho các BLQ các thông tin đầy đủ và cập nhật về CTĐT, bao gồm các thông tin chung như tên cơ sở giáo dục; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu; CDR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc chương trình dạy học; ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR); đến đề cương các môn học/ học phần; thời điểm thiết kế, điều chỉnh bản mô tả CTĐT **[H2.02.01.02]**. (Xem thêm Phụ lục: Bảng 3, 4, 5, 7, 10 - Danh mục bảng biểu)

Bản mô tả CTĐT được cập nhật và điều chỉnh những nội dung mới nhất có liên quan của CTĐT. Bên cạnh kiến thức, chương trình còn thể hiện các kỹ năng mà người học đạt được khi tốt nghiệp **[H2.02.01.03]**. Đồng thời, chương trình được cập nhật, chỉnh sửa trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của GV, của cựu SV, NTD, nhà quản lý nhằm bảo đảm chương trình mang tính thực tiễn, phản ánh nhu cầu xã hội **[H2.02.01.04]**.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin theo quy định và được rà soát, cập nhật phù hợp thực tế phát sinh theo nhu cầu thị trường và trên cơ sở ý kiến khảo sát của các bên liên quan. Ma trận CDR thể hiện rõ mức độ đóng góp của từng học phần trong chương trình và được cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết của từng học phần.

3. *Điểm tồn tại:* Việc lấy ý kiến các BLQ về bản mô tả CTĐT quan chưa định kỳ, bài bản.

4. *Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, KSK phối hợp với P ĐT, QLKH&HTQT chủ động rà soát bản mô tả CTĐT bảo đảm cập nhật gắn liền với yêu cầu thực tiễn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, KSK thực hiện định kỳ 2 năm một lần thực hiện khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, đồng thời phối hợp với phòng ĐT, QLKH&HTQT; phòng KT&ĐBCLGD trong việc chuẩn hoá bản mô tả CTĐT.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. *Mô tả hiện trạng*

Đề cương các học phần của CTĐT được KSK xây dựng theo hướng dẫn tại các văn bản của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHSKĐAHN [H2.02.01.01.DC]. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và thể hiện ở các mục tiêu và CĐR của từng học phần [H2.02.02.01]. 100% đề cương các môn học/học phần trong CTĐT cung cấp đầy đủ thông tin bao gồm: tên đơn vị/ tên GV đảm nhận giảng dạy; tên môn học/học phần; số đơn vị học trình (số tín chỉ tương đương); mục tiêu, CĐR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo [H2.02.02.02].

100% đề cương môn học/học phần được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu. Tất cả những sự điều chỉnh và cập nhật này đều dựa trên ý kiến khảo sát từ GV, SV năm cuối, cựu SV, các nhà quản lý và các NTD nhằm hướng tới mục tiêu giáo dục bám sát nhất với nhu cầu xã hội và đáp ứng được nhu cầu xã hội [H2.02.01.04.DC].

2. *Điểm mạnh*

Đề cương học phần có đầy đủ thông tin và được rà soát, cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

3. *Điểm tồn tại*

Tài liệu tham khảo trong đề cương môn học chưa thực sự phong phú, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, tham khảo, học tập và cập nhật các phong cách biểu diễn, dàn dựng đang ngày một đa dạng trên thế giới. Thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá SV còn đơn giản, chưa cập nhật các nội dung liên quan đến dạy, học trực tuyến.

4. *Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023 - 2024, KSK phối hợp với phòng

ĐT,QLKH&HTQT tiếp tục rà soát, điều chỉnh ĐCCT HP bảo đảm cập nhật phù hợp với mục tiêu của CTĐT và yêu cầu thực tiễn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2023 - 2024, KSK phối hợp với TTTTTV để rà soát tài liệu tham khảo; đề xuất với Ban Giám hiệu bổ sung tài liệu tham khảo; phối hợp với Phòng ĐT,QLKH&HTQT, PKT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch rà soát, bổ sung thông tin để diễn tả chi tiết hơn về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá người học trong các đề cương học phần, đặc biệt đối với hình thức học trực tuyến.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học/ học phần ngành ĐDSK sau khi được chỉnh sửa, bổ sung vào các năm 2018, 2022 [H2.02.01.02.DC] đã được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Để tạo điều kiện cho các BLQ có quan tâm dễ tiếp cận CTĐT và đề cương học phần, KSK đã đăng tải CTĐT và đề cương chi tiết môn học của các khóa lên website của Trường, sổ tay sinh viên [H1.01.03.05.DC].

Bên cạnh đó, những điều chỉnh trong bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được Nhà trường thông báo cho cán bộ GV và SV, niêm yết công khai bản mô tả CTĐT tại bảng tin của Khoa. Những điều chỉnh đều được cập nhật trên website của Nhà trường để CB, GV, NH và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành học biết và thực hiện [H2.02.03.01].

Bên cạnh đó, Phòng ĐT,QLKH & HTQT (bộ phận tuyển sinh), KSK còn hỗ trợ tư vấn trực tuyến qua điện thoại và fanpage về các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo, tuyển sinh [H2.02.03.02.DC]. Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần bằng nhiều hình thức trên đã giúp SV nắm được các học phần có thể xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học [H2.02.03.03].

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần đã bảo đảm tính công khai, dễ hiểu và dễ tiếp cận không chỉ đối với CB, GV của Trường mà các BLQ như NTD đều dễ dàng tiếp cận và tham khảo [H2.02.03.04] [H2.02.03.05], [H2.02.03.06].

2. Điểm mạnh:

Thông tin trong bản mô tả CTĐT và các ĐCCT học phần được công bố rộng rãi và công khai qua nhiều kênh khác nhau, tạo điều kiện cho các BLQ dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại: Chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các BLQ đối với bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần.

4. Kế hoạch hành động:

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, KSK phối hợp với P. ĐT,QLKH&HTQT; P. CTHSSV tiếp tục công bố rộng rãi và công khai bản mô tả CTĐT và các ĐCCT học phần lên website của Trường, của Khoa hoặc triển khai cách thức công khai khác nhau để tạo điều kiện cho các BLQ dễ dàng tiếp cận bằng cách truy cập trang Web của Trường hoặc tham gia thực hiện các khảo sát, đánh giá CTĐT và ĐCCT học phần.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, KSK phối hợp với P. KT&ĐBCLGD, P. CTHSSV, P. ĐT,QLKH& HTQT xây dựng cơ chế đánh giá mức tiếp cận của các BLQ đối với bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần. Sau đó tổ chức đánh giá hằng năm về mức độ tiếp cận của các BLQ đối với CTĐT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

CTĐT ngành ĐDSK của KSK có bản mô tả CTĐT và các ĐCCT học phần được xây dựng, điều chỉnh, cập nhật định kỳ và theo xu hướng mới về đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực sân khấu, kịch, điện ảnh, truyền hình. Các thông tin trong bản mô tả CTĐT được công bố công khai, đầy đủ, rộng rãi và kịp thời. Quá trình xây dựng, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật CTĐT đều căn cứ theo quy định chung của Bộ GD&ĐT. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của Khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như đóng góp, xây dựng của hội đồng khoa học Khoa, cựu SV, GV, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Bản mô tả CTĐT được cụ thể hóa trong các ĐCCT học phần của chương trình. ĐCCT học phần được chuẩn hóa theo quy định của Trường ĐHSKĐAHN. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá... của học phần đều được cung cấp đầy đủ, được công bố công khai và dễ tiếp cận để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học.

Tuy nhiên KSK chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các BLQ đối với CTĐT, do đó số lượng các BLQ phản hồi về bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần chưa được chuyên sâu.

Điểm mạnh nổi bật: Bản mô tả CTĐT được xác định rõ ràng, mang tính khoa học, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, phản ánh được yêu cầu của các BLQ, có đối sánh với trường đại học nước ngoài.

Điểm tồn tại cơ bản: Số lượng nhà tuyển dụng, nhà khoa học tham gia vào công tác xây dựng bản mô tả cũng như nội dung CTĐT chưa nhiều và chưa thường xuyên.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 2: Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí đạt, trong đó cả 3 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình dạy học ngành ĐDSK được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định về CTĐT của Bộ GD&ĐT với các yêu cầu về hình thức, mục tiêu, CĐR của CTĐT trình độ đại học. CTDH được cấu trúc hợp lý và có hệ thống. Nội dung chương trình dạy học được thiết kế căn cứ vào mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Mỗi học phần có đóng góp rõ ràng cho việc đạt được CĐR. Các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau để bảo đảm đạt được CĐR. Các học phần trong CTĐT được sắp xếp cụ thể theo từng học kỳ, bảo đảm tính hợp lý và logic đồng thời bảo đảm mỗi học phần đều đáp ứng một hoặc nhiều tiêu chí trong CĐR. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc khoa học, logic, theo trình tự từ thấp lên cao và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Nội dung chương trình được cập nhật thông qua các lần chỉnh sửa, rà soát CTĐT nhằm bảo đảm tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể cũng như CTĐT tổng thể.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2018, CTDH ngành ĐDSK được thiết kế dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm [H3.03.01.01]. Đồng thời, việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của NH của tất cả các môn học/học phần trong CTDH là phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, cụ thể như sau:

CTDH của ngành ĐDSK được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, cụ thể: Chương trình được xây dựng và điều chỉnh dựa trên các ý kiến đóng góp của GV trong bộ môn, Hội đồng khoa học Khoa, kết quả phản hồi của các bên liên quan [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H2.02.01.01.DC] để đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR. Chương trình dạy học bảo đảm việc đạt được CĐR của ngành ĐDSK thể hiện cụ thể thông qua bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần, ma trận kỹ năng; hồ sơ giảng dạy của GV; tài liệu bài giảng [H3.03.01.04] và mô tả chuẩn đầu ra của CTĐT gồm: mục tiêu đào tạo; CĐR của ngành và CĐR của mỗi học phần; nội dung đào tạo; phương pháp kiểm tra đánh giá NH và thời lượng đào tạo của ngành và mỗi học phần [H2.02.01.02. DC].

CTDH phù hợp với mục tiêu của CTĐT, thể hiện trong nội dung từng học phần và từng khối kiến thức. Bảo đảm các học phần bổ sung, hỗ trợ nhau và liên quan chặt chẽ với nhau, đan xen quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng. Trình tự thực hiện các khối kiến thức và các học phần đạt CĐR một cách tối ưu. Cụ thể, CTĐT của ngành ĐDSK hiện nay được thiết kế gồm 35 đầu môn học trên tổng số 146 tín chỉ (tương đương 2920 tiết học), tập trung vào các khối kiến thức chung đại

cương, khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành; vở diễn tốt nghiệp. Bên cạnh đó là các học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng. Chủ đề của CDR CTĐT bám sát 4 trụ cột chính là khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp. Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các môn học/học phần trong CTĐT ngành ĐDSK phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CDR, điều này được thể hiện rất chi tiết và rõ ràng ở bản mô tả CTĐT và bản mô tả học phần [H2.02.01.02. DC]. Bên cạnh đó, kế hoạch giảng dạy của Nhà trường thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH [H3.03.01.05].

2. Điểm mạnh

Cấu trúc của CTDH trình độ đại học ngành ĐDSK được thiết kế bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức chung, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành nhằm đạt mục tiêu của CDR. Các ĐCCT trong từng học phần đều thể hiện tính gắn kết giữa dạy - học và đánh giá để đạt được CDR.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi về CTDH chưa được rộng rãi, định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024 trở đi, KSK phối hợp với Phòng ĐT, QLKH & HTQT định kỳ 2 năm 1 lần rà soát cấu trúc CTDH bảo đảm phát huy tính gắn kết chặt chẽ giữa dạy – học nhằm đạt được CDR ngày một cao hơn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024 trở đi, KSK phối hợp với Phòng ĐT, QLKH & HTQT, PKT&ĐBCLGD, P CTHSSV định kỳ 2 năm 1 lần tổ chức lấy ý kiến đóng góp và phản hồi của các BLQ (nhà sử dụng lao động, GV, SV, người học đã tốt nghiệp, ...) về CTDH để điều chỉnh, xây dựng CTDH ngày càng hoàn thiện hơn. Đồng thời, từ năm học 2023-2024, KSK tăng cường công tác dự giờ, tổ chức hoạt động semina cấp Khoa và Bộ môn nhằm nâng cao hiệu quả việc triển khai nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá ở tất cả các học phần; thực hiện đối sánh, đánh giá về hiệu quả của CTĐT sau khi thực hiện rà soát, bổ sung, sửa đổi.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ 100% các môn học, học phần trong chương trình dạy học có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CDR. Cụ thể, mỗi học phần được phân nhiệm theo ma trận CDR của CTĐT, trên cơ sở đó cụ thể hóa các mục tiêu và và CDR chi tiết của từng học phần nhằm đáp ứng

CĐR được phân nhiệm. Các học phần xác định rõ nội dung, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để bảo đảm việc đạt được CĐR. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy được chi tiết hóa và ứng với từng chủ đề CĐR của học phần. Các học phần theo các khối kiến thức (kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành) được phân chia theo nội dung giảng dạy, thời lượng, thời gian giảng dạy phù hợp theo khung của CTĐT và dựa trên cơ sở của độ khó học phần để phân nhiệm mục tiêu học phần cần đạt theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp cụ thể đã xác định trong CTĐT [**H3.03.02.01**] (Xem thêm Phần phụ lục – Bảng 10).

Mặt khác, 100% các môn học, học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đạt được CĐR, cụ thể: Tất cả các học phần trong CTĐT đều có ĐCCT, do GV của các bộ môn biên soạn theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với CĐR của CTĐT. Mỗi ĐCCT đều có đầy đủ thông tin về đơn vị đào tạo, thông tin về học phần, thông tin về tổ chức dạy và học; mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần, giáo trình sử dụng và danh mục tài liệu tham khảo [**H3.03.02.02**] [**H2.02.02.02.DC**].

Thông qua việc kiểm tra, đánh giá điểm quá trình, điểm kết thúc học phần và điểm bài tốt nghiệp của các SV để đo lường mức độ đạt được chuẩn kiến thức của mỗi môn học cơ bản đã đạt yêu cầu, chứng tỏ mỗi học phần đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được CĐR của chương trình [**H3.03.02.03**].

Tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ, nhất là ý kiến của các nhà sử dụng lao động về CĐR và CTDH đạt CĐR chưa được thực hiện định kỳ và rộng rãi.

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH được cấu trúc thành từng khối gắn kết giữa các kiến thức chung, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành. Nội dung chi tiết của từng học phần trong chương trình dạy học thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần, phương pháp đánh giá và thể hiện được sự gắn kết của học phần với các học phần trong các khối kiến thức khác bảo đảm quá trình dạy - học và có nội dung bao trùm các CĐR của chương trình dạy học.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt ý kiến của các NTD thực hiện chưa thường xuyên.

CTĐT ngành ĐDSK chưa thực hiện định kỳ tự đánh giá, điều này ảnh hưởng đến việc rà soát, bổ sung kịp thời các nội dung còn thiếu để đạt được CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Năm 2024, KSK phối hợp với P ĐTQLKH&HTQT xây dựng

kế hoạch cải tiến CTDH thể hiện rõ hơn mục tiêu, yêu cầu của học phần, hoàn thiện hơn nữa phương pháp đánh giá nhằm bảo đảm quá trình dạy - học đạt được mục tiêu đề ra.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024 trở đi, định kỳ 2 năm 1 lần, KSK phối hợp với P. CTHSSV, P. ĐTQLKH&HTQT, PKT&ĐBCLGD tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan trong việc hoàn thiện CTDH. Từ năm 2024, bám sát yêu cầu của Thông tư 17/2021/TT-BỘ GD&ĐT ngày 22/6/2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học để tiến hành rà soát, điều chỉnh CTDH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

Các học phần trong CTDH trình độ đại học ngành ĐDSK được cấu trúc bảo đảm sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, bảo đảm chương trình thành một khối thống nhất, cụ thể:

Từ năm học 2023-2024, chương trình dạy học ngành ĐDSK có phương thức đào tạo theo tín chỉ, với cấu trúc và trình tự logic hơn những năm trước đó. Cụ thể, khối kiến thức đại cương gồm 14 học phần tương đương 37 tín chỉ, chiếm 22% tổng số học trình tương đương tín chỉ của CTĐT; khối kiến thức cơ sở ngành gồm 14 học phần tương đương 38 tín chỉ, chiếm 11%; kiến thức chuyên ngành gồm 7 học phần tương đương 71 tín chỉ, chiếm 59%; các học phần thuộc khối kiến thức đại cương được tiến hành từ học kỳ I đến học kỳ VII; khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được tiến hành từ học kỳ I đến học kỳ VIII bảo đảm tính hợp lý và logic; thực tập chuyên ngành được tiến hành vào kỳ VII [H3.03.02.01.DC] [H3.03.03.01].(Xem thêm Phụ lục: Bảng 12 – Danh mục bảng biểu)

100% các môn học, học phần trong chương trình dạy học được bố trí hợp lý (học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/ học kỳ thực hiện) [H3.03.03.02].

CTDH ngành ĐDSK được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật vào năm 2020, năm học 2022-2023 tiếp tục được rà soát và điều chỉnh [H3.03.03.03]. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo với phương pháp huấn luyện diễn viên của Tadashi Suzuki (môn tiếng nói, hình thể) [H3.03.03.04] bảo đảm tính linh hoạt và tích hợp.

2. Điểm mạnh

CTDH của các học phần trong CTĐT ngành ĐDSK có cấu trúc bảo đảm sự gắn kết liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng

của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các quy định trong CĐR của CTĐT ngành ĐDSK.

3. Điểm tồn tại

CTDH chưa được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật định kỳ theo quy định (tối thiểu 2 năm một lần); chưa lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về hiệu quả của CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, KSK phối hợp với PKT&ĐBCLGD, PCTHSSV xây dựng kế hoạch về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm đánh giá một cách toàn diện hơn về hiệu quả triển khai chương trình dạy học ngành ĐDSK để kịp thời có những điều chỉnh, cải tiến CTDH, đáp ứng yêu cầu của xã hội và NTD. Bên cạnh đó, ban lãnh đạo Khoa tập trung chỉ đạo các GV thực hiện CTDH phải thường xuyên trao đổi thông tin để biết các nội dung cần điều chỉnh nhằm đạt được mục tiêu học phần và các tuyên bố của CĐR CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024 trở đi, KSK phối hợp với Phòng ĐT, QLKH & HTQT định kỳ ít nhất 2 năm 1 lần tổ chức rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CTDH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

CTDH xác định rõ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của mỗi học phần trong việc đạt CĐR, nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần cũng được xác định rõ. Cấu trúc, trình tự của các học phần theo các nhóm kiến thức chung, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành, bài tốt nghiệp được sắp xếp cụ thể theo từng học kỳ có tính logic cao. Các học phần và nội dung học phần có hệ thống tích hợp liên quan chặt chẽ với nhau được thiết kế và mô tả trong chương trình. Nội dung chương trình được cập nhật thông qua việc đối sánh với một số CTĐT của nước ngoài; đội ngũ GV được bồi dưỡng và tập huấn ở nước ngoài có sự rà soát và kiểm tra chặt chẽ của Trường ĐHSKĐAHN.

Tuy nhiên việc lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động nhằm phục vụ cho việc điều chỉnh CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, định kỳ.

Điểm mạnh nổi bật: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học của CTĐT ĐDSK được thực hiện khoa học, chặt chẽ, luôn được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, phản ánh được yêu cầu của các BLQ, có đối sánh với trường đại học nước ngoài.

Điểm tồn tại cơ bản: Một số nội dung dạy học liên kết chuyên gia nước ngoài cần phát huy hơn nữa. GV cần làm tốt hơn nữa về trình độ ngoại ngữ để tham gia trong quá trình liên kết đào tạo.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 3: Tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí đạt, trong đó cả 3 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận có vai trò quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng CTĐT. Ngành ĐDSK cũng như nhiều ngành đào tạo khác trong Trường ĐHSKĐAHN chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động thực tập đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT; sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV. Giai đoạn 2018-2023, phương pháp tiếp cận trong dạy và học được GV, SV ngành ĐDSK cập nhật, áp dụng và triển khai tương đối hiệu quả và được rà soát điều chỉnh hằng năm. Năm 2017, Trường ĐHSKĐAHN tuyên bố triết lý giáo dục của Nhà trường là: **“Sáng tạo, chuyên nghiệp; bảo tồn, phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại”**, từ đó trong hoạt động đào tạo của Trường nói chung, ngành ĐDSK nói riêng có sự điều chỉnh, hướng đến mục tiêu đào tạo những con người có đạo đức, trí tuệ, bản lĩnh để tư duy độc lập, chuyên nghiệp; biết sáng tạo để làm giàu những giá trị bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc; có đủ năng lực hội nhập; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại và quảng bá giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam ra thế giới. Giảng viên của Trường/Khoa luôn nỗ lực hết mình triển khai các phương pháp dạy học tích cực, không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, bảo đảm chất lượng đầu ra, được NTD đánh giá cao, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Năm học 2022-2023, CTĐT của ngành ĐDSK được rà soát, các nội dung cơ bản của triết lý giáo dục Nhà trường được đưa vào mục tiêu của CTĐT ngành ĐDSK [H4.04.01.01] [H1.01.01.04.DC] [H2.02.01.01.DC] [H1.01.01.05.DC]. Hoạt động rà soát tập trung chủ yếu vào công tác điều chỉnh khung CTĐT, điều chỉnh phân kỳ của học phần và điều chỉnh bổ sung nội dung giảng dạy [H4.04.01.02] [H3.03.03.02.DC].

KSK đã tiến hành họp bàn về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTĐT, đồng thời tổng hợp ý kiến khảo sát của các BLQ nhằm xây dựng CTĐT cho các ngành của Khoa, trong đó có CTĐT ngành ĐDSK [H4.04.01.03] [H4.04.01.04].

KSK đã xây dựng mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức; kỹ năng lập luận ngành; phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của xã hội và NTD trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Triết lý giáo dục được tuyên bố trong CĐR của CTĐT ngành ĐDSK được cụ thể hóa trong từng ĐCCT học phần và được phổ biến cho toàn thể CBGV, NH, NTD và toàn xã hội [H4.04.01.05] [H1.01.01.05.DC].

Đối với GV, triết lý giáo dục cũng như mục tiêu đào tạo và CĐR được các GV thấm nhuần trong quá trình xây dựng CTĐT, xây dựng bản mô tả CTĐT bảo đảm tính logic của những học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương học phần

[H4.04.01.06].

Đối với SV, ngay từ khi SV năm thứ nhất nhập trường, triết lý giáo dục được phổ biến tới SV trong đợt học chính trị đầu năm dành cho tân SV, đồng thời giới thiệu về ngành đào tạo; mục tiêu đào tạo ngành ĐDSK cho SV của Khoa. Ngoài ra, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (ĐTNCSHCM) cũng tổ chức các buổi tọa đàm và đối thoại giúp SV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động, tích cực của SV trong quá trình học tập [H4.04.01.07].

Hàng năm, công tác lấy ý kiến phản hồi của SV cuối khóa về các hoạt động của Nhà trường, ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV Trường, Khoa cũng như việc lấy ý kiến của các BLQ về triết lý giáo dục được tiến hành khảo sát đo lường về mức độ hài lòng. Kết quả khảo sát đối với triết lý giáo dục của CTĐT ngành, hoạt động dạy-học của GV, SV Khoa được đánh giá từ mức hài lòng trở lên [H4.04.01.08].

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới SV và GV thông qua nhiều hình thức như đăng tải trên website Trường, sổ tay sinh viên, hội thảo xây dựng CTĐT v.v... Đội ngũ CB, GV hiểu rõ mục tiêu giáo dục và thống nhất hành động để hiện thực hóa mục tiêu này.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù triết lý giáo dục/ mục tiêu của CTĐT được công bố đến các BLQ, nhưng mới chỉ giới hạn ở một số đơn vị (nhà tuyển dụng chỉ được giới thiệu mục tiêu giáo dục khi tham gia giảng dạy, xây dựng CTĐT hoặc tham dự các buổi hội thảo, hội nghị hoặc các cuộc họp rà soát CTĐT). Nhà trường chưa nhận được nhiều phản hồi của các NTD trong cả nước.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024 trở đi, KSK phối hợp với P.ĐT, QLKH&HTQT tiếp tục thực hiện các kế hoạch truyền thông về CTĐT của Khoa để thường xuyên chuyển tải triết lý/ mục tiêu giáo dục của Trường/ Khoa đến các BLQ; tổ chức nghiên cứu mức độ tiếp nhận triết lý và mục tiêu giáo dục từ các BLQ để cải tiến và đa dạng hơn các phương thức truyền thông cho nội dung này.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2023-2024, định kỳ 02 năm một lần, KSK phối hợp với P.ĐTQLKH&HTQT, Viện Sân khấu - Điện ảnh (VSKĐA) tổ chức ít nhất một buổi tọa đàm với các NTD để giới thiệu về triết lý giáo dục/mục tiêu CTĐT và xin ý kiến góp ý về mục tiêu, chương trình, CDR CTĐT cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho SV kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4 /7)

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Đề đạt được mục tiêu đào tạo và CDR đã được công bố, các hoạt động đào tạo của KSK áp dụng theo các chuẩn chung về CTĐT và đánh giá KQHT theo quy chế của Bộ GD&ĐT. Phương pháp giảng dạy được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR. **[H2.02.02.01.DC][H2.02.02.02.DC][H1.01.02.02.DC][H1.01.02.03.DC][H4.04.02.01].**

CTĐT được Hội đồng khoa học của Khoa cập nhật, bổ sung và điều chỉnh theo định kỳ 2 năm 1 lần, cùng với sự điều chỉnh của toàn Trường nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước **[H4.04.02.02]**. Từ năm học 2022 - 2023, việc rà soát CTĐT, nội dung, phương pháp giảng dạy được tiến hành bài bản, có tính cập nhật, đổi mới **[H4.04.01.06.DC]**.

Từ năm 2022, Bản mô tả CTĐT ngành ĐDSK được xây dựng, ban hành, CTĐT được rà soát và phát triển theo hướng tăng cường phát triển năng lực của người học **[H2.02.01.02. DC]**. Theo đó, CDR CTĐT ngành ĐDSK chú trọng đến nâng cao tỷ lệ thực hành, thực tập rèn nghề cho SV, tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần, đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn thế giới việc làm, đồng thời đưa ra khỏi chương trình những kiến thức cũ, lỗi thời không còn phù hợp **[H2.02.01.03.DC]**.

Các phương pháp dạy - học phổ biến gồm thuyết trình, làm việc nhóm, thực tế xem biểu diễn, áp dụng hệ thống phương pháp đào tạo của một số chuyên gia nước ngoài...; hình thức thi hết môn thường là thực hành dàn dựng biểu diễn sân khấu. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng được hiển thị trong các ĐCCT môn học. Những giờ tự học và thực hành được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học.

Bên cạnh đó, các môn học cơ sở ngành được bố trí song song với các môn kiến thức cơ bản ngay từ những kỳ học đầu tiên (những môn học này sinh viên các ngành được học chung với nhau), điều này giúp cho các sinh viên cân bằng được cảm xúc, thiết lập sự tương tác giữa các sinh viên khác chuyên ngành; giữa việc tiếp cận những kiến thức mang tính lý luận chính trị với những kiến thức đặc thù nghề nghiệp. Việc bố trí các môn học như vậy vừa tạo cho các em có kiến thức mang tính nền tảng lý luận, phương pháp học tập khoa học, vừa giúp các em có hứng thú để tiếp cận với môn học chuyên ngành **[H4.04.02.03]**.

Cách thức GV hướng dẫn NH được đặc biệt chú ý và thay đổi theo mỗi nhóm sinh viên hoặc mỗi sinh viên. Chẳng hạn, trong giảng dạy các môn chuyên ngành, giảng viên phải phát hiện các nhược điểm khác nhau của từng SV hoặc nhóm SV để đưa ra những bài tập phù hợp giúp SV cải thiện các nhược điểm đó đồng thời phát huy các thế mạnh khác của bản thân. NH được tiếp cận chương trình học tập do GV công bố ngay khi bắt đầu môn học, được tham gia các hình thức học tập đa dạng như: Lý thuyết và

thực hành được đan xen lẫn nhau, các bài tập cơ bản và nâng cao được áp dụng triệt để, giúp đạt được CĐR về kỹ năng và thái độ như: Nắm vững phương pháp, quy trình thực hiện và các kỹ năng, kiến thức chuyên ngành ĐDSK, thực hành sáng tạo dàn dựng trên sân khấu. Có năng lực độc lập sáng tạo, dàn dựng các cảnh diễn trong các tác phẩm sân khấu thuộc nhiều thể loại. Có năng lực tham gia biên tập kịch bản, dàn dựng các tiết mục sân khấu (tiểu phẩm, vở kịch), trợ lý đạo diễn cho các đạo diễn chuyên nghiệp, dàn dựng tiết mục sân khấu cho các chương trình truyền hình và sự kiện, lễ hội. Nhanh chóng thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp; có khả năng chịu được áp lực công việc cao. Có khả năng tư duy, tìm kiếm, tổng hợp các sự kiện trong xã hội, các thông tin liên quan đến ngành; phân tích và xử lý thông tin để thực hiện các nhiệm vụ chuyên ngành **[H4.04.02.04]**. Với tỷ lệ 90-97% SV hài lòng về phương pháp giảng dạy của GV cho thấy không có trở ngại nào đối với GV và SV trong việc triển khai các phương pháp dạy để đạt CĐR **[H4.04.02.05]**. Trong quá trình giảng dạy GV đã đa dạng các phương pháp kiểm tra/ đánh giá để đo lường hiệu quả tiếp thu, lĩnh hội kiến thức trong từng môn học, nhằm đạt được CĐR **[H2.02.02.02. DC]**.

NH được tiếp cận chương trình học tập do GV công bố ngay khi bắt đầu môn học, được tham gia các hình thức học tập đa dạng giúp đạt được CĐR **[H4.04.02.06]**. SV tự liên hệ với các cơ sở thực tập để thực hành, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, hằng năm KSK tổ chức Hội thi tài năng sinh viên nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV ĐDSK đáp ứng CĐR của CTĐT, tạo cơ hội cho SV làm quen với công việc trong tương lai, một số SV đã tham gia các hoạt động nghề nghiệp và được xã hội công nhận (nhiều SV đạt giải thưởng về sân khấu không chuyên và chuyên nghiệp) **[H4.04.02.07]**.

Tuy nhiên, tỷ lệ giờ thực hành tại các đơn vị tuyển dụng còn hạn chế, do đặc thù của cơ chế quản lý. Hoạt động khảo sát mức độ hài lòng với tổ hợp công nghệ dạy và học/ các phương pháp dạy và học chưa được triển khai định kỳ, việc đối sánh hiệu quả của các hoạt động dạy và học qua các năm còn hạn chế; hoạt động NCKH trong SV còn chưa rõ nét.

2. Điểm mạnh

Hoạt động dạy và học của CTĐT trình độ đại học ngành ĐDSK kết hợp nhiều phương pháp đa dạng và hiệu quả để đạt được CĐR. Hoạt động dạy và học giúp NH lĩnh hội kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất từ các học phần. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa GV và SV.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa định kỳ khảo sát mức độ hài lòng của NH với tổ hợp công nghệ dạy và học/ các phương pháp dạy và học do đó việc đối sánh hiệu quả của các hoạt động dạy và học qua các năm còn hạn chế; hoạt động NCKH trong SV còn hạn chế; tỷ lệ thời gian cho SV thực hành tại các đơn vị tuyển dụng chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024 trở đi, KSK phối hợp với Phòng ĐT, QLKH & HTQT; VSKĐA tiếp tục đánh giá, cải tiến các phương pháp giảng dạy thông qua các hội thảo, tọa đàm thường niên với các bên liên quan; chú trọng đến phương thức thực tập nhằm tạo cho SV nhiều cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp thực tế và tập huấn cho GV; có nhiều chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH, bồi dưỡng nghề nghiệp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024 trở đi, định kỳ hằng năm, Khoa Sân khấu phối hợp với Phòng KT&ĐBCLGD, Phòng CTHSSV khảo sát mức độ hài lòng của NH với tổ hợp công nghệ dạy và học/ các phương pháp dạy và học. Khoa phối hợp với Phòng CTHSSV xây dựng cụ thể hoá Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT quy định về hoạt động NCKH của sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học. Cải tiến phương thức hợp tác với các cơ sở thực tập, nhằm nâng cao chất lượng thực tập thực tế cho SV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

ĐCCT của từng học phần có mô tả việc sử dụng các phương pháp giảng dạy của GV và phương pháp học tập của sinh viên. Trên các đề cương đều thể hiện các kỹ năng đạt được đối với từng học phần trong CTĐT ngành ĐDSK. Chẳng hạn, các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng đặc thù của chuyên ngành như: phân tích kịch bản, lập kế hoạch đạo diễn, tổ chức sự kiện kịch và hành động, phối hợp với các bộ phận khác (họa sĩ, biên đạo múa, nhạc sĩ)... Các kỹ năng mềm là hành vi ứng xử của mỗi người, là cách tương tác với bạn bè, đồng nghiệp, cách làm việc nhóm như: kỹ năng truyền đạt, thuyết phục, kỹ năng quản lý thời gian; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp, dẫn chương trình. Các kỹ năng hướng tới việc khai thác được tài năng, sự sáng tạo ở mức tối đa của đạo diễn, khích lệ họ bộc lộ hết mình, trăn trở, suy ngẫm với tác phẩm sân khấu của mình [H2.02.01.02.DC][H2.02.02.02. DC][H4.04.03.01].

Tất cả ĐCCT môn học đều cơ cấu rõ tỷ lệ giờ học trên lớp và giờ tự học, qua đó cho thấy các môn học đã tập trung nhấn mạnh hoạt động tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. Bên cạnh đó, khi bắt đầu một môn học, GV giới thiệu và cung cấp cho SV đề cương của môn học đó. Đặc biệt, đề cương giới thiệu chi tiết các tài liệu học tập trong đó chỉ rõ giáo trình chính và các tài liệu tham khảo phục vụ cho môn học. Điều đó tạo cho sinh viên sắp xếp thời gian, nội dung học tập của mình, sinh viên chủ động lên kế hoạch tự học, tự nghiên cứu để thực hiện các mục tiêu của môn học [H2.02.02.02. DC]. Ngoài ra SV có thể tham khảo các bài báo, các NCKH của GV để làm tài liệu tham khảo học tập nghiên cứu chuyên môn.[H4.04.03.02].

SV được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa do ĐTNCSHCM Trường ĐHSKĐAHN tổ chức góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học [H4.04.03.03].

Trong bài giảng, GV đã thiết kế phối hợp và vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp dạy học nhằm tạo được sự vận động phát triển tư duy sáng tạo của SV, giúp SV tham gia chiếm lĩnh bài học một cách hiệu quả nhất. Đồng thời, GV của KSK đã kết hợp sử dụng linh hoạt nhiều hình thức dạy học: dạy lý thuyết, thực hành, thảo luận, sinh viên thuyết trình, học trực tiếp tại sân khấu thể nghiệm (Nhà hát A3) để việc học của SV được sát thực nhất với nghề [H4.04.03.04].

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hằng năm Nhà trường tiến hành rà soát nguồn học liệu, tài liệu giáo trình nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu cập nhật trên thư viện trường, qua đó giúp SV có điều kiện tốt để tự học [H4.04.03.05].

Hằng năm, để chuẩn bị hành trang cho SV khi tốt nghiệp, KSK tổ chức hội thi “Tài năng sinh viên”, tạo điều kiện cho SV ngành ĐDSK được thực tập tại các đoàn kịch, nhà hát, các đơn vị làm phim, các chương trình sự kiện... [H4.04.03.06]. Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV, kết quả tổng hợp phiếu phản hồi cho thấy, mức độ hài lòng của SV về hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy của GV rất cao. Điều này cho thấy GV tham gia giảng dạy luôn sử dụng thành thạo tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.07]. Ngoài ra, Trường và Khoa đã tiến hành khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp ngành ĐDSK, tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm là khá cao [H4.04.03.08].

2. Điểm mạnh

100% ĐCCT các môn học đều mô tả rõ việc sử dụng tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm của NH hiệu quả. GV trong Khoa sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ NH rèn luyện và nâng cao các kỹ năng cần thiết.

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù của nghề ĐDSK đòi hỏi người GV phải có kiến thức chuyên môn sâu rộng, có kinh nghiệm và sự trải nghiệm thực tế, có nghiệp vụ sư phạm tốt. Tỷ lệ GV trẻ của KSK vừa là một điểm mạnh nhưng đồng thời cũng là điểm ảnh hưởng đến hiệu quả khích lệ SV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024 trở đi, KSK tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập để nâng cao kỹ năng cho NH. Phối hợp với PHCTH (TCCB) để xây dựng kế hoạch, chiến lược bồi dưỡng GV trẻ của Khoa.

Khắc phục tồn tại: Khoa tích cực tìm kiếm các dự án đưa chuyên gia nước ngoài đến tập huấn nghiệp vụ cho SV ngành ĐDSK.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Triết lý giáo dục của Trường-Khoa được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH. Bên cạnh đó, vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là hoạt động thực hành và trải nghiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, SV mới tốt nghiệp vẫn cần phải tự có ý thức chuyên tu và học hỏi nhiều từ những đạo diễn hoặc nghệ sĩ gạo cội. Bên cạnh đó, do đặc thù về ngành đào tạo ĐDSK, để đạt hiệu quả cao khi triển khai đa dạng các phương pháp trong đào tạo phụ thuộc rất lớn chất lượng đầu vào của NH; CSVC và trang thiết bị; kỹ năng giảng dạy của GV. Nhìn chung, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành ĐDSK phù hợp, rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng như bài giảng lý thuyết, thực hành, thảo luận, thuyết trình, thực tập, tự học và tự nghiên cứu giúp SV có khả năng học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện; các GV luôn tôn trọng và giúp đỡ NH.

Điểm mạnh nổi bật: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT được xác định rõ ràng, mang tính khoa học cao, phù hợp với triết lý giáo dục, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, phản ánh được yêu cầu của các BLQ, có đối sánh với trường đại học nước ngoài.

Điểm tồn tại cơ bản: Hoạt động thực hành và hoạt động trải nghiệm thực tiễn cho người học chưa nhiều. Việc tập huấn với chuyên gia nước ngoài còn hạn chế.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 4: Tiêu chuẩn 4 có 4 tiêu chí đạt, trong đó cả 4 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá KQHT của NH là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục đại học. Trong CTĐT ngành ĐDSK, hoạt động đánh giá KQHT của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt CĐR. Các quy định cụ thể về đánh giá KQHT của NH đầy đủ, rõ ràng và được thông báo công khai tới NH. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. NH được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời KQHT và tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Đánh giá KQHT của NH là một quá trình liên tục trong suốt khóa học. Với mục tiêu bảo đảm CĐR cho NH, Trường đã xây dựng các quy định đánh giá KQHT của SV từ giai đoạn tuyển sinh đầu vào đến khi hoàn thành bài tốt nghiệp.

Trường ĐHSKĐAHN thực hiện đánh giá đầu vào đối với người học ngành ĐDSK theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng của Trường. Quy trình tuyển sinh được thực hiện minh bạch, công bằng và đúng quy định từ khâu công bố chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức thi đến khâu chấm thi và công nhận kết quả tuyển sinh [H5.05.01.01], đồng thời có các quy định về tuyển sinh đầu vào hệ đào tạo liên thông, văn bằng 2, tuyển sinh đào tạo hệ chất lượng cao [H5.05.01.02].

Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập SV ngành ĐDSK được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy của BGDĐT và của Trường ĐHSKĐAHN [H5.05.01.03].

Tổ hợp các phương pháp đánh giá hồ sơ học tập của SV được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm bảo đảm khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR, bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, tiểu luận, v.v... tùy theo đặc thù từng học phần và chiếm 20% trọng số điểm của mỗi học phần [H2.02.01.02. DC][H2.02.01.01.DC]. Các phương pháp kiểm tra đánh giá gắn với CĐR của học phần về kiến thức, kỹ năng tương ứng, trong đó có kỹ năng cơ bản về nghệ thuật đạo diễn như: phân tích kịch bản, xác định “Nhiệm vụ tối cao” và “Hành động xuyên” xử lý các sự kiện, xây dựng hình tượng vở diễn... nhằm bảo đảm tính chân thực trong dàn dựng, tính tích cực, cách triển khai và ý nghĩa của hành động. v.v... Tất cả các học phần đều có ĐCCT quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá, các đầu điểm và tỷ trọng của các đầu điểm thành phần như sau: điểm chuyên cần và thái độ học tập (10%), điểm kiểm tra giữa kỳ (30%), điểm thi hết học phần (60%) [H5.05.01.04].

Trường ĐHSKĐAHN và KSK có văn bản hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, tiêu chí đánh giá KQHT và các quy định về điều kiện tốt nghiệp. Mô tả quy trình thi tốt nghiệp...[H5.05.01.05].

Tuy nhiên, Trường chưa khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thi, kiểm tra đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp với đặc thù đào tạo của chuyên ngành ĐDSK.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có quy định về đánh giá KQHT của NH. Về cơ bản các phương pháp đánh giá các học phần đều hướng đến đạt CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để đánh giá mức độ khó, dễ, phù hợp của các hình thức kiểm tra-thi nhằm bảo đảm khả năng đo lường mức đạt được CĐR và có hướng điều chỉnh cho phù hợp trong quá trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, KSK phối hợp PKT&ĐBCLGD, PĐT,QLKH&HTQT rà soát hình thức kiểm tra đánh giá nhằm bảo đảm mức độ phù hợp với nội dung giảng dạy và CĐR, đồng thời phân tích đánh giá KQHT của NH để điều

chỉnh phù hợp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024 trở đi, KSK phối hợp với Phòng KT&ĐBCLGD tổ chức thống kê phân tích định lượng các kết quả kiểm tra-thi của NH để đánh giá mức độ phù hợp của các hình thức kiểm tra-thi nhằm bảo đảm khả năng đo lường mức đạt được CDR và có hướng điều chỉnh cho phù hợp.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. *Mô tả hiện trạng*

Các quy định về đánh giá KQHT của người học ngành ĐDSK được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo của BGDĐT và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ, phù hợp với phương thức đào tạo theo hình thức niên chế kết hợp tín chỉ của Nhà trường [H2.02.02.DC] [H5.05.01.03.DC]. Bên cạnh đó, các nội dung về đánh giá KQHT của NH được thiết kế phiếu chấm/ phiếu đánh giá cụ thể, rõ ràng. Đề thi kèm tiêu chí đánh giá được các GV công bố công khai đến SV và lưu tại hồ sơ của Khoa. Các bài thi của sinh viên (video hoặc bài viết) đều được lưu theo quy định [H5.05.02.01].

Hoạt động đào tạo một đạo diễn sân khấu là một hoạt động đặc thù, do đó, các phương pháp đánh giá cũng rất đa dạng [H3.03.02.02.DC]. Với công việc chuyên môn của đạo diễn sân khấu, có nhiều thang bậc đánh giá được cụ thể trong ĐCCT học phần và yêu cầu cụ thể trong đáp án đề thi/ tiêu chí chấm thi đối với từng kịch bản/vở diễn hoặc yêu cầu của hội đồng chấm thi tốt nghiệp [H5.05.02.02]. Đối với SV ĐDSK, việc nghiên cứu kịch bản tốt nghiệp, xây dựng tiểu luận tốt nghiệp là một trong những kỹ năng đòi hỏi SV phải đầu tư rèn luyện để sáng tạo, GV cũng cần có kỹ năng để đánh giá được nội dung này khi đào tạo cho SV [H5.05.02.03]. Các thông tin về quy định đánh giá KQHT của NH còn được cung cấp trong sổ tay sinh viên từ đầu khóa học trong đó có hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi-kiểm tra [H5.05.02.04]. Ngoài ra, sinh viên ngành ĐDSK được phổ biến trực tiếp quy chế kiểm tra đánh giá, điều kiện tốt nghiệp, v.v... từ trợ lý Khoa và GV chủ nhiệm của Khoa. Bên cạnh đó, các thông tin, quy định về kiểm tra đánh giá các môn học được GV thông báo đến SV thông qua việc giới thiệu ĐCCT môn học, quy định về kiểm tra đánh giá môn học ngay từ buổi học đầu tiên của mỗi môn học, đồng thời hoạt động lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV cũng được thực hiện định kỳ. [H5.05.02.05]. Trường có đầy đủ các quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, phúc khảo và các nội dung liên quan trong các kỳ thi được công bố công khai cho NH trước mỗi khóa học. Tuy nhiên, Trường chưa có cơ chế đánh giá việc nhận thông tin và hiểu rõ quy định về đánh giá KQHT của NH.

2. Điểm mạnh

Các quy định về kiểm tra đánh giá KQHT của NH theo CTĐT ĐDSK là rõ ràng và được thông báo công khai tới NH. Các tiêu chí đánh giá đa số theo hướng thực hành nên phù hợp với nghiệp vụ đạo diễn. Tính hội nhập với sân khấu quốc tế ngày càng được chú trọng.

3. Điểm tồn tại

Chưa có cơ chế đánh giá việc nhận thông tin và hiểu rõ quy định về đánh giá KQHT của NH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, KSK phối hợp với Phòng ĐT, QLKH & HTQT, Phòng KT& ĐBCLGD tiếp tục rà soát quy định, quy trình về đánh giá KQHT của NH và công khai. Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học để ban hành những quy định về kiểm tra đánh giá KQHT của NH.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, KSK phối hợp với P. ĐT, QLKH & HTQT, Phòng KT& ĐBCLGD lên kế hoạch về việc xây dựng **cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận và hiểu thông tin của SV để tăng cường kênh thông tin đến SV**; khảo sát mức độ tiếp cận các biện pháp đánh giá KQHT của NH trong điều kiện học trực tuyến để có cơ sở xây dựng những quy định cụ thể về đánh giá KQHT trực tuyến.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng.

Với mục tiêu giúp NH nhận thức đúng đắn về kết quả học tập của bản thân, cũng như tạo điều kiện tối đa cho NH phát huy kỹ năng và kiến thức, phương pháp đánh giá KQHT đối với sinh viên ngành ĐDSK được xây dựng đa dạng, bảo đảm có giá trị, công bằng và đáng tin cậy. Giai đoạn 2018-2023, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học gồm đánh giá mức độ chuyên cần của NH trên lớp (10%), kiểm tra giữa học phần (30%) và thi kết thúc học phần (60%). Mức độ chuyên cần được đánh giá trong suốt mỗi kỳ học, theo đó SV phải tham dự tối thiểu 75 % giờ học trên lớp; tích cực tham gia các hoạt động tại lớp học và làm bài tập ở nhà do GV yêu cầu; kiểm tra học phần được thực hiện vào thời điểm giữa của học kỳ theo hình thức thực hành hoặc tự luận, hoặc kết hợp cả 2 hình thức này. Phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của NH được thực hiện theo quy chế đào tạo; Quy định về công tác khảo thí; các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường ĐHSKĐAHN [H5.05.03.01].

Về độ đa dạng, các phương pháp đánh giá được thực hiện tùy theo từng học phần

trong chương trình dạy học và được thống nhất trong tổ bộ môn, được ghi rõ trong đề cương môn học/học phần (đã được phê duyệt); được cụ thể hóa theo các mẫu đánh giá và được áp dụng trong CTDH [H2.02.01.02.DC] [H2.02.02.02.DC] [H5.05.03.02]. Tùy thuộc nội hàm của học phần là lý thuyết thuần túy hay có ứng dụng thực tế, khi đó, phương pháp đánh giá được GV lựa chọn và thực hiện theo đề cương; quy định thi kết thúc học phần. Hình thức kiểm tra đa dạng: như bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thuyết trình nhóm, bài tập theo dự án, viết báo cáo, tiểu luận và có các tiêu chí đánh giá cụ thể, logic và bám sát CĐR của học phần và CTĐT [H1.01.01.03.DC]. Các học phần chuyên ngành đều thực hiện đánh giá thông qua hình thức thực hành (dàn dựng vở diễn/ trích đoạn...) [H5.05.03.03].

Về độ giá trị, GV giảng dạy học phần nào sẽ chịu trách nhiệm biên soạn đề thi/đề xuất vở diễn/trích đoạn để kết thúc học phần, các hoạt động này đều dựa trên các quy định thống nhất của Nhà trường. Các GV căn cứ đặc điểm của môn học để đề ra tiêu chí chấm, chẳng hạn với môn ĐDSK, trước hết GV mô tả về nguyên lý phương pháp, nêu dẫn chứng trong các vở diễn; sau đó hướng dẫn SV thực hành từng bước; trong quá trình SV thực hành, GV quan sát và đưa ra góp ý/hướng dẫn; sau mỗi giai đoạn sẽ đánh giá độ thuần thực trong việc thực hiện kỹ thuật dàn dựng để đưa ra các đề xuất tiếp theo với mức độ khó tăng dần, đề thi sẽ được các GV biên soạn dựa vào ĐCCT trong đó có những đặc điểm cụ thể của từng môn học để biên soạn đề thi được sát nhất. Mỗi học phần đều có nội dung ôn tập và bao quát nội dung học phần sau khi được Bộ môn phê duyệt, bảo đảm từng nội dung đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong ĐCCT học phần và bám sát mục tiêu, CĐR của học phần và CTĐT. [H5.05.03.04] [H2.02.02.02.DC].

Bài thi viết của SV được chấm chi tiết theo đáp án; việc chấm thi được thực hiện bởi ít nhất 02 GV. Đặc biệt, với các môn chuyên môn thi thực hành, GV trong Khoa đều tham gia buổi báo cáo (như một Ban Giám khảo) và đưa ra ý kiến góp ý đối với người học để bảo đảm độ tin cậy và sự công bằng đối với NH. Các bài tập thi kết thúc học phần đều được SV, KSK lưu trữ. [H5.05.03.05].

Đối với những môn học có đề thi tự luận, GV biên soạn bộ câu hỏi ôn tập cho mỗi môn học. Bộ câu hỏi này được gửi về tiểu ban chuyên môn đánh giá để bảo đảm từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong đề cương môn học [H5.05.03.06], được các bộ môn phê duyệt và Phòng KT&ĐBCLGD của Trường lưu trữ dưới dạng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, được thẩm định trước khi đưa vào sử dụng [H5.05.03.07].

Về độ tin cậy và sự công bằng, mỗi đề thi đều có đáp án/tiêu chí chấm tương ứng với số điểm chi tiết được Bộ môn phê duyệt để bảo đảm tính hiệu lực đánh giá trước khi chuyển về phòng KT&ĐBCLGD. Đồng thời GV phải chấm thi theo hướng dẫn cụ thể trong quy định về thi kết thúc học phần của Trường [H5.05.01.03.DC] [H5.05.02.01.DC].

Ngoài ra, để đánh giá KQHT được chính xác, quy trình chấm thi được thực hiện

với sự tham gia của ít nhất hai GV chuyên môn dưới sự giám sát của PĐT,QLKH&HTQT để bảo đảm độ tin cậy và sự công bằng đối với NH. Bên cạnh đó, trước khi xét điều kiện lên lớp hoặc tốt nghiệp, KQHT của NH còn được rà soát để tránh những sai sót trong quá trình nhập điểm. **[H5.05.03.08]**.

Tuy nhiên, việc khảo sát về các phương pháp đánh giá KQHT của NH từ các BLQ chưa đa dạng (mới dừng lại ở việc lấy ý kiến phản hồi của NH), chưa đo lường độ tin cậy và độ giá trị của công tác đánh giá KQHT của NH.

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá KQHT của NH được thực hiện theo đúng quy định, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, bảo đảm nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CDR của CTĐT. Trường chưa ghi nhận trường hợp SV khiếu nại (bằng văn bản chính thức) về kiểm tra đánh giá.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện sơ kết, tổng kết về hiệu quả sử dụng tổ hợp các hình thức kiểm tra đánh giá trong quá trình giảng dạy; hoạt động kiểm tra, đánh giá chưa được lấy ý kiến rộng rãi sự phản hồi của các BLQ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, KSK phối hợp với P. ĐT,QLKH&HTQT, P. KT&ĐBCLGD tiếp tục thực hiện các quy định về đánh giá KQHT của NH; chủ động cập nhật các phương pháp kiểm tra đánh giá trong bối cảnh học trực tuyến (nếu có các hoàn cảnh bắt buộc phải học trực tuyến).

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, KSK phối hợp với các phòng chức năng; VSKĐA tổ chức hội thảo, tọa đàm để lấy ý kiến về độ tin cậy và độ giá trị của công tác đánh giá KQHT của NH, đồng thời lên kế hoạch nghiên cứu xây dựng các phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm tạo điều kiện cho NH nhanh chóng biết được kết quả đánh giá để có kế hoạch điều chỉnh học tập của bản thân, Trường có quy định về thời gian GV chấm bài, đồng thời công bố kết quả đánh giá, thời gian phản hồi khiếu nại của NH về kết quả đánh giá, bên cạnh đó mỗi năm học/ học kỳ, Nhà trường/ Khoa đều xây dựng kế hoạch học tập ngay từ đầu mỗi năm học/học kỳ **[H5.05.01.03.DC][H5.05.02.01.DC][H5.05.04.01]**. Điểm đánh giá ý thực học tập và điểm đánh giá giữa kỳ được thông báo công khai cho SV ngay khi kết thúc giảng dạy học phần; điểm thi kết thúc học phần được

thông báo công khai cho SV qua ban cán sự lớp, GVCN trên bảng thông báo tại văn phòng Khoa; công khai trên website, fanpage của Khoa/Trường. **[H5.05.04.02]**.

Người học nắm rõ quy trình kiểm tra đánh giá, quy định về phản hồi KQHT và phúc khảo, khiếu nại/kiểm tra KQHT thông qua sổ tay sinh viên và quy định về công tác khảo thí **[H1.01.03.05.DC][H5.05.01.03.DC][H5.05.04.03]**. Việc thông báo kết quả điểm kiểm tra giữa kỳ được GV tiến hành kịp thời, đồng thời có nhận xét đánh giá kết quả kiểm tra của SV để SV nhận diện được những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân đối với học phần qua đó lập kế hoạch cải tiến KQHT. Trong trường hợp SV chưa hài lòng với kết quả đánh giá thì GV sẽ lập luận, phân tích điểm của SV theo tiêu chí đánh giá để SV nhận ra các điểm yếu cần cải thiện, hoặc lấy ý kiến của tập thể lớp để làm cơ sở điều chỉnh điểm cho SV... bảo đảm tính công bằng và hợp lý trong cách đánh giá. **[H5.05.04.04]**.

Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức các cuộc thanh tra công tác đào tạo, trong đó có nội dung liên quan đến việc GV thực hiện quy định về phản hồi KQHT cho NH theo đúng thời gian, tiến độ trong kế hoạch giảng dạy của GV **[H5.05.04.05]**.

Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với KSK tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV (trong đó có nội dung về mức độ hài lòng đối với phương pháp kiểm tra đánh giá, thông báo kết quả thi, mức độ hài lòng về kết quả học tập và hoạt động hỗ trợ NH của GV). Kết quả phản hồi của SV về các nội dung trên thường đạt mức hài lòng trở lên và được gửi đến lãnh đạo Khoa, Trưởng Bộ môn và từng GV của Bộ môn **[H5.05.04.06]**.

2. Điểm mạnh

KQHT được thông báo kịp thời đến NH và công bố công khai theo thời gian quy định, giúp NH có kế hoạch cải thiện việc học tập. Khoa, GVCN, cán bộ chuyên trách thường xuyên gặp gỡ để lắng nghe phản hồi và tháo gỡ khó khăn liên quan đến kết quả học tập của SV trong quá trình học.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa thường xuyên lấy ý kiến của NH cũng như các BLQ (nhất là cựu SV) về cách thức, thời gian phản hồi KQHT dưới nhiều hình thức khác nhau.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, KSK phối hợp với các phòng chức năng: P.KT&ĐBCLGD, PĐT, QLKH&HTQT, P. CTHSSV tiếp tục thực hiện đúng quy định về công bố KQHT của NH; rà soát quy trình công bố KQHT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, KSK phối hợp với phòng KT&ĐBCLGD, PĐT, QLKH&HTQT định kỳ 2 năm 1 lần thực hiện khảo sát lấy ý kiến của NH, cựu NH về cách thức; thời gian phản hồi KQHT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐH SKĐAHN có các quy định về quy trình/thủ tục khiếu nại KQHT và công bố công khai để NH dễ dàng tiếp cận **[H5.05.05.01]**. Các quy định về quy trình khiếu nại KQHT được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như giới thiệu trong chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa; đối thoại trực tiếp giữa SV với lãnh đạo Nhà trường, sổ tay sinh viên, trang thông tin điện tử của Trường **[H5.05.05.02]** **[H1.01.03.05.DC]** **[H1.01.01.05.DC]**, theo đó SV có quyền đề nghị phúc khảo KQHT trong thời gian cho phép theo quy định.

Nội dung và quy trình khiếu nại được thể hiện rõ qua quy trình giải quyết khiếu nại của SV, thông báo dán trên bảng tin của Khoa và website của Trường (nếu có). Nhà trường có sổ theo dõi việc khiếu nại của SV **[H5.05.05.03]**. Chẳng hạn, từ năm 2022 trở về trước, việc phúc khảo bài thi kết thúc học phần/môn học có quy trình như sau: Khi nhận đơn phúc khảo, Phòng KT&ĐBCLGD có trách nhiệm tổng hợp toàn bộ đơn phúc khảo, yêu cầu đơn vị giảng dạy giao lại toàn bộ bài thi của NH có yêu cầu phúc khảo, kiểm tra sơ bộ tình trạng bài thi (đối chiếu số báo danh, số phách, số tờ của bài thi...), bàn giao cho trưởng đơn vị giảng dạy để tổ chức chấm phúc khảo bài thi. Việc chấm phúc khảo bài thi được tiến hành theo quy trình như chấm thi lần đầu **[H5.05.01.03.DC]**. Từ năm 2023, nếu có đơn phúc khảo bài thi kết thúc môn học được giải quyết như sau: Đơn đề nghị kiểm tra kết quả thi phải được gửi đến GVCN, Khoa chuyên môn và PĐT, QLKH&HTQT. Sau khi nhận được đơn, GVCN, Khoa chuyên môn và PĐT, QLKH&HTQT sẽ tiếp nhận và giải quyết khiếu nại về KQHT. Thời gian kiểm tra kết quả không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của SV. Sau khi kiểm tra, nếu điểm cao hơn hoặc thấp hơn trước từ 1 điểm trở lên thì Trưởng khoa hoặc Trưởng Phòng KT & ĐBCLGD phải đề nghị một cán bộ thứ 2 có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng phải do Trưởng khoa (hoặc Trưởng Bộ môn) ký xác nhận mới được công bố cho SV, muộn nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận đơn. Điểm sau kiểm tra là kết quả cuối cùng của học phần.

Về khiếu nại kết quả điểm kiểm tra giữa kỳ, GV đọc điểm cho từng SV trước lớp học dựa vào các tiêu chí đánh giá cụ thể do đó việc SV không hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá là rất ít. Trong trường hợp SV chưa hài lòng với kết quả đánh giá thì GV sẽ lập luận, phân tích điểm của SV theo tiêu chí đánh giá để thuyết phục SV hoặc lấy ý kiến của tập thể lớp để làm cơ sở điều chỉnh điểm cho SV...bảo đảm tính công bằng và hợp lý trong cách đánh giá **[H5.05.05.04]**. Tuy nhiên, từ năm 2018 đến 2023, ngành ĐDSK chưa ghi nhận trường hợp nào khiếu nại bằng văn bản về KQHT. **[H5.05.04.05.DC]****[H5.05.04.06.DC]**.

2. Điểm mạnh

NH dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về KQHT. Trong giai đoạn 2018-

2023, KSK chưa có trường hợp khiếu nại về KQHT.

3. Điểm tồn tại

Chưa có kênh đánh giá sự hài lòng của NH về việc tiếp cận quy trình khiếu nại. Bên cạnh đó, Trường/ Khoa chưa có bộ công cụ trực tuyến giúp NH gửi đi nhanh chóng các yêu cầu về khiếu nại KQHT để rút ngắn thời gian và thủ tục hành chính.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Nhà trường/ Khoa Sân khấu phối hợp với P. KT & ĐBCLGD tiếp tục rà soát và phổ biến quy trình khiếu nại KQHT. Phòng ĐT, QLKH & HTQT giám sát việc chấm thi và công bố điểm thi đúng hạn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, P. KT&ĐBCLGD phối hợp các đơn vị trong Trường, trong đó có KSK để thiết lập sổ theo dõi việc khiếu nại/ kết quả trả lời khiếu nại về KQHT của NH; vào cuối mỗi năm học, KSK tiến hành khảo sát đánh giá việc tiếp cận quy trình khiếu nại của NH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Việc đánh giá KQHT của NH ngành ĐDSK được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT cũng như quy định của Trường ĐHSKĐAHN. KSK luôn tập trung sâu vào đánh giá năng lực của NH thông qua các kỳ thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được CĐR của môn học và CTĐT; đa dạng hóa các phương thức đánh giá, kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi các BLQ về phương pháp đánh giá còn chưa rộng rãi và định kỳ.

Điểm mạnh nổi bật: Việc đánh giá KQHT của NH được đo lường một cách khách quan, đa dạng hoá phương thức đánh giá. Phản ánh thực chất KQHT của NH. Có mức độ phù hợp cao với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, phản ánh được yêu cầu của các BLQ, có đối sánh với trường đại học nước ngoài.

Điểm tồn tại cơ bản: Việc đánh giá KQHT của NH còn chưa được cập nhật rà soát thường xuyên.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 5 : Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí đạt, trong đó cả 5 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Việc quy hoạch đội ngũ GV của CTĐT ngành ĐDSK trong các năm qua đã đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCD), đã cho thấy đội ngũ GV của Trường có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia các hoạt động NCKH và các hoạt động PVCD. Việc tuyển dụng, tiếp nhận, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên yêu cầu công việc, trình độ chuyên môn,

kinh nghiệm giảng dạy và thành tích trong nghề nghiệp của các ứng viên. Khoa luôn phân công nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và các công việc khác phù hợp với trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng của từng GV. Giảng viên của Khoa được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ở trong nước và quốc tế để phát triển chuyên môn. Những thành tích, đóng góp về hoạt động chuyên môn, NCKH, các hoạt động đoàn thể, và các hoạt động PVCĐ luôn được Nhà trường biểu dương và đánh giá cao, tạo động lực cho GV của Khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu chương trình học và các hoạt động PVCĐ

1. Mô tả hiện trạng

Việc quy hoạch đội ngũ GV cho CTĐT cử nhân ĐDSK được thực hiện theo định hướng phát triển của Trường nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo. Căn cứ theo kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHSKĐAHN giai đoạn 2013 - 2020, tầm nhìn 2030; Đề án Xây dựng Trường ĐHSKĐAHN thành trường trọng điểm quốc gia [H6.06.01.01] và thực hiện công tác quy hoạch, Trường đã ban hành các văn bản về hành lang pháp lý; quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo các cấp thuộc trường; quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo Khoa, Phòng, Bộ môn thuộc Khoa và tương đương thuộc Trường [H6.06.01.02]. Theo đó, công tác quy hoạch và bồi dưỡng cán bộ của Trường đều được thực hiện theo định hướng phát triển của trường và đáp ứng nhu cầu đào tạo [H6.06.01.03]. Mỗi giai đoạn Trường đều thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch [H6.06.01.04]. Theo kết quả rà soát tình hình nhân sự và nhu cầu đào tạo, Trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, việc tuyển dụng được thực hiện theo quy trình tuyển dụng viên chức, có tiêu chí rõ ràng, công khai minh bạch [H6.06.01.05]. Dựa theo các yêu cầu về công việc của GV và các kế hoạch của Trường, Khoa đã xây dựng đề án vị trí việc làm của Khoa [H6.06.01.06]. GV sau khi tuyển dụng được đào tạo, bồi dưỡng đầy đủ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc [H6.06.01.07]. Theo đó, số lượng CB, GV được tuyển dụng phục vụ đào tạo cho ngành ĐDSK trong 5 năm qua đã cơ bản đáp ứng cho CTĐT [H6.06.01.08]. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích nghề nghiệp. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV đã tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động PVCĐ.

Bên cạnh đó, việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ, nghỉ hưu và các chế độ phúc lợi xã hội của GV được thực hiện đúng quy định hiện hành [H6.06.01.09]. Một số các GV giảng dạy chương trình ĐDSK có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động nghiên cứu tài liệu nước ngoài để phục vụ các hoạt động đào tạo [H6.06.01.10].

2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ GV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí,

chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đúng quy trình; phát triển được đội ngũ GV, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ GV cho CTĐT ĐDSK còn gặp trở ngại do đặc thù nghề nghiệp và chính sách đào tạo thực tế (mô tả trên). Tỷ lệ giảng viên đạt trình độ tiến sĩ của Khoa còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Nhà trường giao cho bộ phận TCCB (Phòng HCTH) phối hợp với KSK xây dựng cơ chế thu hút GV có trình độ cao, có kinh nghiệm nghề nghiệp về làm việc hoặc cộng tác giảng dạy với Trường. Tiếp tục bổ sung ưu đãi trong chính sách hỗ trợ GV học thạc sĩ, tiến sĩ (trong và ngoài nước) của Trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, KSK phối hợp bộ phận TCCB (Phòng HCTH) lên kế hoạch rà soát, đánh giá mục tiêu cụ thể về phát triển đội ngũ để bảo đảm đạt được các chỉ tiêu theo Chiến lược xây dựng và phát triển nguồn lực của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Tính đến tháng 01/2023, KSK có 15 GV (6 nữ và 9 nam), trong đó có: 2 tiến sĩ, 13 thạc sĩ. Độ tuổi trung bình của GV là 40 tuổi (40 tuổi đối với nữ và 45 tuổi đối với nam) [**H06.06.02.01**].

Thực hiện các hoạt động đào tạo của CTĐT cử nhân ĐDSK do bộ môn Đạo diễn đảm nhiệm. Bộ môn có 6 GV (1 nữ, 5 nam), trong đó có 6 giảng viên có trình độ ThS; GV ở trong độ tuổi 30 - 40 chiếm tỷ lệ 40 %, độ tuổi 41 - 50 chiếm tỷ lệ 40 % [**H6.06.01.02DC**]. Bên cạnh đó còn có sự tham gia của các GV cơ hữu trong Khoa, Trường và các GV thỉnh giảng tham gia thực hiện CTĐT. [**H6.06.01.03 DC**].

Theo thống kê tỷ lệ GV/SV của ngành ĐDSK trong 05 năm gần đây (2018-2023). Kết quả cho thấy tỷ lệ GV/SV của ngành ĐDSK phù hợp với Thông tư số 24/2015/TT/BGD&ĐT [**H06.06.02.04**] và Thông tư số 32/2015/TT/BGD&ĐT [**H06.06.02.05**] của Bộ GD&ĐT quy định về tỷ lệ GV/NH quy đổi là 1/10 nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH. Khối lượng công việc của đội ngũ GV được Nhà trường và Khoa thực hiện theo Thông tư 47/2014/TT-BỘ GD&ĐT ngày 31/12/2014 quy định chế độ làm việc của GV và các quy định liên quan của Trường ĐHSKĐAHN ban hành về chế độ làm việc của GV, từ năm 2020 thực hiện theo thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học và QĐ 1415/QĐ-SKĐAHN ngày 08/12/2020 của Trường ĐHSKĐAHN về việc ban hành quy định về chế độ làm việc của GV [**H06.06.02.06**].

Định mức giờ chuẩn cho GV trong một năm học là: 300 giờ đối với các GV không chuyên trách nhiệm vụ nào; 255 giờ đối với GV kiêm công tác chủ nhiệm lớp; 240 giờ đối với GV kiêm công tác trợ lý, các công việc được quy đổi theo giờ chuẩn khác nhau. Định mức giờ chuẩn đối với các GV được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác khác được giảm trừ giờ chuẩn và các trường hợp GV được miễn giảm giờ chuẩn được thể hiện trong Quy định về chế độ làm việc của GV của Trường ĐHSKĐAHN. Ngoài ra còn có các điều kiện được quy định rõ ràng để tính vượt giờ cho GV. Quy định về NCKH, mỗi năm GV phải hoàn thành nhiệm vụ NCKH được giao tương ứng với chức danh nghề nghiệp hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm **[H6.06.01.06.DC]**. Kết quả NCKH của GV được đánh giá thông qua các sản phẩm NCKH cụ thể, tối thiểu là một đề tài NCKH cấp cơ sở hoặc tương đương được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc một bài báo được công bố trên tạp chí khoa học có phản biện hoặc một bài báo cáo Khoa học tại hội thảo khoa học chuyên ngành. Định mức khối lượng giờ thực hiện NCKH của các chức danh GV được quy định cụ thể **[H06.06.02.07]**.

Việc đánh giá CB, VC căn cứ vào chức trách nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện nhiệm vụ về tiến độ và chất lượng công việc của từng người, số lượng công việc được giao theo kế hoạch, những nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất, những yêu cầu về trình độ chuyên môn của công việc, mức độ cần cù, chịu khó, tận tâm, tận tụy, trách nhiệm với công việc, chấp hành kỷ cương. Việc đánh giá được xem xét qua các cấp: cá nhân tự đánh giá, tự chấm điểm, Bộ môn xem xét, đề nghị hội đồng khoa học của Khoa chấm điểm, hội đồng thi đua khen thưởng của Trường rà soát, công nhận và quyết định. **[H06.06.02.08]**.

Đầu năm học, các GV phải có biên bản giao, nhận nhiệm vụ. Trên cơ sở đó, Khoa rà soát khối lượng công việc để có kế hoạch phân công công việc trong năm học mới một cách hợp lý, tránh tình trạng không cân đối về khối lượng công việc **[H06.6.02.09]**. Sau mỗi năm học, việc đánh giá khối lượng giảng dạy và NCKH, cũng như các hoạt động chuyên môn và nghiệp vụ khác được Khoa thực hiện thông qua việc đánh giá kết quả, phân loại CBVC, xếp loại thi đua **[H06.06.02.10]**. Đó cũng là căn cứ để Nhà trường thực hiện việc xét hưởng lương tăng thêm (hoặc được thanh toán vượt giờ) **[H06.06.02.11]**.

Ngoài việc quản lý trực tiếp của Khoa, Bộ môn; các phòng chức năng của Trường kiểm tra giám sát đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV từ đó bảo đảm chất lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của GV. Kết quả trong giai đoạn đánh giá, toàn bộ GV trong Khoa đều hoàn thành công việc, nhiều GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được nhận các danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, bằng khen các cấp, đặc biệt GV của Khoa có nhiều giải thưởng trong hoạt động nghề nghiệp được xã hội công nhận **[H06.06.02.12]**.

Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức lấy ý kiến đánh giá của NH về hoạt động giảng dạy của GV nhằm giúp GV Khoa đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề có giải pháp tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để

cải tiến chất lượng đào tạo [H6. 06.02.13].

Mặc dù, tỷ lệ GV/SV ngành ĐDSK đủ và bảo đảm khối lượng trong những năm qua. Tuy nhiên, trong những năm tới, do đặc thù giảng dạy ngành ĐDSK, số lượng GV học lên bậc tiến sĩ còn hạn chế sẽ ảnh hưởng nhiều đến chiến lược đào tạo nếu không tính đến việc xây dựng đội ngũ GV. Các hoạt động khác của GV chưa được quy định hoặc định lượng cụ thể, quy định hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường ĐHSKĐAHN mới được ban hành trong năm 2021, cần được tiếp tục thực hiện và đánh giá hiệu quả [H6. 06.02.14].

2. Điểm mạnh

Khối lượng công việc của GV được quy đổi theo giờ chuẩn và có thể đo lường được, có quy định về số giờ giảng tối thiểu theo quy đổi đối với GV. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của từng GV được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.

3. Điểm tồn tại

Việc đo lường các nhiệm vụ khác đối với GV còn mang tính định tính, chưa có những tiêu chí cụ thể, các hoạt động PVCĐ của GV chưa định lượng được.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, KSK phối hợp với Phòng HCTH (TCCB), Phòng ĐT, QLKH&HTQT giám sát, khuyến khích GV thực hiện tốt công việc để bảo đảm chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, KSK phối hợp với Phòng HCTH (TCCB), Phòng KT&ĐBCLGD xây dựng bộ tiêu chí định lượng các hoạt động PVCĐ của GV. Bám sát kế hoạch và đánh giá kết quả thực hiện việc tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ theo từng năm học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng, cụ thể.

Các tiêu chí tuyển dụng gồm: 1- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên hoặc được công nhận nghệ sĩ Nhân dân đối với giảng viên giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ (hoặc được công nhận là nghệ sĩ Nhân dân) đối với giảng viên giảng dạy và hướng dẫn luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; 3- Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4- Đủ sức khỏe

theo yêu cầu nghề nghiệp; 5- Lý lịch bản thân rõ ràng.

Đối với ngành đào tạo ĐDSK, ngoài các tiêu chí trên, còn có những tiêu chí đặc thù như: Nếu chưa có danh hiệu (NSND, NSUT) nhưng có thời gian công tác từ 10 năm trở lên - có từ 03 tác phẩm để tham gia giảng dạy cho chuyên ngành ĐDSK **[H6.06.03.01]**.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được phổ biến công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa; gửi thông báo bằng văn bản về các đơn vị trong Trường, được đăng tải trên báo chí khi có các đợt tuyển dụng tập trung. Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với quy định chung của Nhà nước **[H6.06.03.02]**.

Trước năm 2018, thực hiện quy định về tuyển dụng, trước mỗi kỳ tuyển dụng, Nhà trường đều có thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các hình thức thông báo trên báo chí và truyền thông các thông tin về tiêu chuẩn và số lượng cũng như cần tuyển vào biên chế. Việc tuyển dụng CB, GV của Trường phải trải qua hai hội đồng sát hạch, đó là hội đồng sơ tuyển tại trường và hội đồng tuyển dụng cấp Bộ VHTTDL **[H6.06.03.03]**. Từ năm 2018 đến nay, Trường đã xây dựng và đưa vào thực hiện các tiêu chí cho quy trình tuyển dụng CB, GV sao cho phù hợp với yêu cầu của trường đào tạo nghệ thuật mang tính đặc thù **[H6.06.03.04]**. Ngoài quy trình tuyển dụng CB, GV riêng của Trường, những năm qua Trường đã thực hiện đúng kế hoạch, quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Bộ VHTTDL. Hiện nay, Trường đã được Bộ phê duyệt đề án tự tuyển dụng và được tự tổ chức tuyển dụng viên chức để chủ động hơn trong việc bổ sung nguồn nhân lực cho Nhà trường. **[H6.06.03.04.DC]**.

Sau mỗi kỳ thi tuyển dụng, Nhà trường đều có văn bản công khai danh sách những người trúng tuyển và thông báo rộng rãi trên các bảng tin của Trường. Các CB, GV đã trúng tuyển trong các kỳ thi tuyển dụng phải trải qua một thời gian làm hợp đồng thử việc. Sau khi hoàn thành tốt những công việc được giao, các CB, GV này sẽ được Nhà trường ký hợp đồng chính thức **[H6.06.03.05]**.

Đối với những GV được điều chuyển từ đơn vị khác về Trường, để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng nhằm bảo đảm việc tuyển dụng được chính xác, khách quan và có sự đồng thuận tập thể **[H6.06.03.06]**. Sau khi trúng tuyển, các GV được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng ở Bộ môn; dự giờ các cán bộ giảng dạy khác và tiến hành giảng thử tại Bộ môn rồi mới giảng trước Hội đồng của Nhà trường. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là các Khoa chuyên môn có liên quan. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thực hành giảng dạy và trả lời các câu hỏi về chuyên môn của Hội đồng sát hạch, nếu đạt GV mới được lên lớp chính thức. Trong 1 năm tập sự, Khoa sẽ cử 1 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV tập sự **[H6.06.03.07]**.

Do đặc thù của chuyên ngành Đạo diễn là học truyền nghề, trải nghiệm thực hành, thực tế chiếm 50 % các đơn vị học trình trong CTĐT, do đó KSK đã mời nhiều người nổi tiếng trong giới nghề về cộng tác giảng dạy [H6.06.03.08].

Việc bổ nhiệm, điều chuyển GV của chương trình đào tạo ĐDSK được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, quy trình và công khai, minh bạch. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn [H6.06.03.09].

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định một cách rõ ràng và được phổ biến công khai. Các GV được tuyển dụng, lựa chọn đều đáp ứng các tiêu chí của Trường.

3. Điểm tồn tại

Việc thống nhất về mặt chuyên môn giữa GV cơ hữu và các GV thỉnh giảng là những diễn viên, đạo diễn có danh hiệu còn có một số trở ngại do đặc thù: GV cơ hữu không có đủ thời gian thực hành nghề nghiệp thực tế, ngược lại, GV thỉnh giảng có nhiều kinh nghiệm thực tế nhưng thiếu hụt những văn bản chứng nhận về trình độ chuẩn (phải là thạc sĩ, tiến sĩ, phải có chứng chỉ phương pháp sư phạm...)

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, khi có kế hoạch tuyển dụng, Nhà trường (giao cho Phòng HCTH – bộ phận tổ chức cán bộ) tiếp tục công khai các thông tin và tiêu chí khi tuyển dụng GV trên các phương tiện truyền thông. KSK phối hợp với Phòng HCTH (TCCB) rà soát các tiêu chí tuyển dụng, công khai để các GV xây dựng lộ trình hoàn thiện đáp ứng các yêu cầu tuyển dụng của Nhà trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, Nhà trường tạo điều kiện để GV cơ hữu có cơ hội tham gia nhiều hoạt động nghề nghiệp thực tế. Bên cạnh đó, giao cho KSK phối hợp với P. ĐT, QLKH&HTQT, VSKĐA tổ chức hội thảo hoặc tọa đàm trao đổi về phương pháp giảng dạy đối với những GV thỉnh giảng nhằm tháo gỡ những vướng mắc về thủ tục văn bằng khi có nguyện vọng hợp tác giảng dạy với Nhà trường. Đồng thời, Khoa phối hợp với phòng HCTH (TCCB) để rà soát chiến lược phát triển nguồn nhân lực; xây dựng, đề xuất với Bộ VHTTDL những tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm mang tính đặc thù (Chia theo giai đoạn để có thời gian bổ sung nguồn nhân lực, trước khi nâng cao yêu cầu của tiêu chí); xây dựng cơ chế, chính sách thu hút mạnh hơn nữa cho các ứng viên đủ tiêu chuẩn và có tầm ảnh hưởng tốt về nghề muốn về công tác tại trường. Khoa/Phòng HCTH (bộ phận tổ chức cán bộ) cụ thể hóa tiêu chí tuyển dụng GV bảo đảm đúng yêu cầu tuyển dụng về chuyên ngành được đào tạo để đáp ứng ngay được yêu cầu của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Các ứng viên được tuyển làm GV của Trường ĐHSKĐAHN cơ bản phải đáp ứng các tiêu chuẩn chung về GV đại học. Sau khi trúng tuyển, hằng năm họ được cử đi bồi dưỡng các khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ chuyên môn do Bộ VHTTDL tổ chức (nếu có). Cụ thể là 100% giảng viên của Khoa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và chứng chỉ công nghệ thông tin đạt chuẩn của Bộ quy định **[H6.06.04.01]**. Bên cạnh đó, Nhà trường tạo điều kiện cho các GV của Khoa nói chung và GV chuyên ngành Đạo diễn sân khấu tham gia mọi hoạt động chuyên môn để nâng cao nghiệp vụ, kinh nghiệm **[H6.06.04.02]**.

Đội ngũ giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu Khoa học dưới hình thức các hoạt động đặc thù của ngành như: tham gia các dự án, liên hoan sân khấu trong và ngoài nước, hội thảo nghề, hội thảo giáo dục của các tổ chức trong nước, quốc tế, giao lưu giữa các hội thảo, chia sẻ giữa các Khoa trong trường **[H6.06.04.03]**. GV của Khoa Sân khấu đã có nhiều công trình chất lượng được xã hội ghi nhận **[H6.06.04.04]**.

Trường ĐHSKĐAHN luôn khẳng định GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của Nhà trường, đầu tư phát triển đội ngũ giảng viên về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm, theo đó các tiêu chí xác định năng lực của giảng viên cũng là mục tiêu phấn đấu của các giảng viên Khoa Sân khấu **[H6.06.04.05]**. Trường ĐHSKĐAHN có văn bản quy định về các tiêu chí đánh giá phân loại công chức, viên chức trong đó quy định rõ các tiêu chí phân loại các mức hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành nhiệm vụ... với các tiêu chí về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần thái độ, trách nhiệm trong công việc, khả năng hoàn thành nhiệm vụ, kết quả NCKH... **[H6.06.04.06]**. Nhà trường ban hành quy định đánh giá, phân loại CCVC để xét nâng lương trước niên hạn **[H6.06.04.07]**, các văn bản này được Nhà trường tổ chức cho cán bộ, giảng viên thảo luận, thống nhất và được thông báo công khai bằng văn bản **[H6.06.04.08]**.

Hằng năm, Nhà trường đều có thông báo, hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của giảng viên **[H6.06.04.09]**. Theo đó, mỗi GV viết báo cáo đánh giá kết quả công tác, tu dưỡng, rèn luyện để bộ môn đánh giá. Kết quả này tiếp tục được kiểm duyệt đánh giá ở cấp Khoa và cấp Trường. Kết quả đánh giá cho thấy 100% giảng viên Khoa Sân khấu hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có nhiều giảng viên hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao **[H6.06.04.10]**.

Công tác bình xét thi đua - khen thưởng hằng năm được triển khai một cách đa dạng, bên cạnh việc bám sát các tiêu chí khen thưởng đã được ban hành, Nhà trường còn đề nghị Bộ VHTTDL khen tặng đối với giảng viên có thành tích xuất sắc trong các

hoạt động nghề nghiệp, ví dụ như tặng thưởng các giảng viên đạt giải trong các Liên hoan sân khấu toàn quốc, Liên hoan sân khấu thủ đô, Liên hoan sân khấu hình tượng người chiến sỹ Công an nhân dân... hoặc vinh danh các giảng viên có thành tích trong Hội nghị công chức viên chức hằng năm [H6.06.04.11].

Phòng KT&ĐBCLGD lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV, kết quả cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của SV [H6.06.02.13.DC], bên cạnh đó, trong thời gian tự đánh giá CTĐT (2018-2023), GV của KSK không có đơn thư, khiếu nại liên quan đến công tác giảng dạy cũng như về tư tưởng, đạo đức. [H6.06.04.12].

Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được Nhà trường xác định rõ ràng, nhất quán. Việc đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Tuy nhiên, KSK chưa xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực GV. Do đó, năng lực của đội ngũ GV tham gia giảng dạy chuyên ngành ĐDSK đôi khi còn đánh giá mang tính định tính. Công tác NCKH mang tính đặc thù nghề nghiệp cũng chưa có văn bản quy đổi từ hình thức văn bản viết sang các hình thức đặc thù nghề nghiệp (đạo diễn một vở diễn hoặc tham gia diễn xuất các dự án, vở diễn).

2. Điểm mạnh

GV của Khoa đều hoàn thành tốt nhiệm vụ các năm học và có kết quả đánh giá về công tác giảng dạy ở mức cao.

3. Điểm tồn tại

KSK chưa xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên Khoa, chưa cụ thể hóa tiêu chí đánh giá để GV có thể phấn đấu đáp ứng yêu cầu đặt ra. Hoạt động NCKH mang tính đặc thù nghề nghiệp nhưng chưa được công nhận hoặc quy đổi dựa theo các quy định của Nhà nước.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, KSK phối hợp Phòng HCTH (TCCB) tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn năng lực GV để làm cơ sở cho quá trình đánh giá kết quả công việc.

Khắc phục tồn tại: Trong năm 2024, KSK xây dựng kế hoạch tổ chức hội thảo, tọa đàm, nghiên cứu đề tài khoa học cấp Khoa/cấp Trường về tiêu chí đánh giá năng lực GV KSK làm cơ sở cho Trường ban hành bộ tiêu chí đánh giá năng lực GV giảng dạy của KSK. Khoa phối hợp với phòng chức năng trong việc tham mưu các chính sách, quy định của Nhà nước (khi được hỏi ý kiến góp ý dự thảo) về hoạt động NCKH của GV (cách thức thể hiện, đánh giá, tính điểm...).

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ GV, CB của Trường tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và nước ngoài; có chính sách khuyến khích giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, tạo điều kiện về kinh phí đối với giảng viên học ThS, TS, đi đào tạo ở nước ngoài [H6.06.05.01]. Bên cạnh đó, Trường và Khoa luôn công khai thông báo các chương trình học bổng học tập nước ngoài nhằm tạo điều kiện để cán bộ GV trẻ tham gia dự tuyển, có quy định rõ ràng về các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường, trong đó hướng dẫn cụ thể cho GV khi tham gia các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ...ở nước ngoài. [H6.06.05.02].

Các quy định về khen thưởng, hỗ trợ NCKH, đi hội thảo trong nước và nước ngoài; các nội dung chi, mức chi được quy định cụ thể trong các quy chế chi tiêu nội bộ (hỗ trợ chi trả học phí, trả thù lao biên soạn giáo trình, viết chuyên đề NCKH,...) của Nhà trường [H6.06.05.03].

Ngoài các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Trường tổ chức, về cơ bản, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Khoa chủ yếu là tự đào tạo thông qua hình thức tọa đàm, hội thảo, tham gia các Liên hoan sân khấu trong nước và quốc tế, các dự án Văn hóa nghệ thuật độc lập của Việt Nam và Quốc tế [H6.06.05.04].

Tuy nhiên, KSK chưa tổ chức nghiên cứu, khảo sát/ đánh giá nhu cầu đào tạo/ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV.

2. Điểm mạnh

Giảng viên KSK luôn có nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn. Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các chương trình đào tạo ThS, TS, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo, ...). Các hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho GV nhanh chóng, hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

KSK chưa tổ chức nghiên cứu, khảo sát/ đánh giá nhu cầu đào tạo/ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Kinh phí hỗ trợ GV tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Nhà trường giao cho phòng HCTH (TCCB, TV) nghiên cứu phân bổ ngân sách tiếp tục duy trì hoặc nâng cao hơn nữa mức hỗ trợ trong các chính sách, cơ chế để khuyến khích GV học tập nâng cao trình độ. KSK dựa vào các hoạt động định kỳ của hội nghề nghiệp (liên hoan sân khấu, hội thi...) lập danh

sách GV tham dự, đồng thời tham mưu cho Nhà trường xây dựng cơ chế hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng các hoạt động nghề nghiệp mang tính đặc thù để nâng cao trình độ chuyên môn của GV.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, KSK phối hợp với PHCTH (TCCB) tổ chức khảo sát/đánh giá nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV cũng như có kế hoạch cụ thể để triển khai các khóa học. Tăng cường tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các tổ chức, doanh nghiệp hoặc dự án để hỗ trợ GV tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng và được Bộ VHTTDL phê duyệt đề án vị trí việc làm, đây là căn cứ để quản trị theo kết quả công việc của GV [H6.06.01.06.DC], căn cứ vào kế hoạch giảng dạy, KSK bố trí GV thực hiện CTĐT bảo đảm đúng quy định [H6.06.06.01], theo đó, với từng chức danh công việc, Trường có quy định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy) cho từng loại đối tượng cán bộ giảng dạy. Bên cạnh đó, Nhà trường lấy phiếu phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV; kiểm tra việc dự giờ, kế hoạch giảng dạy của GV... làm cơ sở triển khai hoạt động viên chức giảng dạy (giảng viên) theo năng lực làm việc [H6.06.02.13.DC] [H6.06.06.02].

Đầu mỗi học kỳ, căn cứ vào văn bản phân công công việc của Khoa, các GV đều phải xây dựng kế hoạch giảng dạy ngay từ đầu mỗi năm học [H6.06.06.03]. Hằng năm, Khoa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo hướng dẫn của Trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy định về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.06.04].

Nhà trường sử dụng kết quả đánh giá GV để thực hiện quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và các chính sách đãi ngộ đối với GV, cụ thể: Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác sẽ là cơ sở để Khoa bình xét và đề cử danh hiệu thi đua: chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cấp bộ; được đề nghị khen thưởng Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ... Việc xem xét khen thưởng cho CB, GV chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những cá nhân có thành tích cao, đột xuất xuất sắc sẽ được nâng lương trước hạn hoặc là cơ sở xem xét để bổ nhiệm vào vị trí quản lý chuyên môn hoặc hành chính. Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho GV đã tạo động lực cho GV phát huy hết khả năng trong

giảng dạy và nghiên cứu Khoa học [H6.06.06.05].

Tính đến tháng 01 năm 2023, Nhà trường chưa nhận được đơn khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các GV. Các đánh giá theo kết quả công việc của GV được công khai, minh bạch, rõ ràng [H6.06.04.12.DC] [H6.06.06.06] [H6.06.06.07].

Về NCKH và PVCĐ, do đặc thù của đào tạo ngành ĐDSK, các GV tham gia đạo diễn vở hoặc trực tiếp tham gia là diễn viên; tham gia ban giám khảo cho Liên hoan phim, liên hoan sân khấu trong nước, các tổ chức Văn hóa nghệ thuật độc lập của VN và quốc tế. GV trong Khoa cũng đã giành được nhiều giải thưởng tại các kỳ Liên hoan sân khấu kịch nói. Đây là những hoạt động mang lại nhiều ý nghĩa cho phát triển chuyên môn của giảng viên cũng như có giá trị ảnh hưởng, góp phần vào sự phát triển chung của cộng đồng. Do đó, Nhà trường đã có văn bản quy định cụ thể về việc căn cứ vào thành tích nghề nghiệp để tính quy đổi thành điểm NCKH cho các GVKSK [H6.06.06.07].

Tuy nhiên, qua nghiên cứu minh chứng cho thấy, còn ít GV của KSK được khen thưởng về thành tích NCKH mang tính lý luận (công trình NCKH cấp cơ sở/ cấp bộ; bài báo đăng tạp chí quốc tế, tạp chí chuyên ngành...).

2. Điểm mạnh

Trường có các quy định để thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của GV, tạo ra động lực cho GV phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nhiều GV vượt định mức quy định cụ thể về khối lượng công việc và đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp cũng như các giải thưởng sân khấu.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động NCKH (mang tính lý luận) của GV KSK chưa nhiều, mới chỉ có các đề tài cấp Trường, chưa có GV tham gia đề tài cấp Bộ hoặc cấp Nhà nước.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Phòng HCTH (TCCB), KSK, P. ĐT, QLKH & HTQT lên kế hoạch phối hợp tổ chức khảo sát về sự đáp ứng của GV KSK đối với vị trí việc làm để xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ của Khoa. Nhà trường duy trì hoặc bổ sung các chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực tham gia NCKH và các hoạt động PVCĐ.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, Phòng HCTH (TCCB) chủ trì định kỳ 2 năm 1 lần thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ GV về quy trình và tiêu chí đánh giá kết quả công việc, thi đua khen thưởng. Khảo sát chỉ số quy đổi trong tính điểm NCKH, bổ sung ưu đãi trong chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Viện Sân khấu - Điện ảnh - Trường ĐHSKĐAHN là đầu mối xây dựng kế hoạch về NCKH hằng năm của Nhà trường [H6.06.07.01]. Nhà trường đã ban hành Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài NCKH của Trường ĐHSKĐAHN [H6.06.07.02].

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được Trường quy định rõ (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn SVTN) bảo đảm số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định, phù hợp với nhiệm vụ khoa học công nghệ của Trường. Kết thúc năm công tác, Khoa và Trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm bảo đảm về số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV [H6.06.07.03].

Nhà trường đã có quy định về hướng nghiên cứu các đề tài ứng dụng phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy, các hình thức tham gia đóng phim, liên hoan sân khấu, kịch, hoạt động trong ngành ĐDSK đều có các văn bản của Nhà trường hướng dẫn quy đổi sang định mức NCKH. (Quy định chế độ làm việc của GV có xác định 12 nội dung các tác phẩm nghệ thuật được tính giờ NCKH). Nhiều tác phẩm, sản phẩm khoa học của Nhà trường được ứng dụng và hợp tác sản xuất với các đài truyền hình, các hội chuyên ngành uy tín như ANTV, VTV...GV của KSK đạt được các giải thưởng trong nước [H6.06.07.04].

Bên cạnh đó, Nhà trường có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định [H6.06.07.05]; có các biện pháp để bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ [H6.06.07.06]. Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV luôn được thông qua bởi một Hội đồng nghiệm thu với các thành viên là những người am hiểu về lĩnh vực nghiên cứu của GV.[H6.06.07.07].

Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Nhà trường dưới nhiều hình thức từ đề tài, giáo trình đến tư liệu đã hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nâng cao trình độ cho đội ngũ GV của Trường [H6.06.07.08]. Tuy nhiên, do đặc thù đào tạo của ngành ĐDSK mang tính thực tiễn, các NCKH thể hiện trong các tác phẩm, sản phẩm sân khấu cụ thể (vở diễn, vai diễn), từ năm 2018-2023 GV Khoa có 6 đề tài NCKH cấp cơ sở (chưa có đề tài cấp bộ, nhà nước) và một số các bài báo được công bố trên Tạp chí Sân khấu & Điện ảnh. Khoa chưa thực hiện đối sánh số lượng và chất lượng các kết quả NCKH; số lượng bài báo được công bố trong các hội thảo và tạp chí quốc tế còn chưa nhiều. Do đó, hiện nay việc đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV chưa được Khoa rà soát, điều chỉnh, đối sánh để nâng cao chất lượng của các hoạt động NCKH.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH theo định mức ứng với mỗi vị trí công việc của GV, có chính sách quy đổi

giờ NCKH đặc thù.

3. Điểm tồn tại

GV của KSK chưa có nhiều đề tài nghiên cứu lý luận cấp Bộ hoặc cấp nhà nước; Khoa chưa thực hiện đối sánh số lượng và chất lượng các kết quả NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, KSK phối hợp với PHCTH (TCCB) phát huy các cơ chế hiện có (quy đổi; khen thưởng) để khuyến khích GV hoàn thành tốt nhiệm vụ NCKH.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, định kỳ 2 năm 1 lần KSK phối hợp với VSKĐA tổ chức hội thảo, tọa đàm để nâng cao chất lượng, số lượng đề tài NCKH. Thực hiện định kỳ rà soát, đối sánh kết quả và mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV để cải tiến chất lượng.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Đội ngũ giảng viên trong ngành ĐDSK có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết. Do vậy, công tác giảng dạy, NCKH, PVCĐ của Khoa đã có những thành tích nhất định.

Trong giảng dạy, với số lượng NH như hiện tại, đội ngũ GV của Khoa luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng theo quy định và đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao theo thăm dò ý kiến từ sinh viên. Trong NCKH, đội ngũ GV của Khoa đã tích cực tham gia vào tất cả loại hình nghiên cứu, nhiều GV được khen thưởng hoặc nhận các giải thưởng danh giá. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của Khoa và Nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của GV, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường. Tuy nhiên, GV của chương trình chưa có nhiều đề tài NCKH cấp bộ hoặc cấp nhà nước.

Điểm mạnh nổi bật: Đội ngũ GV của CTĐT luôn được chú trọng công tác đào tạo, học tập, nghiên cứu trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, tại cơ sở đào tạo việc thanh tra, kiểm tra, rà soát chất lượng đội ngũ CB, GV luôn được chú tâm đặc biệt. Vì vậy chất lượng cũng như số lượng GV của CTĐT có mức độ phù hợp cao với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, phản ánh được yêu cầu của các BLQ, có đối sánh CTĐT với trường đại học nước ngoài.

Điểm tồn tại cơ bản: Các CB, GV đôi khi còn ngại những chuyến thực tế dài ngày hay tập huấn học tập lâu dài ở nước ngoài do những lý do, điều kiện cá nhân...

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 6 : Tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí đạt, trong đó cả 7 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên Trường ĐHSKĐAHN bao gồm nhân viên làm việc tại phòng chức năng (Phòng HCTH; Phòng ĐT,QLKH&HTQT; Phòng CTHSSV; Phòng KT&ĐBCLGD; TTTTTV. Do đặc thù đào tạo, Trường không có phòng thí nghiệm, thay vào đó là Trung tâm thực hành sân khấu - điện ảnh (xưởng phim thực nghiệm, nhà hát thể nghiệm, trung tâm âm thanh ánh sáng) và các bộ phận hỗ trợ SV tại các phòng chiếu phim/ trường quay/ phòng tin học. Đội ngũ nhân viên (ĐNNV) của Trường và Khoa được tuyển dụng và đánh giá theo đúng quy định, được hỗ trợ phát triển chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện hiệu quả công việc đáp ứng tốt cho các hoạt động của Nhà trường nói chung và KSK nói riêng.

Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2018 trở về trước, việc quy hoạch ĐNNV được thực hiện theo các quy định của Bộ VHTTDL trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển ĐNNV. Từ năm 2019, Nhà trường có đề án tự tuyển dụng [H7.07.01.01]. Số lượng và chất lượng của NV đáp ứng được nhu cầu để thực hiện công tác quản lý đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ [H7.07.01.02]. Việc xác định nhu cầu về ĐNNV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường (Phần phát triển đội ngũ) và trong Đề án vị trí việc làm [H6.06.01.06.DC][H7.07.01.03] [H7.07.01.04].

Bên cạnh ĐNNV làm việc tại TTTTTV Nhà trường, phòng chiếu phim, phòng tin học, trường quay, Trung tâm âm thanh - ánh sáng sân khấu, nhà hát, xưởng Trường, vv..., các đơn vị phòng chức năng (Phòng ĐT, QLKH & HTQT; KT&ĐBCLGD, HCTH; QLHSSV) đều phân công nhân viên trực tiếp phụ trách, hỗ trợ cho KSK [H7.07.01.05]. Nhà trường đã có chính sách phát triển ĐNNV thể hiện trong các văn bản: Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Nhà trường [H7.07.01.06], Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSKĐAHN [H7.07.01.07], Quy chế chi tiêu nội bộ [H7.07.01.08]. Cụ thể, Nhà trường đã thực hiện chuyển đổi ngạch viên chức [H7.07.01.09], chính sách hỗ trợ kinh phí, thời gian cho cán bộ phục vụ tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hội nghị hội thảo chuyên ngành và tổ chức các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ phục vụ [H7.07.01.08.DC] [H7.07.01.10].

Bên cạnh ĐNNV của Trường, KSK còn có các GV kiêm nhiệm công tác trợ lý, hỗ trợ công tác đào tạo và NCKH và kịp thời hỗ trợ cho NH giúp NH hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập [H7.07.01.11].

ĐNNV thực hiện quy trình đánh giá chất lượng công việc cũng như mức độ hoàn

thành nhiệm vụ được giao, được bình xét thi đua theo đúng các quy định của Nhà trường. Tỷ lệ NV hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt tỷ lệ rất cao trên 90%[H7.07.01.12].

Tuy nhiên, Nhà trường cũng như KSK chưa thực hiện công tác khảo sát, đánh giá phản hồi của các BLQ về mức độ đáp ứng của ĐNNV; chưa phân tích, đánh giá nhu cầu về đội ngũ để có các kế hoạch tuyển dụng nhân sự hằng năm.

2. Điểm mạnh

ĐNNV của Trường/Khoa được quy hoạch đáp ứng hiệu quả công việc phục vụ cho việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH. Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển ĐNNV.

3. Điểm tồn tại

Khoa/Trường chưa thường xuyên khảo sát phản hồi của các BLQ về mức độ đáp ứng của ĐNNV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, các phòng chức năng; Trung tâm thực hành SK-ĐA; TTTTV thường xuyên rà soát và lập danh sách gửi về Phòng HCTH (bộ phận tổ chức cán bộ) để Trường tiếp tục cử các chuyên viên, kỹ thuật viên, nhân viên tham gia các khóa tập huấn nhằm tăng cường nghiệp vụ chuyên môn. KSK phối hợp với P. HCTH (bộ phận tổ chức cán bộ) căn cứ số liệu thống kê ĐNNV để phân tích/dự báo nhu cầu về ĐNNV đáp ứng nhu cầu về đào tạo.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, KSK phối hợp với các đơn vị chức năng, trung tâm định kỳ hằng năm khảo sát NH, GV về chất lượng phục vụ của ĐNNV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí: 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm bảo đảm chất lượng NV khi tuyển dụng và để phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt, Trường ĐHSKĐAHN đã ban hành các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng, điều chuyển và bổ nhiệm tuân theo quy định của Bộ VHTTDL và quy định khác của các Bộ liên quan [H7.07.02.01]. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn ĐNNV rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng trước tiên là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H7.07.02.02].

Các chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn ĐNNV được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng [H7.07.02.03]. Việc bổ nhiệm, điều chuyển NV được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, quy trình và công khai, minh bạch. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn [H7.07.02.04] [H6.06.03.09.DC]. Trường, Khoa và các đơn vị luôn tuân thủ chặt chẽ

các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp chuyên viên (chuyên viên chính) [H7.07.02.05]. Bên cạnh đó, trong quá trình làm việc, một số NV có thể được thay đổi sang một vị trí mới phù hợp hơn với nhu cầu và khả năng [H7.07.02.06]. Tuy nhiên Khoa/ Trường chưa tổ chức phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ về vị trí việc làm để làm cơ sở rà soát, bổ sung các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV.

2. Điểm mạnh

Trường có xây dựng các tiêu chí tuyển chọn nhân viên để bổ nhiệm. Các tiêu chí là rõ ràng và được công khai để tuyển chọn.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa khảo sát, phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ về vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Trường giao cho Phòng HCTH (TCCB) rà soát kế hoạch về cơ cấu độ tuổi cho ĐNNV trong đề án nhân sự giai đoạn tiếp theo của Nhà trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, KSK phối hợp với Phòng HCTH (TCCB) định kỳ 2 năm 1 lần tổ chức khảo sát, phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ về vị trí việc làm của ĐNNV để đáp ứng yêu cầu tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Để đánh giá năng lực của ĐNNV, các đơn vị đều triển khai thực hiện đồng bộ quy trình đánh giá do Trường quy định [H7.07.03.01]. Theo đó, căn cứ vào yêu cầu công việc và vị trí việc làm, mỗi cán bộ NV các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc Trường đều phải thực hiện đăng ký thi đua hằng năm [H6.06.01.06.DC] [H7.07.01.04.DC] [H7.07.03.02].

Vào cuối mỗi năm học, các NV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học [H7.07.03.03]. Việc tự đánh giá căn cứ theo chức danh (nhân viên làm quản lý có tiêu chí đánh giá riêng), nhiệm vụ được giao. Sau đó, lãnh đạo đơn vị thực hiện đánh giá (lãnh đạo đơn vị được đánh giá bởi cấp trên - Ban Giám hiệu), cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Kết quả đánh giá phản ánh rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu, năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ hỗ trợ [H7.07.03.04]. Như vậy, năng lực của ĐNNV đều được đánh giá theo đúng quy trình thủ tục [H6.06.04.12.DC].

Hàng năm, các quy định, quy trình đánh giá năng lực NV đều được cải tiến dựa trên những ý kiến đóng góp của cán bộ NV [H6.06.04.08.DC][H7.07.03.05]. Kết quả bình xét đánh giá mức độ hoàn thành công việc của ĐNNV hàng năm (kể từ năm 2015 đến 2020) đạt nhiều danh hiệu Lao động tiên tiến [H7.07.01.12.DC]. Trong đó có cán bộ, nhân viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp Bộ, Bằng khen của Bộ trưởng...và được xét để nâng lương trước hạn [H7.07.03.06]. Đặc biệt, đội ngũ làm công tác quản lý các phòng chức năng của Trường đa phần có học vị tiến sĩ, bên cạnh đó còn tham gia công tác giảng dạy, góp phần hiệu quả và phục vụ tốt hơn công tác đào tạo. Đội ngũ trợ lý KSK được đánh giá, cho điểm về công tác phục vụ và được hỗ trợ kinh phí [H7.07.03.07].

2. Điểm mạnh

Năng lực của ĐNNV của Trường được xác định thông qua tiêu chí tuyển dụng, bản mô tả vị trí việc làm và kết quả làm việc được đánh giá hàng năm. Các NV đều được đánh giá ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động lấy ý kiến về sự hài lòng của NH đối với ĐNNV thực hiện CTĐT chưa được triển khai định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Trường tiếp tục thực hiện các chính sách bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho ĐNNV. Duy trì chế độ khen thưởng như xét nâng lương trước hạn, khen thưởng các sáng kiến, cải tiến của ĐNNV để khuyến khích sáng tạo, đóng góp cho Trường/ Khoa.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, Phòng HCTH (bộ phận tổ chức cán bộ), định kỳ mỗi năm 1 lần, KSK phối hợp với các phòng chức năng lấy ý kiến đánh giá của NH về thái độ, năng lực làm việc của ĐNNV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Trường luôn chú trọng đến việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho ĐNNV hỗ trợ, các chính sách này được thực hiện từ Bộ VHTTDL [H7.07.04.01]. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên tham gia các khóa học tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H7.07.04.02]. Trên cơ sở đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của ĐNNV, Trường lập danh sách gửi về Bộ VHTTDL hoặc các đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng. Bên cạnh đó, Trường hỗ trợ 100 % kinh phí đào tạo bồi dưỡng [H7.07.04.03].

ĐNNV được tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của Nhà trường. Song, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của NH, Nhà trường và Khoa xây

dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của NV. Các lĩnh vực nâng cao bồi dưỡng được xác định gồm: lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ và tin học, an ninh quốc phòng[H7.07.04.04]. Các khóa học đáp ứng yêu cầu thực tiễn nên đã thu hút đông đảo cán bộ NV nhiệt tình tham gia. Sau mỗi khóa học, các NV được yêu cầu gửi minh chứng như bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, giấy chứng nhận về phòng HCTH (TCCB), đồng thời khai bổ sung sơ yếu lý lịch hằng năm [H7.07.04.05].

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của các NV, hằng năm Trường luôn xác định cụ thể các nội dung cần bồi dưỡng cho NV và có phân bổ ngân sách đào tạo [H7.07.04.06].

Từ năm 2018-2023, nhiều NV của Trường đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn để dự thi nâng ngạch từ chuyên viên lên chuyên viên chính hoặc được cấp bằng thạc sĩ, tiến sĩ [H7.07.04.07]. Giai đoạn 2018-2023, các hoạt động về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV chủ yếu được thực hiện bởi các kế hoạch từ Bộ VHTTDL hoặc Bộ GD&ĐT do đó Trường chưa tổ chức khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho ĐNNV trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc.

2. Điểm mạnh

Hằng năm, Trường/ Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của ĐNNV và có những hình thức để đáp ứng nhu cầu đó. Khoa luôn cử ĐNNV của Khoa tham gia đầy đủ các khóa bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường. Mặc dù, số lượng cán bộ hỗ trợ của Khoa còn ít nhưng luôn bảo đảm sự trợ giúp tối đa cho SV trong các hoạt động đào tạo của ngành ĐDSK.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV, nhất là bộ phận hỗ trợ cho KSK còn chưa đa dạng. Kinh phí hỗ trợ cho ĐNNV về đào tạo và phát triển chuyên môn còn hạn hẹp do phụ thuộc nhiều vào kế hoạch từ Bộ VHTTDL, Bộ GD&ĐT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Trường khuyến khích các nhân viên phòng ban tham gia các khóa tập huấn về nghiệp vụ chuyên môn. Hằng năm, giao các phòng chức năng, các trung tâm thực hành, TTTTV chủ động đề xuất các lớp học, khóa tập huấn có liên quan đến nghiệp vụ của đơn vị.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, Phòng HCTH (TCCB) chủ trì và phối hợp các phòng chức năng, Trung tâm thực hành, Trung tâm TTTV tổ chức khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho ĐNNV trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc và có kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ hỗ trợ. Tổ chức các khóa, lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho ĐNNV theo nhu cầu.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Việc quản trị theo kết quả công việc của NV được triển khai tốt đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Nhà trường cũng như KSK triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của ĐNNV dựa trên mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao thể hiện qua bản mô tả vị trí công việc và các quy định cụ thể trong quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H6.06.01.06.DC] [H7.07.05.01] [H7.07.05.02]. Tất cả NV đều được phân công phụ trách từng mảng công việc cụ thể phù hợp với năng lực chuyên môn [H7.07.05.03]. Trường các đơn vị trực tiếp giám sát hiệu quả công việc của mỗi NV; nhận xét của đồng nghiệp và bản tự nhận xét đánh giá của NV để đánh giá xếp loại vào cuối năm [H7.07.05.04].

Hàng năm, Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường dựa vào kết quả đánh giá để đánh giá, ghi nhận và khen thưởng thành quả của từng NV [H7.07.05.05]. Quy trình đánh giá được thực hiện chặt chẽ theo các bước: NV tự đánh giá, lãnh đạo đơn vị đánh giá, họp đơn vị thảo luận kết quả tự đánh giá và đánh giá của thủ trưởng đơn vị, Ban Giám hiệu đánh giá (đối với NV làm công tác quản lý) và Hội đồng thi đua khen thưởng đánh giá. Các tiêu chí đánh giá được xác định rõ ràng, trên cơ sở tổng điểm đánh giá (có mẫu phiếu); NV được đánh giá ở 4 mức là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Yêu cầu đối với mức xuất sắc của nhân viên là phải có sáng kiến kinh nghiệm hoặc công trình Khoa học được đăng trên tạp chí có tính điểm của Hội đồng chức danh Nhà nước, hoặc bài viết tham gia Hội thảo chuyên đề (đối với ngành ĐDSK được quy đổi thành các tác phẩm/sáng tác/ hoạt động nghề nghiệp được ghi nhận bằng giải thưởng...). Kết quả xếp loại viên chức là cơ sở để bình xét các danh hiệu thi đua và xét nâng lương trước hạn [H7.07.05.06; H7.07.05.07].

Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa còn tích cực tiếp thu ý kiến của ĐNNV để hoàn thiện Quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H6.06.04.08.DC] 100% nhân viên của Trường được tham gia xây dựng góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc [H7.07.05.08].

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức Hội nghị CBCCVC. Trong báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân có ghi nhận kết quả giám sát đối với việc thực hiện các chính sách của Nhà trường. Tính đến hết tháng 9 năm 2023, Nhà trường không nhận được những ý kiến khiếu nại gì về việc quản trị theo kết quả công việc thông qua các hình thức thi đua khen thưởng [H6.06.06.07.DC]. Bên cạnh việc khen thưởng theo định kỳ năm học, đối với những NV có thành tích xuất sắc, Nhà trường thực hiện khen thưởng đột xuất [H7.07.05.09]. Một số NV rất cố gắng hoàn thành nhiệm vụ nhưng do không có công trình NCKH (bài báo, công trình nghiên cứu...) nên rất khó để đạt các danh hiệu thi đua.

2. Điểm mạnh

Có tiêu chuẩn, quy trình đánh giá rõ ràng, triển khai đồng bộ công tác đánh giá kết quả công việc của NV, kết quả đánh giá đã khích lệ đội ngũ NV thực hiện tốt công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

3. Điểm tồn tại

ĐNNV rất khó khăn để đạt được danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (ví dụ: thiếu bài báo - công trình NCKH hoặc sáng kiến cải tiến kinh nghiệm của ĐNNV còn hạn chế) theo các quy định trong Quy chế thi đua khen thưởng.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Trường giao Phòng HCTH (TCCB) phối hợp các đơn vị trong toàn Trường nghiên cứu, hoàn thiện chính sách quản trị nguồn nhân lực, chú trọng khâu đánh giá kết quả thực hiện bằng cách xây dựng tiêu chí đánh giá rõ ràng, cụ thể để đánh giá chất lượng công việc và theo dõi, giám sát thực hiện.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, Phòng HCTH (TCCB) định kỳ tổ chức khảo sát sự hài lòng của NV về công tác đánh giá NV. Rà soát bản mô tả vị trí việc làm làm cơ sở để Nhà trường bổ sung những chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho nhân viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở nhằm khuyến khích họ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Trường có ĐNNV (cán bộ hỗ trợ) bảo đảm về số lượng, có năng lực chuyên môn và sẵn sàng phục vụ. Đội ngũ này được tuyển dụng, bổ nhiệm đúng quy định và công khai. Nhà trường luôn tạo điều kiện để ĐNNV học tập, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được thực hiện một cách công bằng, có tác dụng kích thích, động viên lớn. Bên cạnh đó vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục như: Nhà trường/ Khoa chưa khảo sát các BLQ (nhất là người học) về mức độ đáp ứng của ĐNNV; kinh phí hỗ trợ cho ĐNNV về đào tạo và phát triển chuyên môn còn hạn hẹp; tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của NV (cũng như để đạt được mức độ ghi nhận cao nhất) chưa được lượng hóa cụ thể, cơ bản vẫn còn định tính.

Điểm mạnh nổi bật: ĐNNV luôn bảo đảm hỗ trợ tốt nhất cho chất lượng của CTĐT. Sự hỗ trợ từ thái độ phục vụ đến chuyên môn của họ đều nhiệt tình, bài bản và Khoa học. Bảo đảm phù hợp với triết lý giáo dục và sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường.

Điểm tồn tại cơ bản: Đôi lúc một số xử lý trong công việc phục vụ đào tạo của ĐNNV còn cứng nhắc, bị động. Đôi lúc còn chưa có sự linh hoạt trong các tình huống khác nhau.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 7 : Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí đạt, trong đó cả 5 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Trường ĐHSKĐAHN - KSK luôn xác định NH và hoạt động hỗ trợ NH đóng một vai trò rất quan trọng trong bảo đảm chất lượng của CTĐT. Giai đoạn 2018-2023, Trường đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp tuyển sinh được công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH được triển khai minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH được thực hiện kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên trường sạch đẹp, sân khấu, phòng học chức năng, sàn tập hiện đại, tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Chính sách tuyển sinh của Trường ĐHSKĐAHN - KSK luôn được coi là khâu khởi đầu rất quan trọng của chuỗi quá trình đào tạo, do đó những chính sách/ quy định về tuyển sinh của Trường/ Khoa đều thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chi tiết nhằm cung cấp thông tin về các hình thức tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh đến với những thí sinh có nhu cầu. Ngành ĐDSK được tuyển sinh theo quy chế của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng áp dụng cho khối các trường năng khiếu đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt [H8.08.01.01]. Các thông tin được xác định rõ ràng như: Đối tượng thi tuyển/ xét tuyển, những chính sách ưu tiên, chỉ tiêu, ngành và chuyên ngành đào tạo; điều kiện dự thi; quy trình thi năng khiếu; hồ sơ; lệ phí và thời gian thi tuyển.

Hằng năm, các thông tin tuyển sinh của Nhà trường được công bố công khai trên website của Trường, tại địa chỉ <http://skda.edu.vn>; trang facebook của Khoa/ Trường; trong các chương trình tư vấn tuyển sinh do ĐH Bách Khoa, Sở Giáo dục & Đào tạo; các đơn vị báo chí tổ chức (Ngày hội tuyển sinh) [H8.08.01.02]. Ngoài ra các thông tin về tuyển sinh còn được gửi văn bản tới các sở GD&ĐT các tỉnh thành phố, các trường THPT trên toàn quốc; các đơn vị tuyển dụng đặc thù: Đài truyền hình, đài phát thanh, hãng phim, nhà hát, đoàn nghệ thuật trung ương, địa phương [H8.08.01.03].

Bên cạnh các quy định về tuyển sinh được cụ thể hóa trong các văn bản của Trường, KSK còn tổ chức lớp giải đáp thắc mắc để hỗ trợ trực tiếp thông tin cần thiết đến các thí sinh. Trước kỳ thi sơ tuyển khoảng một tháng, Khoa cùng nhà trường hỗ trợ, giải đáp tất cả các thắc mắc của các thí sinh trực tiếp tại Trường, từ chuyên môn cho đến thủ tục hành chính, nhằm giúp thí sinh tránh được các sai sót đáng tiếc. [H8.08.01.04]. Để thí sinh có nhu cầu học dễ dàng tìm kiếm thông tin; nhằm nâng cao hiệu quả quảng bá và đưa thông tin tuyển sinh đến các địa phương khác, Nhà trường thành lập tổ truyền thông đi đến từng địa phương để quảng bá về hoạt động tuyển sinh của Nhà trường hoặc tổ chức cho các Trường THPT đưa học sinh đến thăm quan, trải nghiệm tại Nhà trường [H8.08.01.05].

Chính sách tuyển sinh được Trường rà soát và cập nhật theo đúng quy định hiện hành. Hằng năm, sau khi kết thúc công tác tuyển sinh, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh nhằm mục đích đánh giá hiệu quả công tác tuyển sinh, từ đó xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm học tới nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh hằng năm [H8.08.01.06].

Tuy nhiên, Trường/ KSK chưa phân tích/ dự báo nhu cầu nhân lực trên cơ sở góp ý của các BLQ để làm cơ sở xây dựng chính sách tuyển sinh.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách tuyển sinh được thực hiện đúng quy chế của Bộ GD&ĐT. Chính sách tuyển sinh cũng được xác định rõ ràng, công bố công khai giúp cho việc tuyển sinh của Trường thuận lợi; đối tượng tuyển sinh được tiếp cận thông tin dễ dàng và đầy đủ.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực chưa được thực hiện thường niên. Nhà trường chưa có nhiều dữ liệu về ý kiến của các BLQ trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh chuyên ngành ĐDSK.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, trước khi lập Kế hoạch tuyển sinh, Trường giao cho P. ĐTQLKH&HTQT tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chính sách tuyển sinh, cập nhật và chủ động công bố thông tin và hình ảnh trên website của Trường/ Khoa, thực hiện tuyển sinh theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Thành lập Ban truyền thông để thực hiện tốt hơn nữa công tác quảng bá tuyển sinh và các hoạt động của Nhà trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, Khoa SK phối hợp với PĐTQLKH&HTQT, PKT&ĐBCLGD, PCTHSSV khảo sát SV, cựu SV, NTD, đồng thời thu thập dữ liệu về nhu cầu nhân lực ngành ĐDSK của xã hội để làm cơ sở xây dựng đề án tuyển sinh.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN- KSK thực hiện các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH căn cứ vào quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, đồng thời dựa trên cơ sở đúc kết thực tế tuyển sinh của Trường qua các năm trước [H8.08.02.01]. Thông tin về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong Đề án tuyển sinh của Trường [H8.08.02.02].

Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh, các Ban Thư ký, Ban coi thi, bên cạnh đó Hiệu trưởng Nhà trường còn thành lập Ban thanh tra tuyển sinh để thực hiện giám sát toàn bộ quy trình và phương pháp tuyển chọn thí sinh [H8.08.02.03]. Trước mỗi kỳ

tuyển sinh, Nhà trường đều tổ chức tập huấn công tác tuyển sinh cho toàn bộ lực lượng liên quan đến kỳ thi tuyển [H8.08.02.04].

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, đề rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH, Trường tổ chức hội nghị (họp) rút kinh nghiệm, trong đó tham khảo ý kiến của mỗi thành viên hội đồng tuyển sinh; đánh giá điểm mạnh và những điểm cần cải thiện về công tác tổ chức để nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh [H8.08.02.05]. Tất cả thông tin về kết quả tuyển sinh đều được thông báo rõ ràng, đầy đủ trên website của Trường ĐHSKĐAHN và facebook của Trường [H8.08.02.06]. Tính đến thời điểm, Nhà trường chưa nhận được bất kỳ ý kiến nhận xét nào đánh giá không tốt về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH [H8.08.02.07].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH của Khoa được xác định rõ ràng, theo quy chế tuyển sinh đại học của BGDĐT và đề án tuyển sinh của Nhà trường; được đánh giá thường xuyên để bảo đảm tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào các chuyên ngành của Khoa.

3. Điểm tồn tại

Một số lượng thí sinh vùng xa, vùng cao có thể gặp khó khăn về tiếp cận thông tin tuyển sinh của Nhà trường, hơn nữa đây cũng là một chuyên ngành khó thường đòi hỏi người học đã có kinh nghiệm trong lĩnh vực sân khấu ví dụ như diễn viên của các nhà hát. Thí sinh cũng chưa hình dung rõ nét được hướng đi, đầu ra sau khi theo học chuyên ngành này. Nhà trường chưa xây dựng dữ liệu về ý kiến của các BLQ trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, KSK phối hợp với P.ĐT,QLKH & HTQT nghiên cứu tiêu chí và phương pháp tuyển sinh mới để có thể thu hút được đa dạng các đối tượng thí sinh.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, KSK phối hợp với P.ĐT,QLKH&HTQT nghiên cứu tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn NH. Xây dựng dữ liệu về ý kiến của các BLQ trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học

1. Mô tả hiện trạng

Người học được tư vấn hỗ trợ kịp thời trong suốt quá trình học. Trước hết, Nhà trường có quy trình, có công cụ giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng của NH. Nhà trường dựa trên Quy chế đào tạo đại học

[H5.05.01.03.DC][H8.08.03.01], đồng thời ban hành những quy định đào tạo riêng của Trường về việc xây dựng ĐCCT, quy định về tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết thúc học phần, công bố điểm, quy định rõ ràng chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ, tốt nghiệp các môn lý luận chính trị, giáo dục quốc phòng [H8.08.03.02].

Sự tiến bộ, kết quả học tập và khối lượng học tập, kết quả rèn luyện của SV ngành ĐDSK được quản lý bởi phòng ĐT,QLKH & HTQT; PCTHSSV PKT &ĐBCLGD, trợ lý KSK và GVCN, GV chuyên môn [H8.08.03.03].

GVCN, các GV trong Bộ môn và Khoa căn cứ vào KQHT để kịp thời khích lệ, tuyên dương cũng như nhắc nhở, tư vấn và hướng dẫn NH điều chỉnh kế hoạch học tập. Trường triển khai hoạt động đánh giá xếp loại SV, khen thưởng, kỷ luật theo đúng quy định hiện hành [H8.08.03.04].

Để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH, Nhà trường có bộ phận kiểm tra nề nếp giảng dạy và học tập [H8.08.03.05]. Các thông tin về tình hình học tập và rèn luyện của SV được cập nhật hằng kỳ và được công bố trong đến SV và tìm các biện pháp chấn chỉnh (nếu cần)[H8.08.03.06]. Hiệu trưởng Nhà trường trực tiếp chỉ đạo và giao Phó hiệu trưởng phụ trách công tác HSSV trực tiếp điều hành kế hoạch kiểm tra nề nếp giảng dạy học tập, trong đó thể hiện việc giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH cũng như việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của GV [H8.08.03.07].

Đầu mỗi năm học, Nhà trường công bố thời khóa biểu của từng Khoa trong đó có các thông tin về lớp học, GV, thời gian học, môn học [H8.08.03.08]. Điều này cung cấp cho SV thông tin về sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập, bảo đảm người có học lực trung bình hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Số lượng môn học/ học phần được phân bổ hợp lý giữa các kì, trong đó các môn học đại cương về lý luận chính trị được phân bổ đều vào các học kì để tránh sự nhàm chán, đặc biệt trong học kì đầu tiên khi SV mới vừa nhập học, chương trình phân bổ 1-2 học phần liên quan đến chuyên ngành không cần điều kiện tiên quyết để các GV của Bộ môn tiếp cận SV ngay từ đầu, kịp thời định hướng nghề nghiệp, giải đáp thắc mắc về cơ hội việc làm cũng như tương tác, hỗ trợ, đồng hành với từng cá nhân SV trong từng bài giảng chuyên môn và cả trong đời sống.

Các kỳ học được phân bổ hợp lý từ lý thuyết, thực hành, thực tập để người học phát triển đầy đủ kiến thức, kỹ năng, để bảo đảm hầu hết SV có thể tốt nghiệp đúng tiến độ. SV ngành ĐDKS có sự tương tác chặt chẽ với GV trong đào tạo chuyên môn, SV luôn biết chắc chắn bài thi của họ có vấn đề gì và họ được bàn bạc với GV để có ngay giải pháp cả về nội dung chuyên môn và thủ tục hành chính trong suốt quá trình học. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành Sổ tay sinh viên, hỗ trợ các thông tin về Trường ngay từ các buổi học trong tuần giáo dục công dân hoặc các ý kiến được đưa ra cuộc họp giao ban đầu tháng để Ban Giám hiệu cho phương án giải quyết ngay. [H8.08.03.09].

Theo kế hoạch của Nhà trường, Khoa tổ chức các buổi sinh hoạt lớp để trợ lý Khoa/ GVCN của Khoa nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, quá trình học tập của SV. Qua đó phối hợp với Ban lãnh đạo Khoa để có hướng điều chỉnh và hỗ trợ SV tốt nhất. SV được đối thoại trực tiếp với toàn bộ GV trong Khoa để giải đáp các thắc mắc của SV về

đào tạo, học tập. Qua đây, Khoa, Nhà trường tổng hợp các ý kiến, các đề xuất của NH để kịp thời điều chỉnh, giám sát và hỗ trợ NH (các bản tổng hợp ý kiến này được đưa ra Hội nghị đối thoại với SV). **[H8.08.03.10]**. Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức hội nghị đối thoại giữa Ban Giám hiệu, trưởng các phòng chức năng (đơn vị hỗ trợ) với SV, nhằm nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của SV trong quá trình học tập, rèn luyện. Đồng thời, cung cấp cho SV những thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường liên quan tới chế độ, chính sách đối với SV, quyền và nghĩa vụ của SV trong quá trình học tập tại Trường. Qua đó, kịp thời giải quyết những đề nghị, nhu cầu chính đáng của SV nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho SV trong quá trình học tập, rèn luyện **[H8.08.03.11]**.

KQHT của từng môn học của NH được thực hiện lưu trữ theo quy định tại P. ĐTQLKH&HTQT **[H8.08.03.12]**. Trước mỗi kỳ tốt nghiệp của khóa học, phiếu điểm (điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi, điểm tổng kết học phần) của sinh viên được PKT&ĐBCLGD kiểm tra, đối chiếu với bảng tổng hợp điểm toàn khóa **[H8.08.03.13]**. KQHT là cơ sở để xét học bổng, cảnh báo học vụ, danh hiệu được đề xuất, điều kiện lên lớp, điểm rèn luyện, xét điều kiện để được làm bài tốt nghiệp hoặc xét kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam **[H8.08.03.14]**.

Trường có những văn bản pháp quy để thực hiện việc giám sát hoạt động của người học, tuy nhiên Nhà trường chưa hệ thống hóa thành quy định về theo dõi sự tiến bộ của người học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống giám sát phù hợp nhằm theo dõi và cập nhật tiến độ học tập của người học kịp thời, chính xác.

Cán bộ giảng viên trong KSK hầu hết là người trẻ, nhiệt huyết, gần gũi với SV, đội ngũ GV thỉnh giảng là những người giàu kinh nghiệm thực tế, nên kịp thời nắm bắt chính xác vấn đề của SV gặp phải và sẵn sàng hỗ trợ NH.

3. Điểm tồn tại

KQHT từng môn học của Nh chưa được cập nhật lên hệ thống quản lý trực tuyến để thông báo cho SV. Điều này gây khó khăn cho GVCN trong quá trình theo dõi sự tiến bộ của NH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, KSK, Phòng ĐT,QLKH&HTQT, P. KT&ĐBCLGD tiếp tục phối hợp theo dõi chặt chẽ tiến độ học tập của NH, đặc biệt là các SV bị cảnh báo học vụ để hỗ trợ kịp thời.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, KSK phối hợp với P.ĐT, QLKH&HTQT nghiên cứu tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn NH. Xây dựng dữ liệu về ý kiến của các BLQ trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 8.4: Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác, nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động tư vấn học tập, NCKH, hoạt động ngoại khóa, thi đua cũng như các dịch vụ hỗ trợ khác đối với người học của Trường ĐHSKĐAHN- KSK được thực hiện kịp thời ngay từ thời gian đầu ở trường đại học cho đến khi tốt nghiệp. Phòng CTHSSV của Trường là đơn vị chức năng chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua để hỗ trợ việc học tập của SV, Ban Giám hiệu Nhà trường phân công một Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác HSSV [H8.08.04.01]. Bên cạnh đó, các hoạt động tư vấn được thực hiện bởi Đoàn Thanh niên CSHCM; đội ngũ giảng viên chuyên môn; giáo viên chủ nhiệm và trợ lý của Khoa [H8.08.04.02].

Quy trình triển khai các hoạt động động tư vấn, hỗ trợ SV được vận hành ngay khi mỗi khóa đào tạo bắt đầu, Trường có quyết định phân công GVCN cho từng lớp, phân công cán bộ lớp, đây là những đầu mối giao tiếp cơ bản của Trường đối với NH [H8.08.04.03].

Trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H8.08.04.04] giúp SV nắm nhất tiếp cận các quy chế, hướng dẫn phương pháp học tập, cách thức đánh giá cũng như các quy định công dân để nhanh chóng hòa nhập với môi trường học tập mới trong trường đại học. Bên cạnh đó, Trường còn cung cấp sổ tay sinh viên để mỗi SV tham khảo và sử dụng khi cần trong suốt quá trình học [H8.08.04.05]. Ngoài ra, Trường phân công KSK tổ chức buổi đón tiếp SV mới với sự tham gia đầy đủ CB, GV, đại diện Nhà trường và tất cả SV của Khoa [H8.08.04.06].

Trong suốt quá trình học, NH được hỗ trợ các chính sách như: học bổng và hỗ trợ thủ tục hành chính trong chương trình vay vốn tín dụng đối với HSSV [H8.08.04.07], miễn giảm học phí theo quy định của Nhà nước (người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo, cũng như việc trợ cấp xã hội cho SV) [H8.08.04.08], đăng tải thông tin tuyển dụng cũng như có báo cáo tổng kết đánh giá tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.09].

SV ngành ĐDSK còn được tham gia những hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ trực tiếp cho việc học tập như: tham gia các chuyên đề được thực hiện theo lịch (và cả bất thường) tùy theo sự kiện, diễn ra trong đời sống kịch, điện ảnh, truyền hình Việt Nam cũng như Quốc tế; tham dự các buổi biểu diễn; chiếu phim mở rộng của lớp, của Khoa; tham gia các Liên hoan kịch, phim sinh viên trong và ngoài trường; các Hội thảo hằng năm [H8.08.04.10]. Những hoạt động hỗ trợ đặc thù nghề nghiệp này đã giúp cho SV ngành ĐDSK được trải nghiệm ngay từ khi còn đang theo học tại Trường (tham dự các tác phẩm kịch, phim...) và nhận được giải thưởng [H8.08.04.11].

Để nâng cao hiệu quả học tập cho SV, GV chuyên môn của Khoa chịu trách nhiệm hỗ trợ, theo dõi và hướng dẫn SV trong suốt quá trình học tập theo quy định của Trường. Bên cạnh đó, trong các cuộc họp giao ban định kỳ hằng tháng, công tác hỗ trợ SV được Nhà trường rà soát, P.CTHSSV có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, cũng

như những công việc trong tháng để toàn Trường được biết, Hiệu trưởng Nhà trường đều có kết luận chỉ đạo kịp thời [**H8.08.03.06.DC**].

Đặc biệt, đối với những SV xuất sắc, KSK đều đề nghị Nhà trường xem xét để thi vào lớp tài năng, giúp sinh viên có nhiều điều kiện, cơ hội cải thiện việc học tập và cơ hội nghề nghiệp [**H8.08.04.12**].

Định kỳ mỗi năm một lần, Trường tổ chức Hội nghị đối thoại giữa cán bộ lãnh đạo Nhà trường với SV toàn trường, nhằm tập trung giải đáp các thắc mắc của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và hỗ trợ người học, Ngoài ra, Khoa cũng chỉ đạo các lớp tổ chức sinh hoạt lớp định kỳ, có đại diện Ban Giám hiệu, GVCN, trợ lý Khoa tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV [**H8.08.03.11.DC**]

Trường, Khoa tích cực chủ động lên danh sách các đơn vị thực tập phù hợp với ngành ĐDSK để SV lựa chọn hoặc khuyến khích SV chủ động lựa chọn, tìm kiếm đơn vị thực tập theo mong muốn và có sự hướng dẫn của GV trong quá trình SV thực tập nghề nghiệp, đồng thời thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp và kết nối mạng lưới cựu NH để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV [**H8.08.04.13**].

Ngoài ra, ĐTNCSHCM Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa như tổ chức các hoạt động thể thao phong trào cho SV, nhằm tạo điều kiện giao lưu giữa SV các khóa, các ngành đào tạo và giữa SV với GV, viên chức Trường, hỗ trợ tích cực việc học tập và nâng cao đời sống tinh thần, thể chất cho SV. [**H8.08.04.14**]. Qua mỗi hoạt động SV được trau dồi và rèn luyện thêm các kỹ năng mềm đồng thời SV có cơ hội thể hiện sức sáng tạo, nhiệt huyết và bản lĩnh của tuổi trẻ; mỗi hoạt động đều được đánh giá thi đua, khen thưởng cho cá nhân và tập thể. Công tác tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV ngành ĐDSK đã có những ảnh hưởng tích cực đến đời sống tinh thần cũng như khuyến khích SV nỗ lực học tập, rèn luyện tốt hơn. Từ năm 2018-2023, Nhà trường/ Khoa chưa nhận được thông tin nào phản hồi không tốt về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác từ SV. [**H6.06.04.12.DC**] [**H6.06.06.07.DC**] [**H7.07.05.09.DC**]. Tuy nhiên, Nhà trường và Khoa chưa định kỳ khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH, cựu NH về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có rất nhiều hoạt động hỗ trợ học tập, ngoại khóa, thi đua để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

3. Điểm tồn tại

Chưa khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, KSK phối hợp phòng CTHSSV,

ĐTNCSHCM tiếp tục tăng cường các hoạt động ngoại khóa, tọa đàm hướng nghiệp cho sinh viên năm cuối (bằng cả hình thức trực tuyến).

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, KSK phối hợp với phòng KT&ĐBCLGD định kỳ lấy ý kiến phản hồi của NH, cựu NH đánh giá về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác của Khoa/ Trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm thiết lập môi trường làm việc, học tập thân thiện, không khí thoải mái, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, Nhà trường luôn có chính sách về bảo đảm môi trường học tập, sức khỏe và an toàn cho người học, các hoạt động này được giao cho Phòng Hành chính, tổng hợp chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong toàn Trường [H8.08.05.01]. Để có được cảnh quan sạch đẹp, nhà trường đã hợp đồng với đội vệ sinh của công ty Hoàn Mỹ làm việc từ 6h30-16h30 tất cả các ngày [H8.08.05.02].

Bên cạnh đó, Nhà trường được sử dụng khu giáo dục thể chất và ký túc xá thuộc Bộ VH&TT&DL xây dựng riêng cho các trường văn hóa nghệ thuật. Khu thể chất có sân bóng đá, nhà thi đấu đa năng và khu bể bơi với cảnh quan thoáng mát, tiện nghi cùng nhiều chính sách hỗ trợ thể thao, các hoạt động giải trí [H8.08.05.03]. Đoàn TNCSHCM Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao và nhiều cuộc thi bổ ích khác để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho SV, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng SV trong Trường [H8.08.05.04]. Nhà trường có sơ đồ, vị trí lắp đặt pano, băng rôn và hình ảnh pano, băng rôn trong đó có các Pano tại các khu giảng đường để mỗi NH, NV luôn nhận thức được vai trò sứ mệnh của bản thân, có động lực làm việc, học tập, phát triển bản thân [H8.08.05.05].

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để NH thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, nhà trường có phòng y tế tại tòa nhà A2 với một cán bộ phụ trách luôn hỗ trợ sinh viên về vấn đề y tế cơ bản [H8.08.05.06]. Giai đoạn 2018-2023, 100% SV KSH được tham gia bảo hiểm y tế đầy đủ. Hằng năm, SV được thăm khám sức khỏe cơ bản định kỳ và hướng dẫn tham gia các hoạt động tích cực của y tế [H8.08.05.07]. SV được cung cấp sổ tay sinh viên và được phổ biến các văn bản về quy tắc ứng xử của cán bộ cũng như học sinh, sinh viên trong Nhà trường [H8.08.05.08]. Công tác an toàn học đường/an toàn vệ sinh thực phẩm được Trường, Khoa quan tâm chỉ đạo và giám sát hiệu quả [H8.08.05.09]. Hằng năm, nhà trường tổ chức phun thuốc muỗi để phòng chống dịch sốt xuất huyết; thực hiện nghiêm túc các biện pháp sát khuẩn/khuẩn/ phòng chống dịch theo quy định, nhất là trong giai đoạn phòng chống dịch Covid vừa qua [H8.08.05.10].

Ngoài ra, nhà trường luôn chú trọng hệ thống phòng cháy, chữa cháy. Hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy tại các giảng đường, phòng thực hành, các phòng làm việc được trang bị đầy đủ, định kỳ Nhà trường tổ chức khóa tập huấn PCCC cho nhân viên để có kỹ năng bảo đảm an toàn về cháy nổ trong nhà trường; được lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy kiểm tra định kỳ [H8.08.05.11].

Hoạt động NCKH của KSK được viết ra, đúc kết về nghề nghiệp hầu hết chỉ hiện hữu ở các bài viết của thể hệ làm nghề lâu năm, đặc biệt của báo chí, của chuyên ngành lý luận phê bình, hoặc người xem và trong thực tế của kịch, điện ảnh, truyền hình thể giới... Nhà trường có sân khấu A3 – Nhà hát thể nghiệm; Trung tâm thực hành sân khấu - điện ảnh, ở đây có đầy đủ các thiết bị để hỗ trợ các sinh viên làm bài tập. Nhiều hoạt động học tập, clip được chính các em ghi hình ngay trong khuôn viên của Trường và có những vở diễn được các em thực hiện ngay tại Nhà hát thể nghiệm [H8.08.05.12].

Định kỳ, Khoa và Trường tổ chức đối thoại với SV để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của SV từ đó đưa ra những giải pháp cho các vấn đề mà SV gặp phải. Đa số SV hài lòng với những điều kiện về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan mà Nhà trường mang lại [H8.08.05.13].

2. Điểm mạnh

Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

3. Điểm tồn tại

Khu thể chất của Trường do Bộ VHTTDL quản lý riêng, do đó quần thể để sinh viên rèn luyện thể dục thể thao bị hạn chế. Nhà trường chưa định kỳ lấy phiếu phản hồi của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023- 2024, Nhà trường tiếp tục rà soát, thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo đảm duy trì một môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2023 - 2024, KSK phối hợp với phòng CTHSSV, PHCTH định kỳ lấy phiếu phản hồi của NH về môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan của Trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành ĐDKS. Chất lượng NH thể hiện trước hết ở điểm đầu vào của ngành từ khâu Nhà trường tổ chức tuyển sinh cho đến kết quả học tập và rèn luyện trong suốt thời gian đào tạo tại Trường của NH được lưu trữ tại Phòng ĐT,QLKH &HTQT, Phòng

CTHSSV của Nhà trường. NH được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của Khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập, NCKH và thể chất, tinh thần, nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân.

Bên cạnh đó, Trường vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục như: Chưa có sự phân tích, đánh giá và dự báo chi tiết về nhu cầu nhân lực hằng năm; chưa định kỳ lấy phiếu phản hồi của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

Điểm mạnh nổi bật: Chất lượng người học của CTĐT luôn được quan tâm hàng đầu và chủ chốt trong toàn bộ quá trình đào tạo của cơ sở đào tạo. Thêm vào đó, các hoạt động hỗ trợ NH từ đơn vị đào tạo như Khoa chuyên môn, hay các phòng ban đều được đảm bảo sao cho có chất lượng tốt nhất.

Điểm tồn tại cơ bản: Chưa định kỳ lấy phiếu phản hồi của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường. Chưa có nhiều hoạt động hỗ trợ NH.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 8 : Tiêu chuẩn 8 có 5 tiêu chí đạt, trong đó cả 2 tiêu chí đạt mức 5/7; và 3 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường ĐHSKĐAHN bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất (CSVC) và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, phòng chiếu phim, nhà hát, trường quay (Trung tâm âm thanh - ánh sáng sân khấu) và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành được đặt tại TTTTTV của Trường, thư viện điện tử (băng đĩa, phim v.v...) KSK đang sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN có tổng diện tích là 20.610,8 m², trong đó diện tích nơi học: 11.257 m². Nhà trường có đủ phòng học là 161 phòng học lý thuyết và thực hành thuộc các khu vực giảng đường là nhà A1, A2, khu B, khu C với trung bình tỷ lệ diện tích sàn/sinh viên là 8,77m². Phòng thực hành/ xưởng thực tập là 4575 m². Thư viện, hội trường, các phòng chức năng và Khoa có không gian rộng rãi thuận lợi cho cán bộ làm việc cũng như đón tiếp sinh viên [H9.09.01.01].

Hiện nay, hệ thống phòng làm việc của KSK được đặt tại khu A, bao gồm 01 văn phòng Khoa và 01 phòng Trưởng Khoa. Các phòng này có diện tích khoảng 40m² (bình quân 10m²/1 GV), được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in, điều hòa, tủ đựng tài liệu phù hợp yêu cầu công việc [H9.9.01.02].

Ngoài các phòng học lý thuyết, SV của KSK còn được học tại phòng học chức năng như: A2 - 401 (khoảng 100 m²); A2 - 201 (khoảng 60 m²); A2 - 202 (khoảng 60m²); Khu nhà B đang xây mới lại; sân khấu mini (khoảng 160 m²); trường quay C2 với diện tích khoảng 130m². Ngoài ra đến năm thứ 4, gần đến ngày tốt nghiệp, các lớp Diễn viên Kịch – điện ảnh được bố trí học ở nhà hát A3 (khoảng 300m²). Đồng thời, các khu vực giảng đường và khu vực các phòng chức năng đều được bố trí đầy đủ thiết bị PCCC, nội quy sử dụng phòng **[H9.09.01.02]**. Bên cạnh đó, Trường được sử dụng CSVC với quần thể nhà thi đấu thể thao, bể bơi, sân bóng, nhà thi đấu đa chức năng, ký túc xá thuộc Bộ VHTTDL quản lý **[H9.09.01.03]**.

Trường giao cho Phòng HCTH (bộ phận Hành chính, quản trị) quản lý, bảo dưỡng, lập kế hoạch sửa chữa, quản lý tài sản, trang thiết bị nhằm bảo đảm an toàn, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng **[H9.09.01.04]**; xây dựng kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hằng năm nhằm bổ sung, bảo trì, thay thế và nâng cấp cơ sở vật chất **[H9.09.01.05]**. Nhà trường đã có kế hoạch chiến lược phát triển về CSVC để định hướng, xác định và triển khai các hoạt động nhằm tăng cường CSVC và nâng cao hiệu quả hoạt động đối với các CSVC hiện có **[H9.09.01.06]**. Bên cạnh đó, hằng năm, trong Hội nghị CBCCCVC, Trường luôn công khai kinh phí về các kế hoạch xây dựng, nâng cấp, sửa chữa hệ thống phòng học và các phòng chức năng đến CB và GV **[09.09.01.07]**.

Năm 2017, trong Báo cáo đánh giá ngoài của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Đại học Quốc gia Hà Nội (KĐCLGD – ĐHQGHN) đã thực hiện kiểm tra thực tế và ghi nhận Nhà trường đạt tiêu chuẩn về việc có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành phục vụ cho dạy, học và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo **[H9.09.01.08]**.

Mặc dù CSVC của Nhà trường thường xuyên được Bộ VHTTDL đầu tư, nâng cấp, nhưng do yêu cầu đào tạo càng ngày càng đòi hỏi cao hơn trong đầu tư đạo cụ học tập để đáp ứng đa dạng loại hình nghệ thuật sân khấu... điều này đòi hỏi Trường cần đầu tư các thiết bị chuyên ngành đáp ứng nhu cầu công tác đào tạo, NCKH.

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, nhà hát, phòng thực hành, phòng chiếu phim, trường quay... với nhiều thiết bị hiện đại, phù hợp với từng chuyên ngành, phục vụ cho dạy, học. CSVC được đầu tư nâng cấp thường xuyên để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Một số phòng học bố trí cho SV chuyên ngành chất lượng cao của KSK chưa được trang bị thêm các đồ dùng học tập chuyên dụng như phòng cách âm; hệ thống bụi, hệ thống âm thanh, ánh sáng; điều hòa, băng đĩa tư liệu học tập, trang phục biểu diễn, đạo cụ sân khấu ... ảnh hưởng đến quá trình giảng dạy và học tập.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023 - 2024, KSK và các đơn vị trong toàn Trường lên kế hoạch rà soát CSVC, đề xuất với Nhà trường tiếp tục hỗ trợ thêm trang thiết bị mới; mua sắm, đóng mới thêm đạo cụ học tập, hệ thống bụi, hệ thống âm thanh, ánh sáng, cho mỗi phòng học; đầu tư về trang phục biểu diễn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2023 - 2024, KSK phối hợp với PHCTH quy hoạch lại các phòng học chuyên dụng, phòng chức năng cho các lớp học tài năng; thực hiện bảo dưỡng định kì các trang thiết bị sẵn có để bảo đảm hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng của Khoa nói chung và ngành ĐDSK nói riêng.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trung tâm Thông tin, Thư viện của Trường ĐHKĐAHN được bố trí trên một mặt bằng khá thuận lợi cho bạn đọc với tổng diện tích sử dụng là 581,4m² [H9.09.02.01]. Thư viện của Trường hiện nay chia thành hai bộ phận: Thư viện sách và thư viện điện tử đặt tại Trường ĐHKĐAHN, phục vụ việc học tập của sinh viên và giảng dạy của viên chức Nhà trường. Tổ chức biên chế của Thư viện thực hiện theo Quyết định số 13/2008/QĐ - BVHTTDL ngày 10/3/2008 của Bộ VHTTDL ban hành về Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện trường Đại học [H9.09.02.02]. Hiện tại nhân sự của thư viện là 04 cán bộ biên chế, thư viện hoạt động 05 ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6, thời gian hoạt động từ 8h-18h.

Về cơ sở hạ tầng: Trung tâm Thông tin thư viện được bố trí tại tầng 6 nhà A1 gồm 05 phòng (A601, A602, A604, A606, A608) với tổng diện tích sử dụng là 581,4m², trong đó 01 phòng đọc mở (A608) bao gồm cả thư viện điện tử có diện tích 190,3m²; toàn bộ diện tích còn lại (391,1m²) bao gồm: Kho sách, tài liệu (A601, A602, A604) và phòng xử lý dữ liệu (A606) [H9.09.02.03]. Để đáp ứng nhu cầu phục vụ học tập và nghiên cứu Khoa học. Hằng năm, thư viện đặt báo, tạp chí cho các phòng, ban, Khoa và thư viện; nhân bản tài liệu, nhập sách tài liệu do các nơi tài trợ như: Nhà xuất bản văn học, Nhà xuất bản Sân khấu, Hội điện ảnh. Hội nghệ sĩ Nhiếp ảnh... [H9.09.02.04].

Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy/quy định/hướng dẫn, v.v). Thư viện cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Có đầy đủ sách giáo trình chính cho mỗi học phần thuộc CTĐT ĐDSK và có tài liệu tham khảo tối thiểu đối với mỗi HP thuộc CTĐT... [H2.02.02.02.DC] [H2.02.01.02. DC] [H9.09.02.05].

Nhà trường có hệ thống thư viện điện tử với tài liệu số hoá, ebooks, liên kết đến thư viện số, tạp chí online đáp ứng đủ nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của GV, người học

và các bên liên quan; dễ dàng truy cập phục vụ học tập mọi lúc mọi nơi. Thư viện điện tử được nối mạng Internet và mạng Lan với 01 máy chủ và 10 máy trạm (tại trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội). Thư viện điện tử lưu giữ các bài giảng của chuyên gia nước ngoài và các giáo sư đầu ngành về nghệ thuật, các phim điện ảnh - truyền hình kinh điển trong nước và nước ngoài, các loại sách và tài liệu phục vụ các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của Trường, phục vụ nhu cầu nghiên cứu học tập của cán bộ giảng viên và sinh viên (gồm các bài giảng chuyên ngành, trích đoạn, ảnh tư liệu, ảnh biểu diễn **[H9.09.02.06]**).

Hệ thống máy vi tính trong TTTTTV được nối mạng nội bộ và internet; máy tính tại quầy thủ thư được cài đặt phần mềm quản lý thư viện Ilib ver 4.1 do CMC cung cấp. Phần mềm Ilib bao gồm các module bổ sung, biên mục, lưu thông, mượn trả dành cho thủ thư phòng đọc. Cơ sở dữ liệu về sách, tài liệu và các thông tin về bạn đọc, quá trình lưu thông, mượn trả được lưu trữ thông qua máy chủ Thư viện. Tài liệu được phân loại theo chuẩn DDC14 và mô tả dưới dạng biểu ghi MARC 21, nhập vào cơ sở dữ liệu, sau đó được dán mã vạch và được xếp giá theo phân loại thập phân DDC. Thông tin bạn đọc cũng được nhập các trường họ, tên, ngày sinh, lớp, ảnh vào cơ sở dữ liệu và phát hành thẻ có mã vạch **[H9.09.02.07]**.

Bên cạnh nguồn học liệu tại TTTTTV, hằng năm, sau 2 kỳ tốt nghiệp của SV KSK đều nộp về TTTTTV tất cả các tiểu luận tốt nghiệp để SV các khóa sau có thể tham khảo. Khoa cũng lưu trữ để các GV minh họa cho các bài giảng và cung cấp cho SV mượn. Các vở diễn do Khoa dàn dựng và tham gia các Liên hoan Sân khấu, các cuộc thi sân khấu chuyên nghiệp; các GV và SV đạt giải thưởng nghề nghiệp trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, đạt giải Huy chương Vàng, Huy chương Bạc, Bằng khen.... đều được Khoa sưu tập để phục vụ công tác giảng dạy **[H9.09.02.09]**.

Hằng năm, để các nguồn học liệu phong phú và cập nhật, nhằm phục vụ tốt nhu cầu của người sử dụng, thư viện phối hợp với Khoa trong việc bổ sung các giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Quy trình cập nhật tài liệu thể hiện sự phối hợp giữa thư viện và các Khoa bảo đảm tài liệu phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của Trường **[H9.09.02.10]**. Nhà trường đã tổ chức đợt khảo sát thăm dò ý kiến bạn đọc về chất lượng phục vụ của thư viện, hơn 98% bạn đọc đánh giá chất lượng phục vụ ở mức độ tốt **[H9.09.02.11]**. Cán bộ TTTTTV thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và tham gia các lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý **[H9.09.02.12]**.

2. Điểm mạnh

TTTTTV của Trường hiện nay cơ bản có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho NH và GV của Trường nói chung và của ngành ĐDSK nói riêng. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép GV và NH tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải về cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước. Ngoài ra, KSK có lưu trữ tư liệu riêng mang tính chuyên sâu cho

chuyên ngành đào tạo. Phòng tư liệu của Khoa được bố trí ngay khu vực làm việc và phòng học của Khoa nên rất thuận lợi cho việc khai thác của CB và SV.

3. Điểm tồn tại

Giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập cho ngành ĐDSK chưa cập nhật; tài liệu băng đĩa các vở diễn trong và ngoài nước chưa nhiều; tài liệu về trang phục biểu diễn các thời kỳ khác nhau chưa có; nguồn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo sau đại học còn hạn chế, chưa có nhiều sự hợp tác và liên kết với các thư viện khác để chia sẻ tài nguyên thông tin và kinh nghiệm trong quản lý thư viện.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, TT TTTV phối hợp KSK xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả nguồn học liệu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ và đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của CB, GV và NH. Ứng dụng CNTT trong quản lý thư viện, giúp bạn đọc khai thác hiệu quả nguồn tài liệu có sẵn. Khoa Sân khấu đề xuất Nhà trường có kế hoạch từng bước tăng cường các đầu sách chuyên ngành, giáo trình, tài liệu đầy đủ cho tất cả các ngành, chuyên ngành đào tạo.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Khoa Sân khấu, TTTTV triển khai liên kết với các thư viện có cùng chuyên ngành đào tạo để chia sẻ, trao đổi tài nguyên thông tin.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN có đủ phòng thực hành và trang thiết bị để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Do đặc thù của các chuyên ngành đào tạo, Trường không có hệ thống phòng thí nghiệm. Với đặc điểm là một trường đào tạo nguồn nhân lực cho nhiều ngành trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình có trình độ từ đại học đến sau đại học, do đó để thực hiện công tác đào tạo, trường có phòng thực hành, sàn tập, phòng chiếu phim, trung tâm thực hành SKĐA, nhà hát (sân khấu biểu diễn), xưởng vẽ... (sau đây gọi chung là phòng thực hành) và được bố trí phù hợp với yêu cầu thực hành của các Khoa [H9.09.01.01.DC][H9.09.03.01].

Những năm gần đây, bên cạnh khu nhà C, B, E Nhà trường đã xây mới hai tòa nhà A1, A2 và Nhà hát thể nghiệm A3 và đang xây dựng mới khu B. Khu Thủy đình với không gian được thiết kế phục vụ cho các hoạt động biểu diễn ngoài trời. Nhà trường có hội trường lớn 300 chỗ phục vụ cho việc thực hành của sinh viên các Khoa [H9.09.03.02]. Trường hiện có 109 phòng học lý thuyết với tổng diện tích là: 6682 m². Phần lớn các phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng chống lóa, điều hòa. Thiết bị học tập phục vụ theo yêu cầu tối thiểu của từng Khoa. Các phòng học lớn sử dụng cho việc học tập trung nhiều lớp. Phòng học nhỏ sử dụng cho các lớp học nhóm, học chuyên môn của Khoa Sân khấu, Khoa

Truyền hình, Khoa Kịch hát dân tộc... Một số phòng học được trang bị máy Projector, bộ máy chiếu DVD phục vụ cho việc xem phim và nghiên cứu của sinh viên [H9.09.03.03]. Nhà trường có 52 phòng thực hành với tổng diện tích 4575 m². Đó là điều kiện cơ bản về cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu thực hành của SV (đặc biệt là khối nghệ thuật). Một số phòng thực hành như: trường quay, phòng chụp ảnh, phòng dựng phim, phòng chiếu phim, phòng in tráng phim được sử dụng chung cho các Khoa Sân khấu, Khoa Nghệ thuật Điện ảnh, Khoa Truyền hình, Khoa Nhiếp ảnh. Đặc biệt, năm 2010 Nhà hát thể nghiệm A3 được đưa vào sử dụng, nhà hát có máy chiếu hiện đại, âm thanh, ánh sáng tương đương một sân khấu nhỏ với 320 ghế, phục vụ chiếu phim và biểu diễn nghệ thuật. Với một nhà hát thu nhỏ như vậy trong một trường nghệ thuật, Nhà trường đã có một cơ sở vật chất đầy đủ và hiện đại để phục vụ việc học, dạy và thực tập của sinh viên [H9.09.03.04].

Thiết bị trong mỗi phòng thực hành đều có tài liệu hướng dẫn sử dụng và được theo dõi tình trạng làm việc và ghi chú trong sổ ghi chép giám sát [H9.09.03.05]. Trường/ Khoa thường xuyên phổ biến đến người làm việc trong phòng thực hành các quy định, nội quy phòng, quy tắc an toàn và phòng chống cháy nổ [H9.09.03.06]. Các phòng thực hành được thiết kế khoa học, bảo đảm an toàn điện, an toàn cháy nổ. GV và SV làm việc tại phòng thực hành luôn được học và kiểm tra các quy tắc an toàn trước khi học tập tại đây.

Tất cả các phòng thực hành đều có nội quy, hướng dẫn sử dụng thiết bị phòng thực hành. Các hoạt động dạy học, NCKH của SV được thực hiện dưới sự hướng dẫn của GV và cán bộ phụ trách phòng thực hành, bảo đảm việc sử dụng hệ thống phòng thực hành có hiệu quả [H9.09.03.07].

Để bảo đảm các trang thiết bị trong phòng thực hành, Trường giao cho Phòng HCTH làm đầu mối quản lý (hiện nay là bộ phận hành chính, quản trị), Phòng có kế hoạch thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, bổ sung, nâng cấp và đầu tư mới thiết bị để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu [H9.09.03.08]. Vào đầu mỗi năm học, Phòng HCTH (HCQT) đều có kế hoạch và thông báo đến các đơn vị trong toàn Trường về việc mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất. KSK căn cứ nhu cầu đào tạo đề xuất mua sắm thiết bị, dụng cụ [H9.09.03.09]. Trường có hồ sơ theo dõi, quản lý, đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị [H9.09.03.10]. Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch và phân bổ kinh phí cho bảo dưỡng các trang thiết bị; đầu tư mua sắm trang thiết bị để thay thế, cập nhật đáp ứng yêu cầu CTĐT [H9.09.03.11]. Bên cạnh đó, Trường còn có mối quan hệ mật thiết với các nhà hát, hãng phim, đài truyền hình. Các đơn vị này luôn tạo điều kiện thuận lợi cho SV của Trường về thực hành, thực tập tốt nghiệp. Ngoài ra, do đặc thù đào tạo, KSK còn sử dụng chung các trang thiết bị được hỗ trợ cho các Khoa khác trong Trường tại Trung tâm Thực hành Sân khấu - Điện ảnh [H9.09.03.12].

Nhà trường đã tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng về phòng thực hành đối với nhu cầu dạy học và NCKH. Kết quả cho thấy trên đa số CB, GV và NH không có ý kiến phản nản về tình trạng thiếu phòng thực hành. [H9.09.03.13]. Trên cơ sở phản hồi của

các đơn vị, Nhà trường xem xét, kiểm tra thực tế và tiến hành cập nhật trang thiết bị [H9.09.03.14]. Việc đầu tư ngày càng hạn chế do cắt giảm ngân sách công, dẫn đến những trở ngại trong đầu tư trang thiết bị phù hợp cũng như việc được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

2. Điểm mạnh

KSK có phòng thực hành được bố trí hợp lý và các trang bị thiết yếu để phục vụ học tập và giảng dạy được đầu tư thường xuyên. Khoa luôn nhận được sự hỗ trợ của Nhà trường về đầu tư mua sắm, cải tạo và sửa chữa; các đơn vị tuyển dụng (các Nhà hát, hãng phim, Trung tâm chiếu phim quốc gia) hỗ trợ thực hành.

3. Điểm tồn tại

Thiết bị chuyên ngành đầu tư còn hạn chế do nguồn kinh phí hạn hẹp.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Trường giao cho P. HCTH chủ trì (bộ phận HCQT) tiếp tục tăng cường công tác quản lý trang thiết bị theo đúng chức năng nhiệm vụ của các đơn vị. Nhà trường tiếp tục thực hiện bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để bảo đảm hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, định kỳ 02 năm một lần thực hiện khảo sát sự hài lòng về chất lượng của hệ thống các phòng học và phòng thực hành, hệ thống thiết bị. Trường giao cho P. HCTH tham mưu và phối hợp KSK để xây dựng cơ chế phối hợp với NTD, các đơn vị có thiết bị thực hành hiện đại để nâng cao hiệu quả hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nâng cao hơn nữa công tác quản lý trang thiết bị tại một số phòng thực hành. Duy trì tốt quy trình bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị thực hành.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN được trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH. Hệ thống máy tính của Nhà trường gồm máy chủ với 229 máy tính, trong đó 129 máy tính dành cho các phòng làm việc, các văn phòng Khoa và 100 máy tính đặt tại 02 phòng máy phục vụ giảng dạy và học tập [H9.09.04.01]. Khuôn viên Trường, thư viện, KTX đều được phủ sóng wifi; tất cả các máy tính được kết nối với hệ thống internet 24/24 giờ phục vụ quản lý, học tập, NCKH. Nhà trường có các phần mềm chuyên dụng quản lý điều hành văn bản và trao đổi công việc, quản lý người học, tài chính và nhân sự; bản quyền sử dụng do đơn vị cung cấp chịu trách nhiệm [H9.09.04.02]. Thư viện trường có hơn 20 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học. Cán bộ giảng viên toàn Trường được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng ...@skda.edu.vn. [H9.09.04.03].

Trong các phòng học lý thuyết được trang bị 06 máy projector tạo điều kiện thuận lợi, hiệu quả cho công tác giảng dạy và học tập. Thư viện điện tử của Trường được kết nối internet, để truy cập những thông tin cần thiết, khai thác tài liệu phục vụ cho công tác chuyên môn, NCKH, giảng dạy và học tập; gửi, nhận email của các phòng ban, Khoa trong Trường nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng trong công việc **[H9.09.04.04]**. Nhà trường đã thành lập Ban quản trị Trang thông tin điện tử năm 2015, 2016. Ban biên tập website được giao trách nhiệm xây dựng, cập nhật thông tin về các hoạt động của Nhà trường. Năm 2020, Nhà trường đã kiện toàn Ban biên tập website, phân công nhiệm vụ thực hiện, trang web đã được cập nhật thông tin kịp thời, phản ánh các hoạt động của Trường. Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và trang thông tin điện tử, đáp ứng yêu cầu về quản trị mạng **[H9.09.04.05]**.

Nhà trường có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin trong toàn trường **[H9.09.04.06]**. Để thực hiện quản lý hệ thống tin học, Nhà trường giao nhiệm vụ cho bộ phận đầu mối là Phòng HCTH (bộ phận HCQT) và các đơn vị chuyên môn phối hợp quản lý với 01 kỹ thuật viên (trình độ trung cấp) và các kỹ thuật viên tại các đơn vị chuyên môn có năng lực chuyên môn hỗ trợ, hướng dẫn cán bộ, người học sử dụng. Để quản lý và khai thác tối đa hiệu quả các trang thiết bị tin học trong các hoạt động dạy học, NCKH và quản lý, tại các phòng máy tính có nội quy sử dụng, sổ sách theo dõi, quản lý và nhật ký sử dụng các trang thiết bị tin học một cách quy chuẩn. **[H9.09.04.07]**.

Nhà trường thường xuyên quan tâm trong việc ký kết các hợp đồng mua sắm các phần mềm chống virus, lưu trữ dữ liệu với các công ty bên ngoài giúp bảo đảm an toàn dữ liệu và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin. Năm 2017, theo ghi nhận của Báo cáo đánh giá ngoài Trường Đại học SKĐAHN do Trung tâm KĐCLGD – ĐHQGHN kiểm định, Trường có đầu tư sửa chữa nâng cấp hệ thống máy chủ, máy trạm và trang bị thêm một số phần mềm mới; kinh phí đầu tư khoảng 400 triệu đồng/năm **[H9.09.04.08]**. Bên cạnh đó, việc tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ cũng được tổ chức thường xuyên **[H9.09.04.09]**. Tuy nhiên, do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều, nên có lúc việc truy cập vào internet bị chậm. Năm 2016, Nhà trường đã lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin. Kết quả phản hồi cho thấy giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường **[H9.09.04.10]**.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý của Nhà trường được tin học hóa sử dụng hệ thống thông tin điện tử. Hệ thống công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính tại các phòng chức năng, hệ thống wifi) được chú trọng đầu tư và nâng cấp.

3. Điểm tồn tại

Việc áp dụng CNTT trong quản lý đào tạo, thư viện, trong lưu trữ... còn hạn chế.

Tín hiệu mạng wifi tại một số vị trí trong Nhà trường còn yếu và không ổn định. Việc bảo dưỡng, nâng cấp các máy tính tất cả các phòng chưa thực hiện thường xuyên. Việc khảo sát ý kiến của GV, nhân viên hỗ trợ và NH về tính hiệu quả sử dụng của các thiết bị trong giảng dạy /học tập, NCKH, quản lý chưa được thực hiện định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Nhà trường lên kế hoạch nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, đặc biệt chú trọng đến việc phát triển các phần mềm quản lý, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy cập internet. Tăng cường CNTT trong hoạt động văn thư lưu trữ, quản lý đào tạo, thư viện.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, KSK phối hợp các phòng chức năng khảo sát ý kiến của GV, NV hỗ trợ và NH về tính hiệu quả sử dụng của các thiết bị trong giảng dạy /học tập, NCKH, quản lý.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN xác định việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện là trách nhiệm của toàn thể cán bộ công chức VC, người lao động, NH trong Trường. Nhà trường luôn bám sát các quy định hiện hành của Nhà nước về môi trường, sức khỏe, an toàn và triển khai thực hiện bằng những hành động cụ thể **[H9.09.05.01]**.

Về môi trường, Trường ĐHSKĐAHN luôn quan tâm xây dựng cảnh quan và môi trường học tập, làm việc nhằm thiết lập đến việc xây dựng môi trường lành mạnh, thúc đẩy phát triển sức khỏe và an toàn cho CBGV và người học của Nhà trường. Do đặc thù đào tạo của Nhà trường, trong quy chế tuyển sinh không có người khuyết tật. Nhà trường có khuôn viên được trồng cây xanh, trồng hoa, có hồ nước thả hoa súng tạo nên một khuôn viên học tập lý tưởng cho người học **[H9.09.05.02]**. Để tạo thuận lợi cho cán bộ, GV và NH trong quá trình làm việc, học tập cũng như khách đến liên hệ công tác, Trường có sơ đồ chỉ dẫn đến các khu làm việc, phòng học, phòng thực hành. Gắn biển “cấm hút thuốc”; treo panô, áp phích về xây dựng môi trường không khói thuốc ở các vị trí dễ quan sát trong Nhà trường **[H9.09.05.03]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường ký hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường làm việc hằng ngày để bảo đảm vệ sinh các phòng học, các khu giảng đường trong khuôn viên toàn Trường **[H9.09.05.04]**. Ngoài ra, Nhà trường đã tổ chức kiểm tra về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường **[H9.09.05.05]**.

Hằng năm, để bảo vệ sức khỏe cho CB, GV và NH, Nhà trường đều tiến hành công tác phun thuốc phòng dịch. Năm 2020, khi xuất hiện dịch bệnh Covid 19, Nhà trường đã khẩn trương thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid 19 theo quy

định của Chính phủ **[H9.09.05.06]**. Nhà Trường có phòng y tế riêng, với một cán bộ y tế phụ trách, theo dõi tình hình sức khỏe cho sinh viên và CB, NV, GV phối hợp thường xuyên với các bệnh viện để thực hiện định kỳ khám sức khỏe và bảo đảm công tác khám chữa bệnh ban đầu cho CB, NV, GV và người học **[H9.09.05.07]**. Hằng năm, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho các sinh viên năm thứ nhất và cung cấp dịch vụ bảo hiểm y tế cho SV **[H9.09.05.08]**.

Đối với việc bảo đảm an toàn trường học, Nhà trường có tường rào bao quanh, cách ly với khu dân cư. Bên cạnh đó, Trường đã phối hợp có hiệu quả với các đơn vị chức năng của Công an quận Cầu Giấy tổ chức các hội nghị triển khai công tác bảo vệ, an toàn cơ quan, tập huấn nghiệp vụ cũng như các phương án bảo vệ chính trị nội bộ, PCCC cho CBVC, NV. Hằng năm, để nâng cao tinh thần cảnh giác, bảo vệ tài sản cơ quan và mỗi cá nhân, Trường tổ chức cam kết thi đua giữa các phòng ban, Khoa và các lớp SV. Trường thông báo về các quy định an toàn khi nghỉ lễ, tết và có quy định về việc tiết kiệm điện, nước **[H9.09.05.09]**. Nhà trường tổ chức Hội thảo về xây dựng văn hóa ứng xử trong trường để góp phần nâng cao ý thức xây dựng môi trường, sức khỏe, an toàn **[H9.09.05.10]**.

Công tác phòng chống bão lụt, PCCC của Trường luôn được bảo đảm và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn Trường. Nhà trường có thành lập Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ **[H9.09.05.11]**; điều động SV tham gia phòng chống bão lụt, cháy nổ. Tất cả các tòa nhà đều được bố trí hệ thống PCCC. Mọi hoạt động PCCC, cứu hộ, cứu nạn trước hết phải được thực hiện bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ. Nhà trường sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện để ứng phó kịp thời khi có cháy nổ để hạn chế thấp nhất các hậu quả về người và tài sản **[H9.09.05.12]**.

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được Ban Giám hiệu quan tâm. Nhà trường có bộ phận bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường. Bộ phận này thường xuyên được cung cấp thông tin về tình hình trật tự, an ninh của địa phương nơi Trường đóng (thông qua hội nghị tổng kết công tác an ninh cụm). Nhà trường có các quy định rõ ràng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của Phòng bảo vệ **[H9.09.05.13]**. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng quy định và yêu cầu của Trường, thường trực 24/24 giờ trong ngày. Bên cạnh đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Trường và các phòng học. Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh được lên kế hoạch rõ ràng **[H9.09.05.14]**. Để bảo đảm an ninh trường học, Nhà trường xây dựng các quy định, nội quy giảng đường, phòng thực hành, nhà xe, hội trường và quy định về việc đeo thẻ cho CB, Gv, Nh thống nhất thực hiện trong toàn Trường **[H9.09.05.15]**. Giai đoạn 2018-2023, Nhà trường chưa nhận được phản hồi nào không tích cực về các công tác kể trên.

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB

và SV; có phòng y tế độc lập phục vụ tốt nhu cầu y tế của cán bộ và SV.

3. Điểm tồn tại

Nhà ăn, căng tin của Nhà trường chưa được bố trí. Nhà trường chưa định kỳ tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi GV, CBVC, người lao động, NH về công tác bảo vệ, trật tự, an ninh và PCCC để có những điều chỉnh, bổ sung các chủ trương quy định của công tác này phù hợp với thực tiễn. Việc khuyến khích các hoạt động thể thao, rèn luyện sức khỏe cho SV và cán bộ (thực hiện ngay trong khuôn viên của Trường) còn hạn chế vì trang thiết bị về thể thao và khu nhà tập sử dụng chung với các Trường thuộc Bộ VH-TT-DL.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Trường tiếp tục xây dựng, triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội quy bảo vệ cơ quan, các phương án PCCC cũng như trách nhiệm của các bộ phận chức năng trong công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh trong khuôn viên đơn vị cho GV, CBVC, người lao động, NH. Đẩy mạnh hơn nữa công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn (ban hành quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường ĐHSKĐAHN).

Khắc phục tồn tại: Năm 2024, Ban Giám hiệu xem xét việc xây nhà ăn, căng tin của Nhà trường. Quy hoạch khu nhà B với những khuôn viên hợp lý bảo đảm hơn nữa các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Trường ĐHSKĐAHN có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành. Phòng thực hành được trang bị hiện đại để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; tuy nhiên vẫn chưa có những phòng học hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế. Hệ thống công nghệ thông tin đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đạt yêu cầu của cán bộ, giảng viên và người học của Trường.

Điểm mạnh nổi bật: CSVC và trang thiết bị của Nhà trường đầu tư phục vụ cho công tác đào tạo giảng dạy và học tập của CTĐT đều đảm bảo về chất lượng, số lượng cũng như các nhu cầu thiết yếu và nâng cao của người dạy và NH. Bảo đảm đáp ứng chất lượng CTĐT và tầm nhìn sứ mạng cũng như triết lý giáo dục của Nhà trường.

Điểm tồn tại cơ bản: Trường chưa xây dựng sân khấu quay cho yêu cầu thực hành sáng tạo của sinh viên ĐDSK với các xử lý không gian và ý đồ đạo diễn đặc thù.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 9 : Tiêu chuẩn 9 có 5 tiêu chí đạt, trong đó cả 5 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển của một cơ sở đào tạo. Do đó, để bảo đảm SV đạt được CDR ngành ĐDSK đáp ứng nhu cầu của xã hội và NTD, Trường ĐHSKĐAHN nói chung và KSK nói riêng đã và đang thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ (GV, NH, cựu SV, NTD) để thiết kế và phát triển chương trình dạy học đến việc bảo đảm chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các BLQ.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình

1. Mô tả hiện trạng

Để có CTĐT đáp ứng nhu cầu của xã hội, bảo đảm tính hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện của Nhà trường về CSVC và đội ngũ và khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp đồng thời bảo đảm sự liên thông giữa các ngành và giữa các bậc đại học, giai đoạn 2020-2022, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT của tất cả các Khoa/ trung tâm đào tạo, trong đó có KSK [H10.10.01.01]. Bên cạnh đó, năm học 2023-2024, để thực hiện CTĐT tài năng, Khoa đã tổ chức họp và lấy ý kiến của các BLQ để bổ sung, phát triển CTĐT ĐDSK [H10.10.01.02].

Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH, CDR được thực hiện theo quy trình cụ thể theo các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, văn bản hướng dẫn rà soát và điều chỉnh CTĐT của Trường ĐHSKĐAHN [H10.10.01.03]. Năm 2016, thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục Trường cũng như KSK đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nghiên cứu viên, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp) [H10.10.01.04].

Để việc khảo sát được hiệu quả, Khoa đã xây dựng quy trình, lập kế hoạch thực hiện, phân công nhiệm vụ cho cán bộ thực hiện khảo sát, thu thập thông tin liên quan đến việc xây dựng và phát triển CTĐT [H10.10.01.05]. Tuy nhiên, hoạt động khảo sát chưa được tổ chức định kỳ hằng năm, cũng như việc Khoa chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ SV tốt nghiệp sau mỗi khóa học về chất lượng CTĐT ngành ĐDSK.

Hiện nay, công tác khảo sát NH về hoạt động giảng dạy của GV đang được Nhà trường tiến hành thường xuyên, các ý kiến của NH được Nhà trường/ Khoa xem xét điều chỉnh CTDH. Thông qua các đợt khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV, tổng hợp số liệu ý kiến NH về hoạt động giảng dạy của GV, Khoa thực hiện thảo luận về điểm mạnh, điểm tồn tại và các biện pháp khắc phục và lập kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy của GV. Các kết quả đánh giá này được gửi đến tài khoản cá nhân của GV để họ nắm tình hình đánh giá của SV, trên cơ sở đó, GV tự rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động cá nhân [H10.10.01.06]. Nhà trường tổ chức kiểm tra

việc đào tạo của Khoa trong đó có nội dung về điều chỉnh của GV sau khi nhận được phản hồi của NH [H10.10.01.07].

2. Điểm mạnh

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ đã được tiến hành qua hình thức bảng câu hỏi khảo sát và phỏng vấn để làm cơ sở thiết kế và phát triển chương trình, đồng thời Khoa thực hiện rà soát CTĐT theo phản hồi trực tiếp của NH được thực hiện hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, định kỳ. Nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị nghệ thuật không cao do số lượng SV ra trường hằng năm nhiều hơn chỉ tiêu tuyển dụng. Một số SV chưa đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Trường giao cho KSK quy định bài bản hơn đối với việc lưu trữ thông tin về NH, cựu SV, các nhà sử dụng lao động để xây dựng nguồn dữ liệu đối tượng khảo sát phong phú, đồng thời quy định trách nhiệm đối với từng thành viên trong Khoa về việc lưu trữ và phát triển cơ sở dữ liệu nói trên.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Trường giao cho KSK phối hợp với PKT&ĐBCLGD, P.ĐTQLKH&HTQT, PCTHSSV xây dựng quy định (trong đó có quy trình) về công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ; lập kế hoạch định kỳ rà soát CTĐT (2 năm/ lần) để thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ làm căn cứ để rà soát, thiết kế, điều chỉnh và phát triển chương trình. Nghiên cứu triển khai cách thức lấy ý kiến phản hồi theo hình thức online.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học là cốt lõi của CTĐT. Chương trình dạy học của một CTĐT ở một trình độ cụ thể bao gồm: Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CĐR của mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá, thời lượng của CTĐT và mỗi học phần. CTĐT ngành ĐDSK được thiết kế theo 3 khối: kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành, và được sắp xếp theo 2 phần: học kỳ chung với các chuyên ngành và học kỳ đặc thù từng chuyên ngành. Trường/ Khoa thực hiện quy trình xây dựng và phát triển CTĐT theo quy định của BGDĐT, thể hiện rõ cấu trúc, khối lượng, kiến thức và CĐR cần đạt được của NH [H10.10.02.01]. Nhà trường giao cho Phòng ĐT,QLKH & HTQT là đầu mối tổ chức chỉ đạo các Khoa việc thực hiện xây dựng và phát triển CTĐT [H10.10.02.02]. Khoa là đơn vị trực tiếp xây dựng, thiết kế và phát triển CTĐT theo hướng dẫn. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được tuân thủ theo quy trình chặt chẽ, logic từ việc xác định mục tiêu, CĐR đến việc tổ chức thực

hiện, đánh giá, [H10.10.02.03]. CTĐT ngành ĐDSK được thiết kế dựa vào ý kiến đóng góp của các BLQ. Căn cứ vào các CĐR được ban hành trước năm 2015. Việc xây dựng ĐCCT các học phần mới điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật được thực hiện theo văn bản hướng dẫn Nhà trường ban hành [H10.10.02.04]; Bộ môn phụ trách xây dựng đề cương chi tiết theo hướng dẫn; Hội đồng KHĐT của Khoa, trường họp và thông qua đề cương chi tiết các học phần. Nội dung được cải tiến chủ yếu hướng vào việc đạt được CĐR CTĐT [H10.10.02.05]. Quá trình rà soát, điều chỉnh đề cương chương trình và chương trình dạy học có sự đóng ý kiến của các chuyên gia và các BLQ, Nhà trường lấy ý kiến của toàn thể các đơn vị trong Trường đối với CTĐT đã được điều chỉnh trước khi ban hành, có quyết định ban hành rõ ràng [H10.10.02.06].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng. CTDH được xây dựng và triển khai khoa học, hiệu quả, được đánh giá, cải tiến thông qua khảo sát ý kiến của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động cải tiến chất lượng, các hướng phát triển chương trình, đối sánh trong nước, quốc tế chưa được thực hiện thường xuyên đối với ngành ĐDSK. Chưa định kỳ tiến hành rà soát và đánh giá, cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, định kỳ 2 năm một lần, Khoa phối hợp với Phòng ĐT, QLKH & HTQT, P.CTHSSV thực hiện việc thu thập ý kiến phản hồi từ GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng về quy trình thiết kế, đánh giá và cải tiến CTDH nhằm giúp SV đạt được CĐR của CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2023-2024, KSK tiếp tục khảo sát các BLQ để có nhiều góp ý hơn cho việc thiết kế và phát triển CTĐT chuyên sâu của ngành ĐDSK. Từ năm 2024, KSK xây dựng kế hoạch và hoàn thành công tác rà soát, phát triển CTĐT của đơn vị mình ngay cả trong điều kiện học trực tuyến.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để bảo đảm sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định chặt chẽ trong “Quy định về công tác khảo thí của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội” và Quy chế đào tạo của Trường ĐHSKĐAHN [H10.10.03.01]; trong đó có các quy định về quy trình kiểm tra phù hợp với CĐR, cũng như các tiêu chí để đánh giá kết quả đạt được của người học. Hằng năm, Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường làm nhiệm vụ tiếp nhận ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, yêu cầu các Khoa

trong toàn Trường rà soát, cập nhật, xây dựng câu hỏi thi, đề thi bảo đảm chất lượng đào tạo [H10.10.03.02].

Bên cạnh đó, để làm tốt công tác đánh giá kết quả học tập của ngành ĐDKS, KSK đề ra quy trình đánh giá học phần [H10.10.03.03] dựa trên mẫu phiếu đánh giá học phần bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn và bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kỳ [H10.10.03.04]. Các hình thức kiểm tra đánh giá đều có bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm cụ thể. GV sẽ dựa vào những tiêu chí trong các mẫu để đánh giá SV một cách khách quan, minh bạch. Ngoài ra, ĐCCT học phần cũng chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của hình thức kiểm tra đánh giá cho từng lần kiểm tra đánh giá cụ thể của từng học phần. Các lần kiểm tra đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ [H10.10.03.05]. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy cũng như quy trình đánh giá kết quả học tập được SV đánh giá cao. Ngoài ra, SV có thể phản hồi và cập nhật thường xuyên ý kiến về chất lượng giảng dạy cũng như các hoạt động khác liên quan tới việc đánh giá kết quả học tập thông qua hoạt động lấy kiến phản hồi của NH đối với hoạt động giảng dạy của GV do Phòng KT & ĐBCLGD của Nhà trường phối hợp với Khoa thực hiện hàng năm. 100% các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành ĐDSK đều được lấy ý kiến [H10.10.03.06]. Sau khi thu thập đủ dữ liệu và đưa ra phân tích tất cả các ý kiến phản hồi từ NH và người dạy, Nhà trường, Khoa và Bộ môn có báo cáo tổng thể ở các cuộc họp cấp Trường cũng như cấp Bộ môn, qua đó GV xác định được những điểm mạnh và những mặt còn tồn tại cần khắc phục. Kết quả phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV được công khai trên trang Web của Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức kiểm tra hoạt động đào tạo của KSK với các nội dung như: Kế hoạch học tập, hình thức thi, đề thi, giáo án, giáo trình của GV hồ sơ GVCN, các văn bản ghi chép họp lớp, trong đó có công tác chủ nhiệm, lý lịch khoa học của GV. Hoạt động kiểm tra này giúp Nhà trường nắm được tình hình dạy học, công tác NCKH, công tác phát triển và chuyển đổi CTĐT để điều chỉnh kịp thời [H10.10.03.07]. Đầu mỗi năm học, GV của Khoa đều xây dựng kế hoạch giảng dạy và gửi về P. KT&ĐBCLGD, đây là cơ sở để Phòng giám sát, kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch đào tạo. Một kênh truyền thống khác để theo dõi khối lượng giờ dạy của GV là sổ đầu bài [H10.10.03.08]. Sổ ghi chép này còn là một công cụ quan trọng để Bộ môn và Khoa giám sát nội dung giảng dạy của tất cả các học phần. Cuối mỗi học kỳ, căn cứ trên những thông tin (về thời gian, nội dung và tình hình lớp học) được ghi trong sổ, Bộ môn và Khoa so sánh tình hình giảng dạy thực tế của từng học phần với kế hoạch đã được thiết kế trong đề cương, từ đó có những nhắc nhở và biện pháp xử lý kịp thời. Hiện tại, việc đánh giá chất lượng giảng dạy của GV chưa được mở rộng mà mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV là chủ yếu.

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy-học và đánh giá KQHT của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên dựa trên những quy định, quy trình chặt chẽ có hệ thống từ cấp Trường đến từng

Bộ môn. Các ý kiến phản hồi được thu thập và tổng hợp một cách khách quan, trung thực, minh bạch nhằm đưa ra những điểm mạnh, điểm tồn tại để tìm hướng cải tiến, bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đặc thù của việc đào tạo cử nhân ngành ĐDKSK. Việc đánh giá chất lượng dạy và học, các cơ chế phát huy tính chủ động, sáng tạo của cả GV và NH đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành.

3. Điểm tồn tại

Phòng KT&ĐBCLGD chưa thực hiện thống kê tỷ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra - thi để có sự đối sánh về chất lượng giảng dạy, qua đó kịp thời điều chỉnh đề kiểm tra - thi. Chưa thực hiện đầy đủ các phân tích cũng như hệ thống hóa các thông tin ở các kênh giám sát một cách hiệu quả; việc lấy ý kiến đánh giá chất lượng giảng dạy mới chỉ dựa vào SV, chưa có sự trao đổi chủ động giữa GV với GV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, KSK tiếp tục bám sát các quy định, quy trình để thực hiện tốt hơn nữa việc đánh giá quá trình dạy và học; phối hợp với phòng chức năng trong việc đánh giá KQHT của NH, đặc biệt việc thực hiện đánh giá đạt CĐR CTĐT theo yêu cầu tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, Nhà trường và KSK sẽ mở rộng việc lấy ý kiến đánh giá về chất lượng giảng dạy của GV như lấy ý kiến đánh giá từ đồng nghiệp, GVCN, chủ nhiệm Bộ môn thông qua các hoạt động dự giờ, thăm lớp để hoạt động đánh giá chất lượng giảng dạy của GV được thực chất hơn; đồng thời nghiên cứu xây dựng quy trình thống kê tỷ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra - thi để có sự điều chỉnh kịp thời về chất lượng đề thi.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 10.4: Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKĐAHN là trường đại học đào tạo nghệ thuật, do đó hoạt động nghiên cứu Khoa học có đặt thù riêng, như việc dựng vở diễn, quay một bộ phim... và kinh nghiệm tích lũy được từ các hoạt động này được coi là một một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học của Nhà trường [H10.10.04.01]. Hằng năm, GV và SV của Khoa tiến hành các hoạt động nghề nghiệp cụ thể để tạo ra sản phẩm nghệ thuật, đây được coi là hình thức nghiên cứu đề tài Khoa học, giúp GV, SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc dạy-học [H10.10.04.02].

KSK có các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học, đó là một danh sách những tác phẩm đạt giải thưởng của GV và của sinh viên KSK [H10.10.04.03].

[H10.10.04.04].

Các kết quả NCKH được áp dụng/chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH được thực hiện bởi nhiều hình thức. Về khách quan, sau mỗi tác phẩm sân khấu đạt giải, các công trình nghiên cứu, giáo trình giảng dạy, bài báo, bài phân tích được đăng tải trên các trang thông tin điện tử, các tờ tạp chí chuyên ngành... chính những bài viết này là phần thông tin quan trọng để đưa vào làm tài liệu tham khảo cho các bài giảng cho ngành ĐDSK **[H10.10.04.05]**. Về chủ quan, những tác phẩm đạt giải hay những đánh giá của dư luận về khả năng nghề của giảng viên - có dấu ấn đóng góp của giảng viên KSK sẽ là minh họa thuyết phục nhất cho SV, ví dụ:

+ Năm 2016, trong Liên hoan Sân khấu Thủ đô lần thứ 2, Giảng viên Trần Lực đoạt giải “Đạo diễn xuất sắc” cho vở “*Quần*”, 01 sinh viên giành HCV, 02 SV giành HCB, vở diễn “*Quần*” giành giải bạc.

+ Năm 2016, giảng viên Phan Trọng Thành viết 2 công trình NCKH cấp cơ sở: “*Hình thái xung đột trong kịch Lưu Quang Vũ*” và “*Nghệ thuật xây dựng hành động kịch trong kịch Lưu Quang Vũ*”. Hai công trình này đã được nghiệm thu, đạt loại xuất sắc.

+ Năm 2017, Giảng viên Phan Trọng Thành xuất bản sách Tiếng đồng vọng trong kịch Lưu Quang Vũ.

+ Năm 2018, giảng viên Phan Trọng Thành dựng vở “*Mùa hoa sữa*” cho Nhà hát kịch Quân đội và nhận giải Đạo diễn xuất sắc, vở diễn nhận Huy chương Vàng Liên hoan Sân khấu chuyên nghiệp Thủ đô năm 2018. Tháng 12 năm 2018, nhân dịp chào mừng kỷ niệm 26 năm thiết lập quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc, Khoa Sân khấu tổ chức dàn dựng và biểu diễn vở “*Xe ôm*” (đạo diễn: PGS.TS.NGƯT Phan Trọng Thành) được đối tác khen ngợi.

+ Năm 2019, Giảng viên Trần Lực: dàn dựng một số vở diễn như: *Nàng Kiều* (tháng 10.2019) theo dự án của viện Goeth (Vở diễn đã tham gia biểu diễn tại Nhà hát Tuổi trẻ và Nhà hát Trần Hữu Trang); vở *Người tạc tượng* cho Nhà hát Nhạc vũ kịch Việt Nam; vở *Bạch đàn liễu* cho Nhóm Lucteam biểu diễn tại Rạp Đại Nam Trung tâm văn hóa Pháp (Vở diễn tham gia Hội thảo Khoa học về Nhà viết kịch Xuân Trình tháng 11.2019 và tham gia Liên hoan Sân khấu thủ đô đạt HCV cho toàn vở, 02 diễn viên đạt HCV, 01 diễn viên đạt HCB).

+ Năm 2019, NSƯT Bùi Như Lai đạo diễn vở *Kiều* với Nhà hát Tuổi Trẻ.

+ Năm 2020, Vở diễn *Tái sinh* (tác giả: Nguyễn Toàn Thắng, đạo diễn: NSƯT Bùi Như Lai) do tập thể lớp Diễn viên Kịch - Điện ảnh K37, K38 biểu diễn trong Liên hoan sân khấu hình tượng người chiến sĩ công an lần 4 diễn ra vào tháng 7.2020. Kết quả: Vở diễn đạt HCV, giải đạo diễn xuất sắc nhất, 2 HCV, 3 HCB. Tháng 9. 2020, Vở diễn *Những người ở lại* (tác giả: Nguyễn Huy Tường, đạo diễn: NSƯT Lê Thúy Nga) do tập thể lớp Diễn viên Kịch - Điện ảnh K36 biểu diễn trong Liên hoan Sân khấu Thủ đô. Vở diễn được đánh giá cao và được bằng khen của Ban tổ chức Liên hoan. Kết quả, có 3 sinh viên đạt HCB.

+Năm 2020, GV Dương Thị Thanh Huyền xuất bản sách Giáo trình hình thể cho Diễn viên Kịch Điện Ảnh - Truyền hình và Đạo diễn Sân khấu.

+Năm 2021, GV Bùi Như Lai đạo diễn vở “Bến bờ bên kia” cho Nhà hát ca kịch Hà Tĩnh và đạt giải Đạo diễn xuất sắc tại liên hoan sân khấu Ca Kịch.

+ Năm 2022, GV Nguyễn Hoàng Tùng đã đạo diễn, dàn dựng một số vở nhạc kịch dành cho thiếu nhi như: Toto chan cô bé ngồi bên cửa sổ, Nhạc kịch phù thủy (Năm 2022), Nhạc kịch Không gia đình (2023)

+Năm 2023, GV TS. NSUT. Bùi Như Lai đạo diễn vở Romeo và Juliet cho sân khấu Hải Phòng.

Ngoài ra, các GV trong Khoa còn tham gia nhiều vai diễn trong các vở diễn khác như: GV Hán Quang Tú tham gia vai diễn trong vở “Tái sinh” đạt HCV cho vai diễn; vai diễn trong các vở *Thị Nở Chí Phèo; Cây tre thân; Hoa sen lửa, Tình bạn và công lý* của Sân khấu Lệ Ngọc. (trong đó, vở *Tình bạn và công lý* đạt HCV Liên hoan sân khấu hình tượng người chiến sĩ Công an lần 4 diễn ra vào tháng 7.2020); Giảng viên ThS. Cao Thị Phương Dung, GV. ThS. Đinh Xuân Kỳ tham gia biên tập cho một số vở diễn, tạp chí...[H10.10.04.06].

Nhà trường ban hành các quy định và văn bản hướng dẫn việc hỗ trợ hay công nhận các đề tài có chất lượng tốt để phục vụ việc dạy-học [H10.10.04.07]. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học với những đề tài nghiên cứu thiết thực trong giảng dạy nhằm khơi dậy tinh thần hăng say làm khoa học của GV và NH trong toàn Trường[H10.10.04.08].

Việc cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH được thể hiện đa dạng, tùy theo yêu cầu nội dung bài học, ví dụ qua việc tổng kết kinh nghiệm từ nghiệp diễn, các GV đạt giải thưởng sẽ dùng chính những nội dung mình đạt giải để làm ví dụ cho bài giảng của mình, các SV đánh giá, phân tích về các của một diễn viên, một vở kịch.... để nâng cao nhận thức cũng như kỹ năng làm nghề của mình. Các bài viết được đăng tải trên Tạp chí của Nhà trường và nhiều tạp chí, báo khác [H10.10.04.09]. Hằng năm, giảng viên KSK luôn tích cực tham gia các hoạt động trao đổi học thuật nhằm nâng cao tinh thần học hỏi, giao lưu giữa các GV cũng như NH trong toàn Khoa với những diễn viên, đạo diễn tên tuổi như: Cố NSND Hoàng Dũng, NSND Lê Khanh, NSND Minh Hòa, NSND Lan Hương, NSUT Thúy Nga, NSUT Xuân Bắc, NSUT Hữu Mười, NSUT Đỗ Thanh Hải... [H10.10.04.10].

Công tác xuất bản sách, giáo trình phục vụ học tập cũng được GV đặc biệt quan tâm. Năm 2020, 2021 Trường và KSK đã có 02 giáo trình được xuất bản và trở thành giáo trình được sử dụng để làm tài liệu học tập [H10.10.04.11], những giáo trình này là tâm huyết của các GV Nhà trường và KSK, nhằm mang lại cho người học những tài liệu học có sự đầu tư chĩn chu về mặt chất lượng. Giáo trình ĐDSK (dành cho Đạo diễn sân khấu); Giáo trình hình thể cho đạo diễn sân khấu. Những cuốn sách này không chỉ đáp

ứng được vấn đề thiếu giáo trình chuyên sâu trong chương trình giảng dạy của KSK mà còn phù hợp với môi trường giảng dạy của Khoa, từ đó mang lại sự tiếp cận dễ dàng hơn cho SV đối với một môn học khó.

Ngoài ra, sau những giải thưởng được ghi nhận, các GV còn được Nhà trường vinh danh tại các Hội nghị của Trường (như ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 hay Ngày kỷ niệm thành lập trường 17/12...). Các GV chia sẻ những kinh nghiệm làm nghề cho SV, đây có thể nói là tác động rất tích cực đối việc truyền kiến thức cũng như thuyết phục người học. Nhà trường đã có quy định riêng về hoạt động NCKH của SV, gắn với quản lý và sản phẩm NCKH đặc thù riêng của từng ngành [H10.10.04.12].

2. Điểm mạnh

KSK có đội ngũ GV tích cực tham gia các hoạt động nghề nghiệp đặc thù. Trường có cơ chế khuyến khích sự tham gia của GV cũng như SV trong Khoa phát huy tinh thần sáng tạo, say mê NCKH/ hoạt động nghề nghiệp bên ngoài Nhà trường theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác giáo dục và đào tạo ngành ĐDSK như việc tham gia dàn dựng vở diễn hoặc tham gia vai diễn trong các kỳ Liên hoan sân khấu chuyên nghiệp; viết công trình nghiên cứu, giáo trình giảng dạy, bài báo NCKH v.v...

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù đào tạo, KSK chưa có những đề tài lý luận khoa học cấp nhà nước; chưa tổ chức thường xuyên hội thảo trong nước và quốc tế theo định kỳ hằng năm để thúc đẩy động lực thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng vào thực tiễn dạy-học. Số lượng các công trình NCKH được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước khá ít. Hầu hết các đề tài NCKH là những bài viết nghiên cứu, công trình nghiên cứu, kịch bản, vở diễn, vai diễn... đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là PVCĐ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Khoa phối hợp với Nhà trường trong việc tham mưu Bộ VHTTDL về việc tính điểm NCKH đối với những sản phẩm văn hóa như vai diễn, vở diễn. Nhà trường cần tính đến việc thực hiện phân tầng đại học, để triển khai các đề tài NCKH phục vụ công tác đào tạo cũng như hỗ trợ các HV trẻ và SV thực hiện các đề tài NCKH theo hướng ứng dụng (hoặc thực hành).

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, Trường giao cho PĐTQLKH&HTQT; P. CTHSSV; VSKĐA; KSK tham mưu cho Hiệu trưởng Nhà trường ban hành các văn bản để tổ chức và quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong Trường như: Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ; xây dựng chính sách hỗ trợ cho CB, GV tham dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN luôn xác định chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác có vai trò rất lớn trong việc bảo đảm chất lượng các CTĐT của Nhà trường. Do đó, việc đánh giá và cải tiến các nhân tố này đã được Nhà trường đặc biệt chú trọng thực hiện, góp phần tạo nên văn hóa chất lượng trong công tác hỗ trợ giảng dạy, học tập và NCKH. Nhà trường thực hiện việc đánh giá và cải tiến bằng quy định các đơn vị trong Trường báo cáo trực tiếp tiến độ kế hoạch công tác trong cuộc họp giao ban hằng tháng. Tại cuộc họp này các đơn vị có chức năng hỗ trợ trong toàn Trường sẽ báo cáo kế hoạch cụ thể trong tháng tới, đồng thời ghi nhận sự phản ánh của các đơn vị Khoa/ Trung tâm đào tạo, sau khi thảo luận thống nhất, Hiệu trưởng Nhà trường kết luận cụ thể từng vấn đề. Từ đó, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường ngày càng được cải tiến **[H10. 10.05.01]**

KSK có trợ lý đào tạo, đội ngũ GVCN lớp và đội ngũ chuyên viên hỗ trợ vững chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt huyết trong công tác hỗ trợ NH. Để nâng cao chất lượng các dịch vụ và phù hợp với nguyện vọng của cán bộ công nhân viên chức và của NH, Nhà trường và Khoa thường xuyên ghi nhận ý kiến phản hồi thông qua nhiều hội nghị và nhiều kênh khác nhau. SV ngành ĐDSK có thể thực hiện ý kiến phản hồi thông qua website/ facebook của Khoa và thông qua cuộc họp của cán bộ lớp đầu năm, các cuộc họp với phòng quản lý HSSV, sinh hoạt lớp theo định kỳ hàng tháng, hội nghị đối thoại với lãnh đạo Nhà trường v.v **[H10.10.05.02]**.

Việc đánh giá tình hình sử dụng và khai thác cơ sở vật chất được theo dõi thông qua sổ theo dõi thường xuyên và kiểm kê tài sản cuối năm **[H10.10.05.03]**. Căn cứ vào kết quả đánh giá, Nhà trường phân bổ kinh phí hằng năm nâng cao chất lượng CSVC và các dịch vụ hỗ trợ. Hằng năm, để toàn Trường được biết và giám sát về kinh phí chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, nhà Trường có báo cáo công khai tài chính tại hội nghị CBCCV **[H10.10.05.04]**.

Trong quá trình sử dụng các trang thiết bị hỗ trợ tại thư viện, phòng thực hành, nếu phát sinh hư hỏng, các cán bộ phụ trách đề nghị Phòng HCTH (bộ phận hành chính quản trị) kiểm tra để có biện pháp sửa chữa hoặc mua mới thay thế phù hợp. Việc sửa chữa, thay thế trang thiết bị được tiến hành kịp thời, bảo đảm hiệu quả sử dụng trong dạy-học phục vụ cho CTĐT. Đặc biệt, các bộ phận phụ trách CSVC của Nhà trường cũng thường xuyên rà soát để xử lý các vấn đề phát sinh kịp thời. Căn cứ vào nhu cầu của các đơn vị trong Trường, Nhà trường dự toán kinh phí bảo đảm cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ trong năm. Hằng năm, Nhà trường lập dự toán dự kiến đầu tư trang bị, nâng cấp cho các xưởng thực hành, thực tập của các Khoa để các đơn vị chủ động trong

công tác đào tạo như: Cải tạo các phòng thực hành, thực tập, bổ sung, nâng cấp thiết bị cho phù hợp với sự phát triển của Khoa học và ứng dụng công nghệ mới vào công tác giảng dạy, học tập của Nhà trường [H10.10.05.05].

Giai đoạn 2018-2023, Nhà trường đã thực hiện khảo sát ý kiến của GV, NH về CSVC của Nhà trường. Trong đó, chủ yếu khảo sát mức độ hài lòng của người sử dụng (cán bộ, giảng viên, người học) về các trang thiết bị phục vụ nhu cầu giảng dạy/ học tập và NCKH của họ, kết quả cho thấy 85% cán bộ, giảng viên nhận xét ở mức độ tốt, 10% đánh giá ở mức khá, 5% đánh giá mức trung bình với ý kiến nhận xét và đề nghị sửa chữa khu nhà B [H10.10.05.06]. Hằng năm, Khoa đề xuất nhà trường bổ sung, cập nhật cho thư viện vốn tài liệu, sách cần cho việc giảng dạy và học tập, nghiên cứu [H10.10.05.07]. Hiện nay, Nhà trường đang thực hiện chính sách xã hội hoá để đầu tư toàn bộ hệ thống điều hoà cho các phòng học [H10.10.05.08].

Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển Nhà trường năm 2012 đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, trình Bộ VHTTDL phê duyệt. Đây là khung pháp lý để Nhà trường xây dựng và phát triển trong những năm tiếp theo [H10.10.05.09]. Năm 2015, Trường đã được Bộ VHTTDL phê duyệt đề án Xây dựng Trường ĐHSKĐAHN thành trường trọng điểm quốc gia. Đây cũng là mục tiêu lớn của Nhà trường với hướng kinh phí mới để đầu tư các trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác đào tạo của Khoa [H10.10.05.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống phòng học (nhà A1, A2) được trang bị những thiết bị cơ bản nhất phục vụ cho việc học tập như máy chiếu, micro, ánh sáng, v.v... Có các phòng thực hành phục vụ cho hoạt động dạy học chuyên ngành mang tính đặc thù của diễn viên. Về tư liệu, Nhà trường có hệ thống thư viện hiện đại với nguồn học liệu đa dạng, phong phú và tiện ích, hệ thống công thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được Nhà trường xây dựng. Nhà trường và Khoa đã tận dụng triệt để các nguồn lực để đầu tư và cải tiến cơ sở vật chất.

3. Điểm tồn tại

Ngân sách đầu tư CSVC của Trường chủ yếu phụ thuộc vào phân bổ kinh phí của Bộ VHTTDL. Trang thiết bị của một số phòng thực hành, hệ thống máy tính chưa hiện đại hóa để đáp ứng hoạt động giảng dạy và học tập của của Khoa. Ngoài ra, một số phản hồi của các BLQ về CSVC, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Nhà trường giao cho Phòng HCTH quy hoạch lại không gian riêng cho KSK; đồng thời Khoa tích cực huy động nguồn lực từ các tổ chức ngoài trường để hỗ trợ kinh phí xây dựng cơ sở vật chất cho Khoa (hỗ trợ đạo cụ sân khấu...); Khoa khuyến khích SV đến thư viện trường để cập nhật những tư

liệu mới, đồng thời quán triệt cán bộ GV kiêm nhiệm hỗ trợ SV, đội ngũ chuyên viên đồng hành cùng SV cả trong học tập cũng như nắm bắt những khó khăn trong cuộc sống hằng ngày để có hướng khắc phục và giúp đỡ SV kịp thời trong học tập.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, định kỳ 2 năm 1 lần, KSK phối hợp với phòng chức năng tổ chức lấy ý kiến của các BLQ về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ. Từ năm 2024, Nhà trường yêu cầu phòng chức năng xây dựng các quy trình công tác để hỗ trợ hiệu quả hơn cho CTĐT.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. *Mô tả hiện trạng*

Xây dựng cơ chế phản hồi, thu thập phản hồi, phân tích dữ liệu từ phản hồi, từ đó đưa ra những giải pháp cụ thể, thiết thực và kịp thời là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của Trường ĐHSKĐAHN nói chung và KSK nói riêng. Những nội dung phản hồi có thể liên quan tới tất cả những hoạt động của Nhà Trường bao gồm công tác dạy và học, hoạt động ngoại khoá, các dịch vụ tiện ích đang được sử dụng trong nhà trường. Trong năm 2014, Trường chính thức thành lập Phòng KT&ĐBCLGD (tiền thân là Ban thanh tra đào tạo) để chuyên trách công tác đo lường đánh giá kết quả đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục [H10.10.06.01]. Phòng KT&ĐBCLGD được thành lập trên cơ sở nhân lực của Ban thanh tra và đảm bảo chất lượng đào tạo, được quy định rõ ràng, cụ thể trong quy chế tổ chức hoạt động, Phòng có nhiệm vụ tham mưu giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổ chức thực hiện công tác khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục của Trường đúng với các quy định của Nhà nước [H10.10.06.02].

Phòng KT&ĐBCLGD là đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục cấp trường, đánh giá chất lượng các CTĐT và thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các BLQ. Phòng có nhiệm vụ tham mưu cho Nhà trường các hoạt động ĐBCL: tự đánh giá CSGD, CTĐT, đánh giá hoạt động giáo dục của GV, khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về các hoạt động của Nhà trường, khảo sát về CSVC, thư viện của Nhà trường; tư vấn, hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch hành động [H10.10.06.03]. Ngoài ra, KSK còn phối hợp với Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV. Nhà trường ban hành quy định, quy trình và hướng dẫn thu thập thông tin phản hồi của NH một cách cụ thể, rõ ràng với cơ chế phản hồi mang tính hệ thống [H10.10.06.04]. Hiện nay, theo quy định và hướng dẫn của Trường ĐHSKĐAHN, vào cuối năm học, tất cả các GV cơ hữu của KSK phải thực hiện hoạt động tự đánh giá các nhiệm vụ sau: nhiệm vụ giảng dạy; nhiệm vụ NCKH; nhiệm vụ quản lý đào tạo và nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn [H10.10.06.05].

Từ năm 2017 trở đi, Nhà trường và KSK đã đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phản

hồi và mở rộng đối tượng được lấy ý kiến phản hồi thông qua việc thu thập ý kiến phản hồi từ cấp Khoa, phòng ban và đến các cấp lãnh đạo thông qua các phiếu khảo sát, “Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên”; “Hội nghị viên chức và người lao động”, “Diễn đàn trao đổi với nhà tuyển dụng”, trang web, Facebook của Nhà trường và của Khoa, vv... Hằng tháng, để những vấn đề tồn đọng được giải quyết triệt để, Nhà trường tiến hành cuộc họp giao ban, Khoa báo cáo, tổng hợp những vấn đề cần giải quyết và có những giải pháp cụ thể, hiệu quả [H10.10.06.06].

2. Điểm mạnh

Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa bước đầu được thiết lập, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Các hình thức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan chưa đa dạng. Số lượng đối tượng khảo sát ngoài Trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Trường/ KSK tiếp tục duy trì các hình thức khảo sát hiện có; thực hiện việc thu thập thông tin phản hồi từ doanh nghiệp/ nhà tuyển dụng (Tăng cường khảo sát các đối tượng ngoài trường) tạo nguồn thông tin quan trọng để Khoa có chiến lược phù hợp nhằm nâng cấp hiệu chỉnh CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, KSK phối hợp các phòng chức năng thực hiện tốt quy trình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; xây dựng văn hóa bảo đảm chất lượng giáo dục bên trong cơ sở giáo dục, trong đó có nội dung thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Công tác nâng cao chất lượng đào tạo ngành ĐDSK được Nhà trường và Khoa hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo dục, giảng viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu người học được chú trọng và thực hiện đầy đủ. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CDR. Các hoạt động nghề nghiệp tương đương NCKH được GV và SV quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng chiếu phim, trung tâm âm thanh, ánh sáng, nhà hát) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho GV và NH trong dạy- học và NCKH. Tuy nhiên, việc lấy thông tin phản hồi từ các BLQ, trong đó có các GV về cả CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ còn khó khăn và chưa đầy đủ, định kỳ; việc thực hiện các đề tài khoa

học lớn gắn với việc cải tiến CTĐT và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào công tác đào tạo chưa nhiều.

Điểm mạnh nổi bật: Chủ trương nâng cao chất lượng CTĐT luôn là chủ trương hàng đầu của Khoa chuyên môn và của Nhà trường. Việc nâng cao chất lượng đào tạo CTĐT được xem là công tác không thể thiếu của các thành phần tham gia vào quá trình đào tạo CTĐT ĐDSK. Nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu, phát triển CTĐT... đã đạt được những kết quả tốt và đầy khả quan. Góp phần đẩy mạnh công tác giáo dục đào tạo của Nhà trường, nâng cao uy tín với các đơn vị tuyển dụng.

Điểm tồn tại cơ bản: Việc lấy thông tin phản hồi từ các BLQ, trong đó có các GV về cả CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ còn khó khăn và chưa đầy đủ, định kỳ; việc thực hiện các đề tài khoa học lớn gắn với việc cải tiến CTĐT và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào công tác đào tạo chưa nhiều.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 10: Tiêu chuẩn 10 có 6 tiêu chí đạt, trong đó có 1 tiêu chí đạt mức 5/7; và 5 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường ĐHSKĐAHN. Nhà trường là một cơ sở giáo dục cung cấp nguồn nhân lực bậc cao cho nền sân khấu và điện ảnh nước nhà. Ngành ĐDSK trong những năm gần đây được rất nhiều bạn trẻ quan tâm, hiện nay, ngành ĐDSK của Khoa vẫn là nơi đào tạo tốt nhất của quốc gia. Đây là ngành thu hút được sự quan tâm của người học và nhu cầu sử dụng lao động có trình độ cử nhân ở ngành này càng ngày càng tăng đặc biệt nhu cầu trình độ đạo diễn ở một số đơn vị nghệ thuật và nhà hát. Nguồn tuyển sinh đầu vào của ngành là các SV đã tốt nghiệp cử nhân nghệ thuật hoặc đối tượng thuộc diện VB 2, đã và đang công tác ở các đơn vị nghệ thuật, nhà hát, hoặc tự do. Sau khi trúng tuyển, SV được đào tạo bài bản, được thực hành, thực tập thực tế có sự đánh giá giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại Trường, Khoa. Hằng năm, Nhà trường và KSK đã thực hiện giám sát việc đạt CĐR, tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian bình quân để tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học và cơ hội tìm việc làm của SV làm cơ sở để cải tiến chất lượng.

Các hoạt động NCKH của SV ngành ĐDSK mang tính đặc thù, không phải là các bài báo, công trình NCKH các cấp, mà là một bộ phim, vở kịch hoặc các phần của một chương trình truyền hình.... Các hoạt động này của SV được quy định với trình tự chặt chẽ, bảo đảm phù hợp với CĐR của CTĐT ngành ĐDSK, thể hiện đặc thù của Khoa, sứ mạng của Nhà trường. Trường, Khoa bước đầu thực hiện các hoạt động thu thập thông tin, phân tích và đo lường sự hài lòng của GV, NH, cựu NH, thị trường lao động và lấy đó làm cơ sở thực tiễn cho việc cải tiến CTĐT, CTDH và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng.

Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN có bộ phận để theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp. Theo quy chế tổ chức hoạt động của Trường, quy trình quản lý và giải quyết công việc của các đơn vị, phòng CTHSSV được Trường giao nhiệm vụ theo dõi và giám sát tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp [H11.11.01.01]. Bên cạnh đó, tình hình của SV ngành ĐDSK luôn được GVCN, trợ lý Khoa, phòng ĐT,QLKH &HTQT cập nhật thông qua những buổi sinh hoạt lớp hàng tháng và thông tin phản hồi từ Ban cán sự lớp, Ban chấp hành chi đoàn, qua đó có những báo cáo kịp thời lên Ban Chủ nhiệm Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh [H11.11.01.02]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp, xét kỷ luật [H11.11.01.03]. Do đó, với những SV thôi học, đều có sự trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho SV, cũng như có những đề xuất kịp thời với Khoa và Nhà trường. Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của phòng CTHSSV [H11.11.01.04]. Ban cán sự lớp và ban chấp hành chi đoàn đều nắm được tình hình SV thôi học. Bên cạnh đó, SV tốt nghiệp và thôi học được quản lý đầy đủ thông tin tại PĐT,QLKH & HTQT, PCTHSSV của Nhà trường. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo [H11.11.01.05]. Căn cứ vào các quy định về đào tạo, về quản lý HSSV, hằng năm, Trường thực hiện thống kê danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp. Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành ĐDSK được xác lập và giám sát chặt chẽ dựa trên các quy định về điều kiện tốt nghiệp, quy định về thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi tốt nghiệp và thông qua Hội đồng xét, xử lý HSSV thôi học, bỏ học hằng năm [H11.11.01.06]. Cụ thể thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của các khóa gần đây được thể hiện qua cơ sở dữ liệu về NH trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học trong 04 năm gần nhất bao gồm: năm nhập học, tổng số NH nhập học, số NH tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, quá hạn (hạn được hiểu là thời gian quy định của khóa học), số NH thôi học sau các năm kể từ năm nhập học [H11.11.01.07] được tóm tắt bằng bảng số liệu 11.1 (Xem thêm phụ lục phần Bảng biểu).

Số liệu cho thấy đa số SV ngành ĐDSK hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Khoa luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua GVCN, Trợ lý Khoa (đào tạo) Ban chủ nhiệm Khoa có các buổi họp với cán sự lớp, GVCN, trợ lý đào tạo vào các kỳ học để nắm được tình hình học tập của SV. Trường thực hiện tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, đề xuất các biện pháp giảm thiểu tỷ lệ thôi học. Theo số liệu thống kê trên, tỷ lệ thôi học của sinh viên ngành ĐDSK hằng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng SV của toàn khóa. Nhìn chung, SV của Khoa thôi học là do các nguyên nhân như: đi du học; gia đình quá khó khăn về tài chính, nghỉ học quá số tiết do thực hiện các công việc dàn dựng sân khấu, công việc các nhân; hoặc các em tìm được việc làm ổn định trong năm thứ 2,3 hoặc hết hạn bảo lưu mà không có điều kiện học tiếp [H11.11.01.08].

Trong thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19, Nhà trường đã triển khai hệ thống học tập trực tuyến nhằm bảo đảm tiến độ học tập cho SV kịp tốt nghiệp [H11.11.01.09]. Hệ thống GVCN, GV bộ môn, Khoa và Trường thường xuyên giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV và có những biện pháp cụ thể để hỗ trợ SV hoàn thành chương trình học như gặp gỡ trao đổi trực tiếp hoặc tư vấn khi người học gặp khó khăn, duy trì chế độ sinh hoạt lớp định kỳ hằng tháng [H11.11.01.10].

Tuy nhiên, Trường chưa thực hiện việc đối sánh, phân tích nguyên nhân giảm tỷ lệ tốt nghiệp, đề xuất các biện pháp khả thi để hỗ trợ NH tốt nghiệp hiệu quả. Nhà trường chưa ứng dụng CNTT trong quản lý và giám sát KQHT của SV để có thể thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỷ lệ SV thôi học, bỏ học cũng như nguyên nhân và tỷ lệ SV tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Nhà trường/ Khoa duy trì cơ chế kiểm tra nề nếp hằng tháng để thông báo, nhắc nhở kịp thời tình hình học tập của SV, đồng thời nắm bắt những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp và có những đề xuất kịp thời đối với nhà trường. Tỷ lệ người học ngành ĐDSK bị buộc thôi học ít, tỷ lệ NH tốt nghiệp ra Trường đúng thời hạn cao do có sự giám sát chặt chẽ của Khoa và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tìm hiểu, phân tích xác đáng nguyên nhân tốt nghiệp không đúng hạn và thôi học; chưa có phân tích dự báo tỷ lệ SV thôi học của ngành để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ SV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn. Khoa chưa xác lập và phân tích dự đoán được tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học; chưa thực hiện việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học (đối sánh năm trước, năm sau; dự đoán xu thế tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của người tham gia CTĐT).

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Trường giao cho P.CTHSSV, P.ĐT,QLKH & HTQT, KSK tiếp tục giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu SV tốt nghiệp, thôi học của SV ngành ĐDSK. Phát huy hơn nữa vai trò của GVCN trong việc liên hệ, theo dõi sát sao tình hình SV nhất là các SV thôi học để kịp thời động viên, giúp đỡ SV tiếp tục việc học; cập nhật tình hình để báo cáo kịp thời Khoa và lãnh đạo Trường, đồng thời có phân tích, báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở, tư vấn SV hoàn thành các điều kiện CDR, bảo đảm việc tốt nghiệp đúng thời hạn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, KSK, P.CTHSSV tiếp tục tuyên truyền cho NH nắm rõ các điều kiện để được công nhận tốt nghiệp. Bước đầu đối sánh với các trường khác trong nước và quốc tế về tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học của SV ngành ĐDSK bằng việc Khoa phối hợp với P. CTHSSV đưa vào kế hoạch, chiến lược đào tạo các phân tích dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học từ đó tìm ra biện pháp cải tiến chất lượng đào tạo.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Thời gian tốt nghiệp là khoảng thời gian cần thiết để SV hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Nhà trường giao cho P.ĐT, QLKH & HTQT chủ trì phối hợp với P.CTHSSV, KSK và các đơn vị khác (KT&ĐBCLGD, HCTH) để theo dõi/thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa học thuộc CTĐT ĐDSK. Để tốt nghiệp, SV phải có đủ điều kiện về điểm, vở diễn tốt nghiệp và điều kiện khác (đã đạt điểm đầu ra ngoại ngữ... thực hiện đào tạo theo niên chế nên thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên hệ đại học chính quy của KSK là 4 năm (Quy chế 25 và những quy định riêng của Trường); không chính quy là 2,5 năm và 3 năm [H11.11.02.01]. Một số ít SV lựa chọn việc hoãn tốt nghiệp để lùi lại cho năm sau tốt nghiệp cùng với khóa khác [H11.11.02.02]. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khóa tuyển sinh từ 2018 đến 2023 của ngành ĐDSK được thể hiện ở cột thứ 5 của Bảng 11.1. [H11.11.02.03]. Trong 5 năm học gần đây, trung bình hằng năm có khoảng 60 % - 90% sinh viên và người học ĐDSK hoàn thành chương trình và được cấp bằng cử nhân ĐDSK. (Bảng 11.1- tiêu chí 11.1).

Bên cạnh đó, tỷ lệ SV tốt nghiệp muộn hơn so với thời gian yêu cầu vẫn còn tồn tại (như đã giải thích ở trên). Một số nguyên nhân khiến SV tốt nghiệp không đúng hạn có thể kể đến như: theo bạn việc cá nhân nên bỏ học một số môn do đó không đủ điều kiện xét lên lớp đúng thời hạn; lập gia đình trong quá trình học; đi du học; có tỷ lệ nợ môn mà không trả kịp... [H11.11.02.04]. Trên cơ sở tìm hiểu về nguyên nhân dẫn đến việc SV tốt nghiệp trễ hạn, Nhà trường và Khoa đề ra những biện pháp giúp SV hoàn thành các học phần, kéo dài thêm thời gian tốt nghiệp do lớp tham gia cuộc thi nào đó như: Liên hoan sân khấu chuyên nghiệp trong và ngoài nước... [H11.11.02.05]. Để hỗ trợ người học bảo đảm CTĐT, Nhà trường có quy định cho sinh viên bảo lưu, hoặc học riêng với GV (không đợi khoá sau) đối các SV còn nợ môn mà hết thời gian đào tạo hoặc đã đến thời gian xét điều kiện thi tốt nghiệp [H11.11.02.06].

2. Điểm mạnh

SV có ý thức với tiến độ học tập của bản thân; Ban lãnh đạo Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua trợ lý Khoa, GVCN để hỗ trợ SV kịp thời. Nhà trường đã có hệ thống quản lý, giám sát kế hoạch học tập và thời gian tốt nghiệp của SV; Nhà trường đã có những chính sách, giải pháp hợp lý để giúp SV bảo đảm tiến độ học tập.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thực hiện đối sánh như yêu cầu của mốc chuẩn tham chiếu trong hướng dẫn tự đánh giá CTĐT của Bộ GD&ĐT (Công văn số: 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng - KĐCLGD) đối với chuyên ngành ĐDSK trong năm 2023.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, KSK, Phòng ĐT, QLKH & HTQT phối hợp

tiếp tục nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát và quản lý học tập, cùng với các GVCN, GV bộ môn, GV hướng dẫn có định hướng và hỗ trợ SV trong việc xây dựng kế hoạch học tập và hỗ trợ NH hoàn thành bài tốt nghiệp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, KSK, Phòng ĐT,QLKH &HTQT, PCTHSSV phối hợp xây dựng quy trình thực hiện việc tìm hiểu nguyên nhân chậm tốt nghiệp của NH, từ đó xây dựng những quy định hỗ trợ SV. Nghiên cứu để triển khai việc đối sánh trong nước và quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH trong cùng một CTĐT, hình thức đào tạo; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH trong cùng CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Để đánh giá chất lượng đào tạo thì tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp là một thước đo quan trọng. Người học luôn đặt ra mục tiêu sau khi ra Trường có việc làm phù hợp ngành nghề đào tạo, thu nhập phù hợp và môi trường làm việc ổn định. Đây cũng là một trong những mục tiêu của Khoa và Trường đặt ra trong CTĐT. Từ năm 2017, theo quy định của Bộ GD&ĐT [H11.11.03.01]. Hình thức tổ chức khảo sát bao gồm gọi điện thoại, khảo sát qua mạng internet (đăng mẫu phiếu lên website Nhà trường, cung cấp đường link cho các đối tượng sinh viên tốt nghiệp truy cập và trả lời phiếu, gửi chuyển kết quả trực tiếp vào hộp thư của ban khảo sát. Việc gửi đường link có thể thông qua mạng xã hội (facebook,...), qua email hoặc tin nhắn điện thoại. Đây là hình thức triển khai chủ yếu), khảo sát qua gửi thư (gửi phiếu khảo sát trực tiếp theo địa chỉ do sinh viên cung cấp trước khi tốt nghiệp; tiếp nhận phiếu và nhập thông tin phản hồi vào phần mềm khảo sát) và khảo sát qua phỏng vấn (thực hiện đối với các đối tượng sinh viên tốt nghiệp có hộ khẩu tại Hà Nội và vùng phụ cận; các đối tượng về Trường nhận văn bằng, chứng chỉ; các đối tượng tiếp tục học cao học để nâng cao trình độ thì lấy phiếu trực tiếp) [H11.11.03.02].

Nhà trường có mối liên hệ gắn bó mật thiết với các sở hữu hoạt động nghệ thuật về sân khấu, điện ảnh và truyền hình trong cả nước, với điều kiện thuận lợi như vậy, SV tốt nghiệp của trường nhìn chung đều có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, đây cũng là các đơn vị mà Nhà trường thực hiện việc lấy thông tin về việc làm của SV, thực hiện giám sát tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp [H11.11.03.03].

2. Điểm mạnh

Đa số SV tốt nghiệp ngành ĐDSK đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT ngành; Nhà Trường và Khoa coi trọng năng lực thực hành thực tế, giúp SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, có một tỷ lệ nhất định SV ngành ĐDSK làm chưa đúng ngành được đào tạo sau khi tốt nghiệp. Điều này cũng phản ánh tình trạng chung của xã hội, và những điểm đặc thù về nghề ĐDSK. Khoa và Nhà trường chưa tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp để có thông tin đầy đủ về tình trạng tốt nghiệp, chưa khảo sát được mức bình quân thu nhập của các SV ở các môi trường làm việc. Việc xác định nguyên nhân chưa có việc làm của SV còn chưa được thực hiện thường xuyên. Việc đối sánh căn cứ từ tỷ lệ có việc làm của SV để cải tiến chất lượng còn gặp nhiều trở ngại.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Khoa và Trường tổ chức liên kết với các đơn vị/ doanh nghiệp để giúp sinh viên có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng chuyên ngành đào tạo dễ dàng hơn sau khi tốt nghiệp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, Khoa phối hợp với P.CTHSSV lập kế hoạch khảo sát về tình trạng việc làm của SV ngành ĐDSK đã tốt nghiệp ở các khóa từ đó có thông tin đầy đủ để giám sát và đối sánh nhằm cải tiến chất lượng đào tạo.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích SV tham gia NCKH [H11.11.04.01]. Hoạt động NCKH của SV được thực hiện theo quy định về hoạt động NCKH của SV đã ban hành [H11.11.04.02].

Hằng năm, Nhà trường chú trọng đầu tư nguồn học liệu để hỗ trợ SV học tập và NCKH. Hoạt động khoa học và công nghệ được Nhà trường quan tâm như: tìm kiếm, thu thập, xử lý các dữ liệu, số liệu, dữ kiện, tin tức, tri thức nhằm tạo lập nguồn tin khoa học và công nghệ (sách, báo, tạp chí, cơ sở dữ liệu, tài liệu hội nghị, hội thảo khoa học, lưu trữ luận văn, luận án sau đại học và các nguồn tin khác) [H11.11.04.03].

Do đặc thù của ngành ĐDSK, sản phẩm NCKH không như những sản phẩm thông thường. Như đã phân tích tại tiêu chí 10.4 “Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội là trường đại học đào tạo nghệ thuật, do đó hoạt động NCKH có đặc thù riêng, như việc dựng vở diễn, quay một bộ phim... và kinh nghiệm tích lũy được từ các hoạt động này được coi là một một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học của Nhà trường” [H10.10.04.01]. Hằng năm, GV và SV của Khoa tiến hành các hoạt động nghề nghiệp cụ thể để tạo ra sản phẩm nghệ thuật, đây được coi là hình thức nghiên cứu đề tài khoa học, giúp GV, SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc dạy-học. [H10.10.04.04].

Từ năm 2018 đến nay, sinh viên của KSK - ngành ĐDSK đã đạt được nhiều giải thưởng trong các cuộc thi sân khấu chuyên nghiệp [H11.11.04.04], đây là những sản phẩm NCKH đặc thù.

Với phân tích trên cho thấy giảng viên và sinh viên ngành ĐDSK đã thực hiện phương châm “*giảng dạy kết hợp với thực nghiệm và NCKH*”. Nhà trường có quy định cụ thể về việc khen thưởng đối với SV đạt giải trong các liên hoan sân khấu, kịch hoặc các cuộc thi mà SV của Trường tham gia được giải [H11.11.04.05].

Bên cạnh đó, Khoa cũng thường xuyên tổ chức các tọa đàm, hội nghị, hội thảo Khoa học với sự tham gia của các cán bộ, SV trong Khoa. Đặc biệt là Cuộc thi tài năng SV hằng năm hướng tới kỉ niệm ngày thành lập Trường ĐHSKĐAHN đã thu hút đông đảo SV các khóa, các chuyên ngành tham gia hào hứng. Cuộc thi nhằm tìm ra những sinh viên sáng giá trong nghệ thuật biểu diễn, những tài năng xuất chúng và khuyến khích tinh thần học tập, hăng say lao động sáng tạo trong SV [H11.11.04.06].

Có một thực tế là động viên SV dần dựng, tham gia mọi công việc của hoạt động sân khấu có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo. Mỗi SV kết thúc 1 trải nghiệm đều có cho mình những kinh nghiệm tốt để làm nghề. Công việc này trải dài toàn bộ cuộc đời làm nghề của họ (tích lũy kinh nghiệm, trải nghiệm). Nó không hiện hữu tất yếu ở một bài viết, bài báo hay "công trình" nào đó. Người GV xem những vai diễn do SV thể hiện trên sân khấu, trên phim điện ảnh hoặc truyền hình để phân tích cho họ thấy họ đã trưởng thành như thế nào, điểm mạnh, điểm yếu ra sao.

2. Điểm mạnh

Một số GV của Khoa cũng như GV thỉnh giảng của Khoa là những NSND, NSUT, Nhà giáo ưu tú, đạo diễn sân khấu, diễn viên lâu năm tại các nhà hát có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong nghề. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn các đồng nghiệp và SV NCKH/ sáng tác. Hằng năm, Khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia biểu diễn tại các liên hoan sân khấu trong nước và quốc tế.

3. Điểm tồn tại

SV ngành ĐDSK thường là các cán bộ của các nhà hát và các đơn vị nghệ thuật nhà nước và tự do đi học, nên đôi lúc công tác NCKH trong SV còn hạn chế về mặt thời gian do vừa tham gia học tập và công tác. Một số các bạn thí sinh tự do, hoặc các bạn tốt nghiệp phổ thông học đạo diễn thì kinh nghiệm còn non trẻ cũng còn nhiều hạn chế trong công tác NCKH như dàn dựng hay tham gia các vở diễn...

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, KSK phối hợp với P. ĐT,QLKH & HTQT, VSKĐA, P.CTHSSV phát huy tối đa công tác NCKH trong SV, thể hiện đúng tinh thần của quy định về hoạt động NCKH trong SV. Xây dựng quy định về việc quy đổi loại hình NCKH thành các tác phẩm sân khấu như: Đạo diễn trong một vở kịch và giải thưởng liên quan đến ngành ĐDSK.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, Ban Giám hiệu chỉ đạo KSK, P. ĐT,QLKH & HTQT, VSKĐA nghiên cứu đẩy mạnh hoạt động về NCKH trong SV; tuyên truyền, phổ biến về NCKH của SV; thành lập Hội đồng tư vấn đề tài NCKH và phát huy công tác hỗ trợ, hướng dẫn của các nhóm NCKH từ giảng viên đối với SV; nghiên cứu đổi mới cơ chế, chính sách động viên khích lệ SV thực hiện các đề tài NCKH. Có cơ chế đầu tư kinh phí cho các đề tài NCKH được chọn.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. *Mô tả hiện trạng*

Hằng năm, Nhà Trường tổ chức các cuộc thảo luận và Hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến đóng góp về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo. GV và chuyên viên của Khoa được tham dự các cuộc hội thảo giữa lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo Khoa với cán bộ viên chức để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng CTĐT. Bên cạnh đó, Hội đồng Khoa học và đào tạo của Trường tổ chức họp theo định kỳ để xem xét chiến lược đào tạo do các CB, GV của các đơn vị trong đó có KSK kiến nghị [H11.11.05.01]

Mỗi học kỳ, Trường và Khoa tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH về chất lượng giảng dạy các học phần nhằm thu thập thông tin phản hồi để làm cơ sở phân tích, đánh giá học phần và CTĐT cũng như các dịch vụ công để có sự điều chỉnh, cải tiến chương trình dạy học và dịch vụ hỗ trợ [H11.11.05.02]. Để hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của NH và các BLQ được tổ chức định kỳ, bài bản, Nhà trường đã ban hành quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H11.11.05.03].

Ngoài ra, Khoa chỉ đạo SV tổ chức sinh hoạt lớp để lắng nghe các ý kiến đóng góp, phản hồi từ SV một cách thẳng thắn, công khai và có sự giải trình, tiếp thu nghiêm túc của GVCN, trợ lý Khoa [H11.11.05.04] để báo cáo Ban chủ nhiệm Khoa, Hội đồng khoa học của Khoa và các Bộ môn nhằm kịp thời cải tiến chất lượng và phản hồi tới NH về sự cải tiến. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập thông tin phản hồi từ các cựu người học, Nhà trường và Khoa đã xây dựng mạng lưới liên kết cựu người học nhằm lấy ý kiến của cựu SV về CTĐT và CDR của CTĐT [H11.11.05.05] để làm cơ sở đánh giá, cải tiến CTĐT và CDR của ngành.

Trường và KSK đã tiến hành khảo sát việc làm của cựu SV, gửi bảng khảo sát đến các đơn vị đã, đang và sẽ tuyển dụng các SV của Khoa để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của người lao động do Khoa đào tạo và nhu cầu tuyển dụng của NTD [H11.11.05.06].

2. Điểm mạnh

CTĐT và CĐR của CTĐT ngành ĐDSK được tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các BLQ với nhiều hình thức thực chất. Đa đa số các BLQ hài lòng về CTĐT và CĐR của CTĐT. Các ý kiến phản biện từ các BLQ được Khoa và Trường tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CĐR của ngành.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến các BLQ đối với các hoạt động của Nhà trường, Khoa, ngành mới được thực hiện, chưa tổ chức định kỳ, thường xuyên. Mẫu biểu khảo sát, bảng hỏi chưa được cập nhật, điều chỉnh để bảo đảm đánh giá đúng thực chất và yêu cầu của các BLQ về CTĐT và các hoạt động liên quan đến đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Năm 2024, P. KT&ĐBCLGD căn cứ “Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan” tiến hành rà soát sau quá trình thực hiện để chỉnh sửa nhằm đưa hoạt động tìm hiểu mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024 trở đi, KSK lập kế hoạch phối hợp với P. KT&ĐBCLGD tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để bảo đảm tính cập nhật và phù hợp với mong muốn của đối tượng được khảo sát.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 11:

Nhìn chung, SV ngành ĐDSK có tỷ lệ tốt nghiệp cao, nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. GV, SV, cựu SV và NTD đánh giá hài lòng về CTĐT. Tuy nhiên, để có thể khắc phục một số hạn chế, khuyến khích các SV làm NCKH (dàn dựng vở diễn, thực hiện vai diễn sân khấu, kịch...), đẩy mạnh việc đào tạo kỹ năng mềm... nhằm trang bị cho SV để đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

Điểm mạnh nổi bật: CĐR của CTĐT ĐDSK đáp ứng các yêu cầu về nghề nghiệp, chuyên môn, kỹ năng mà các nhà NTD yêu cầu. Tỷ lệ làm việc và thành công sau khi tốt nghiệp của NH CTĐT khá cao, đáp ứng nhu cầu nghề nghiệp của xã hội.

Điểm tồn tại cơ bản: Những NTD nước ngoài thường yêu cầu cao hơn về chất lượng CĐR, trong đó có thành thạo ít nhất 1, 2 ngoại ngữ, tuy nhiên Trường / Khoa chưa có CTĐT hoặc môn học chuyên ngành của CTĐT được giảng dạy hoàn toàn bằng ngoại ngữ.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 11: Tiêu chuẩn 11 có 5 tiêu chí đạt, trong đó cả 5 tiêu chí đạt mức 4/7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Căn cứ vào sứ mạng của Trường ĐHSKĐAHN là trường đào tạo nhân lực cho ngành sân khấu, điện ảnh lớn nhất khu vực phía Bắc; là một cơ sở đào tạo nghệ thuật sân khấu và nghệ thuật điện ảnh bậc đại học và sau đại học duy nhất của cả nước. Trường có sứ mạng rõ ràng, phù hợp với chức năng, nguồn lực của Trường. Trường đã góp phần rất lớn trong việc đáp ứng nhu cầu nhân lực của ngành VH-TTDL nói riêng và cả nước nói chung cũng như trong việc thực hiện những kế hoạch, chiến lược về giáo dục và đào tạo của Chính phủ. CTĐT ngành ĐDSK được xem là một trong những chương trình then chốt của Nhà trường. Do đó việc đánh giá chương trình là tất yếu nhằm không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học; nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo đảm chất lượng và định kỳ tham gia kiểm định chất lượng.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày ở phần mô tả, hiệu quả các hoạt động của CTĐT được phân tích, đánh giá chi tiết theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT cử nhân ngành ĐDSK nói chung và của giai đoạn 2018 - 2023 nói riêng, đã đạt được những thành công, thành tựu đáng kể. Có rất nhiều thế hệ các ĐDSK đã trưởng thành từ Trường SKĐAHN và đã có những đóng góp to lớn cho nghề. Để CTĐT ngày một phát huy được giá trị to lớn, góp phần tạo nên thành tựu của công tác đào tạo ra những ĐDSK tương lai cho đất nước, CTĐT ngành ĐDSK cần phát huy những điểm mạnh và khắc phục một số hạn chế có thể kể đến như sau:

Thứ nhất, mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành ĐDSK đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc cố vấn học tập. SV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như phẩm chất cá nhân cần thiết. CĐR ngành ĐDSK được công bố công khai đến từng SV thông qua trang học tập cá nhân trên hệ thống website của Trường ở mỗi kì học, mỗi năm học.

Thứ hai, các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành ĐDSK được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới về lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình.... Quá trình bổ sung, điều chỉnh của Khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như đóng góp, xây dựng của hội đồng Khoa, cựu SV, GV, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Bản mô tả CTĐT được cụ thể hóa trong các ĐCCT học phần của chương trình. ĐCCT của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Trường ĐHSKĐAHN. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ,

được công bố công khai và dễ tiếp cận để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học.

Thứ ba, chương trình dạy học của ngành ĐDSK được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT. Hội đồng khoa học của KSK đã chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong CTDH nhằm bảo đảm cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ kiến thức chung đến kiến thức ngành hẹp. Bên cạnh đó, chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và năng lực phát triển nghề nghiệp cho SV. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau. CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến ngành ĐDSK trong khu vực và trên thế giới. Chương trình dạy học thể hiện được năng lực của SV tốt nghiệp. Các học phần được thiết kế đề cao tính ứng dụng; các học phần kiến thức, kỹ năng chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

Thứ tư, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành ĐDSK phù hợp, rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng như bài giảng lý thuyết, thực hành, thảo luận, thuyết trình, thực tập, tự học và tự nghiên cứu thuật giúp SV có khả năng học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với NH. Môi trường học cởi mở và thân thiện, có sự tương tác hiệu quả giữa GV và SV; các GV luôn tôn trọng và giúp đỡ NH.

Thứ năm, việc đánh giá kết quả học tập của SV ngành ĐDSK, KSK được thực hiện một cách chuyên nghiệp, bám sát các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHSKĐAHN để bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng trong đánh giá KQHT của SV. KSK luôn tập trung sâu vào đánh giá năng lực của NH thông qua các kỳ thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được CDR của môn học và CTĐT, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến NH để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Thứ sáu, đội ngũ GV trong ngành ĐDSK có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy và NCKH của Khoa đã có những thành tích nhất định.

Trong giảng dạy, với số lượng NH như hiện tại, đội ngũ GV của Khoa luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng theo quy định và đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao theo thăm dò ý kiến từ SV. Trong NCKH, tuy vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhưng đội ngũ GV của Khoa cũng đã tích cực tham gia vào tất cả loại hình nghiên cứu, nhiều GV được khen thưởng hoặc nhận các giải thưởng danh giá. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của Khoa và nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của GV, phù hợp với chiến lược phát triển đại học của Nhà trường. ĐNNV hỗ trợ cho CTĐT ngành ĐDSK có trình độ chuyên môn cơ bản đáp ứng được nhu cầu công việc. Ngoài ra, đội ngũ này cũng rất năng động và nhiệt huyết, do vậy, công việc luôn

được triển khai và hoàn thành tốt. Bên cạnh đó, Trường luôn có những chế độ khen thưởng và kỷ luật phù hợp để quản lý công việc của đội ngũ này. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển ĐNNV của Khoa và Nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của ngành và phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.

Thứ bảy, công việc tuyển sinh được thực hiện một cách công khai, nghiêm túc, vì thế gần như hằng năm ngành ĐDSK tuyển chọn được nhiều SV có năng lực đạt yêu cầu đầu vào. Bên cạnh đó, NH được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của Khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập, NCKH và thể chất, tinh thần, nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân.

Thứ tám, Trường ĐHSKĐAHN có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng thực hành với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành. Hệ thống công nghệ thông tin đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đạt yêu cầu của CB, GV và NH của Trường.

Thứ chín, công tác nâng cao chất lượng đào tạo ngành ĐDSK được Nhà trường và Khoa hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và NTD. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo dục, GV, NH, NTD và cựu NH được chú trọng và thực hiện đầy đủ. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các hoạt động nghề nghiệp tương đương NCKH được GV và SV quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng chiếu phim, trung tâm âm thanh, ánh sáng...) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho GV và NH trong dạy- học và NCKH.

Thứ mười, sinh viên ngành ĐDSK có tỷ lệ tốt nghiệp cao, nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. GV, SV, cựu SV và NTD đánh giá hài lòng về CTĐT.

Bên cạnh những điểm nổi bật đã nêu trên, CTĐT cử nhân ngành ĐDSK cũng còn một số tồn tại sau:

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CĐR của CTĐT mới chỉ được thực hiện theo hướng dẫn, quy định của nhà trường. Khoa chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học, chưa thiết lập được kênh thông tin riêng như website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

Phòng thực hành chưa có những phòng học hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế. Hệ thống sân khấu nhà hát để SV thực hiện các vở diễn tốt nghiệp vẫn chưa đáp ứng được hết yêu cầu để thực hiện các vở diễn tốt nghiệp cho nhiều loại hình vở diễn cho SV.

Việc cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT và các ĐCCT học phần đến các BLQ thực hiện còn hạn hẹp, chưa chuyên nghiệp. Khoa thiếu cơ sở dữ liệu cập nhật về việc lấy ý kiến của NTD, của cựu SV để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT, các ĐCCT học phần. Phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa rộng. CDR của một số học phần chưa thực sự rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CDR của CTĐT.

Hoạt động thực hành và trải nghiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Số ít SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên cứu. Việc đánh giá kết quả học tập một số học phần còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu chưa được tiến hành một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay; Khoa mới thực hiện rà soát và điều chỉnh CDR của CTĐT theo hướng dẫn, quy định của nhà trường mà chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học; chưa có sự liên hệ thật sự chặt chẽ trong quá trình SV thực tập tại cơ sở, các ký kết với cơ sở thực tế chưa có những ràng buộc liên quan nhiều đến chuẩn đầu ra theo từng năm học và từng chuyên ngành mà SV phải đạt tới; Khoa chưa thiết lập được kênh thông tin riêng trên website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV và SV.

Với những đặc điểm nổi bật cần phát huy và một số điểm tồn tại cần khắc phục nêu trên. KSK cần nỗ lực không ngừng trong công tác đào tạo, công tác xây dựng CTĐT, cũng như không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập nhằm hướng tới đáp ứng những nhu cầu của xã hội. Khoa cần chú trọng công tác rà soát, cập nhật, hoàn thiện CTĐT ĐDSK nhằm mục đích đào tạo những đạo diễn có năng lực sáng tạo và hoạt động nghề nghiệp Đạo diễn cho Sân khấu Việt Nam.

Với nội dung tự đánh giá trên đây, KSK tổng kết điểm tự đánh giá CTĐT ĐDSK giai đoạn 2018-2023 như sau:

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN NGÀNH ĐẠO DIỄN SÂN KHẤU**

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội**

Mã: **52210235**

Tên CTĐT: **Cử nhân Đạo diễn sân khấu**

Mã CTĐT: **7210227**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt(%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								4,33	3	100 (3/3)
Tiêu chí 1.1				x						
Tiêu chí 1.2				x						
Tiêu chí 1.3					x					
Tiêu chuẩn 2								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 2.1				x						
Tiêu chí 2.2				x						
Tiêu chí 2.3				x						
Tiêu chuẩn 3								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 3.1				x						
Tiêu chí 3.2				x						
Tiêu chí 3.3				x						
Tiêu chuẩn 4								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 4.1				x						
Tiêu chí 4.2				x						
Tiêu chí 4.3				x						
Tiêu chuẩn 5								4,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 5.1				x						
Tiêu chí 5.2				x						
Tiêu chí 5.3				x						
Tiêu chí 5.4				x						
Tiêu chí 5.5				x						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 6								4,00	7	100 (7/7)
Tiêu chí 6.1				x						
Tiêu chí 6.2				x						
Tiêu chí 6.3				x						
Tiêu chí 6.4				x						
Tiêu chí 6.5				x						
Tiêu chí 6.6				x						
Tiêu chí 6.7				x						
Tiêu chuẩn 7								4,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 7.1				x						
Tiêu chí 7.2				x						
Tiêu chí 7.3				x						
Tiêu chí 7.4				x						
Tiêu chí 7.5				x						
Tiêu chuẩn 8								4,40	5	100 (5/5)
Tiêu chí 8.1				x						
Tiêu chí 8.2					x					
Tiêu chí 8.3				x						
Tiêu chí 8.4				x						
Tiêu chí 8.5					x					
Tiêu chuẩn 9								5.00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 9.1					x					
Tiêu chí 9.2					x					
Tiêu chí 9.3					x					
Tiêu chí 9.4					x					
Tiêu chí 9.5					x					
Tiêu chuẩn 10								4,16	6	100 (6/6)
Tiêu chí 10.1				x						
Tiêu chí 10.2				x						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 10.3				x				4,16	6	100 (6/6)
Tiêu chí 10.4					x					
Tiêu chí 10.5				x						
Tiêu chí 10.6				x						
Tiêu chuẩn 11								4,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 11.1				x						
Tiêu chí 11.2				x						
Tiêu chí 11.3				x						
Tiêu chí 11.4				x						
Tiêu chí 11.5				x						
Đánh giá chung CTĐT								4,17	50/50	100%

Hà Nội, ngày tháng năm 2023
Hiệu Trưởng

PGS.TS.Nguyễn Đình Thi

PHẦN IV. PHỤ LỤC

1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/11 /2023

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
Tiếng Việt: Trường Đại học Sân Khấu - Điện Ảnh Hà Nội
Tiếng Anh: Hanoi Academy of Theatre and Cinema
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
Tiếng Việt: SKĐAHN
Tiếng Anh: HATC
3. Tên trước đây (nếu có):
4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.
5. Địa chỉ: Khu văn hóa nghệ thuật, P Mai Dịch, Q Cầu Giấy, TP Hà Nội.
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 84.4.37643397
E-mail: skd@moet.edu.vn Website: www.skda.edu.vn
7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 1980
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1980
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I:
10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thực

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ) Không

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Khoa Sân khấu

Tiếng Việt: Khoa Sân khấu

Tiếng Anh: Department Drama

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 7210227

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: P306.A1, Trường ĐHSKĐAHN, Khu văn hóa nghệ thuật, P Mai Dịch, Q Cầu Giấy, TP Hà Nội.

17. Địa chỉ Khoa/ Bộ Môn CTĐT:

18. Số điện thoại liên hệ: 0437648445; Email: khoasankhau2014@gmail.com
Website:

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1980

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1980

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1984

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Khoa Sân Khấu trường ĐHSKĐAHN nguyên là Khoa Kịch Nói – trường Nghệ thuật Sân khấu Việt Nam. Tính từ thời điểm đào tạo của Khoa Kịch Nói (nay là Khoa Sân khấu) từ năm 1959 đến nay, Khoa đã đào tạo được nhiều nghệ sĩ danh tiếng, tên tuổi của họ gắn liền với sự nghiệp sân khấu và điện ảnh nước nhà.

Khoa là đơn vị xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, nghiên cứu Khoa học, thực hành, thực tập và sáng tác biểu diễn theo kế hoạch đó được phê duyệt. Quản lý đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất trong phạm vi Khoa. Quản lý toàn diện sinh viên đang theo học tại các chuyên ngành do Khoa đào tạo. Năm 2018, Khoa đã tiến hành chỉnh sửa đề cương môn học cho 06 chuyên ngành đào tạo theo phương thức đào tạo theo niên chế; Năm 2019 và 2020, Khoa tiến hành viết chương trình đào tạo và đề cương các môn học cho Đạo diễn Sân khấu tài năng, Đạo diễn Âm thanh ánh sáng tài năng, Đạo diễn Sự kiện – Lễ hội tài năng; Năm 2022, Khoa xây dựng CDR cho 6 CTĐT của Khoa; Năm 2023 Khoa tiến hành cập nhật, rà soát CTĐT theo phương thức đào tạo Tín chỉ CTĐT của 06 ngành của Khoa, trong đó có ngành Đạo diễn Sân khấu.

Các chuyên ngành đào tạo của Khoa gồm có: Diễn viên Kịch, Điện ảnh – Truyền hình, Đạo diễn sân khấu, Đạo diễn Âm thanh ánh sáng, Đạo diễn Sự kiện – Lễ hội, Biên kịch sân khấu, Lý luận phê bình sân khấu. Một số chuyên ngành như: Diễn viên Kịch - Điện ảnh, Đạo diễn sân khấu, Đạo diễn Âm thanh ánh sáng thường xuyên được các chuyên gia nước ngoài sang giảng dạy như: chuyên gia Nga, Na Uy, Trung Quốc, Thụy Điển, Nhật Bản, Úc, Áo....

Từ năm 2018 đến nay, số lượng sinh viên trong Khoa không ngừng tăng lên về số lượng và chất lượng. Công tác tổ chức các buổi báo cáo vở diễn tốt nghiệp diễn ra tốt đẹp, đạt hiệu quả cao và nhận được nhiều lời khen ngợi từ Ban giám hiệu cũng như Hội đồng chuyên môn của Khoa. Các buổi bảo vệ tốt nghiệp của sinh viên diễn ra nghiêm túc, đúng quy định và đạt kết quả tốt. Đặc biệt, trong năm học 2019 - 2020, sinh viên của Khoa sân khấu đã chủ động phối kết hợp các chuyên ngành với nhau để tổ chức tốt nghiệp một cách hiệu quả và tiết kiệm. Một số lớp trong Khoa tích cực tham gia các

Liên hoan sân khấu chuyên nghiệp như: Lớp Diễn viên kịch - Điện ảnh K37, K38 tham dự Liên hoan sân khấu hình tượng người chiến sĩ công an lần 4; Lớp Diễn viên kịch - Điện ảnh K36 và một số sinh viên lớp Đạo diễn sân khấu K36 hệ tại chức tham dự liên hoan sân khấu chuyên nghiệp.

Khoa có 11 giảng viên, trong đó có 1 giảng viên là Trưởng Khoa, 2 giảng viên hiện đang là Phó trưởng Khoa, 09 giảng viên giảng dạy các chuyên ngành của Khoa và nhà trường. Nhiều nhà giáo trong Khoa đó được danh hiệu cao quý của Nhà nước là Phó giáo sư, Nhà giáo Ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú... như PGS.TS. NGƯT Phan Trọng Thành, NSƯT Trần Lực, TS. NGƯT Lê Mạnh Hùng, NSƯT Bùi Như Lai. Các giảng viên trong Khoa ngoài dạy các lớp chính quy, còn tham gia giảng dạy, hướng dẫn tốt nghiệp, phản biện các lớp tại chức, liên kết, cao học. Bên cạnh đó, các giảng viên thường xuyên tham gia những lớp đào tạo ngắn hạn như phương pháp Suzuki của Nhật Bản (2015, 2016, 2018). Tháng 9/2016; tháng 8/2018 giảng viên Hán Quang Tú và Dương Thị Thanh Huyền được cử đi Nhật học lớp Suzuki. Tháng 10/2018 giảng viên Dương Thị Thanh Huyền đi Hàn Quốc học phương pháp đào tạo hình thể nâng cao.

- Nhiều giảng viên của Khoa sân khấu tích cực tham gia công tác nghiên cứu Khoa học bằng cách viết bài nghiên cứu, viết chuyên đề hoặc viết công trình nghiên cứu cấp cơ sở.

+ Tháng 8/2018, 02 Giảng viên của Khoa là ThS. Dương Thị Thanh Huyền và ThS. Hán Quang Tú được cử đi học tập tại Nhật Bản và đã ứng dụng những kết quả học tập vào phương pháp giảng dạy diễn viên và đạo diễn của Khoa.

+ Tháng 10 năm 2018, một số giảng viên trong Khoa tham gia Liên hoan Sân khấu Song ngữ Incheon tại Hàn Quốc với vở diễn “*Tiêu chuẩn của hạnh phúc*” (đạo diễn: PGS.TS. NGƯT Phan Trọng Thành cùng các Giảng viên Dương Thị Thanh Huyền, Nguyễn Lan Hương và các học trò K37).

+ Tháng 12 năm 2018, nhân dịp chào mừng kỷ niệm 26 năm thiết lập quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc, Khoa Sân khấu tổ chức dàn dựng và biểu diễn vở “*Xe ôm*” (đạo diễn: PGS.TS. NGƯT Phan Trọng Thành) được đối tác khen ngợi.

+ Năm 2018, giảng viên Phan Trọng Thành dựng vở “*Mùa hoa sữa*” cho Nhà hát kịch Quân đội và nhận giải Đạo diễn xuất sắc, vở diễn nhận Huy chương Vàng Liên hoan Sân khấu chuyên nghiệp Thủ đô năm 2018.

+ Nhóm Lucteam của giảng viên Trần Lực thường xuyên hoạt động, biểu diễn các vở như “*Cơn ghen của lọ lem*”, “*Quần*”, “*Nữ ca sĩ hời đầu*” tại Nhà hát tuổi trẻ, Trung tâm văn hóa Pháp, rạp Kim Mã và các tỉnh thành khác trong nước.

+ Năm 2020, vở diễn *Tái sinh* (tác giả: Nguyễn Toàn Thắng, đạo diễn: NSƯT Bùi Như Lai) do tập thể lớp Diễn viên Kịch – Điện ảnh K37, K38 biểu diễn trong Liên hoan sân khấu hình tượng người chiến sĩ công an lần 4 diễn ra vào tháng 7.2020. Vở diễn thành công rực rỡ trong Liên hoan. Kết quả: Vở diễn đạt HCV, giải đạo diễn xuất sắc nhất, 2 HCV cho vai diễn Ông Đương (giảng viên Hán Quang Tú đóng) và Trí Phong (SV Trần Hoàng Nhật đóng); HCB cho các vai diễn Anh Khoa (SV Trần Chiến đóng), Anh Thư (SV Bích Thủy đóng), Nam còi (SV Dương Tùng Nam đóng).

Vở diễn *Những người ở lại* (tác giả: Nguyễn Huy Tường, đạo diễn: NSƯT Lê Thúy Nga) do tập thể lớp Diễn viên Kịch – Điện ảnh K36 biểu diễn trong Liên hoan Sân khấu thủ đô tháng 9.2020. Vở diễn được đánh giá cao và được bằng khen của Ban tổ chức Liên hoan. Kết quả, có 3 sinh viên đạt HCB, đó là: SV Trần Thị Thu Thảo trong vai Lan, SV Lương Đức Thịnh trong vai Sơn và SV Đặng Công Đại trong vai Dương.

Ngoài ra rất nhiều giảng viên trong Khoa tham gia đạo diễn Âm thanh ánh sáng cho các chương trình sự kiện, Lễ hội; dàn dựng vở diễn hoặc tham gia vai diễn cho các đơn vị nghệ thuật khác như: giảng viên Bùi Như Lai, Nguyễn Hoài Thanh, Trần Lực, Hán Quang Tú, Dương Thị Thanh Huyền, Nguyễn Hoàng Tùng.

Hơn nữa, các giảng viên trong Khoa luôn quan tâm đến công tác nghiên cứu Khoa học. Rất nhiều các công trình đã được ra mắt như: Giáo trình hình thể cho diễn viên và đạo diễn sân khấu của Giảng viên ThS, Dương Thị Thanh Huyền và Giảng viên Đặng Thị Hạnh Năm, NXB Đại học quốc gia, 2020.

+ Năm 2021: TS.NSƯT. Bùi Như Lai đạt giải Đạo diễn xuất sắc tại liên hoan Sân Khấu Ca Kịch toàn quốc và có ba vở diễn đạt các huy chương vàng, bạc trong liên hoan.

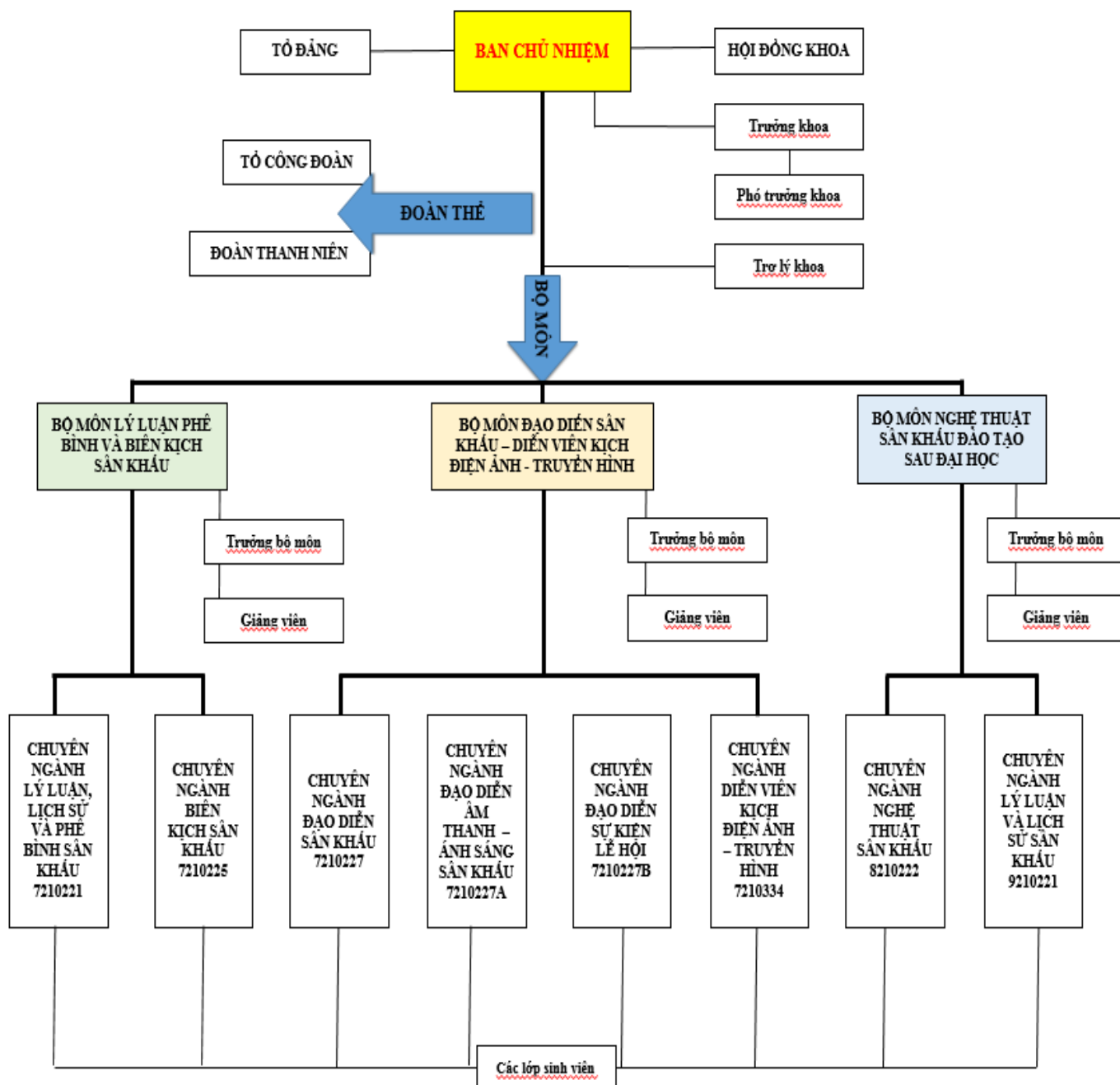
+ Năm 2022: TS.NSƯT. Bùi Như Lai dàn dựng nhiều vở diễn cho các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp như Nhà Hát ca Kịch Nghệ An, các chương trình nghệ thuật của Viện Goethe...

+ Năm 2023: TS.NSƯT. Bùi Như Lai dàn dựng vở Romeo và Juliet cho sân khấu Hải phòng; Đạo diễn NSƯT Trần Lực dàn dựng búp bê với Lutteam; ThS. Hán Quang Tú tham gia một số vai diễn với sân khấu Lệ Ngọc; ThS. Nguyễn Hoàng Tùng tham gia show diễn Kịch Câm tại TPHCM; ThS Nguyễn Hoài Thanh tham gia một số show về sự kiện lễ hội của bộ công an và một số tỉnh thành.....

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHOA SÂN KHẤU



Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục

- PGS.TS.NGND Nguyễn Đình Thi - Bí thư Đảng uỷ, Hiệu trưởng Nhà trường.
- ThS. Nguyễn Thị Thanh Quế: Phó Hiệu trưởng
- TS. Phạm Đắc Thi: Phó Bí thư - Phó Hiệu trưởng
- TS. Phạm Trí Thành: Chủ tịch Hội đồng trường.

Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

- TS. Bùi Như Lai: Trưởng Khoa Sân khấu
- ThS. Nguyễn Hoài Thanh: Phó Trưởng Khoa Sân khấu
- ThS. Dương Thị Thanh Huyền: Phó Trưởng Khoa Sân khấu

(*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Hiệu trưởng	Nguyễn Đình Thi	1964	PGS.TS. NGND	0913588863	thidinhnguyen@hotmail.com
2	Chủ tịch Hội đồng trường	Phạm Trí Thành	1966	TS	0906100882	phantrithanhts@gmail.com
3	Phó hiệu trưởng	Nguyễn Thị Thanh Quế	1967	ThS	0985577500	thanhque2001@gmail.com
4	Phó Hiệu trưởng	Phạm Đắc Thi	1970	TS	0912312989	pdthi2012@gmail.com
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.	Trưởng Khoa	Bùi Như Lai	1979	TS	0972562828	buiinhulai1979@gmail.com
2	Phó Trưởng Khoa	Nguyễn Hoài Thanh	1975	ThS	0839663333	thanhdsklh@gmail.com
3	Phó Trưởng Khoa	Dương Thị Thanh Huyền	1986	ThS	0908231286	huyengiangduong@gmail.com
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Bí thư Đảng ủy	Nguyễn Đình Thi	1964	PGS.TS. NGND	0913588863	thidinhnguyen@hotmail.com
2	Chủ tịch Công đoàn Trường	Hoàng Dạ Vũ	1985	ThS	0983290885	hoangdavu2908@gmail.com
3	Bí thư ĐTN	Lê Thị Ly Như	1984	ThS	0985875665	lynhu1984@gmail.com
III.	Các phòng, ban					
1.	Trưởng Phòng ĐT QLKH&HTQT	Nguyễn Thị Hồng Hiền	1980	TS	0912798888	nguyenhonghien0110@gmail.com
2	Trưởng phòng CTHSSV	Trần Tuyết Hồng	1983	ThS	0982387183	tuyethongpdt.skda@gmail.com

3	Trưởng Phòng HCTH	Nguyễn Thị Thu Hiền	1983	ThS	0906113599	nguyenhienskda@gmail.com
4	Trưởng Phòng KT&ĐBCLGD	Trịnh Thúy Hương	1981	TS	0912804603	trinh.thuyhuong81@gmail.com
IV.	Các Bộ môn					
1.	Tổ trưởng tổ Bộ môn LLPB và Biên kịch sân khấu	Cao Thị Phương Dung	1980	ThS	0979191900	Dungcao1980@gmail.com
2	Tổ trưởng tổ Bộ môn Diễn viên và đạo diễn	Bùi Như Lai	1979	TS, NSUT	0972562828	buihulai1979@gmail.com
3	Tổ Bộ môn Sân khấu đào tạo sau Đại học	Nguyễn Đình Thi	1964	PGS.TS. NGND	0913588863	thidinhnguyen@hotmail.com

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 04/06

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 01

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 04

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: Không đào tạo.

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

- Ngành Đạo diễn sân khấu văn bằng 2: 01

- Ngành Diễn viên Kịch – Điện ảnh – Truyền hình liên thông: 01

- Ngành Diễn viên Kịch – Điện ảnh – Truyền hình hệ VLVH : 01

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 06

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	8	3	11
I.1	Đội ngũ trong biên chế	8	3	11
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	9	6	15
	Tổng số	17	9	26

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

¹ Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư		1				
3	Tiến sĩ Khoa học		0				
4	Tiến sĩ		1			2	
5	Thạc sĩ		7		2	11	
6	Đại học		1			2	
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số		11		3	15	

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh Khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 11 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 11/11 người

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 33 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BỘ GD&ĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0		1					3
3	Tiến sĩ Khoa học	0,0							
4	Tiến sĩ	2		1			2		1.8
5	Thạc sĩ	1		6		2	11		6.82
6	Đại học	0,3		1			2		0.7
	Tổng			9		2	15		12.32

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Na m	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	1	9%	x						x
3	Tiến sĩ Khoa học									
4	Tiến sĩ	1	9%	x				X		
5	Thạc sĩ	7	64%	x	x		x	X	x	
6	Đại học	2	18%	x			x		x	
	Tổng	11	100%							

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 43 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 18%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 64%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	40%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	30%	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy và không chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2018- 2019	15	13	1/2	13	15	18	0
2019-2020	16	12	1/2	12	16	18	0
2020-2021	20	12	1/2	12	14.5	19.4	0
2021-2022	12	12	0	12	14.5	18	0
2022-2023	10	8	1/2	8	15	19	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh				1	
2. Học viên cao học	5	4	1	1	1
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	8	0	0	0	0
Hệ không chính quy	13	12	27	13	21
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác ...					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2018-2019	2010-2020	2020-2021	2021-2022	2022- 2023
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	24m ²	24 m ²	20m ²	22m ²	24m ²
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	17m ²	17m ²	15m ²	16m ²	17m ²
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	17m ²	17m ²	15m ²	16m ²	17m ²
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	4m ²	4m ²	4m ²	4m ²	4m ²

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu Khoa học

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng(người)	10/180	7/165	15/170	9/160	10/184
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	5.5%	4.3%	8.82%	5.62%	5.43%

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ			1		
2. Học viên tốt nghiệp cao học	4	1	1	1	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	8	0	0	0	
Hệ không chính quy	0	8	10	8	
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy, VLVH của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	7	8	10	8	
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	90%	95%	95%	100%	
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	85%	87%	90%	80%	
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	0%	0%	0%	0%	
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0%	0%	0%	0%	
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị Thực hiện CTĐT có điều tra					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	95%	95%	98%	100%	
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	5%	5%	2%	0%	
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	10Tr VNĐ	12Tr VNĐ	15tr VNĐ	20tr VNĐ	
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	90%	91%	88%	100%	
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	5%	3.5%	2%	0%	
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0%	0%	0%	0%	

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu Khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu Khoa học và chuyển giao Khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	1	2	2	2	1	2,5
	Tổng		1	2	2	2	1	2,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 2,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu Khoa học và chuyển giao Khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 2,5/10

46. Doanh thu từ nghiên cứu Khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	20...			
2	20...			
3	20...			
4	20...			
5	20...			

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài Khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	3	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	3	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	1	0	1	1,5
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		0	0	1	0	1	1,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 1,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,5/10

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	1	1	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	1	1	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Tạp chí Khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	0	0	1,5
2	Tạp chí Khoa học cấp ngành trong nước	1,0	1	1	0	0	1	3,0
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	3	2	3	3	2	6,5
	Tổng		4	3	3	3	3	15

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 15

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 15/11

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí Khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí Khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	1	1	6
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	1	1	6

52. Số lượng báo cáo Khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	0	0
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	0	0	0	0
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	1	1	1	0,75
	Tổng		0	0	1	1	1	0,75

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 0,75

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,75/10

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo Khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo Khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	0	3
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	2

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018- 2019	0
2019- 2020	0
2020-2021	0
2021- 2022	0
2022- 2023	0

55. Nghiên cứu Khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài Khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	3	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	03	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu Khoa học của sinh viên:

(Thông kê các giải thưởng nghiên cứu Khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu Khoa học	Số lượng				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Số giải thưởng nghiên cứu Khoa học, sáng tạo	4	3	3	4	5
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 20.610,8

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 40

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 4000 Nơi học: 11.257 Nơi vui chơi giải trí: 5200

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 28,411

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 17,7

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin

- Thư viện: 650 tựa/ 820 bản sách,

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có)

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: 229

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 129

- Dùng cho người học học tập: 100

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 11

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 11/11

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 18%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 64%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 12

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 12/15

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 98

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 100%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 80%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 20%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 15Tr VNĐ

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 80%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 20%

6. Nghiên cứu Khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu Khoa học và chuyển giao Khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 1/3

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 17,7

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: Dùng chung thuộc quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Dùng cho 03 Trường Xiếc, Múa và SKĐA)

CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN

Phụ lục 1

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU TRONG BÁO CÁO TĐG CHƯƠNG TRÌNH ĐẠO DIỄN SÂN KHẤU

Bảng 1: Mục tiêu chương trình đào tạo (MTCTĐT) các năm

MTCTĐT Đạo diễn sân khấu Năm 2018	MTCTĐT Đạo diễn sân khấu Năm 2023
<p>1.Mục tiêu chung: Đào tạo các Đạo diễn sân khấu chuyên nghiệp có khả năng dàn dựng tác phẩm sân khấu mang tính hình tượng cao.</p> <p>2.Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> • <u>Về kiến thức:</u> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tri thức chuyên môn <ol style="list-style-type: none"> a. Khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở cần thiết và cốt lõi nhằm tạo nền tảng cơ bản và toàn diện về nghệ thuật: <ul style="list-style-type: none"> - Những kiến thức cơ bản về các ngành nghệ thuật: Tâm lý học, Lịch sử triết học phương Đông. - Những kiến thức cơ bản về nghệ thuật sân khấu: Phân tích tác phẩm âm nhạc; Lý luận kịch; Phân tích tác phẩm văn học kịch; Âm thanh, ánh sáng sân khấu; Mỹ thuật sân khấu; Hóa trang; Biên đạo múa. b. Khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về lý thuyết và thực hành một cách có hệ thống, toàn diện và chuyên sâu về: Hình thể sân khấu, Tiếng nói sân khấu, Kỹ thuật biểu diễn và Nghệ thuật đạo diễn. 	<p>1.Mục tiêu chung “Đào tạo ra các đạo diễn sân khấu chuyên nghiệp có thể độc lập sáng tạo, dàn dựng các vở diễn sân khấu, đồng thời có thể tham gia đạo diễn, hợp tác với một số phim điện ảnh, truyền hình trong và ngoài nước.”</p> <p>2. Mục tiêu cụ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>M1</i>: Cung cấp hệ thống kiến thức, kỹ năng chuyên sâu, bài bản và Khoa học để đào tạo ra các đạo diễn chuyên nghiệp cho nền sân khấu Việt Nam. + <i>M2</i>: Các sinh viên học chương trình đào tạo có đầy đủ kiến thức nền tảng liên quan đến nghề nghiệp mà họ được đào tạo, giúp họ được trang bị đầy đủ mọi mặt để hoạt động nghề nghiệp sau khi ra trường. + <i>M3</i>: Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được học trong chương trình đào tạo, trong hoạt động nghề nghiệp của họ trên sân khấu, điện ảnh và truyền hình. + <i>M4</i>: Hướng tới sự chuyên nghiệp trong học tập, rèn luyện và các công tác đạo diễn của sinh viên, nhằm hướng họ tới đích cuối cùng là trở thành các đạo diễn chuyên nghiệp có khả năng xây dựng và sáng tạo nghệ thuật trên sân khấu, phim ảnh và truyền hình.

- Các chuyên đề liên quan trực tiếp đến công việc dàn dựng trên sân khấu.	
---	--

Bảng 2: Kết quả khảo sát của các bên liên quan đối với mục tiêu của CTĐT

Mức độ đồng ý với Mục tiêu CTĐT Đạo diễn sân khấu	Nhà tuyển dụng	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giảng viên
Rất không đồng ý	0%	0%	0%	0%
Không đồng ý	0%	0%	0%	0%
Phân vân	2%	2%	1%	1%
Đồng ý	89,15%	87,35%	90%	90%
Rất đồng ý	60%	65%	70%	75%

Bảng 3: Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Đạo diễn sân khấu các năm

Năm 2018	Năm 2023
<p>I. Yêu cầu về kiến thức :</p> <p>CDR của CTĐT ngành Đạo diễn sân khấu năm 2018 được xây dựng theo phương thức đào tạo theo niên chế, với yêu cầu kiến thức bao gồm:</p> <p>Tri thức chuyên môn và năng lực nghề nghiệp. Trong đó kiến thức chuyên môn bao gồm: Khối kiến thức giáo dục đại cương; Khối kiến thức chung bắt buộc; khối cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành. Còn năng lực nghề nghiệp được yêu cầu đạt được các yêu cầu chung nhất về nghề nghiệp đạo diễn cần có.</p>	<p>I. Yêu cầu về kiến thức</p> <p>CDR của CTĐT ngành Đạo diễn sân khấu năm 2023 được xây dựng theo phương thức đào tạo theo tín chỉ, với yêu cầu kiến thức được thiết kế để đạt CDR của CTĐT bao gồm các PLOs về kiến thức giáo dục đại cương; Tin học ngoại ngữ; Kiến thức cơ sở ngành; Kiến thức chuyên ngành: PLO1 (Kiến thức Giáo dục đại cương); PLO2 (kiến thức về Tin học ngoại ngữ); PLO3 (kiến thức cơ sở ngành); PLO4 (kiến thức ngành)</p>
<p>II. Yêu cầu về kỹ năng</p> <p>1. Kỹ năng cứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng chuyên môn - Năng lực thực hành nghề nghiệp - Nghiên cứu Khoa học - Phân tích và xử lý thông tin <p>2. Kỹ năng mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình 	<p>II. Yêu cầu về kỹ năng</p> <p>Các yêu cầu và mức độ đạt được được mã hoá trong các PLOs và ma trận rất chi tiết và rõ ràng</p> <ul style="list-style-type: none"> + PLO5: Kỹ năng về khối kiến thức giáo dục đại cương + PLO6: Kỹ năng về khối tin học ngoại ngữ

<p>- Kỹ năng làm việc theo nhóm</p> <p>- Khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học</p>	<p>+ PLO7: Bổ trợ và phát triển các kỹ năng khác nhau về cơ sở</p> <p>+ PLO8: : Rèn luyện, hoàn thiện, nâng cao các kỹ năng chuyên ngành cho sinh viên trong suốt quá trình học chương trình đào tạo.</p>
<p>III. Yêu cầu về thái độ</p> <p>Yêu cầu về phẩm chất đạo đức, kỷ luật và Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên rèn luyện, học tập để nâng cao trình độ, tích cực, chủ động, sáng tạo trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ.</p>	<p>III. Yêu cầu về thái độ</p> <p>Năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ PLO9: Sinh viên hình thành và nâng cao năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm trong việc học tập và rèn luyện bản thân. Năng lực tự chủ và trách nhiệm sẽ được phát huy tối đa trong hoạt động học tập và hình thành tư duy sáng tạo độc lập trong công tác đạo diễn sân khấu, điện ảnh và truyền hình.</p>
<p>IV. Vị trí của người học sau khi tốt nghiệp</p> <p>Sau khi tốt nghiệp, sinh viên đảm bảo đảm nhiệm các vị trí công việc như mục tiêu của CTĐT</p>	<p>IV. Vị trí của người học sau khi tốt nghiệp</p> <p>Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra ngành/chuyên ngành Đạo diễn sân khấu có thể làm việc tại Các nhà hát , các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, các sân khấu kịch, các Đài truyền hình, các công ty truyền thông và tổ chức biểu diễn....</p>
<p>V. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường</p> <p>Sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Đạo diễn sân khấu, sinh viên có thể đăng ký tiếp tục học lên trình độ thạc sĩ ngành Nghệ thuật Sân khấu tại Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.</p>	<p>V. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường</p> <p>Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng: Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các kiến thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng yêu cầu của vị trí và môi trường công tác cụ thể. Học chuyển đổi sang các ngành đào tạo khác của trường. Sinh viên có khả năng tiếp tục học ở bậc cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) ngành Nghệ thuật sân khấu, Nghệ thuật điện ảnh – truyền hình...</p>

Bảng 4: Đối sánh chuẩn đầu ra (CDR) các năm

Nội dung đối sánh	CDR năm 2018	CDR năm 2023
Giống nhau	- Cấu trúc CDR gồm: Kiến thức; Kỹ năng/phẩm chất đạo đức; Mức tự chủ trách nhiệm. - Nội dung của các CDR được thiết kế gồm yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt.	
Khác nhau	Chưa xác định cụ thể mức độ năng lực của từng CDR theo thang Bloom nhưng các CDR được thiết kế rõ ràng, cụ thể, các đơn vị CDR không chia theo từng lĩnh vực chung và được kết nối với nhau theo một logic.	Đã xác định cụ thể mức độ năng lực của từng CDR theo thang Bloom.

Bảng 5: Cấu trúc đề cương chi tiết học phần được thể hiện qua CTĐT Đạo diễn sâu khấu của các năm 2018 và 2023

Nội dung	Năm 2018	Năm 2023
Tổng số ĐVHT/ Tín chỉ	213 ĐVHT	146 TC
Tổng số học phần	34	35
Số tín chỉ bắt buộc/tự chọn	19/33	37/38
Số học phần bắt buộc/tự chọn	19/26	14/28

Bảng 6: Đánh giá của cựu người học về các vấn đề liên quan đến đề cương chi tiết học phần năm 2018

Nội dung		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	Tổng
Đề cương chi tiết học phần cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung; phương pháp dạy và học; phương pháp kiểm tra đánh giá giúp người học đạt được mục tiêu/chuẩn đầu ra của từng học phần?	Số lượng	0	0	2	28	4	34
	Tỷ lệ	0%	0%	0.68%	97.96%	1.36%	100%

Phương pháp giảng dạy đang áp dụng phù hợp với chuẩn đầu ra của từng học phần	Số lượng	0	0	2	30	2	34
	Tỷ lệ	0%	0%	0.68%	98.64%	0.68%	100%
Giảng viên áp dụng các phương pháp giảng dạy giúp người học phát triển và hoàn thiện các kỹ năng mềm thiết yếu	Tỷ lệ	0%	0%	0%	97.96%	2.04%	100%
	Số lượng	0	0	0	28	06	34
Hoạt động dạy và học khuyến khích người học chủ động tự học và khám phá tri thức	Tỷ lệ	0%	0%	1.02%	98.3%	0.68%	100%
	Số lượng	0	0	03	29	02	34

Bảng 7: Đánh giá của người học về các vấn đề liên quan đến đề cương chi tiết học phần năm 2018, 2023 (chỗ này Khoa chọn năm 2018 hoặc 2023)

Nội dung		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	Tổng
Đề cương chi tiết học phần cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung; phương pháp dạy và học; phương pháp kiểm tra đánh giá giúp người học đạt được mục tiêu/ chuẩn đầu ra của từng học phần?	Số lượng	0	0	2	11	4	17
	Tỷ lệ	0%	0%	0.34%	98.98%	0.68%	100%
Phương pháp giảng dạy đang áp dụng phù hợp với chuẩn đầu ra của từng học phần	Số lượng	0	0	2	13	2	17
	Tỷ lệ	0%	0%	0.34%	99.32%	0.34%	100%
Giảng viên áp dụng các phương pháp giảng dạy giúp người học phát triển và hoàn thiện các kỹ năng mềm thiết yếu	Tỷ lệ	0%	0%	0%	98.98%	1.02%	100%
	Số lượng	0	0	0	11	06	17
Hoạt động dạy và học khuyến khích người học chủ động tự học và khám phá tri thức	Tỷ lệ	0%	0%	0.51%	99.15%	0.34%	100%
	Số lượng	0	0	03	12	02	17

Bảng 8: Đánh giá của giảng viên về các vấn đề liên quan đến đề cương chi tiết học phần năm 2023

Nội dung		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	Tổng
Đề cương chi tiết học phần cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung; phương pháp dạy và học; phương pháp kiểm tra đánh giá giúp người học đạt được mục tiêu/chuẩn đầu ra của từng học phần?	Số lượng	0	0	0	2	8	10
	Tỷ lệ	0	0	0	20%	80%	100%
Phương pháp giảng dạy đang áp dụng phù hợp với chuẩn đầu ra của từng học phần	Số lượng	0	0	1	1	8	10
	Tỷ lệ	0	0	10%	10%	80%	100%
Giảng viên áp dụng các phương pháp giảng dạy giúp người học phát triển và hoàn thiện các kỹ năng mềm thiết yếu	Tỷ lệ	0	0	20%	20%	60%	100%
	Số lượng	0	0	2	2	6	10
Hoạt động dạy và học khuyến khích người học chủ động tự học và khám phá tri thức	Tỷ lệ	0	0	0	20%	80%	100%
	Số lượng	0	0	0	2	8	10

Bảng 9: Thống kê khả năng đáp ứng công việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp

STT	Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc	Số lượng	Tỷ lệ
1	Kém	0	0
2	Trung bình	6	15%
3	Khá	12	30%
4	Tốt	12	30%
5	Rất tốt	10	25%
	Tổng cộng	40	100%

Bảng 10: Ma trận mối quan hệ giữa các học phần đạt chuẩn đầu ra của CTĐT năm 2023

Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra giữa các môn học/học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

Mỗi học phần bắt buộc trong CTĐT đều có đóng góp vào việc thực hiện PLO, mức độ đóng góp của mỗi học phần theo một trong ba mức độ:

- Mức I (Introduced): có đóng góp đạt được PLO ở mức giới thiệu/bắt đầu;
- Mức R (Reinforced): có đóng góp đạt được PLO ở mức nâng cao. Ở các học phần này người học có nhiều cơ hội thực hành, thực tế,...;
- Mức M (Mastery): có đóng góp đạt được PLO ở mức thuần thục/thành thạo

TT	Học phần/môn học	CDR									GHI CHÚ
		PLO1	PLO2	PLO3	LO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	
1	Triết học Mác - Lênin	I				I				I	
2	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	I				I				I	
3	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	I				I				I	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	I				I				I	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	I				I				I	
6	Đường lối VH VN của Đảng Cộng sản VN	I				I				I	
7	Cơ sở văn hóa Việt Nam	I				I				I	
8	Tiếng anh 1,2,3		I				R			R	
9	Tin học		I				R			R	
10	Lịch sử văn học Việt Nam	I				I				I	
11	Lịch sử văn học thế giới	I				I				I	
12	Pháp luật	I				I				I	
13	Giáo dục thể chất	I				I				I	
14	Giáo dục quốc phòng và an ninh	I				I				I	
15	Lịch sử sân khấu Việt Nam			I				I		I	
16	Lịch sử sân khấu thế giới			I				I		I	
17	Lịch sử văn minh thế giới			I				I		I	
18	Lịch sử nghệ thuật tạo hình Việt Nam và thế giới			I				I		I	
19	Sân khấu học đại cương			I				I		I	
20	Tâm lý học			I				I		I	
21	Lịch sử triết học			I				I		I	
22	Phân tích tác phẩm văn học Kịch			I				I		I	
23	Biên đạo múa			R				R		R	
24	Phân tích tác phẩm âm nhạc			I				I		I	
25	Mỹ thuật sân khấu			I				I		I	
26	Âm thanh ánh sáng sân khấu			R				R		R	
27	Hoá trang			R				R		R	
28	Lý luận Kịch			I				I		I	

29	Đạo diễn sân khấu 1,2,3,4,5,6,7				M				M	M
30	Hình thể				M				M	M
31	Tiếng nói				M				M	M
32	Kỹ thuật biểu diễn 1,2,3,4				M				M	M
33	Chuyên đề				I				I	I
34	Thực tập trước tốt nghiệp			M	M			M	M	M
35	Tốt nghiệp	M	M	M	M	M	M	M	M	M

Bảng 11: Đánh giá của nhà sử dụng lao động về mức độ đáp ứng công việc của sinh viên tốt nghiệp (SVTN)

TT	Nội dung	Chưa đáp ứng		Đáp ứng một phần		Đáp ứng tốt		Đáp ứng rất tốt		Tổng cộng
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Kỹ năng mềm của sinh viên tốt nghiệp (SVTN)										
1	Kỹ năng giao tiếp (với khán giả, đồng nghiệp,...)	1	5	5	25	10	50	5	25	20
2	Kỹ năng làm việc nhóm	1	5	5	25	10	50	5	25	20
3	Kỹ năng thuyết trình	3	15	3	15	10	50	4	20	20
4	Kỹ năng lắng nghe	1	5	5	25	10	50	5	25	20
5	Kỹ năng quan sát	1	5	5	25	10	50	5	25	20
6	Tác phong (chuẩn mực đạo đức, hành vi, cách cư xử,...)	0	0	2	10	15	75	3	15	20
Năng lực chuyên môn										
7	Năng lực xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác chuyên môn	3	15	3	15	10	50	4	20	20
8	Năng lực làm chủ kiến thức chuyên môn trong hoạt động của cơ quan đơn vị được tuyển dụng.	1	5	5	25	10	50	5	25	20
9	Năng lực sử dụng các phương tiện hỗ trợ công tác (máy quay phim, thiết bị phục vụ biểu diễn...)	3	15	3	15	10	50	4	20	20

TT	Nội dung	Chưa đáp ứng		Đáp ứng một phần		Đáp ứng tốt		Đáp ứng rất tốt		Tổng cộng
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
10	Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn.	3	15	3	15	10	50	4	20	20
Năng lực giải quyết các vấn đề phát sinh										
11	Năng lực giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác.	1	5	5	25	10	50	5	25	20
12	Năng lực phối hợp với đồng nghiệp để triển khai công việc.	1	5	5	25	10	50	5	25	20
Năng lực phát triển cá nhân										
13	Năng lực tham gia các hoạt động xã hội	3	15	3	15	10	50	4	20	20
14	Năng lực tự đánh giá kết quả làm việc của bản thân	3	15	3	15	10	50	4	20	20
15	Năng lực tự học, tự rèn luyện để nâng cao trình độ	1	5	5	25	10	50	5	25	20
16	Năng lực thích nghi với môi trường làm việc	1	5	5	25	10	50	5	25	20
17	Khả năng chịu áp lực với công việc	3	15	3	15	10	50	4	20	20
Thái độ làm việc										
18	Nhiệt tình, trách nhiệm với công việc	1	5	5	25	10	50	5	25	20
19	Năng động, sáng tạo trong công việc	3	15	3	15	10	50	4	20	20
20	Tinh thần học hỏi, khắc phục khó khăn	3	15	3	15	10	50	4	20	20
21	Ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc	3	15	3	15	10	50	4	20	20
22	Kỹ năng mềm	3	15	3	15	10	50	4	20	20
23	Kiến thức xã hội	3	15	3	15	10	50	4	20	20
24	Kiến thức chuyên môn	1	5	5	25	10	50	5	25	20

Bảng 12: Tỷ lệ các khối kiến thức trong chương trình đào tạo Đạo diễn Sân khấu áp dụng các năm

Khối kiến thức	Khóa 2019		Khóa 2023	
	Số tín chỉ/ số đơn vị học phần	Tỷ lệ	Số tín chỉ/ số đơn vị học phần	Tỷ lệ
Nhóm Giáo dục đại cương	54	25.35%	37	25.34%
Nhóm môn chung bắt buộc	19	8.92%	0	0%
Nhóm Kiến thức cơ sở ngành	33	15.49%	38	26.02%
Nhóm kiến thức chuyên ngành	107	50.23%	71	48.63%
Bổ trợ	1	0.5%	2	1.37%
Thực hành, thực tập nghề nghiệp	10	4.69%	2	1.37%
Khóa luận tốt nghiệp	10	4.69%	7	4.79%
Tổng	213		146	

Bảng 13: Đánh giá mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp. (Khoa khảo sát 15 nhà tuyển dụng lao động liên quan)

	Đánh giá chung	Mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động										Tổng cộng
		Chưa hài lòng		Hài lòng một phần		Phân vân		Hài lòng		Rất hài lòng		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Kỹ năng mềm	0	0%	1	6.6%	1	6.6%	8	53.33%	5	33.3%	100%
2	Kiến thức chuyên môn	0	0%	0	0%	0	0%	8	53.33%	7	46.66%	100%
3	Kỹ năng chuyên môn	0	0%	0	0%	0	0%	8	53.33%	7	46.6%	100%
4	Thái độ làm việc	0	0%	1	6.6%	1	6.6%	7	46.66%	6	40%	100%

Bảng 14: Đánh giá của người học về sự phù hợp và tính hiệu quả của các hoạt động dạy học trong đề cương chi tiết học phần và chương trình đào tạo ngành đạo diễn sân khấu năm học 2022- 2023

Câu hỏi	Nội dung		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	Tổng
Câu 1	Giảng viên (GV) có tác phong sư phạm chuẩn mực.	Số lượng	0	0	3	9	8	20
		Tỷ lệ %	0%	0%	15%	45%	40%	100%
Câu 2	GV nhiệt tình hỗ trợ sinh viên (SV) trong học tập và nghiên cứu Khoa học (NCKH).	Số lượng	0	0	2	10	8	20
		Tỷ lệ %	0%	0%	10%	50%	40%	100%
Câu 3	GV có năng lực chuyên môn tốt	Số lượng	0	0	1	10	9	20
		Tỷ lệ %	0%	0%	5%	50%	45%	100%
Câu 4	GV có phương pháp truyền đạt cuốn hút, dễ hiểu.	Số lượng	0	0	4	10	6	20
		Tỷ lệ %	0%	0%	20%	50%	30%	100%
Câu 5	GV giảng dạy có sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn.	Số lượng	0	0	1	15	4	20
		Tỷ lệ %	0%	0%	5%	75%	20%	100%
Câu 6	GV sử dụng các phương pháp giảng dạy linh hoạt, phát huy tính tích cực của người học.	Số lượng	0	0	1	16	3	20
		Tỷ lệ %	0%	0%	5%	80%	15%	100%
Câu 7	GV tạo động lực để thúc đẩy việc tự học, tự nghiên cứu của SV.	Số lượng	0	0	2	14	4	20
		Tỷ lệ %	0%	0%	10%	70%	20%	100%
Câu 8	Hoạt động giảng dạy của GV gắn với định hướng nghề nghiệp cho SV.	Số lượng	0	0	3	12	5	20
		Tỷ lệ %	0%	0%	15%	60%	25%	100%

Bảng 15: Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu		GV thỉnh giảng trong nước
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	
1	Giáo sư	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư/ Nghệ sĩ nhân dân/ nghệ sĩ ưu tú	8	3	1	4
3	Tiến sĩ	2	1	1	0
4	Thạc sĩ	5	5	0	0
5	Đại học	0	0	0	0
	Tổng số	15	9	1	4

Bảng 16: Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi

S T T	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	6,6	1	0	0	0	0	0	1
3	Nghệ sĩ nhân dân/ Nghệ sĩ ưu tú	7	46	4	3	0	1	2	2	2
4	Tiến sĩ	2	13	2	0	0	0	1	0	1
5	Thạc sĩ	5	27	1	3	0	5	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	15	100	9	6	0	6	3	2	4

Bảng 17: Tỷ lệ giảng viên/sinh viên của ngành Đạo diễn sân khấu(cả chính quy và không chính quy)

Năm học	Tổng số giảng viên cơ hữu ngành Đạo diễn sân khấu	Tổng số sinh viên Ngành Đạo diễn SK	Tỷ lệ GV/SV ngành Đạo diễn SK
2018-2019	4	13	1/13
2019-2020	5	12	1/13
2020-2021	5	27	1/13
2021-2022	5	13	1/13
2022-2023	6	21	1/13

Bảng 18: Thành tích TĐKT của giảng viên Khoa Sân khấu (2018-2023)

Năm học	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ VHTTDL	Các giải thưởng	Bằng khen của Thủ tướng	Huân chương lao động
2018-2019	1	1	1	0	0	0
2019-2020	1	0	0	1	0	0
2020-2021	1	0	0	0	0	0
2021-2022	0	0	1	0	1	1
2022-2023	0	0	0	4	0	0

Bảng 19: Bảng thống kê số lượng các đề tài nghiên cứu các cấp của GV Khoa Sân khấu (2018-2023)

Năm hoàn thành	Cấp cơ sở	Cấp bộ	Cấp nhà nước	Tổng số
2018-2019	1	0	0	1
2019-2020	1	0	0	1
2020-2021	0	0	0	0
2021-2022	4	0	0	4
2022-2023	0	0	0	0
Tổng số	6	0	0	6

Bảng 20: Bảng thống kê số lượng các bài báo được công bố của GV Khoa Sân khấu (2018 - 2023).(ko có bỏ trống)

STT	Phân loại tạp chí	Hệ số*	Số lượng					Tổng
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Tạp chí Khoa học quốc tế uy tín (SCIE/Scopus)	1,5	0	0	0	0	1	1,5
2	Tạp chí Khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	2	0	0	1	3
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	2	1	3	4	3	7,5

*Hệ số: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh GS Nhà nước.

Bảng 21: Bảng đối sánh giờ NCKH của cán bộ GV Khoa Sân khấu giai đoạn 2018-2023

Năm học	Tổng giờ NCKH quy định	Tổng giờ NCKH đã hoàn thành	Còn thiếu
2022-2023	6380	6380	0
2021-2022	6380	6380	0
2020-2021	5800	5800	0
2019-2020	5220	5220	0
2018-2019	4640	4640	0

Bảng 22: Thống kê tình hình nhập học của người học năm thứ nhất (từ năm 2018 đến 2023)

Năm học	Ứng viên				
	Số lượng nộp đơn dự tuyển	Số lượng trúng tuyển	Số lượng nhập học	Điểm chuẩn	Điểm trung bình của TS Trúng tuyển
2022-2023	8	8	8	20	21,5
2021-2022	0	0	0	0	21
2020-2021	20	16	16	20	22
2019-2020	0	0	0	0	0
2018-2019	0	0	0	0	0

Bảng 23: Thống kê số người học đang học CTĐT ngành Đạo diễn sân khấu (từ năm 2018 đến 2023)

Năm học	Người học					Tổng số
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm tiếp theo	
2022-2023	8	8	8	8		
2021-2022	0	0	0	0		
2020-2021	16	14	13	13		
2019-2020	0	0	0	0		
2018-2019	0	0	0	0		

Bảng 24: Thống kê các tài liệu học tập tại thư viện Trường Đại học SKĐAHN

Loại tài liệu	Thống kê qua các năm				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Sách	2710/ 29472 cuónsách	2727/ 29489 cuónsách	2752/ 29514 cuónsách	2727/ 29489 cuónsách	2752/ 29514 cuónsách
Khóa luận tốt nghiệp	2.721	3.052	3.325	3.574	3.574

Bảng 25: Thống kê các tài liệu học tập tại văn phòng Khoa Sân khấu

Loại tài liệu	Thống kê qua các năm				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Khóa luận tốt nghiệp	17	21	15	21	15
Sách và giáo trình	08	09	07	08	10

Bảng 26: Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và Tỷ lệ thôi học của SV ngành Đạo diễn sân khấu từ khóa tuyển sinh 2018 đến 2023.

Khóa	Tổng số sinh viên toàn khóa	Tỷ lệ SV tốt nghiệp (%)	Thời gian tốt nghiệp trung bình	Số lượng SV chưa tốt nghiệp	Số lượng SV thôi học trong năm thứ				
					1	2	3	4	Tổng
2018-2019	13	98%	2 năm	1	0	1	0	0	0
2019-2020	12	98%	4 năm	1	0	0	0	1	0
2020-2021	12	100%	3 năm	0	0	0	0	0	0
2021-2022	12	100%	3 năm	0	0	0	0	0	0
2022-2023	8		3 năm	0	0	0	0	0	0

** Số liệu tính đến thời điểm tháng 11/2023.*

**Phụ lục 2 Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG
(Phụ lục 9).**

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghichú
Tiêu chuẩn 1	1					
Tiêu chí 1.1	1	H1.01.01.01	Các văn bản quy định trong việc xây dựng chương trình đào tạo ngành Đạo diễn sân khấu	Hồ sơ về việc xây dựng CTĐT ngành Đạo diễn SK	Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	P. ĐT,QLKH& HTQT
			Luật GDĐH 2018 (Mục tiêu đào tạo con người Việt Nam)	Số 34-2018-QH14 ngày 19/11/2018	Quốc hội nước CHXHCNVN	
			Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học	Số 14/2010/TT-BỘ GD&ĐT, ngày 27/4/2010	Bộ GD & ĐT	
			Thông tư 17 năm 2021 của Bộ GD&ĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu của người học với giáo dục đại học	Số 17/2021/TT – BỘ GD&ĐT ngày 17/04/2021	Bộ GD & ĐT	
			Quyết định 1982 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016	1982/QĐ-TTG ngày 18/10/2016	Thủ tướng Chính phủ	
	2	H1.01.01.02	Sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 1219/ QĐ-SKĐAHN ngày 13/10/2016 về	SKĐAHN	Phòng KT &ĐBCLGD

			việc công bố “Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội”		
3	H1.01.01.03	CTĐT ngành Đạo diễn sân khấu (mục tiêu; phương pháp giảng dạy; phương pháp kiểm tra đánh giá..)	Ban hành kèm theo Quyết định số 1191/QĐ-SKĐAHN, ngày 31/10/2018 vv ban hành Chương trình đào tạo chi tiết trình độ đại học hệ chính quy (Ngành Đạo diễn sân khấu)	SKĐAHN	ĐT,QLKH&HTQT
		Ma trận các kỹ năng (Trong Bản mô tả CTĐT ban hành năm 2023).	Ban hành kèm theo Quyết định số 505/QĐ-SKĐAHN, ngày 19/05/2023	SKĐAHN ĐT,QLKH&HTQT	ĐT,QLKH&HTQT
4	H1.01.01.04	Mục tiêu đào tạo chương trình Đạo diễn sân khấu từ năm 2018-2023 được thể hiện trong CTĐT.	Ban hành kèm theo Quyết định số 1906/QĐ-SKĐAHN, ngày 16/11/2021	SKĐAHN	ĐT,QLKH&HTQT
		Quyết định ban hành CTĐT của nhà trường theo phương thức đào tạo tín chỉ năm 2023	Ban hành kèm theo Quyết định số 505/QĐ-SKĐAHN, ngày 19/05/2023	SKĐAHN	ĐT,QLKH&HTQT
5	H1.01.01.05	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2022;2023 (Các	Biên bản họp Khoa, biên bản	Khoa Sân khấu -	

		văn bản về việc xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT ngành Đạo diễn sân khấu).	giao nhiệm vụ cho các giảng viên thực hiện. Biên bản nghiệm thu đề cương môn học năm 2023. CĐR 2022	SKĐAHN	
		Đề cương CTĐT Khoa Sân khấu/ Đề cương môn học (trong đó có ngành Đạo diễn sân khấu).	Năm 2022 Năm 2023	Khoa Sân khấu - SKĐAHN	
		Trang thông tin điện tử của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội (đăng tải CTĐT).	Đường link đăng tải CTĐT, đề cương các môn học của Khoa Sân khấu.	SKĐAHN	http://skda.edu.vn/
6	H1.01.01.06	Bảng so sánh số đơn vị học trình của các môn học chuyên ngành như nghệ thuật đạo diễn; kỹ thuật biểu diễn cho đạo diễn...	Năm 2022	Khoa Sân khấu - ĐHSKĐAHN	
		So sánh đề cương môn học , Tiếng nói, Hình thể, biên đạo múa, phân tích tác phẩm âm nhạc...của CTĐT theo ĐVHT và TC	Năm 2023	Khoa Sân khấu - ĐHSKĐAHN	
		Công văn lấy ý kiến các bên liên quan về Chương trình đào tạo ngành Đạo diễn sân khấu	- Số 809/KH-SKĐAHN ngày 12/12/2019 về việc lấy ý kiến phản hồi về CTĐT, CĐR - 127/KH-SKĐAHN ngày 14/03/2021 vv lấy ý kiến phản hồi về CTĐT	Khoa Sân khấu - ĐHSKĐAHN	
7	H1.01.01.07	Bảng tổng hợp ý kiến đóng góp của các bên liên quan đối với chương trình đào tạo của Khoa Sân khấu	Địa điểm, ngày tháng năm tổng hợp ý kiến đóng góp của các bên liên quan đến CTĐT	Khoa Sân khấu - SKĐAHN	

Tiêu chí 1.2	1	H1.01.02.01	Hồ sơ về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT đáp ứng CDR.	Năm 2023	SKĐAHN	Phòng ĐT,QLKH & HTQT
			Văn bản về việc rà soát, cập nhật, bổ sung CTĐT.	Quyết định số 273/QĐ-SKĐAHN ngày 30/03/2022 rà soát, cập nhật, bổ sung CTĐT	SKĐAHN	Phòng ĐT,QLKH & HTQT
			Văn bản về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành, chuyên ngành đào tạo.	Quyết định số 134/QĐ-SKĐAHN, ngày 08/04/2022 về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành, chuyên ngành đào tạo.	SKĐAHN	Phòng ĐT,QLKH & HTQT
			Văn bản ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy.	Quyết định số 727/QĐ-SKĐAHN, ngày 26/7/2018	SKĐAHN	Phòng ĐT,QLKH & HTQT
			Văn bản ban hành Chương trình đào tạo chi tiết trình độ đại học hệ chính quy (Ngành Đạo diễn sân khấu).	Quyết định số 505/QĐ-SKĐAHN, ngày 19/05/2023	SKĐAHN	
	2	H1.01.02.02	Bản mô tả/ đề cương CTĐT và bản mô tả/ đề cương môn học/ học phần; ma trận các kỹ năng	Trích Mục tiêu các môn học trong CTĐT năm 2023	SKĐAHN	Phòng ĐT,QLKH & HTQT
	3	H1.01.01.03	Văn bản ban hành Chương trình đào tạo chi tiết trình độ đại học hệ chính quy (Ngành Đạo diễn sân khấu)	Quyết định số 1191/QĐ-SKĐAHN, ngày 31/10/2018 ; QĐ 505/QĐ-SKĐA ngày 19/05/2023 ban hành Chương trình đào tạo chi tiết trình độ đại học hệ chính quy theo TC(Ngành Đạo diễn sân khấu)	Phòng ĐT,QLKH & HTQT	

		Ma trận các kỹ năng (Trong Bản mô tả CTĐT ban hành năm 2023).	Ban hành kèm theo Quyết định số505/QĐ-SKĐAHN, ngày19/05/2023	Khoa Sân khấu SKĐAHN	ĐT,QLKH&HTQT
4	H1.01.02.03	Báo cáo phân tích kết quả học tập của sinh viên	Bảng điểm, xếp loại tốt nghiệp (2018-2023)	Khoa Sân khấu SKĐAHN	
		Những tác phẩm SV đạt giải trong các cuộc thi	Bảng khen, giấy chứng nhận....(2018-2023)	Khoa Sân khấu SKĐAHN	
5	H1.01.02.04	Hồ sơ khảo sát các bên liên quan (Phiếu khảo sát nội dung CTĐT dành cho GV, nhà Khoa học, cán bộ quản lý trong lĩnh vực đào tạo liên quan đến Khoa Sân khấu)	Năm 2022	Khoa Sân khấu SKĐAHN	
		Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát	Năm 2022	Khoa Sân khấu SKĐAHN	
		Danh sách các nhà Khoa học, các chuyên gia đầu ngành và cựu SV đã tham gia khảo sát	Danh sách được lập năm 2022	Khoa Sân khấu SKĐAHN	
6	H1.01.02.05	Biên bản tổng hợp ý kiến khảo sát các bên liên quan về CTĐT.	Biên bản được ghi ngày 19tháng 05năm 2022	Khoa Sân khấu SKĐAHN	
1	H1.01.03.01	Văn bản về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT đáp ứng CĐR	Quyết định số 273/QĐ-SKĐAHN ngày 31/3/2017 vv rà soát, cập nhật, bổ sung CTĐT Văn bản hướng dẫn cập nhật rà soát CTĐT theo TC năm 2023	SKĐAHN	ĐT,QLKH&HTQT
		Hồ sơ rà soát CTĐT năm 2023 (thông báo, kế hoạch, quyết định ban hành CTĐT/bản mô tả CTĐT)	Năm 2023	SKĐAHN	ĐT,QLKH&HTQT

		Các kế hoạch	Số 391 ngày 08 tháng 09 năm. 2022 ban hành	SKĐAHN	ĐT,QLKH&HTQT
		Quyết định thành lập tổ công tác về CĐR của CTĐT	QĐ số 1341 ngày 15 tháng 11 năm 2022 ban hành	SKĐAHN	ĐT,QLKH&HTQT
2	H1.01.03.02	Công văn về việc tổ chức khảo sát các bên liên quan về CTĐT năm 2017; năm 2020.	Công văn số 115/CV - SKĐAHN ngày 09/03/2017 về việc khảo sát nhà tuyển dụng về sinh viên của Nhà trường.	SKĐAHN	ĐT,QLKH&HTQT
		Danh sách lấy ý kiến phản hồi về CTĐT	Tổng hợp ngày 20/2/2023	Khoa Sân khấu	
		Tổng hợp các ý kiến đóng góp của cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động về CTĐT	Tổng hợp năm 2022;2023	Khoa Sân khấu	
		Biên bản họp Khoa Sân khấu về kết quả tổng hợp ý kiến của các bên liên quan và tờ trình đề nghị ban hành CTĐT năm 2023	Biên bản ngày 28 tháng 04 năm 2023	Khoa Sân khấu	
3	H1.01.03.03	Biên bản họp Khoa để thông qua Bảng tổng hợp thực trạng nhân lực ngành Đạo diễn sân khấu trên thị trường.	Năm 2023	Khoa Sân khấu	
4	H1.01.03.04	Văn bản về việc thực hiện đối sánh với CTĐT của 01 trường quốc tế	2022	Khoa Sân khấu	
5	H1.01.03.05	Đường link công khai CTĐT năm 2020 của Khoa Sân khấu.	website của Trường http://skda.edu.vn/	ĐH SKĐAHN	
		Sổ tay sinh viên	Năm 2023		Phòng CTHSSV

Tiêu chuẩn 2	2					
Tiêu chí 2.1	1	H2.02.01.01	Các bản ban hành CTĐT của Khoa Sân khấu (trong đó có chuyên ngành Đạo diễn Sân khấu)	Năm 2018 Năm 2020 Năm 2023	ĐH SKĐAHN	P. ĐT QLKH & HTQT
			Hồ sơ về việc điều chỉnh rà soát CTĐT theo TC	Ban hành kèm theo Quyết định số 505/QĐ-SKĐAHN, ngày 19/05/2023	ĐH SKĐAHN	P. ĐT QLKH & HTQT
			Thông báo, kế hoạch, hướng dẫn rà soát CTĐT theo TC	Kế hoạch số 391/KH-SKĐA ngày 08/09/2022	ĐH SKĐAHN	P. ĐT QLKH & HTQT
			Văn bản về việc rà soát, cập nhật bổ sung CTĐT	Quyết định số 273/QĐ-SKĐAHN ngày 31/3/2017 vv rà soát, cập nhật, bổ sung CTĐT Kế hoạch số 391/KH-SKĐA ngày 08/09/2022	ĐH SKĐAHN	P. ĐT QLKH & HTQT
			Biên bản họp Khoa về việc rà soát CTĐT	Ngày 10 tháng 05 năm 2023	Khoa Sân khấu	
	2	H2.02.01.02	Bản mô tả CTĐT theo TC	Quyết định số 505/QĐ-SKĐAHN, ngày 19/05/2023	ĐH SKĐAHN	P. ĐT QLKH & HTQT
	3	H2.02.01.03	CTĐT của ngành Đạo diễn sân khấu trước và sau điều chỉnh năm 2023	Năm 2021 Năm 2023	Khoa Sân khấu	
			Bản so sánh CTĐT phiên bản năm 2018 và năm 2023	Năm 2018 Năm 2023	Khoa Sân khấu	

	4	H2.02.01.04	Biên bản họp/ bản đóng góp ý kiến của các bên liên quan đến CTĐT (kèm phiếu khảo sát, phiếu tiếp thu ý kiến đóng góp, nội dung chỉnh sửa được thống nhất sau tiếp thu) Bảng tổng hợp ý kiến xây dựng CTĐT	Danh sách lấy ý kiến phản hồi về CTĐT tổng hợp năm 2022	Khoa Sân khấu	
Tiêu chí 2.2	1	H2.02.02.01.DC	-Chương trình đào tạo ngành Đạo diễn sân khấu (ĐVHT)-phương thức đào tạo niên chế. - Chương trình đào tạo ngành Đạo diễn sân khấu (TC)-phương thức đào tạo tín chỉ.	Quyết định số 1191/QĐ-SKĐAHN, ngày 31/10/2018 vv ban hành Chương trình đào tạo chi tiết trình độ đại học hệ chính quy (Ngành Đạo diễn sân khấu) 505/QĐ-SKĐA, ngày 19tháng05năm 2023	ĐH SKĐAHN	P. ĐT QLKH & HTQT
	2	H2.02.02.02	Đề cương chi tiết các môn học/ học phần ngành Đạo diễn sân khấu	Năm 2023	ĐH SKĐAHN	P. ĐT QLKH & HTQT
Tiêu chí 2.3	1	H2.02.03.01.DC	Thông báo những cập nhật, thay đổi về CTĐT (cụ thể như việc thay đổi tên các môn học Lý luận chính trị); thông báo về các thông tin trong xây dựng chương trình đào tạo tài năng	QĐ số 941 QĐ-SKĐAHN ngày 06/09/2019 vv điều chỉnh danh mục các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương	SKĐAHN	P.ĐT,QLKH &HTQT
			Thông báo về các thông tin trong xây dựng chương trình đào tạo tài năng	Thông báo số 450 ngày 15 tháng 08 năm 2023	SKĐAHN	
	2	H2.02.03.02	Trang face book của Trường, Khoa; Hồ sơ lưu tại bộ phận tuyển sinh -Phòng ĐT, QLKH &HTQT (tờ rơi dùng trong Ngày hội tuyển sinh 2018-2023)	Năm 2018-2022	ĐH SKĐAHN	P. ĐT QLKH & HTQT

	3	H2.02.03.03DC	Phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (có mục hỏi về việc công bố đề cương môn học/ học phần)	QĐ số 1158/QĐ-SKĐAHN ngày 30/09/2016 vv tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên.	ĐH SKĐAHN	Phòng khảo thí & ĐBCLGD
			Những kết quả khảo sát hằng năm cho thấy SV đánh giá cao về hoạt động này của giảng viên Khoa Sân khấu	Năm 2018-2023 - KQ khảo sát: 86/TB-SKĐAHN ngày 23/2/2017 - 217/TB-SKĐAHN ngày 14/06/2019	Khoa Sân khấu	
	4	H2.02.03.04.DC	Biên bản họp/ bản đóng góp ý kiến của các bên liên quan đến CTĐT (kèm phiếu khảo sát, phiếu tiếp thu ý kiến đóng góp, nội dung chỉnh sửa được thống nhất sau tiếp thu) Bảng tổng hợp ý kiến xây dựng CTĐT	Danh sách lấy ý kiến phản hồi về CTĐT tổng hợp năm 2022;2023	Khoa Sân khấu	
	5	H2.02.03.05	Thống kê kết quả khảo sát giảng viên, người học về CTĐT	2018-2023	Khoa Sân khấu	
	6	H2.02.03.06	Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về CLĐT	2018-2023	Khoa Sân khấu	
Tiêu chuẩn 3	3					
Tiêu chí 3.1	1	H3.03.01.01.DC	Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Đạo diễn sân khấu	Năm 2022	Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	
			Chương trình đào tạo ngành Đạo diễn sân khấu	Năm 2019;2023	Đại học Sân khấu – Điện ảnh	

					Hà Nội	
	2	H3.03.01.02	Các văn bản liên quan đến việc xây dựng chương trình dạy học (Biên bản họp Khoa, biên bản họp với phòng Đào tạo, QLKH & HTQT)	Năm 2022;2023	SKĐAHN	
	3	H3.03.01.03	Bản tổng hợp góp ý của các bên liên quan về CTDH;Thông báo, thư ngỏ hoặc phiếu khảo sát về việc xin ý kiến góp ý để điều chỉnh, rà soát CTĐT	Năm 2023	Trường ĐH SKĐAHN	
	4	H3.03.01.04	Đề cương chi tiết các môn học/ học phần thuộc Đạo diễn sân khấu;ma trận kỹ năng; hồ sơ giảng dạy của GV; tài liệu bài giảng	Năm 2020,2022,2023	SKĐAHN	
	5	H3.03.01.05	Kế hoạch giảng dạy	2018; 2019; 2020;2021; 2022; 2023	Khoa Sân khấu; PĐào tạo, QLKH & HTQT	
Tiêu chí 3.2	1	H3.03.02.01	Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Đạo diễn sân khấu	Năm 2022	Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Lưu tại P. ĐT,QLKH& HTQT
			Chương trình đào tạo ngành Đạo diễn sân khấu Bản mô tả Chương trình ĐT	Năm 2017, 2020,2023	Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Lưu tại P. ĐT,QLKH& HTQT
	2	H3.03.02.02	- Bản mô tả môn học/ học phần; Đề cương chi tiết môn học. - Sơ đồ/ kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH; - Ma trận các kỹ năng.	Năm 2018; 2020;2023	SKĐAHN	Lưu tại P. ĐT,QLKH& HTQT

	3	H3.03.02.03	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả học tập của các khóa ngành Đạo diễn sân khấu từ năm 2018-2022; - Tổng hợp phiếu và ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; - Tổng hợp phản hồi của sinh viên đánh giá về CTĐT trước khi tốt nghiệp. 	Năm 2022	Trường ĐH SKĐAHN	ĐT,QLKH&HTQT
					Khoa Sân khấu SKĐAHN	ĐT,QLKH&HTQT
Tiêu chí 3.3	1	H3.03.03.01	<ul style="list-style-type: none"> -Bản mô tả CTDH và bản mô tả môn học/ học phần; - Đề cương chi tiết học phần - Khung CTĐT ngành Đạo diễn sân khấu 	Năm 2017, 2020; 2023	Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Lưu tại P.ĐT,QLKH&HTQT
	2	H3.03.03.02	<ul style="list-style-type: none"> - Bản mô tả môn học/ học phần; Đề cương chi tiết môn học. - Sơ đồ/ kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH; - Ma trận các kỹ năng. 	Năm 2017, 2020, 2023	SKĐAHN	Lưu tại P.ĐT,QLKH&HTQT
	3	H3.03.03.03	<ul style="list-style-type: none"> -Biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTDH. -Bản đối sánh một số nội dung CTĐT của ngành Đạo diễn sân khấu trước và sau điều chỉnh năm 2023 	Năm 2022;2023	Trường ĐH SKĐAHN	ĐT,QLKH&HTQT
	4	H3.03.03.04	Bảng đối sánh CTĐT với các nguồn tham khảo (phương pháp Tadashi Suzuki -môn tiếng nói, hình thể)	Năm 2022	Khoa Sân khấu	

Tiêu chuẩn 4	4					
Tiêu chí 4.1	1	H4.04.01.01	Quyết định về việc công bố triết lý giáo dục của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;	QĐ số 273/QĐ-SKĐAHN Ngày 31/3/2017	ĐH SKĐA - ĐT, QLKH & HTQT; Khoa Sân khấu	Lưu tại P. ĐT, QLKH & HTQT
			Văn bản thông báo về việc rà soát, cập nhật, bổ sung, sửa đổi CTĐT;	TB số 451/TB-SKĐA15/08/2022	ĐH SKĐA - ĐT, QLKH & HTQT; Khoa Sân khấu	Lưu tại P. ĐT, QLKH & HTQT
	2	H4.04.01.02	Bản mô tả môn học/ học phần; Đề cương chi tiết môn học.	Năm 2017, 2020, 2022	SKĐAHN	Lưu tại P. ĐT, QLKH & HTQT
	3	H4.04.01.03	-Biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTĐT -Báo cáo so sánh một số nội dung CTĐT của ngành Đạo diễn sân khấu trước và sau điều chỉnh năm 2023	Năm 2022; 2023	Trường ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT
	4	H4.04.01.04	Tổng hợp ý kiến khảo sát của các bên liên quan nhằm xây dựng CTĐT	Ngày 15 tháng 10 năm 2022	Khoa Sân khấu	
	5	H4.04.01.05	Văn bản liên quan đến việc công bố triết lý giáo dục của Trường; CDR, đề cương chi tiết các môn học ngành Đạo diễn sân khấu	Thông báo số 158 - TB/SKĐAHN ngày 31/3/2017	Khoa Sân khấu	

	6	H4.04.01.06	Hồ sơ giảng viên Khoa Sân khấu	Năm 2020; 2021;2022-2023	Khoa Sân khấu	
	7	H4.04.01.07	Sổ tay sinh viên; các tài liệu tuần sinh hoạt công dân; bài phát biểu khai giảng năm học mới của Hiệu trưởng; các văn bản của Đoàn TNCSHCM về việc giới thiệu Nhà trường, Tờ rơi quảng bá về trường trong những ngày hội tuyển sinh...	Năm 2018-2023	Phòng CT HSSV, P.ĐT, QLKH, HTQT	
	8	H4.04.01.08	Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	P.KT&ĐBC LGD
Tiêu chí 4.2	1	H4.04.02.01	Các văn bản liên quan đến Chương trình đào tạo, Chuẩn đầu ra, đề cương chi tiết các môn học/học phần	Năm 2018-2023	ĐH SKĐA - ĐT, QLKH & HTQT; Khoa Sân khấu	Lưu tại P. ĐT,QLKH& HTQT
	2	H4.04.02.02	Các minh chứng về điều chỉnh, rà soát, cập nhật CTĐT; đổi mới phương pháp giảng dạy.	Năm 2018-2022	SKĐAHN	Lưu tại P. ĐT,QLKH& HTQT
	3	H4.04.02.03	Kế hoạch học tập theo học kỳ(Được thể hiện trong phần KHDG của bản mô tả CTĐT)	Năm 2023	Trường ĐH SKĐAHN Khoa Sân khấu	ĐT,QLKH& HTQT
	4	H4.04.02.04	Bản mô tả học phần/ môn học. Kế hoạch giảng dạy của giảng viên; sổ tay giảng viên; nhật ký giảng dạy...	Năm 2023	Khoa Sân khấu	
	5	H4.04.02.05	Kết quả khảo sát phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Thông báo kết quả khảo sát số/năm 2022	Khoa Sân khấu, Phòng KT & ĐBC LGD	
	6	H4.04.02.06	Minh chứng được trích từ kết quả phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Năm 2022	Phòng KT & ĐBC LGD	

	7	H4.04.02.07	Thống kê danh sách sinh viên ngành Đạo diễn sân khấu đạt được các giải thưởng về Phim, kịch...	Văn bản thống kê năm 2018-2022	Khoa Sân khấu,	Phòng CTHSSV
Tiêu chí 4.3	1	H4.04.03.01	Minh chứng về các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập, chẳng hạn như: dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại các doanh nghiệp	Các hình ảnh, clip giảng viên và sinh viên thực hành hoạt động nghệ thuật tại hãng phim, các sân khấu chuyên nghiệp.	ĐH SKĐA - ĐT, QLKH & HTQT; Khoa Sân khấu	Lưu tại P. ĐT, QLKH & HTQT
	2	H4.04.03.02	Các bài báo viết về Đạo diễn Bùi Như Lai – Trưởng Khoa SK	Năm 2021	https://cand.com.vn/Tu-lieu-van-hoa/dao-dien-nsut-bui-nhu-lai-luon-lam-moi-chinh-minh-i624940/	
			Các bài báo viết về Đạo diễn Bùi Như Lai – Trưởng Khoa SK	Năm 2021	https://baotintuc.vn/doi-song-van-hoa/nsut-bui-nhu-lai-dan-dung-kiet-tac-san-khau-edip-lam-vua-20210416114748063.htm	
		H4.04.03.03.DC	Hoạt động ngoại khóa của Đoàn TNCSHCM	Năm 2018-2022	Trường ĐH SKĐAHN Khoa Sân khấu	ĐT, QLKH & HTQT

	3	H4.04.03.04	Hình ảnh (băng đĩa hình, clip) tư liệu SV Khoa Sân khấu học tại Nhà hát thể nhiệm A3.	Năm 2018-2022	Khoa Sân khấu	
	4	H4.04.03.05	Danh mục sách, tài liệu tham khảo của ngành Đạo diễn sân khấu được bổ sung qua các năm (2018-2022)	Văn bản thống kê	Khoa Sân khấu	Trung tâm TTTV
	5	H4.04.03.06	Tài liệu minh chứng liên quan đến hội thi “Tài năng sinh viên”. Các thông báo phát động cuộc thi, hình ảnh cuộc thi và giải thưởng Tài năng của sinh viên trong Khoa.	Năm 2018-2022	Khoa Sân khấu	
	6	H4.04.03.07	Bảng trích lục kết quả phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Năm 2018-2022	Khoa Sân khấu	Phòng KT&ĐBCLGD
	7	H4.04.03.08	Trích số liệu khảo sát việc làm của sinh viên ngành Đạo diễn sân khấu; ý kiến phản hồi của các bên liên quan (người tốt nghiệp, nhà sử dụng lao động về hiệu quả/ chất lượng công việc đặc biệt là khả năng tự học, sáng tạo để làm nghề).	Năm 2018-2022	Phòng CT HSSV	
Tiêu chuẩn 5	5					
Tiêu chí 5.1	1	H5.05.01.01	Các quy định, quy chế về tuyển sinh của ngành Đạo diễn sân khấu. Đề án tuyển sinh riêng. Thông báo tuyển sinh; biên bản họp về tuyển sinh Thông báo tuyển sinh; biên bản họp về tuyển sinh năm 2023	Năm 2018-2022	ĐHSKĐA Khoa Sân khấu	Lưu tại P. ĐT,QLKH& HTQT

				Số 139/TB-SKĐAHN ngày 6/4/2021 Số 128/TB-SKĐA ngày 15/08/2023		
	2	H5.05.01.02	Thông báo tuyển sinh văn bằng 2, vừa làm vừa học, lớp chất lượng cao	TB ngày 19/9/2020 Năm 2018-2022 Năm 2023	SKĐAHN	Lưu tại P. ĐT,QLKH& HTQT
	3	H5.05.01.03	Quy chế đào tạo đại học (quy chế 25); Quy định liên quan đến kiểm tra đánh giá;	Quyết định số 25 /2006/QĐ-BỘ GD&ĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ GD&ĐT	ĐT,QLKH& HTQT
			Quy định khảo thí	QĐ số 148/QĐ-SKĐA ngày 19/02/2021		P.KT&ĐBC LGD
	4	H5.05.01.04	Bản mô tả CTĐT/ đề cương chi tiết các môn học/ học phần	TB số 158-TB/SKĐAHN ngày 31/3/2017	Khoa Sân khấu	
	5	H5.05.01.05	Các văn bản hướng dẫn thực tập, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp. Văn bản mô tả quy trình thi tốt nghiệp.	Năm 2018-2023	ĐH SKĐA	
Tiêu chí 5.2	1	H5.05.02.01	- Các quy định về điều kiện thi đầu vào; thi tốt nghiệp của ngành Đạo diễn sân khấu; Quy định của Trường ĐH SKĐA về kiểm tra, đánh giá. - Mô tả quy trình kiểm tra đánh giá của Khoa Sân khấu; - Tiêu chí chấm đối với bài thi thực hành.	Năm 2018-2023 Năm 2018-2023	ĐH SKĐA Khoa Sân khấu	Lưu tại P. ĐT,QLKH& HTQT

			-Các quy định của Trường về thi trực tuyến			
	2	H5.05.02.02	Mẫu phiếu /môn học, học phần/đề tài/dự án/luận văn, luận án/bài thi cuối kỳ/cuối khóa.	Năm 2018-2023	Khoa Sân khấu	Lưu tại P. ĐT,QLKH& HTQT
	3	H5.05.02.03	Yêu cầu của mỗi vở diễn đối với đạo diễn (Minh chứng có thể là kịch bản, những tiểu luận tốt nghiệp của đạo diễn...) Danh mục các vở diễn tốt nghiệp.	Năm 2018-2023	Khoa Sân khấu	
	4	H5.05.02.04	Sổ tay sinh viên		Khoa Sân khấu	
			Các biên bản trong hội đồng chấm thi tốt nghiệp.	2018-2023	Khoa Sân khấu	
	5	H5.05.02.05	Tổng hợp khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động của giảng viên. (Trích thông tin khảo sát về việc giảng viên cung cấp thông tin kiểm tra đánh giá)	Năm 2018-2023	ĐH SKĐA Khoa Sân khấu	Phòng KT& ĐBCLGD
Tiêu chí 5.3	1	H5.05.03.01	Các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường ĐH SKĐAHN	Năm 2018-2023	SKĐAHN	Lưu tại P. ĐT,QLKH& HTQT
	2	H5.05.03.02	Biên bản họp Khoa Sân khấu thống nhất về CTĐT, Bản mô tả CTĐT và các vấn đề liên quan đến tổ chức thi/ đánh giá KQHT của người học.	Năm 2022;2023		Lưu tại P. ĐT,QLKH& HTQT
	3	H5.05.03.03.DC	Danh mục vở diễn tốt nghiệp	Năm 2018-2023	Khoa Sân khấu	ĐT,QLKH& HTQT
	Kế hoạch báo cáo/ bảo vệ vở diễn tốt nghiệp		Năm 2018-2023			

	4	H5.05.03.04	Đề cương giảng dạy môn Đạo diễn sân khấu	Phiên bản năm 2018 và năm 2022	Khoa Sân khấu	ĐT,QLKH&HTQT
	5	H5.05.03.05	Bài thi; đáp án; tiêu chí chấm thi; Danh sách Hội đồng chấm thi tốt nghiệp; hoặc biên bản chấm thi kết thúc học phần/ thi tốt nghiệp.	Năm 2018-2023	Khoa Sân khấu	ĐT,QLKH&HTQT
	6	H5.05.03.06	Ngân hàng đề thi tự luận	Năm 2018-2023	Khoa Sân khấu	P. Khảo thí & ĐBCLGD
	7	H5.05.03.07	Hồ sơ thẩm định ngân hàng câu hỏi thi/đề thi của Khoa Sân khấu	Năm 2018-2023	Khoa Sân khấu	P. Khảo thí & ĐBCLGD
	8	H5.05.03.08	Biên bản rà soát điểm thi hết môn; biên bản xét thông qua điều kiện thi tốt nghiệp	Năm 2018-2023	Khoa Sân khấu	P. Khảo thí & ĐBCLGD; PHÒNG ĐÀO TẠO, QLKH&HTQT
Tiêu chí 5.4	1	H5.05.04.01	Các văn bản về kế hoạch kết thúc học kỳ I, học kỳ II, kế hoạch tổ chức thi, thi lại, học lại; danh sách sinh viên đủ điều kiện dự thi; danh sách sinh viên thi lại/ học lại.	Năm 2018-2023	SKĐAHN Khoa Sân khấu	Lưu tại P. ĐT,QLKH&HTQT
	2	H5.05.04.02	website, fanpage của Khoa/ Trường có thông tin về kết quả kiểm tra/đánh giá;	5/2021	Khoa Sân khấu	Lưu tại P. ĐT,QLKH&HTQT
	3	H5.05.04.03	Sổ tay sinh viên; quy định về công tác khảo thí	Năm 2018-2023	Khoa Sân khấu	ĐT,QLKH&HTQT H1.01.03.5.D

						C; H5.05.01.03. DC
			Các thông báo của Khoa Sân khấu về kế hoạch thi/thi lại.	Năm 2022;2023		
	4	H5.05.04.04	Kế hoạch giảng dạy của giảng viên Khoa Sân khấu; Biên bản họp lớp liên quan đến chữa bài tập/ bài thi	Năm 2018-2023	Khoa Sân khấu	Khảo thí & ĐBCLGD
	5	H5.05.04.05	Hồ sơ thanh tra công tác đào tạo tại Khoa Sân khấu	Năm 2018-2023	ĐH SKĐA	Khảo thí & ĐBCLGD
	6	H5.05.04.06	Thông báo kết quả phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên Khoa Sân khấu	Năm 2018-2023	SKĐAHN	P. Khảo thí & ĐBCLGD
Tiêu chí 5.5	1	H5.05.05.01	Hồ sơ lấy ý kiến các đơn vị trong Trường xây dựng và ban hành Quy định về công tác khảo thí; quy định về công tác khảo thí.	Năm 2020	SKĐAHN Khoa Sân khấu	Lưu tại P. KT&ĐBCLGD [H5.05.01.03.DC]
	2	H5.05.05.02	-Chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa; -Biên bản các cuộc đối thoại trực tiếp giữa SV với lãnh đạo Nhà trường; -sổ tay sinh viên		Khoa Sân khấu	Lưu tại P. CTHSSV
	3	H5.05.05.03	<u>Sổ theo dõi việc khiếu nại của SV</u> Sổ tay sinh viên; quy định về công tác khảo thí Các thông báo của Khoa Sân khấu về kế hoạch thi/thi lại.	Năm 2018-2023	Khoa Sân khấu	P. Khảo thí & ĐBCLGD H1.01.03.5.DC; H5.05.01.03.DC
	4	H5.05.05.04	Biên bản họp lớp; sổ tay chủ nhiệm	Năm 2018-2023	Khoa Sân khấu	Khảo thí &

						ĐBCLGD
Tiêu chuẩn 6	6					
Tiêu chí 6.1	1	H6.06.01.01	<p>-Quy hoạch phát triển Trường ĐHSKĐAHN giai đoạn 2011-2015, 2016-2020,và tầm nhìn 2030</p> <p>Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh giai đoạn 2013 – 2020 và tầm nhìn 2030 (Tháng 12/2013)</p> <p>- Phê duyệt Đề án phát triển Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2014 - 2020</p> <p>-Quyết định phê duyệt Đề án Xây dựng trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia.</p>	<p>-Quyết định số 644/QĐ-SKĐAHN ngày 15/12/2011</p> <p>-Quyết định số 84/QĐ-BVHTTDL 09/01/2014</p> <p>-Quyết định số 84/QĐ-BVHTTDL 09/01/2014</p> <p>-QĐ số 2971/QĐ-BVHTTDL ngày 01/9/2015</p>	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa Sân khấu
	2	H6.06.01.02	Văn bản quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo các cấp thuộc trường; quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo Khoa, Phòng, Bộ môn thuộc Khoa và tương đương thuộc Trường	Quyết định số 747/QĐ – SKĐAHN ngày 5/11/2014	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu; Phòng HC,TH (TCCB)
	3	H6.06.01.03	Đề án xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên giai đoạn 2012-2015 và 2015-2020; 2020-2025	Năm 2012-2020	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu; Phòng HC,TH (TCCB)

4	H6.06.01.04	Các văn bản, thông báo về hoạt động rà soát, bổ sung quy hoạch	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
5	H6.06.01.05	Các văn bản quy định của trường trong công tác bổ nhiệm các cán bộ lãnh đạo và các quy định về tiêu chuẩn, chức danh cán bộ quản lý trường, phó các đơn vị trong trường.	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
6	H6.06.01.06	Đề án vị trí việc làm của Khoa (trích Đề án vị trí việc làm của Trường đã được Bộ VHTTDL phê duyệt)	QĐ số 4965/QĐ-BVHTTDL ngày 28/12/2018	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu; Phòng HC,TH (TCCB)
7	H6.06.01.07	Phiếu đánh giá phân loại cán bộ, viên chức; Báo cáo đánh giá các mặt hoạt động của Nhà trường đọc trước Hội nghị cán bộ công chức, viên chức; Các văn bản nhận xét, đánh giá về năng lực và hiệu quả trong công việc của các vị trí lãnh đạo các cấp trong trường.	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu; Phòng HC,TH (TCCB)
8	H6.06.01.08	-Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên của ngành Đạo diễn sân khấu trong 5 năm (2018-2023), trong đó trích Thống kê các thông báo, danh sách các cán bộ, giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng về ngoại ngữ, tin học, nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm từ 2018 đến nay; trích Thống kê danh sách các cán bộ, giảng viên được tham gia tập huấn về chuyên môn ở nước ngoài.	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu; Phòng HC,TH (TCCB)

	9	H6.06.01.09	-Biên bản tổng hợp các cuộc họp bình xét thi đua trong toàn trường (2018-2023) (Trích thông tin của các giảng viên Khoa Sân khấu - ngành đạo diễn sân khấu); -Trích thông tin hồ sơ về chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ, nghỉ hưu và các chế độ phúc lợi xã hội	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu; Phòng HC,TH (TCCB)
	10	H6.06.01.10	Danh mục bằng ngoại ngữ, chứng chỉ học tập tại nước ngoài của giảng viên giảng dạy ngành Đạo diễn sân khấu	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu; Phòng HC,TH (TCCB)
Tiêu chí 6.2	1	H6.06.02.01	Hồ sơ giảng viên; danh sách sơ yếu lý lịch giảng viên Khoa Sân khấu	Tháng 5 năm 2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khẩu;
	2	H6.06.02.02	Hồ sơ giảng viên; danh sách sơ yếu lý lịch giảng viên bộ môn Đạo diễn sân khấu Khoa Sân khấu	Tháng 5 năm 2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khẩu
	3	H6.06.02.03	Danh sách giảng viên thỉnh giảng Khoa Sân khấu - ngành Đạo diễn sân khấu (2018-2022)	Tháng 5 năm 2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khẩu
	4	H6.06.02.04	Thông tư số 24/2015/TT/BGD&ĐT	Thông tư 24/2015/TT-BỘ GD&ĐT ngày 23/9/2015 quy định chuẩn quốc gia với cơ sở giáo dục đại học	BỘ GD&ĐT	
	5	H6.06.02.05	Thông tư số 32/2015/TT/BGD&ĐT	Thông tư 32/2015/TT-BỘ GD&ĐT ngày 16/12/2015 quy định việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục đại học	BỘ GD&ĐT	

	6	H6.06.02.06	Quy định về chế độ làm việc của GV	Thông tư 47/2014/TT-BỘ GD&ĐT ngày 31/12/2014 quy định chế độ làm việc với giảng viên	- BỘ GD&ĐT - BỘ GD&ĐT	Phòng HC,TH (TCCB)
	7	H6.06.02.07	Thông tư 20/2020/TT-BỘ GD&ĐT	Thông tư 20/2020/TT-BỘ GD&ĐT ngày 27/7/2020 quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học		
	8	H6.06.02.08	Hồ sơ thi đua khen thưởng	2018-2023	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	9	H6.06.02.09	Biên bản giao, nhận nhiệm vụ cho giảng viên của Khoa đầu mỗi năm học (2018-2022)	Các Biên bản trong Khoa	Khoa Sân khấu	
	10	H6.06.02.10	Danh sách tăng lương/ danh sách thi đua (2018-2022)	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
	11	H6.06.02.11	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TV)
	12	H6.06.02.12	Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, bằng khen các cấp, giải thưởng của giảng viên Khoa Sân khấu	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
	13	H6.06.02.13	Hồ sơ phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (giảng viên Khoa Sân khấu)	Năm 2023		
	14	H6.06.02.14	Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học SKĐA HN	QĐ số 985/QĐ-SKĐAHN ngày 13/10/2021	ĐH SKĐAHN	Phòng CTHSSV
Tiêu chí 6.3	1	H6.06.03.01	Những văn bản quy định cụ thể về tiêu chí tuyển giảng viên (trích thông báo tuyển giảng viên)	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)

	2	H6.06.03.02	Thông báo tuyển GV (website....)	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	3	H6.06.03.03	Các quy định tuyển dụng trước 2018	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	4	H6.06.03.04	Đề án tự tuyển dụng của Trường	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	5	H6.06.03.05	Hồ sơ giảng viên/ hợp đồng giảng dạy	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	6	H6.06.03.06	Quyết định thành lập hội đồng sát hạch giảng viên (hội đồng dự giờ giảng)	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	7	H6.06.03.07	Quyết định phân công giảng viên hướng dẫn tập sự	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	8	H6.06.03.08	Danh sách giảng viên thỉnh giảng cho Khoa Sân khấu (2018-2022)	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	9	H6.06.03.09	Quy hoạch cán bộ từng giai đoạn (2018-2022)	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
Tiêu chí 6.4	1	H6.06.04.01	Hồ sơ lý lịch giảng viên; hồ sơ năng lực giảng viên.	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	2	H6.06.04.02	Các văn bản thông báo về tổ chức cho giảng viên tham gia hoạt động sáng tác;	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)

		Các minh chứng từ giảng viên được tham gia các hoạt động sáng tác.			
3	H6.06.04.03	Danh sách giảng viên Khoa Sân khấu tham dự các hoạt động nghệ thuật được nhà trường đề cử	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
4	H6.06.04.04	Thống kê các giải thưởng mà GV Khoa Sân khấu đã đạt được trong giai đoạn 2018-2023	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
5	H6.06.04.05	Đề án vị trí việc làm của Trường ĐH SKĐA HN; Văn bản về năng lực giảng dạy của GV Khoa Sân khấu.	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB) H6.06.01.06. DC
6	H6.06.04.06	- Quy định về khối lượng công việc đối với GV; - Văn bản quy định về các tiêu chí đánh giá phân loại công chức, viên chức	Quyết định số 733/QĐ-SKĐA HN, ngày 21/8/2015	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
7	H6.06.04.07	Quy định đánh giá, phân loại CCVC để xét nâng lương trước niên hạn	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
8	H6.06.04.08	Phiếu lấy ý kiến góp ý và biên bản thống kê các ý kiến GV đóng góp để hoàn thiện văn bản về thi đua; đánh giá phân loại CCVC trước khi ban hành văn bản.	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
9	H6.06.04.09	Thông báo, hướng dẫn về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV qua các năm (2018-2023)	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)

	10	H6.06.04.10	Trích báo cáo tổng kết thi đua, khen thưởng hằng năm (Kết quả đánh giá giảng viên Khoa Sân khấu) (2018-2023)	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	11	H6.06.04.11	Danh sách đề nghị khen thưởng cho giảng viên (trong đó có Khoa Sân khấu) tại hội nghị CCVC hằng năm hoặc báo cáo đề nghị khen thưởng gửi cho Bộ VHTTDL)2018-2023).	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB) H06.06.02.12 .DC
	12	H6.06.04.12	- Thống kê kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (trích lục đối với Khoa Sân khấu); - Hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo của Trường.	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng KT&ĐBCLG D[H06.06.02 .13.DC],
Tiêu chí 6.5	1	H6.06.05.01	Các văn bản liên quan đến việc cử giảng viên đi học tập, bồi dưỡng, hội thảo....(quyết định cử đi học); Quyết định hỗ trợ học phí; các văn bản về kinh phí hỗ trợ các hoạt động học tập cho GV.	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	2	H6.06.05.02	- Thông báo các chương trình học bổng học tập nước ngoài; Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Trường Đại học Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội	Giai đoạn 2018-2023 - Quyết định số 678/QĐ-SKĐA HN ngày 23/6/2020	ĐH SKĐA HN	Bộ phận hợp tác quốc tế
	3	H6.06.05.03	- Quy chế chi tiêu nội bộ; - Danh sách giảng viên Khoa Sân khấu được nhận hỗ trợ đào tạo.(văn bản ký nhận tiền).	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Bộ phận TV H06.06.02.11 .DC

	4	H6.06.05.04	Thông tin do Khoa Sân khấu cung cấp: về tọa đàm, hội thảo, tham gia BGK các Liên hoan Sân khấu – Điện ảnh - Truyền hình, tổ chức Văn hóa nghệ thuật độc lập của VN và Quốc tế	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Khoa Sân khấu
Tiêu chí 6.6	1	H6.06.06.01	- Đề án vị trí việc làm (căn cứ Luật viên chức năm 2010)/ bản mô tả vị trí công việc của Khoa Sân khấu. - Kế hoạch công tác cụ thể hằng năm đối với GV Khoa Sân khấu.	Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB) H6.06.01.06. DC
	2	H6.06.06.02	- Minh chứng về: phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; kiểm tra công tác tổ chức dự giờ; kế hoạch giảng dạy của GV - Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (theo thông tư 47) và các quy định cụ thể của Trường thực hiện thông tư 47 năm 2014; - Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (vấn bản cụ thể hóa của Trường về Thông tư 20 năm 2020). - Hồ sơ kiểm tra nội bộ (kiểm tra công tác đào tạo của Khoa Sân khấu).	Nhà trường đã ban hành quy định về khối lượng công việc đối với GV (Quyết định số 733/QĐ-SKĐA HN, ngày 21/8/2015), trong đó xác định rõ các yêu cầu, tiêu chuẩn và thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đối với GV	ĐH SKĐA HN	P.KT & ĐBCLGD) Phòng ĐT, QLKH & HTQT)
	3	H6.06.06.03	Kế hoạch giảng dạy của giảng viên Khoa Sân khấu	Năm 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng KT & ĐBCLGD
	4	H6.06.06.04	Các biên bản họp bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau tại Khoa Sân khấu	Năm 2018-2022	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)

	5	H6.06.06.05	- Quy chế thi đua khen thưởng của Trường - Văn bản quy định đánh giá, phân loại CCVC để xét nâng lương trước niên hạn.	Năm 2018-2022	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	6	H6.06.06.06	Danh sách kết quả bình xét thi đua (các năm từ 2018 đến 2022) Danh sách đề nghị khen thưởng cho giảng viên (trong đó có Khoa Sân khấu) tại hội nghị CCVC hằng năm hoặc báo cáo đề nghị khen thưởng gửi cho Bộ VHTTDL (2018-2022)	Năm 2018-2022	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	7	H6.06.06.07	Báo cáo thành tích NCKH của các GV Khoa Sân khấu	2018-2023	ĐH SKĐA HN	
Tiêu chí 6.7	1	H6.06.07.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐH SKĐA HN; Các thông báo triển khai kế hoạch KHCN hằng năm của Trường (thông báo, biểu mẫu....để các giảng viên đăng ký đề tài nghiên cứu)	(Quyết định số 747/QĐ-SKĐA HN ngày 05/11/2014).	ĐH SKĐA HN (Phòng TCCB) Viện SKĐA	
	2	H6.06.07.02	Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài nghiên cứu Khoa học của Trường ĐH SKĐA HN	(Quyết định số 198/QĐ-SKĐA HN ngày 14/3/2017).	ĐH SKĐA HN (Viện SKĐA)	
	3	H6.06.07.03	- Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (theo thông tư 47) và các quy định cụ thể của Trường thực hiện thông tư 47 năm 2014; - Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (văn bản cụ thể hóa của Trường về Thông tư 20 năm 2020)	Quyết định số 733/QĐ-SKĐA HN, ngày 21/8/2015	ĐH SKĐA HN (P.KT & ĐBCLGD) (Phòng ĐT, QLKH & HTQT)	

			- Hồ sơ kiểm tra nội bộ (kiểm tra công tác đào tạo của Khoa Sân khấu) Kết quả đánh giá, phân loại giảng viên			
	4	H6.06.07.04	Kết luận tiêu chí 7.3 trong Báo cáo đánh giá ngoài Danh mục giải thưởng của GV Khoa Sân khấu (2018-2022) (Khoa tổng hợp)	Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN (Công văn số 202/KĐCL ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-ĐHQGHN)		
	5	H6.06.07.05	Quy định tạm thời về hoạt động sở hữu trí tuệ cho các đề tài NCKH của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 1054/QĐ-SKĐAHN ngày 15/9/2016	Viện SKĐA	
	6	H6.06.07.06	Quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong NCKH của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 1055/QĐ-SKĐAHN ngày 15/9/2016	ĐHSKĐAHN (Viện SKĐA)	
	7	H6.06.07.07	Quyết định thành lập Hội đồng thông qua đề cương NCKH cấp Trường và các Quyết định Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH cấp Trường	(Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014).	Viện SKĐA	
	8	H6.06.07.08	Danh mục công trình NCKH của giảng viên Khoa Sân khấu được ứng dụng trong đào tạo.	Năm 2018-2023		
Tiêu chuẩn 7	7					
Tiêu chí 7.1	1	H7.07.01.01	Những văn bản về tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên trước 2018 (2015-2018) và sau năm 2018 (2018-2023).	Văn bản thống kê 2018-2023	ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)

2	H7.07.01.02	Danh sách, bản mô tả công việc của nhân viên, hồ sơ lý lịch của đội ngũ nhân viên	Văn bản thống kê 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH (TCCB)
3	H7.07.01.03	Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường (Phần phát triển đội ngũ);	Quyết định số 733/QĐ-SKĐA HN, ngày 21/8/2015	ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH (TCCB)
4	H7.07.01.04	Bản mô tả vị trí việc làm và khung năng lực vị trí việc làm của trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội	QĐ231/QĐ-SKĐA ngày 27/03/2019	ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH (TCCB) H6.06.01.06. DC
5	H7.07.01.05	Minh chứng về việc phân công nhân viên (các phòng chức năng) trực tiếp hỗ trợ Khoa Sân khấu	Năm 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH (TCCB)
6	H7.07.01.06	Hệ thống các văn bản của Trường về Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Nhà trường	Quyết định số 733/QĐ-SKĐA HN, ngày 21/8/2015.	ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH (TCCB)
7	H7.07.01.07	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường	Quyết định số 747/QĐ-SKĐA HN ngày 05/11/2014; Phiên bản năm 2021.	ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH (TCCB)
8	H7.07.01.08	- Quy chế chi tiêu nội bộ; - Danh sách nhận tiền hỗ trợ đào tạo của Trường. - Chứng từ, hoá đơn chi trả tiền học, tiền bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên.	Quyết định phòng Tài vụ: Phiên bản các năm từ 2018-2023	ĐH SKĐA HN	H06.06.02.11 .DC Lưu Bộ phận Tài vụ

	9	H7.07.01.09	Minh chứng về việc chuyển đổi ngạch viên chức. Danh sách đội ngũ nhân viên từ năm 2018-2023	Quyết định phòng HCTH (số ngày tháng ban hành) – Liệt kê từng quyết định...	ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH (TCCB)
	10	H7.07.01.10	Minh chứng hỗ trợ kinh phí, thời gian cho cán bộ phục vụ tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hội nghị hội thảo chuyên ngành và tổ chức các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ phục vụ (các Quyết định cử đi học tập, tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ học phí....)	Quyết định phòng HCTH (số ngày tháng ban hành) – Liệt kê từng quyết định...	ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH (TCCB) H07.07.01.08 .DC
	11	H7.07.01.11	Danh sách cán bộ được phân công làm trợ lý Khoa Sân khấu (2018-2023)	Quyết định phòng HCTH (số ngày tháng ban hành) – Liệt kê từng quyết định...	ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH (TCCB)
	12	H7.07.01.12	Kết quả bình xét thi đua khối phòng chức năng (2018-2023); Văn bản thống kê	Biên bản, văn bản Quyết định phòng HCTH (số ngày tháng ban hành) – Liệt kê từng quyết định... (số ngày tháng thống kê)	ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH (TCCB)
Tiêu chí 7.2	1	H7.07.02.01	Các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng, điều chuyển và bổ nhiệm (2018-2023)	Văn bản, biên bản, quyết định (liệt kê đầy đủ số ngày tháng ban hành)	Bộ VHTTDL; SKĐA HN	Phòng HCTH (TCCB)
	2	H7.07.02.02	Hồ sơ của đội ngũ nhân viên (năm 2018-2023)	Quyết định số 1015/QĐ-SKĐA HN ngày 09/9/2016	Đại học SKĐA HN	Phòng HCTH (TCCB)

	3	H7.07.02.03	Thông báo tuyển dụng được đăng tải trên kênh thông tin đại chúng hoặc web của Trường (2018-2023).	Văn bản thông báo số ngày tháng ban hành hoặc link để đăng nhập trên Website của Trường.	Đại học SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
	4	H7.07.02.04	-Quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn; - Hồ sơ của đội ngũ nhân viên, các hợp đồng lao động; quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển.	Văn bản ban hành lưu tại bộ phận TCCB	Đại học SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
	5	H7.07.02.05	Các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp chuyên viên (chuyên viên chính)	Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 về bổ nhiệm,,Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp	Bộ VHTTDL; ĐH SKĐAHN.	Phòng HCTH (TCCB)
	6	H7.07.02.06	Quyết định bổ nhiệm, điều chuyển đối với NV. Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	Nghị quyết số 115/2020/NQ-CP ngày 25/09/2020	Bộ VHTTDL; ĐH SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
Tiêu chí 7.3	1	H7.07.03.01	Quy chế thi đua của Trường từ năm 2018-2023	Liệt kê các phiên bản của quy chế này từ năm 2018-2023 (ghi đầy đủ số ngày tháng ban hành).	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	2	H7.07.03.02	Các bản đăng ký thi đua hằng năm của đội ngũ nhân viên.	Văn bản thống kê các năm từ 2018-2023	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	3	H7.07.03.03	Báo cáo thành tích của đội ngũ nhân viên (hồ sơ xét thi đua, khen thưởng).	Văn bản thống kê các năm từ 2018-2023	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)

	4	H7.07.03.04	Kết quả thi đua hằng năm (hồ sơ thi đua).	Biên bản họp thi đua các năm từ 2018-2023	ĐH SKĐA HN	P.HCTH (TCCB)
	5	H7.07.03.05	Minh chứng về việc lấy ý kiến góp ý của các đơn vị mỗi lần ban hành mới quy chế thi đua, khen thưởng (thông báo lấy ý kiến góp ý cho dự thảo quy chế, phiếu góp ý của các đơn vị).	Văn bản thông báo lấy ý kiến (giai đoạn từ năm 2018-2023).	ĐH SKĐA HN	P.HCTH (TCCB)
	6	H7.07.03.06	Hồ sơ thi đua, danh sách đạt danh hiệu thi đua hằng năm của đội ngũ nhân viên.	Từ năm 2018-2023	ĐH SKĐA HN	P.HCTH (TCCB)
	7	H7.07.03.07	-Minh chứng về việc “Đội ngũ trợ lý Khoa Sân khấu được đánh giá, cho điểm về công tác phục vụ và được hỗ trợ kinh phí”. - Danh sách nhận tiền của đội ngũ trợ lý Khoa SK từ năm 2018-2023 về việc được đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, hoặc tiền thưởng thi đua hằng năm.	Biên bản họp trợ lý thường niên từ năm 2018-2023.	ĐH SKĐA HN	P.HCTH (TCCB) P. ĐT QLKH&HT QT.
Tiêu chí 7.4	1	H7.07.04.01	Thông báo tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ	Văn bản thông báo (Liệt kê các văn bản và ngày tháng ban hành) Từ năm 2018-2023	Bộ VHTTDL; Bộ GD &ĐT; ĐH SKĐA HN	P. HCTH (TCCB)
	2	H7.07.04.02	Danh mục các khóa học, đào tạo, tập huấn và danh sách đội ngũ nhân viên của Trường tham gia học tập.	Văn bản thông báo (Liệt kê các văn bản và ngày tháng ban hành) Từ năm 2018-2023	ĐH SKĐA HN	P. HCTH (TCCB)
	3	H7.07.04.03	Quyết định cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tập huấn và minh chứng về chi trả kinh phí của Trường	QĐ số 1288/QĐ-SKĐA ngày 05/11/2020	ĐH SKĐA HN	P. HCTH (TCCB)
	4	H7.07.04.04	Minh chứng về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.	QĐ số 1601 /QĐ-BVHTTDL ngày 06/05/2019	ĐH SKĐA HN	P. HCTH (TCCB)

	5	H7.07.04.05	Sơ yếu lý lịch viên chức hằng năm (phiếu bổ sung thông tin); các giấy chứng nhận, chứng chỉ hoàn thành sau khóa học.	Từ năm 2018-2023	ĐH SKĐA HN	P. HCTH (TCCB)
	6	H7.07.04.06	- Minh chứng về việc phân bổ ngân sách đào tạo cho đội ngũ nhân viên; - Báo cáo thu chi tài chính trong hội nghị CCVC	Báo cáo thu chi nội bộ (lưu bộ phận tài vụ)	ĐH SKĐA HN	P. HCTH (Tài vụ)
	7	H7.07.04.07	Danh sách đội ngũ nhân viên được cấp bằng thạc sĩ, tiến sĩ hoặc được nâng ngạch chuyên viên (2018-2023).	Văn bản thống kê từ năm 2018-2023	ĐH SKĐA HN	P. HCTH (TCCB)
Tiêu chí 7.5	1	H7.07.05.01	Bản mô tả vị trí công việc của các phòng chức năng và trung tâm.	Năm 2018-2023)	Các Phòng chức năng và trung tâm thuộc ĐH SKĐA HN	P.HCTH (TCCB) H6.06.01.06. DC
	2	H7.07.05.02	Quy chế thi đua khen thưởng từ năm 2018-2023	Năm 2018-2023	ĐH SKĐA HN	P.HCTH (TCCB) H07.07.03.01 .DC
	3	H7.07.05.03	Biên bản phân công công việc của nhân viên (lưu tại đơn vị)	Văn bản thống kê từ năm 2018-2023	Các Phòng chức năng và trung tâm thuộc ĐH SKĐA HN	P.HCTH (TCCB)
	4	H7.07.05.04	Nhận xét của trưởng phòng/ giám đốc trung tâm/ biên bản họp bình xét thi đua tại mỗi đơn vị cho từng cá nhân	Hồ sơ lưu từ năm 2018-2023	Các Phòng chức năng và trung tâm thuộc ĐH SKĐA HN	P.HCTH (TCCB)

	5	H7.07.05.05	Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng của Trường (2018-2023)	Biên bản từ năm 2018-2023	ĐHSKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	6	H7.07.05.06	Quy trình, biểu mẫu bình xét danh hiệu thi đua	Văn bản hướng dẫn các phiên bản từ năm 2018-2023	ĐHSKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	7	H7.07.05.07	Danh sách nhân viên được nhận các danh hiệu thi đua hằng năm và được tăng lương trước niên hạn (2018-2023)	Văn bản thống kê từ năm 2018-2023	ĐHSKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	8	H7.07.05.08	Thông báo lấy ý kiến đóng góp cho Quy chế thi đua khen thưởng; Biên bản tổng hợp góp ý cho dự thảo quy chế thi đua trước khi ban hành.	Văn bản từ năm 2018-2023	ĐHSKĐAHN	H6.06.04.08. DC
	9	H7.07.05.09	Báo cáo thanh tra nhân dân hằng năm (2018-2023)	Báo cáo từ năm 2018-2023	ĐHSKĐAHN	H6.06.06.07. DC
			Danh sách nhân viên được khen thưởng và công nhận đột xuất và hằng năm (nêu rõ lý do).	Danh sách nhân viên được khen thưởng khi tham gia cùng Khoa SK tổ chức các vở diễn đạt giải.	ĐHSKĐAHN	
Tiêu chuẩn 8	8					
Tiêu chí 8.1	1	H8.08.01.01	Liệt kê tên văn bản là quy chế của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng của Trường	TB139/TB-SKĐAHN ngày 6/4/2021	ĐH SKĐA	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa Sân khấu

	2	H8.08.01.02	Thông báo tuyển sinh ngành ĐDSK	Năm 2018-2023	ĐH SKĐA HN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa Sân khấu
	3	H8.08.01.03	http://skda.edu.vn . Thông tin (băng đĩa, hình ảnh trong Ngày hội tuyển sinh - tổ chức đầu năm ở Đại học Bách Khoa HN).	Hình ảnh, các video clip phục vụ TS các năm từ 2018-2022	ĐH SKĐA HN	Trung tâm TTTV
	4	H8.08.01.04	Thông báo/ kế hoạch tuyển sinh, tờ rơi, trang thông tin điện tử của Trường/ Khoa/ Facebook của Trường.	Biên bản họp ban tư vấn tuyển sinh từ năm 2018-2023	ĐH SKĐA HN	ĐT, QLKH & HTQT;
	5	H8.08.01.05	Thông tin minh chứng về lớp giải đáp thắc mắc (2018-2023)	Thông báo mở lớp, các hình ảnh về lớp giải đáp (2018-2023)	ĐH SKĐA HN	ĐT, QLKH & HTQT; Công đoàn Trường.
	6	H8.08.01.06	Minh chứng về việc đưa thông tin tuyển sinh về các địa phương; đón học sinh THPT đến thăm quan trải nghiệm tại Trường	Hình ảnh, văn bản thông báo (2018-2023).	ĐH SKĐA HN	ĐT, QLKH & HTQT; Website
Tiêu chí 8.2	1	H8.08.02.01	Văn bản quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo các năm (2015-2020)	Liệt kê quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (Số ngày tháng ban hành) từ năm 2015-2021.	Bộ GD &ĐT	P.ĐTQLKH & HTQT
	2	H8.08.02.02.DC	Thông báo tuyển sinh của Trường ĐH SKĐA HN	Số 362/TB-SKĐA HN ngày 17/08/2023	ĐH SKĐA HN	P.ĐTQLKH & HTQT
	3	H8.08.02.03	Danh sách HĐTS, các Ban phục vụ TS, Ban TTr (2018-2023)	Danh sách HHĐTS, ban phục vụ, ban thanh tra các năm từ 2018-2023	ĐH SKĐA HN	P.ĐTQLKH & HTQT

	4	H8.08.02.04	Tài liệu; biên bản tập huấn tuyển sinh hằng năm	Văn bản về tập huấn tuyển sinh các năm từ 2018-2023	ĐH SKĐA HN	P.ĐT QLKH & HTQT
	5	H8.08.02.05	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh (sau khi tuyển sinh và công bố kết quả trúng tuyển)	Từ năm 2018-2022	ĐH SKĐA HN	P.ĐT QLKH & HTQT
	6	H8.08.02.06.DC	website Trường ĐH SKĐA HN (http://skda.edu.vn/); facebook của Trường/ KSK.	http://skda.edu.vn/	ĐH SKĐA HN	Ban Quản trị Website Trường
	7	H8.08.02.07	Hồ sơ của Ban Thanh tra tuyển sinh (2018-2023)	Từ năm 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Lưu phòng Khảo thí và ĐBCLGD
Tiêu chí 8.3	1	H8.08.03.01	Quy chế 25 - quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy	Quyết định 25/2006/QĐ-BỘ GD&ĐT ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Bộ GD &ĐT	P.ĐT, QLKH & HTQT
	2	H8.08.03.02	Các văn bản quy định đào tạo riêng của Trường ĐH SKĐA HN; Quy chế đào tạo của Trường.	Số:909/QĐ-SKĐA HN ngày 11 tháng 09 năm 2023	ĐH SKĐA HN	P.ĐT QLKH & HTQT
	3	H8.08.03.03	Tập hợp các quy định, đề xuất do phòng CT HSSV tham mưu HT ban hành.	Văn bản đề xuất theo công văn số 288/NHK ngày 26/11/2021. Văn bản đề xuất của phòng CT HSSV cho SV tham gia các liên hoan Sân khấu.	ĐH SKĐA HN	P.CTHSSV
	4	H8.08.03.04	Quy chế về công tác học sinh sinh viên	Phiên bản các năm từ 2018-2023	Bộ GD &ĐT ĐH SKĐA HN	P.CTHSSV

5	H8.08.03.05	Minh chứng về đội kiểm tra nề nếp giảng dạy học tập (2018-2023) gồm các thông báo về chấn chỉnh nề nếp, các biên bản cuộc họp về kiểm tra nề nếp giảng đường;	Thông báo, văn bản thống kê, kiểm tra (ngày tháng năm ban hành)	ĐH SKĐA HN	P. CT HSSV
6	H8.08.03.06.DC	Báo cáo nhanh tình hình học tập giảng dạy được công bố trong cuộc họp giao ban hằng tháng. Kết luận các cuộc họp giao ban hằng tháng	Biên bản họp CT HSSV	ĐH SKĐA HN	P. CT HSSV
7	H08.08.03.07	Minh chứng về việc tổ chức đội kiểm tra nề nếp giảng dạy và học tập.	Năm 2018-2023	ĐH SKĐA HN	P. CT HSSV
8	H8.08.03.08	Thời khóa biểu các năm học (2018-2023) - của Khoa Sân khấu	Văn bản thống kê năm 2018-2023	ĐH SKĐA HN	P.ĐTQLKH &HTQT
9	H8.08.03.09	Sổ tay sinh viên; Minh chứng về tuần giáo dục công dân; kết luận trong các cuộc họp giao ban của Hiệu trưởng Nhà trường với các đơn vị.	Năm 2018-2023	ĐH SKĐA HN	P. CT HSSV
10	H8.08.03.10	Minh chứng về Hội nghị đối thoại với sinh viên hằng năm (2018-2023)	Biên bản thông báo, biên bản họp	ĐH SKĐA HN	P. CT HSSV
11	H8.08.03.11	Các đề xuất của Khoa sân khấu được Nhà trường giải quyết	Năm 2018-2023	ĐH SKĐA HN	P. CT HSSV
12	H8.08.03.12	Điểm thi lưu trữ tại Phòng ĐT, QLKH & HTQT	Năm 2018-2023	ĐH SKĐA HN	P.ĐTQLKH &HTQT
13	H8.08.03.13	Biên bản ghi nhớ kiểm tra điểm thi	Năm 2018-2023	ĐH SKĐA HN	P.KT &ĐBCLGD
14	H8.08.03.14	Biên bản xét học bổng, xét danh hiệu, cảnh báo học vụ, xét điều kiện lên lớp, điểm rèn luyện, xét điều kiện để được làm bài tốt nghiệp....	Biên bản các năm từ 2018-2023	ĐH SKĐA HN	P. CT HSSV

Tiêu chí 8.4	1	H8.08.04.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường	Quyết định số 747/QĐ- SKĐAHN ngày 05/11/2014; Các phiên bản từ 2014-2021	ĐH SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
	2	H8.08.04.02	Minh chứng từ các báo cáo công tác Đoàn TNCSHCM (2018-2023); sổ ghi chép của giáo viên chủ nhiệm; quyết định bổ nhiệm trợ lý Khoa Sân khấu.	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
	3	H8.08.04.03	Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm, phân công cán bộ lớp	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
	4	H8.08.04.04	Các minh chứng về việc tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa.	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	H08.08.03.10 .DC
	5	H8.08.04.05	Sổ tay sinh viên	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	H5.05.02.04. DC
	6	H8.08.04.06	Hình ảnh, minh chứng về việc tổ chức đón tiếp sinh viên đầu khóa của Khoa Sân khấu	Văn bản, biên bản, hình ảnh	ĐH SKĐAHN	Trung tâm TTTTV; Khoa Sân khấu.
	7	H8.08.04.07	Minh chứng về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho SV	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	P.CTHSSV
	8	H8.08.04.08	Miễn giảm học phí cho SV diện chính sách	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	P.CTHSSV
	9	H8.08.04.09	Báo cáo hằng năm về tổng kết đánh giá tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp (2018- 2023); báo cáo ba công khai.	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	P.CTHSSV
	10	H8.08.04.10	Minh chứng việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa.	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	P. CTHSSV; K. Sân khấu; Đoàn TNCSHCM.

	11	H8.08.04.11	Minh chứng về việc sinh viên được giải thưởng về các tác phẩm kịch, điện ảnh, truyền hình.	Văn bản, huy chương, bằng khen, hình ảnh	ĐH SKĐA HN	P. CTHSSV; Khoa Sân khấu; Đoàn TNC SHCM.
	12	H8.08.04.12	Danh sách SV lớp tài năng; hồ sơ xét học lớp tài năng.	Năm 2018-2023	ĐH SKĐA HN	P.ĐT QLKH&HT QT
	13	H8.08.04.13	Chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp và kết nối mạng lưới cựu người học	Năm 2018-2023	ĐH SKĐA HN	P. CTHSSV
	14	H8.08.04.14	Các chương trình, kế hoạch của Đoàn TNC SHCM		ĐH SKĐA HN	Đoàn TNC SHCM
Tiêu chí 8.5	1	H8.08.05.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường (chức năng, nhiệm vụ của P. Hành chính, tổng hợp)	Năm 2018-2023	ĐH SKĐA HN	P. HCTH (TCCB)
	2	H8.08.05.02	Hợp đồng ký kết giữa Nhà trường với công ty vệ sinh Hoàn Mỹ	Năm 2018-2023	ĐH SKĐA HN	P. HCTH (TCCB)
	3	H8.08.05.03	Hình ảnh, khung cảnh khu Nhà A,B,C trường đại học SKĐA HN	Hình ảnh Nhà trường	ĐH SKĐA HN	TTTTV, Ban Quản trị Website.
	4	H8.08.05.04	Các cuộc thi do Đoàn TNC SHCM tổ chức (2018-2023), minh chứng: ví dụ các hoạt động kỷ niệm thành lập trường, 26-3...	Văn bản, hình ảnh từ 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Đoàn TNC SHCM
	5	H8.08.05.05	Pano tại các khu giảng đường	2018-2023	ĐH SKĐA HN	P. HCTH (BPHC)
	6	H8.08.05.06	Thông tin về cán bộ phòng y tế	Năm 2018-2023	ĐH SKĐA HN	P. HCTH (TCCB)

7	H8.08.05.07	Minh chứng về việc khám sức khỏe và tham gia bảo hiểm y tế của SV Minh chứng về công tác phòng chống dịch Covid; sốt xuất huyết.	- Kế hoạch số 328/KH-SKĐAHN ngày 4/9/2019 v/v tổ chức khám sức khỏe cho SV K39 - Thông báo số 501 TB/-SKĐAHN ngày 16/12/2019 V/v đóng bảo hiểm y tế HSSV năm 2020	P.CTHSSV	P. HCTH (TCCB)
8	H8.08.05.08	Sổ tay sinh viên	2020 ban hành	P.CTHSSV	H5.05.02.04. DC
9	H8.08.05.09	Biên bản kiểm tra an toàn học đường, an toàn vệ sinh thực phẩm.	Chỉ thị 6036/CT-BỘ GD&ĐT	Đại học SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
10	H8.08.05.10	Minh chứng về các hoạt động phòng chống dịch sốt xuất huyết, dịch bệnh Covid 19.	Thông báo ngày 5/2/2020 số 94/TB-SKDAHN ngày 12/3/2020 113/TB-SKDAHN ngày 26/3/2020 Số 93/TB-SKDAHN ngày 31/3/2020 của phó hiệu trưởng	Đại học SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
11	H8.08.05.11	Sơ đồ thiết bị/ phương án trong công tác phòng cháy, chữa cháy. Minh chứng về việc tổ chức tập huấn phòng cháy chữa cháy	Thông báo số 21 /TB-SKDAHN ngày 14/4/2017 v/v cử người đi tập huấn phong cháy chữa cháy năm 2017		P. HCTH (TCCB)
12	H8.08.05.12	Khuôn viên của Trường, Nhà hát thể nghiệm	2018-2023	Đại học SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
13	H8.08.05.13	Tổ chức đối thoại với sinh viên	Năm 2018-2023	DHSKĐAHN	P.CTHSSV

Tiêu chuẩn 9	9					
Tiêu chí 9.1	1	H9.09.01.01	Công khai cơ sở vật chất hằng năm (Báo cáo Ba công khai) Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng	Báo cáo (liệt kê báo cáo từ năm 2018-2023) Sơ đồ từ năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	P. HCTH
	2	H9.09.01.02	Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị...; sổ theo dõi tình trạng hoạt động, sử dụng... Sơ đồ thiết bị phòng cháy chữa cháy và kế hoạch ứng phó khẩn cấp	Năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	3	H9.09.01.03	Văn bản, minh chứng cho thấy Trường được sử dụng Khu khu thể chất, khu ký túc xá thuộc Bộ VHTTDL quản lý.	Văn bản số 2.18/QĐ-TTĐVVHTTDL ngày 04/8/2023	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	4	H9.09.01.04	Quy chế hoạt động của Trường ĐHSKĐAHN (chức năng, nhiệm vụ)	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	5	H9.09.01.05	Thông báo về việc bổ sung thiết bị cơ sở vật chất. Kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị.	Thông báo số 159/TB-HCQT ngày 9/4/2018 V/v Bổ sung thiết bị cơ sở vật chất	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	6	H9.09.01.06	Kế hoạch chiến lược phát triển về cơ sở vật chất (Đề án xây dựng Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội thành trường ĐH trọng điểm quốc gia) - Kế hoạch xây dựng Nhà B	Số ngày tháng ban hành	Đại học SKĐAHN	P.HCTH; P.ĐT QLKH & HTQT
	7	H9.09.01.07	Báo cáo tài chính năm học (Trong Hội nghị cán bộ CCVC hằng năm).	Văn bản báo cáo lưu hành nội bộ lưu tại bộ phận tài vụ)	Đại học SKĐAHN	P.HCTH

	8	H9.09.01.08	Báo cáo đánh giá ngoài Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	Công văn số 202 /KĐCL ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-ĐHQGHN	Đại học SKĐAHN	P.KT & ĐBCLGD
Tiêu chí 9.2	1	H9.09.02.01	Báo cáo tự đánh giá Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (2010-2015) (tiêu chí 9.2)		Đại học SKĐAHN	P.KT&ĐBC LGD
	2	H9.09.02.02	Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện trường Đại học.	Quyết định số 13/2008/QĐ - BVHTTDL ngày 10/3/2008 của Bộ VHTTDL	Đại học SKĐAHN	TTTTTV
	3	H9.09.02.03	Sơ đồ bố trí thư viện.	Hình ảnh	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	4	H9.09.02.04	Minh chứng về việc bổ sung tài liệu, sách báo hằng năm	Văn bản	Đại học SKĐAHN	TTTTTV; bộ phận tài vụ (P.HCTH)
	5	H9.09.02.05	Đề cương chi tiết môn học/ học phần	Năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	[H2.02.02.02 .DC] [H2.02.01.02 .DC]
	6	H9.09.02.06	Minh chứng về tư liệu số hóa thư viện điện tử (bài giảng các chuyên gia)	Năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	TTTTTV
	7	H9.09.02.07	Cơ sở dữ liệu của Trung tâm thông tin thư viện	Năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	TTTTTV
	8	H9.09.02.08	Thống kê sách, tài liệu, vở diễn của ngành Đạo diễn sân khấu (Tài liệu lưu tại Khoa Sân khấu)	Tài liệu thống kê	Khoa Sân khấu	TTTTTV

	9	H9.09.02.09	Thông báo của TTTTTV về bổ sung các giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp với chuyên ngành đào tạo.(Các văn bản đề xuất nhu cầu, các kế hoạch, dự toán, hóa đơn, thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện như: sách báo, tạp chí, tài liệu....)	Văn bản thông báo	ĐH SKĐA HN	TTT TTV
	10	H9.09.02.10	Minh chứng về việc khảo sát thăm dò ý kiến bạn đọc về chất lượng phục vụ của thư viện (phiếu khảo sát, quy trình xử lý dữ liệu...)	Phiếu khảo sát, thăm dò	ĐH SKĐA HN	TTT TTV
	11	H9.09.02.11	Minh chứng về việc học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ của cán bộ TTTTTV.		Đại học SKĐA HN	TTT TTV
Tiêu chí 9.3	1	H9.09.03.01	Sơ đồ phòng thực hành, sàn tập, phòng chiếu phim, trung tâm thực hành sk-đa	Năm 2018-2023	Đại học SKĐA HN	H09.09.01.01 .DC
	2	H9.09.03.02	Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng	Năm 2018-2023	Đại học SKĐA HN	P.HCTH
	3	H9.09.03.03	Thống kê danh mục trang thiết bị của phòng thực hành phục vụ đào tạo và NCKH	Tài liệu thống kê năm 2018-2023	Đại học SKĐA HN	P.HCTH
	4	H9.09.03.04	Danh sách các phòng thực hành mà Khoa Sân khấu sử dụng. Thống kê danh mục trang thiết bị trường quay, phòng chụp ảnh, phòng dựng phim, phòng chiếu phim, phòng in tráng phim	Tài liệu thống kê năm 2018-2023	Đại học SKĐA HN	P.HCTH
	5	H9.09.03.05	Tài liệu hướng dẫn, quy định của phòng thực hành	Quyết định số 656/QĐ-SKĐA HN ngày 19/4/2020 V/v ban hành Quy chế quản lý, sử	Đại học SKĐA HN	P,HCTH

			dụng tài sản công của nhà trường		
6	H9.09.03.06	Mình chứng về việc Trường/ Khoa thường xuyên phổ biến đến người làm việc trong phòng thực hành các quy định, nội quy phòng, quy tắc an toàn và phòng chống cháy nổ (biên bản, thông báo, quy định về việc giảng dạy và học tập trong các phòng thực hành)	Văn bản năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
7	H9.09.03.07	Nội quy phòng, hướng dẫn sử dụng thiết bị phòng thực hành (ảnh chụp các bảng nội quy được dán tại các phòng thực hành).	Văn bản năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
8	H9.09.03.08	Quy chế tổ chức hoạt động (P. HCTH - Bộ phận HCQT) Quy định về quản lý và khai thác trang thiết bị thực hành. Kế hoạch công tác tháng của bộ phận HCQT (trong đó có các kế hoạch về duy tu, bảo dưỡng, bổ sung, nâng cấp và đầu tư mới thiết bị phòng thực hành). Nhật ký sử dụng trang thiết bị phòng thực hành	Quyết định số 656/QĐ-SKĐAHN ngày 19/4/2020 V/v ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của nhà trường	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
9	H9.09.03.09	Kế hoạch và thông báo đến các đơn vị trong toàn Trường về việc mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất; Các phiếu đề xuất mua sắm trang thiết bị của Khoa Sân khấu (2015-2020);	Thông báo số 159/TB-HCQT ngày 9/4/2018 V/v Bổ sung thiết bị cơ sở vật chất	Đại học SKĐAHN	P.HCTH

	10	H9.09.03.10	Báo cáo tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị (tần suất sử và thời gian hoạt động, số giờ vận hành...)	Văn bản năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	11	H9.09.03.11	Tổng hợp kinh phí đã đầu tư mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị	Văn bản năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	12	H9.09.03.12	Danh sách các nhà hát, hãng phim, đài truyền hình; Danh mục thiết bị mua sắm cho Khoa Sân khấu	Tài liệu thống kê năm 2018-2023		P.HCTH
	13	H9.09.03.13	Dữ liệu phản hồi của NH và các bên liên quan về phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị	Phiếu khảo sát năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	
	14	H9.09.03.14	Minh chứng cho việc cập nhật trang thiết bị	Văn bản năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
Tiêu chí 9.4	1	H9.09.04.01	Thống kê hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm và thiết bị công nghệ thông tin, trang thông tin điện tử	Tài liệu thống kê từ năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	2	H9.09.04.02	Báo cáo đánh giá ngoài Trường ĐH SKĐAHN (2017- tiêu chí 9.4)	Công văn số 202 /KĐCL ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-ĐHQGHN	Đại học SKĐAHN	P.KT & ĐBCLGD
	3	H9.09.04.03	Tổng hợp các biên bản kiểm kê tài sản từ năm 2018-2023.	Thông báo số 482/TB-SKĐAHN ngày 03/12/2019 V/v Kiểm kê tài sản. Quyết định số 1183/QĐ-SKĐAHN ngày 01/10/2020 V/v thành lập Ban Kiểm kê tài sản năm 2020	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	4	H9.09.04.04	Thư viện điện tử;	Sổ theo dõi	Đại học SKĐAHN	TTTTTV

		Sổ sách theo dõi việc vận hành và bảo trì phòng máy tính, phần cứng, phần mềm và các mạng truyền thông, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử			
5	H9.09.04.05	Ban biên tập website; Phân công nhiệm vụ Quyết định thành lập Ban quản trị trang thông tin điện tử. Văn bản phân công bộ phận/người phụ trách hệ thống CNTT; Quy chế hoạt động của Trường Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và trang thông tin điện tử, đáp ứng yêu cầu về quản trị mạng	QĐ số 962/QĐ – SKDA ngày 16/9/2019 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban quản trị Trang thông tin điện tử	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
6	H9.09.04.06	Văn bản liên quan đến: kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin trong toàn trường	Văn bản	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
7	H9.09.04.07	Nội quy sử dụng, sổ sách theo dõi, quản lý và nhật ký sử dụng các trang thiết bị tin học một cách quy chuẩn	Văn bản	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
8	H9.09.04.08	Báo cáo đánh giá ngoài Trường Đại học SKĐAHN do Trung tâm KĐCLGD – ĐH QGHN; Báo cáo tài chính (2018-2023) dành cho Danh mục máy tính, phần cứng, phần mềm, ... được cập nhật hằng năm (2018-2023).	Công văn số 202 /KĐCL ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-ĐHQGHN	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
9	H9.09.04.09	Minh chứng việc tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ cũng được tổ chức thường xuyên	- Thông báo số 198/TB-SKĐAHN ngày 12/4/2017	Đại học SKĐAHN	P.HCTH

				- Thông báo số 153/TB-SKĐAHN ngày 19/5/2020		
	10	H9.09.04.10	Lấy ý kiến phản hồi của người học về mức độ đáp ứng cơ sở vật chất, môi trường cảnh quan của nhà trường trong các năm gần đây.	Phiếu khảo sát các năm 2022,2023	Đại học SKĐAHN	P. CTHSSV
Tiêu chí 9.5	1	H9.09.05.01	Liệt kê các văn bản của Nhà nước chỉ đạo công tác này, Nhà trường đang thực hiện như: - Quy định về môi trường dực an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường. - Quy định về việc tăng cường thực hiện phòng chống tác hại thuốc lá và lạm dụng đồ uống có cồn trong ngành giáo dục	- Nghị định số 80/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ - Chỉ thị 6036/CT-BỘ GD&ĐT	Chính phủ; Bộ GD&ĐT.	
	2	H9.09.05.02	Hình ảnh chụp các cảnh quan của Trường	Ảnh 2018-2023	Đại học SKĐAHN	P.HCTH; Khoa Nhiếp ảnh
	3	H9.09.05.03	Sơ đồ chỉ dẫn đến các khu làm việc, phòng học, phòng thực hành.	Năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	4	H9.09.05.04	Hợp đồng với Công ty vệ sinh Hoàn mỹ	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	P.HCTH
	5	H9.09.05.05	Minh chứng: Nhà trường đã tổ chức kiểm tra về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường.	Báo cáo năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	6	H9.09.05.06	Các thông báo phun thuốc muỗi, thuốc sát khuẩn thời kỳ chống dịch covid 19. Thông báo phòng chống dịch và triển khai học trực tuyến thời kỳ dịch bệnh.	Thông báo ngày 5/2/2020 số 94/TB-SKĐAHN ngày 12/3/2020 113/TB-SKĐAHN ngày 26/3/2020	Đại học SKĐAHN	P.HCTH

			Số 93/TB-SKĐAHN ngày 31/3/2020 của phó hiệu trưởng		
7	H9.09.05.07	Thông báo khám sức khỏe cho cán bộ Trường (2018-2023)	- Thông báo số 522/TB-SKĐAHN ngày 5/12/2018 ; Số 497/TB-SKĐAHN ngày 13/12/2019 của phó hiệu trưởng	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
8	H9.09.05.08	Hồ sơ khám sức khỏe cho sinh viên năm nhất và bảo hiểm y tế cho sinh viên.	- Kế hoạch số 328/KH-SKĐAHN ngày 4/9/2019 v/v tổ chức khám sức khỏe cho SV K39 - Thông báo số 501 TB/-SKĐAHN ngày 16/12/2019 V/v đóng bảo hiểm y tế HSSV năm 2020	P.CTHSSV	P.HCTH
9	H9.09.05.09	Thông báo về các quy định an toàn khi nghỉ lễ, tết và có quy định về việc tiết kiệm điện, nước.	Thông báo số 18 và 20/TB-SKĐAHN ngày 17/1/2020	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
10	H9.09.05.10	Minh chứng về Hội thảo văn hoá ứng xử....	Quyết định số 458/QĐ-SKĐAHN ngày 27/05/2016 v/v thực hiện nề nếp giảng đường	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
11	H9.09.05.11	Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ	Năm 2018-2023	ĐHSKĐAHN	P.HCTH
12	H9.09.05.12	Phương án phòng chống cháy nổ	Thông báo số 21 /TB-SKĐAHN ngày 14/4/2017 v/v cử người đi tập huấn phong cháy chữa cháy năm 2017		P.HCTH
13	H9.09.05.13	Quy chế tổ chức hoạt động	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014	Đại học SKĐAHN	
14	H9.09.05.14	-Hệ thống camera	Năm 2018-2023	Đại học	P.HCTH

			<p>Minh chứng về: - Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh được lên kế hoạch rõ ràng</p> <p>-Dữ liệu về tập huấn/điễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm hoặc xử lý các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn hằng năm</p> <p>-Các báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn,...</p>		SKĐAHN	
	15	H9.09.05.15	Các quy định, nội quy giảng đường, phòng thực hành, nhà xe, hội trường và quy định về việc đeo thẻ	Quyết định số 458/QĐ-SKĐAHN ngày 27/05/2016 v/v thực hiện nề nếp giảng đường	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
Tiêu chuẩn 10	10					
Tiêu chí 10.1	1	H10.10.01.01	Minh chứng về: năm học 2018-2019, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT của tất cả các Khoa/ trung tâm đào tạo	Thông báo Số 273/QĐ-SKĐAHN, ngày 31/3/2017 về việc rà soát, cập nhật, bổ sung, sửa đổi CTĐT	ĐH SKĐAHN	P.ĐT QLKH&HT QT
	2	H10.10.01.02	Văn bản giao nhiệm vụ/quy trình thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTĐT (trích thông tin từ Kết luận của Hiệu trưởng trong cuộc họp giao ban – Có phần nói về việc chuẩn bị cho bổ sung, phát triển CTĐT Đạo diễn Sân khấu).	Giấy mời dự Hội thảo KH CTĐT Đạo diễn Sân khấu vào chiều 14h00, thứ 3, ngày 15/10/2019 tại phòng họp giao ban tầng 2 nhà A1	ĐH SKĐAHN	K. Sân khấu+ Viện SK ĐA

		Mình chứng việc tổ chức hội thảo lấy ý kiến của các bên liên quan để bổ sung, phát triển CTĐT Đạo diễn Sân khấu			
3	H10.10.01.03	Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Các văn bản của Trường ĐH SKĐA HN về vấn đề này	Thông tư số 07/2015/TT-BỘ GD&ĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Bộ GD &BĐT	P.ĐTQLKH & HTQT
4	H10.10.01.04	Danh sách các bên liên quan (chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nghiên cứu viên, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp)	Danh sách (Ngày tháng lập danh sách)	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khấu
5	H10.10.01.05	-Biên bản giao nhiệm vụ của Khoa trong việc thực hiện khảo sát, thu thập thông tin liên quan đến việc xây dựng và phát triển CTĐT. Biên bản họp cấp Khoa, Tổ giao nhiệm vụ thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan -Phiếu khảo sát/dữ liệu khảo sát/báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, người học và người sử dụng lao động để xây dựng và phát triển CTĐT ngành Đạo diễn Sân khấu	Biên bản (Ngày tháng ghi biên bản)	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu
6	H10.10.01.06	Thông báo/ kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học/ Thông báo công bố kết quả phản hồi của người học	Quy định số 1158/QĐ-SKĐAHN ngày 30/9/2016 V/v	ĐH SKĐAHN	P. KTĐBCLGD

				lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV. Thông báo số 217/TB-SKĐAHN ngày 14/6/2019 về kết quả phản hồi ý kiến người học		
	7	H10.10.01.07	Hồ sơ kiểm tra công tác đào tạo tại Khoa Sân khấu.	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	P. KT &ĐBCLGD
Tiêu chí 10.2	1	H10.10.02.01	Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;	thông tư 07/2015/2017/TT-BỘ GD&ĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Bộ GD & ĐT	P. ĐT QLKH & HT QT
	2	H10.10.02.02	Phòng Đào tạo, quản lý KH & HTQT là đầu mối tổ chức chỉ đạo các Khoa việc thực hiện xây dựng và phát triển CTĐT: Ban hành kế hoạch, Quyết định thành lập HĐ, (liệt kê toàn bộ các hoạt động của P. ĐT QLKH & HTQT về vấn đề này) Mô tả chi tiết về quy trình thiết kế, phát triển CTĐT bảo đảm chất lượng đào tạo.	Số 319/KH-SKĐA ngày 09/09/2022 Số 362/QĐ-SKĐAHN ngày 24 tháng 04 năm 2023 Văn bản mô tả của P.ĐT QLKH &HTQT		P. ĐT QLKH & HTQT
	3	H10.10.02.03	Minh chứng về quá trình Khoa Sân khấu rà soát điều chỉnh CTĐT (năm 2019) (các biên bản họp về vấn đề này, tổng kết vấn đề)	Biên bản họp ghi rõ ngày tháng năm		Khoa Sân khấu
	4	H10.10.02.04	Các văn bản mẫu phiếu đề cương chi tiết do phòng đào tạo thiết kế	Văn bản ghi rõ ngày tháng năm	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khấu

	5	H10.10.02.05	Khoa thống kê các nội dung điều chỉnh CTĐT ngành Đạo diễn Sân khấu (trích lại biên bản do thư ký ghi chép trong các cuộc họp của Hội đồng thẩm định)	Biên bản họp năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	6	H10.10.02.06	Thông báo lấy ý kiến góp ý CTĐT đã được điều chỉnh, tổng hợp ý kiến đóng góp từ các đơn vị toàn Trường, Quyết định ban hành CTĐT năm 2019. Hồ sơ: Các minh chứng lấy từ cuộc họp của hội đồng thẩm định (phải được ghi thành biên bản chi tiết); trong đó có ý kiến nhận xét của các phản biện (có bản nhận xét kèm theo); kết quả kiểm phiếu (có biên bản kiểm phiếu kèm theo) và kết luận của Hội đồng thẩm định cấp trường, có chữ ký của các thành viên hội đồng.	Năm 2019	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khấu
Tiêu chí 10.3	1	H10.10.03.01	“Quy định về công tác khảo thí của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội” và Quy chế đào tạo của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 19/02/2021	Đại học SKĐAHN	P.KT&ĐBC LGD
	2	H10.10.03.02	Thông báo của P. KT &ĐBCLGD về việc tiếp nhận ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, yêu cầu các Khoa trong toàn Trường rà soát, cập nhật, xây dựng câu hỏi thi, đề thi		Đại học SKĐAHN	P.KT &ĐBCLGD
	3	H10.10.03.03	Minh chứng: Khoa Sân khấu cũng đề ra quy trình đánh giá học phần	Bảng quy trình đánh giá học phần, bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu

	4	H10.10.03.04	Mẫu phiếu đánh giá học phần bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, và bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kì	Mẫu phiếu đánh giá học phần Mẫu bài tiểu luận	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khẩu
	5	H10.10.03.05	Phiếu dự giờ các môn chuyên môn của ngành Đạo diễn Sân khấu	Phiếu dự giờ các năm học từ 2018-2023	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khẩu
	6	H10.10.03.06	Phòng KT & ĐBCLGD của Nhà trường phối hợp với Khoa thực hiện hằng năm. 100% các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành Đạo diễn Sân khấu đều được lấy ý kiến		Đại học SKĐAHN	P.KT & ĐBCLGD
	7	H10.10.03.07	Hồ sơ kiểm tra hoạt động đào tạo của Khoa Sân khấu	Thông báo số 380/TB- SKĐAHN ngày 14/10/2019 V/v kiểm tra hoạt động tổ chức đào tạo tại Khoa/TT HKI (2019-2020)		P.KT & ĐBCLGD
	8	H10.10.03.08	Kế hoạch giảng dạy của giảng viên	Kế hoạch năm 2018-2023		Khoa Sân khẩu
	9	H10.10.03.08	Sổ ghi đầu bài	Năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	P.ĐTQLKH & HTQT.
Tiêu chí 10.4	1	H10.10.04.01	Văn bản Sứ mạng, tầm nhìn của Trường	Quyết định số 1219/QĐ- SKĐAHN ngày 13/10/2016 Về việc công bố “Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội”	ĐH SKĐA	P.KT &ĐBCLGD

2	H10.10.04.02	Các hoạt động nghề nghiệp cụ thể: Liệt kê các giải thưởng nghề nghiệp, HCV, HCB, bằng khen trong Liên hoan sân khấu chuyên nghiệp	Văn bản thống kê	ĐH SKĐA HN	Khoa Sân khấu
3	H10.10.04.03	Danh sách những tác phẩm đạt giải thưởng của GV Khoa Sân khấu	Văn bản thống kê	ĐH SKĐA HN	Khoa Sân khấu
4	H10.10.04.04	Danh sách những tác phẩm đạt giải thưởng của SV Khoa Sân khấu	Danh sách	Đại học SKĐA HN	Khoa Sân khấu
5	H10.10.04.05	Liệt kê các bài viết liên quan đến tác phẩm được giải thưởng (trong đó có sự góp mặt của GV Khoa Sân khấu)	Văn bản thống kê	ĐH SKĐA HN	Khoa Sân khấu
6	H10.10.04.06	Liệt kê các bài viết, các vai diễn, đạo diễn của Giảng viên trong Khoa	Văn bản thống kê		Khoa Sân khấu
7	H10.10.04.07	Quy định về chế độ làm việc của giảng viên	Quyết định số 1015/QĐ-SKĐA HN ngày 09/9/2016	Đại học SKĐA HN	Khoa Sân khấu
8	H10.10.04.08	Danh sách tên Hội nghị, hội thảo của Trường tổ chức - Các hội nghị, hội thảo, v.v để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH.	Danh sách (Ngày tháng lập)	Đại học SKĐA HN	Khoa Sân khấu
9	H10.10.04.09	Liệt kê các bài viết trên tạp chí của Nhà trường và nhiều tạp chí, báo khác về các tác phẩm đạt giải có sự góp mặt của GV Khoa Sân khấu.	Văn bản thống kê (Ngày tháng lập)	Đại học SKĐA HN	Khoa Sân khấu
10	H10.10.04.10	Danh sách chuyên gia, hợp đồng giảng dạy các giảng viên thỉnh giảng đến làm việc tại Trường (2018-2022).	Danh sách (Ngày tháng lập)	Đại học SKĐA HN	Khoa Sân khấu
11	H10.10.04.11	Liệt kê sách, giáo trình phục vụ học tập do GV Khoa Sân khấu thực hiện.	Văn bản thống kê (Ngày tháng lập)	Đại học SKĐA HN	Khoa Sân khấu

	12	H10.10.04.12	Quy định về NCKH của sinh viên	QĐ số 122/QĐ-SKĐAHN ngày 27/01/2022	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV
Tiêu chí 10.5	1	H10.10.05.01	Kế hoạch công tác tháng và kết luận của Hiệu trưởng tại các cuộc họp giao ban hằng tháng (2018-2023)	Kết luận giao ban từ năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	Phòng Hành chính, Tổng hợp
	2	H10.10.05.02	Biên bản các cuộc họp: cán bộ lớp đầu năm, các cuộc họp với phòng quản lý HSSV, sinh hoạt lớp theo định kỳ hàng tháng, hội nghị đối thoại với lãnh đạo Nhà trường	Năm 2020-2022	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu, Phòng Công tác HSSV
	3	H10.10.05.03	- Sổ theo dõi CSVC thường xuyên - Biên bản kiểm kê tài sản cuối năm	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	Phòng Hành chính, Tổng hợp
	4	H10.10.05.04	Báo cáo công khai tài chính tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức (các năm từ 2018-2022)	Báo cáo tại Hội nghị công chức, viên chức từ năm 2028-2022	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TV)
	5	H10.10.05.05	Giấy đề nghị mua sắm sửa chữa của các Khoa, các phòng	Giấy đề nghị	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	6	H10.10.05.06	-Thông báo về việc bổ sung minh chứng cho báo cáo tự đánh giá - Mẫu phiếu khảo sát	Số 365/TB-SKĐAHN ngày 12/10/2015	ĐH SKĐAHN	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD
	7	H10.10.05.07	Đề xuất của Khoa Sân khấu hoặc cung cấp bài tập tốt nghiệp (đồ án tốt nghiệp) cho Thư viện	Năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	8	H10.10.05.08	Chính sách xã hội hoá (trích nội dung họp giao ban về vấn đề lấp điều hoà khu nhà C)	Năm 2019	ĐH SKĐAHN	Phòng Hành chính-Tổng hợp

	9	H10.10.05.09	Bản quy hoạch tổng thể phát triển Nhà trường đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Quyết định số 276/QĐ-SKĐAHN ngày 08/4/2019 V/v thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Nhà trường	ĐH SKĐAHN	Phòng Hành chính-Tổng hợp
	10	H10.10.05.10	Đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia.	Năm 2015	ĐH SKĐAHN	Phòng Hành chính-Tổng hợp
Tiêu chí 10.6	1	H10.10.06.01	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 538/QĐ BVHTTDL Hà Nội ngày 06/3/2014	BVHTTDL	P.HCTH
	2	H10.10.06.02	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 05/11/2014	Đại học SKĐAHN	Phòng Hành chính, Tổng hợp
	3	H10.10.06.03	Hệ thống minh chứng về công việc của Phòng KT & ĐBCLGD (báo cáo tổng kết công tác hằng năm từ 2018-2023).	Báo cáo công tác từ 2018-2023	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD	
	4	H10.10.06.04	- Quy định/Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và tổng hợp phiếu phản hồi. -Các văn bản quy định/hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan	Quyết định số 1158/QĐ-SKĐAHN ngày 30/9/2016	Đại học SKĐAHN	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD

	5	H10.10.06.05	Các mẫu phiếu đánh giá cuối năm (dùng cho công tác thi đua khen thưởng)	Quy chế Thi đua, khen thưởng của Trường (Quyết định số 266/QĐ-SKĐAHN ngày 17/3/2020)	Đại học SKĐAHN	Phòng Hành chính-Tổng hợp
	6	H10.10.06.06	Kết luận của Hiệu trưởng trong cuộc họp giao ban hàng tháng.	Kết luận giao ban hàng tháng từ năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	Phòng Hành chính-Tổng hợp
Tiêu chuẩn 11	11					
Tiêu chí 11.1	1	H11.11.01.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường (chức năng, nhiệm vụ của P. CTHSSV)	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014	Đại học SKĐAHN	Phòng Hành chính, Tổng hợp
	2	H11.11.01.02	Sổ GV chủ nhiệm, các báo cáo của Khoa Sân khấu về P. Đào tạo, QLKH & HTQT...	Sổ tay GVCN năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	3	H11.11.01.03	Hệ thống biên bản xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp, xét kỷ luật...	Biên bản từ năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV, P. ĐT QLKH & HTQT
	4	H11.11.01.04	Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của phòng CT HSSV		Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV
	5	H11.11.01.05	Minh chứng xét điều kiện TN, và tổng kết điểm để làm căn cứ giám sát quá trình học của SV (SV tốt nghiệp và thôi học được quản lý đầy đủ thông tin tại phòng Đào tạo, QLKH & HTQT, phòng CT HSSV của Nhà trường).	Quyết định số 1208/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 08/10/2020 v/v công nhận đủ điều kiện TN cho lớp đạo diễn SK K36	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV, P. ĐT QLKH & HTQT

	6	H11.11.01.06	Liệt kê tên các quy định của Bộ GD &ĐT; của Trường về công tác đào tạo, QLHSSV	Quyết định số <u>11111/QĐ-SKĐAHN</u> , Hà Nội ngày 17/10/2018 v/v ban hành Quy định công tác đào tạo ĐH theo hình thức chính quy của Trường ĐH SKĐA HN	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV, P.ĐT QLKH & HTQT
	7	H11.11.01.07	Thống kê thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của các khóa gần đây (2018-2023)	Năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV
	8	H11.11.01.08	Hồ sơ, quyết định cho thôi học, bảo lưu...	Năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV
	9	H11.11.01.09	Minh chứng về triển khai hệ thống học tập trực tuyến do dịch Covid 19	Thông báo ngày 5/2/2020 số 94/TB-SKĐAHN ngày 12/3/2020 113/TB-SKĐAHN ngày 26/3/2020 Số 93/TB-SKĐAHN ngày 31/3/2020 của phó hiệu trưởng	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV
	10	H11.11.01.10	Minh chứng về việc kiểm tra nề nếp giám sát chặt chẽ tình hình học tập của sinh viên (Thông báo, biểu mẫu thống kê...)	Thông báo số 294/TN-SKĐAHN ngày 19/8/2019 của phó hiệu trưởng	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV
Tiêu chí 11.2	1	H11.11.02.01	Quy trình để 1 SV Khoa Sân khấu được công nhận tốt nghiệp.	Văn bản ghi rõ ngày tháng năm	Đại học SKĐAHN	P.ĐT QLKH & HTQT mô tả
	2	H11.11.02.02	Biên bản họp lớp, Đơn xin hoãn thi tốt nghiệp của sinh viên	Năm 2018-2023	ĐHSKĐAHN	Khoa Sân khấu

	3	H11.11.02.03	Bảng 11.1 (tiêu chí 11.1) Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và Tỷ lệ thôi học của SV ngành đạo diễn sân khấu từ khóa tuyển sinh 2018 đến 2023. (cột 5)	Số liệu tính đến thời điểm tháng 10/2023.	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV, P. ĐT QLKH & HTQT
	4	H11.11.02.04	Biên bản họp xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp, hồ sơ xin bảo lưu của SV Sân khấu (2018-2023).	Biên bản từ năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV,
	5	H11.11.02.05	Đơn xin gia hạn tốt nghiệp của sinh viên một số năm trong giai đoạn 2018-2023	Văn bản tiếp nhận của sinh viên các năm trong giai đoạn 2018-2023	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV, P. ĐT QLKH & HTQT
	6	H11.11.02.06	Quy định về việc học riêng hoặc quy định về bảo lưu....	Quyết định số 1111/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 17/10/2018 Trường ĐHSKĐAHN	Đại học SKĐAHN	P. ĐT QLKH & HTQT
Tiêu chí 11.3	1	H11.11.03.01	Công văn 2919/BỘ GD&ĐT-GDDH của Bộ giáo dục và Đào tạo về Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp Công văn 3943/BỘ GD&ĐT-GDDH ngày 31/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp	https://thuvienphapluat.vn/cong-van/giao-duc/cong-van-2919-bgddt-gddh-2017-khao-sat-tinh-hinh-viec-lam-sinh-vien-tot-nghiep-355820.aspx https://www.dropbox.com/	BỘ GD&ĐT	P. CTHSSV
	2	H11.11.03.02	Minh chứng về việc khảo sát tỷ lệ có việc làm của ngành Đạo diễn Sân khấu	Năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	Khoa SK/ P. CTHSSV

	3	H11.11.03.03	Báo cáo tự đánh giá Trường ĐH SKĐAHN	Năm 2017	Đại học SKĐAHN	P. KT & ĐBCLGD
Tiêu chí 11.4	4	H11.11.04.04	Thông tư 22 Quy định về hoạt động Khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học.	Thông tư số 22/2011/TT-BỘ GD&ĐT ngày 30 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	BỘ GD&ĐT	P. CTHSSV
	1	H11.11.04.01	Quy định Về hoạt động nghiên cứu Khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học	- Thông tư số 19/ 2012/ TT-BỘ GD&ĐT ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) - Quyết định số 198/QĐ-SKĐAHN ngày 14/3/2017 về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài nghiên cứu Khoa học	- Bộ Giáo dục và Đào tạo - Đại học SKĐAHN	P. CTHSSV
	2	H11.11.04.02	Quy định về NCKH của sinh viên	QĐ số 122-SKĐAHN ngày 27/01/2022	Đại học SKĐAHN	P. CTHSSV
	3	H11.11.04.03	Danh mục các giải thưởng do SV chuyên ngành đạo diễn sân khấu,Khoa Sân khấu đạt được.	Văn bản tổng kê năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	P. KT & ĐBCLGD
	4	H11.11.04.04	Các quy định về khen thưởng học sinh sinh viên	Thông tư số 10/2016/TT-BỘ GD&ĐT ngày 5/4/2016	Bộ trưởng Bộ Giáo dục đào tạo	
	5	H11.11.04.05	Hoạt động tổ chức cuộc thi tài năng sinh viên	Thông báo năm 2018-2023	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu

Tiêu chí 11.5	1	H11.11.05.01	Hội nghị Viên chức và người lao động; Hội nghị cán bộ chủ chốt	Giấy triệu tập Hội nghị cán bộ công chức viên chức 8h30 thứ 5 ngày 16/01/2020 MC các năm 2018-2023	Đại học SKĐAHN	P. HCTH
	2	H11.11.05.02	MC: tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các học phần (mẫu phiếu)	Mẫu phiếu	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	3	H11.11.05.03	Dự thảo Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan	Năm 2022	Đại học SKĐAHN	P. KT & ĐBCLGD
	4	H11.11.05.04	Biên bản họp lớp, họp Khoa Sân khấu các năm gần đây	Biên bản họp lớp, họp Khoa	Đại học SKĐAHN	K. Sân khấu
	5	H11.11.05.05	Danh sách cựu sinh viên Khoa Sân khấu	Danh sách cựu SV	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	6	H11.11.05.06	Hồ sơ khảo sát việc làm của cựu SV (phiếu khảo sát, thư ngỏ....)	Phiếu khảo sát, tổng hợp kết quả	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khấu

Phụ lục 3: Các quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký; Kế hoạch tự đánh giá

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SÂN KHÁU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI
Số: 362/QĐ-SKĐAHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình Đạo diễn sân khấu

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHÁU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3651/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10 tháng 6 năm 2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình Đạo diễn sân khấu gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình *Đạo diễn sân khấu* theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà trưởng các đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT&ĐBCLGD, TAN (25).



PGS.TS. Nguyễn Đình Thi



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐẠO DIỄN SÂN KHẤU**

(Kèm theo Quyết định số 362/QĐ-SKĐAHN ngày 24 tháng 4 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Đình Thi	PGS. TS. NGND. Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Phạm Đắc Thi	TS. Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Nguyễn Thị Thanh Quế	ThS. Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
4	Bùi Như Lai	TS. Trưởng Khoa Sân khấu	Thư ký
5	Phạm Trí Thành	TS. Chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên
6	Lại Thị Thanh Bình	TS. Trưởng Khoa Kiến thức cơ bản; Đại diện Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Thành viên
7	Nguyễn Thị Hồng Hiền	TS. Trưởng Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Thành viên
8	Nguyễn Thị Thu Hiền	TS. Trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên
9	Chế Thị Hồng Phương	CN. Kế toán trưởng Phòng Hành chính, tổng hợp (Bộ phận tài vụ)	Thành viên
10	Trần Thị Tuyết Hồng	ThS. Trưởng Phòng Công tác học sinh sinh viên	Thành viên
11	Phạm Văn Cường	ThS. Phó trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên
12	Đình Quang Trung	PGS. TS. Viện trưởng Viện Sân khấu - Điện ảnh	Thành viên
13	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	CN. Giám đốc Trung tâm Thông tin, Thư viện	Thành viên
14	Trịnh Thúy Hương	TS. Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên
15	Lê Thị Ly Như	Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Thành viên
16	Nguyễn Hoài Thanh	ThS. Phó trưởng Khoa Sân khấu	Thành viên
17	Lại Huy Hoàng	Sinh viên ngành Đạo diễn sân khấu K40 (VLVH)	Thành viên

(Danh sách gồm có 17 người)



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 362/QĐ-SKĐAHN ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Dương Thị Thanh Huyền	ThS. Phó trưởng Khoa Sân khấu	Trưởng ban thư ký
2	Trịnh Thúy Hương	TS. Trưởng Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên
3	Hán Quang Tú	ThS. Giảng viên Khoa Sân khấu	Thành viên
4	Cao Thị Phương Dung	ThS. Giảng viên Khoa Sân khấu	Thành viên
5	Đình Xuân Kỳ	ThS. Giảng viên Khoa Sân khấu	Thành viên
6	Nguyễn Hoàng Tùng	ThS. Giảng viên Khoa Sân khấu	Thành viên
7	Nguyễn Thanh Tùng	ThS. Giảng viên Khoa Sân khấu	Thành viên

(Danh sách gồm có 07 người)



DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 36/QĐ-SKDAHN ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (Tiêu chuẩn 1,2,3)	Bùi Như Lai	TS. Trưởng Khoa Sân khấu	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thanh Tùng	ThS. Giảng viên Khoa Sân khấu	Thư ký
	Nguyễn Thị Diệu Thu	ThS. Chuyên viên Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Thành viên
	Cao Thị Phương Dung	ThS. Giảng viên Khoa Sân khấu	Thành viên
	Nguyễn Hoàng Tùng	ThS. Giảng viên Khoa Sân khấu	Thành viên
Nhóm 2 (tiêu chuẩn 4,5,8)	Dương Thị Thanh Huyền	ThS. Phó trưởng Khoa Sân khấu	Trưởng nhóm
	Đinh Xuân Kỳ	ThS. Giảng viên Khoa Sân khấu	Thư ký
	Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS. Chuyên viên Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Thành viên
	Trần Ánh Ngọc	ThS. Chuyên viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên
	Nguyễn Thị Hương	CN. Chuyên viên Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Thành viên
	Lê Thị Ly Như	ThS. Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Thành viên
	Nguyễn Thanh Tùng	ThS. Giảng viên Khoa Sân khấu	Thành viên
	Cao Thị Phương Dung	ThS. Giảng viên Khoa Sân khấu	Thành viên
Nhóm 3 (tiêu chuẩn 6,7,9)	Nguyễn Hoài Thanh	ThS. Phó trưởng Khoa Sân khấu	Trưởng nhóm
	Cao Thị Phương Dung	ThS. Giảng viên Khoa Sân khấu	Thư ký
	Lê Thị Thu Hà	CN. Chuyên viên Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên
	Lương Thị Hoàng Thi	ThS. Phó Viện trưởng Viện Sân khấu - Điện ảnh	Thành viên
	Phạm Văn Cường	ThS. Phó trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận quản trị)	Thành viên
	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	CN. Giám đốc Trung tâm Thông tin, Thư viện	Thành viên

	Hán Quang Tú	ThS. Giảng viên Khoa Sản khâu	Thành viên
Nhóm 4 (tiêu chuẩn 10, 11)	Dương Thị Thanh Huyền	ThS. Phó trưởng Khoa Sản khâu	Trưởng nhóm
	Nguyễn Hoàng Tùng	ThS. Giảng viên Khoa Sản khâu	Thư ký
	Nguyễn Thị Hường	CN. Chuyên viên Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Thành viên
	Trần Ánh Ngọc	ThS. Chuyên viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên
	Lại Huy Hoàng	Sinh viên ngành Đạo diễn sản khâu K40 (VLVH)	Thành viên

(Danh sách gồm có 26 người)

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 284/KH-SKDAH N

Hà Nội, ngày 8 tháng 5 năm 2023

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

06 chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo
tại Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội năm 2023

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và đề đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

II. Phạm vi tự đánh giá

Công tác tự đánh giá chương trình đào tạo (TĐG CTĐT) được áp dụng đối với 06 CTĐT hệ chính quy gồm: Biên đạo múa (thuộc Khoa Múa), Diễn viên Cải lương (thuộc Khoa Kịch hát dân tộc), Biên kịch điện ảnh (thuộc Khoa Nghệ thuật Điện ảnh), Nhiếp ảnh truyền thông đa phương tiện (thuộc Khoa Nhiếp ảnh), Quay phim truyền hình (thuộc Khoa Truyền hình), Đạo diễn sân khấu (thuộc Khoa Sân khấu) giai đoạn từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022 – 2023. Thời gian thu thập thông tin, lấy số liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu tính đến hết ngày 30/7/2023.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ TĐG là tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 bao gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí và các tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại:

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng;

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ban hành ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

- Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD V/v điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng TĐG CTĐT **Biên đạo múa** được thành lập theo Quyết định số 357/QĐ-SKĐAHN ngày 24/4/2023 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 23 thành viên; Ban thư ký gồm có 07 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

Hội đồng TĐG CTĐT **Diễn viên Cải lương** được thành lập theo Quyết định số 358/QĐ-SKĐAHN ngày 24/4/2023 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 21 thành viên; Ban thư ký gồm có 07 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

Hội đồng TĐG CTĐT **Biên kịch Điện ảnh** được thành lập theo Quyết định số 359/QĐ-SKĐAHN ngày 24/4/2023 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 17 thành viên; Ban thư ký gồm có 07 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

Hội đồng TĐG CTĐT **Nhiếp ảnh truyền thông đa phương tiện** được thành lập theo Quyết định số 360/QĐ-SKĐAHN ngày 24/4/2023 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 21 thành viên; Ban thư ký gồm có 08 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

Hội đồng TĐG CTĐT **Quay phim truyền hình** được thành lập theo Quyết định số 361/QĐ-SKĐAHN ngày 24/4/2023 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 19 thành viên; Ban thư ký gồm có 09 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

Hội đồng TĐG CTĐT **Đạo diễn sân khấu** được thành lập theo Quyết định số 362/QĐ-SKĐAHN ngày 24/4/2023 của Trường Đại học Sân khấu –

Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 17 thành viên; Ban thư ký gồm có 07 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

2. Phân công thực hiện nhiệm vụ

2.1. Nhiệm vụ của các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá

Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Hội đồng chịu trách nhiệm về các hoạt động của Hội đồng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, trong đó xác định những công việc phải thực hiện tương ứng với từng tiêu chuẩn đánh giá, thời gian bắt đầu và kết thúc, người chịu trách nhiệm chính; triệu tập và điều hành các phiên họp của Hội đồng; phê duyệt kế hoạch TĐG CTĐT; chỉ đạo quá trình thu thập thông tin, minh chứng, xử lý, phân tích và viết báo cáo TĐG; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai TĐG CTĐT.

Phó Chủ tịch Hội đồng cấp Trường: Khi được Chủ tịch Hội đồng uỷ quyền, có nhiệm vụ điều hành Hội đồng và chịu trách nhiệm về công việc được uỷ quyền, góp ý cho bản Báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.

Phó Chủ tịch Hội đồng cấp khoa: điều hành chung các hoạt động đánh giá chương trình của Khoa, chủ động tổ chức họp để phân công công việc cho các thành viên, phân công và cử người tìm minh chứng, chịu trách nhiệm chính thức đối với các tiêu chuẩn về kế hoạch thực hiện và báo cáo cuối cùng của tiêu chuẩn trước Chủ tịch Hội đồng, chỉ đạo các thành viên cấp khoa việc rà soát thu thập thông tin minh chứng và viết báo cáo TĐG theo kế hoạch TĐG của Trường.

Thành viên HĐ TĐG cấp trường: tham gia xây dựng, đóng góp và phản biện cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn của cấp khoa và báo cáo chung.

Thành viên HĐ TĐG cấp khoa: xây dựng báo cáo TĐG CTĐT theo sự phân công của Phó Chủ tịch Hội đồng cấp khoa, tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu, hoàn thiện hồ sơ minh chứng, tìm kiếm thông tin cho bản báo cáo TĐG.

Hội đồng TĐG CTĐT họp khoảng 06 lần trong suốt quá trình TĐG, có trách nhiệm phản biện, góp ý cho bản báo cáo đánh giá sơ bộ, báo cáo cuối cùng và tư vấn cho Chủ tịch Hội đồng khi làm kế hoạch TĐG.

2.2. Nhiệm vụ của Ban thư ký và các nhóm công tác

Ban Thường trực Hội đồng (bao gồm Trưởng Ban thư ký và các cán bộ chuyên trách Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục) có trách nhiệm triển khai kế hoạch, tổng hợp dữ liệu, giám sát tiến độ thực hiện của Hội đồng TDG CTĐT, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện lên Chủ tịch Hội đồng xem xét, duyệt nội dung. Chuẩn bị cơ sở vật chất và tài liệu cần thiết cho các buổi họp của Hội đồng.

Nhóm trưởng công tác: chịu trách nhiệm trước Phó Chủ tịch Hội đồng cấp khoa về nội dung báo cáo TDG, hồ sơ minh chứng, cơ sở dữ liệu theo nhóm tiêu chuẩn đã được phân công; phân công, đôn đốc các thành viên và thư ký cấp khoa trong nhóm công tác đảm bảo đúng tiến độ.

Thành viên/Thư ký cấp khoa: thực hiện phác thảo bản báo cáo tiêu chuẩn và tiêu chí, góp ý cho bản báo cáo chung. Tiến hành tìm kiếm minh chứng, xây dựng cơ sở dữ liệu, hoàn thiện tài liệu hồ sơ có liên quan.

Thư ký thường trực cấp khoa: thực hiện nhiệm vụ của thư ký cấp khoa; chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo tiêu chuẩn và tiêu chí; viết biên bản, phân loại và quản lý hồ sơ minh chứng của nhóm công tác.

Thư ký cấp trường: có trách nhiệm hỗ trợ các khoa trong việc tìm kiếm thông tin, cơ sở dữ liệu, hồ sơ minh chứng; tham gia phân biện báo cáo TDG.

2.3. Nguyên tắc thực hiện công việc

Chủ tịch Hội đồng TDG phân công nhiệm vụ các thành viên trong hội đồng;

Định kỳ Hội đồng TDG CTĐT làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số;

Hội đồng TDG CTĐT được tập huấn về các nội dung: giới thiệu hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục; quy trình và chu kỳ đánh giá CTĐT; hướng dẫn TDG CTĐT; một số kinh nghiệm TDG CTĐT trong và ngoài nước; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ văn bản, phỏng vấn, quan sát, thảo luận nhóm, lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan; kỹ năng viết báo cáo và tìm kiếm minh chứng phù hợp;

Hội đồng TDG CTĐT tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ;

Các bộ phận có liên quan khác trong trường có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ cho Hội đồng TĐG CTĐT để hoàn thiện công tác xây dựng báo cáo TĐG CTĐT;

Ban lãnh đạo Khoa, Phòng chức năng có liên quan có nhiệm vụ triển khai một số nội dung sau:

- Triển khai thực hiện kế hoạch TĐG CTĐT đến toàn thể giảng viên, cán bộ, viên chức, sinh viên thuộc đơn vị;

- Phối hợp, thực hiện tốt các yêu cầu của thư ký hội đồng TĐG trong việc cung cấp thông tin, tìm kiếm minh chứng nhằm giúp cho việc TĐG của Trường thực hiện kịp thời.

3. Các nhóm công tác cá nhân

Thời gian thu thập thông tin và minh chứng: Từ 22/5/2023 đến 14/7/2023.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, đơn vị chịu trách nhiệm
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	- Nhóm công tác 1 - Đơn vị khoa - Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế
2	Tiêu chuẩn 4, 5, 11	- Nhóm công tác 2 - Đơn vị khoa - Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế - Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
3	Tiêu chuẩn 6, 7	- Nhóm công tác 3 - Đơn vị khoa - Phòng Hành chính, Tổng hợp
4	Tiêu chuẩn 9	- Nhóm công tác 4 - Đơn vị khoa - Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận Tài vụ) - Trung tâm Thông tin, Thư viện

5	Tiêu chuẩn 8, 10	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm công tác 5 - Đơn vị khoa - Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục - Viện Sản xuất – Điện ảnh - Phòng Công tác học sinh, sinh viên
---	------------------	---

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian dự kiến: Tháng 6/2022 (sẽ có kế hoạch riêng). Có chuyên gia tư vấn từ xa trong suốt quá trình diễn ra công tác TĐG CTĐT của Nhà trường.

2. Thành phần tham dự: tất cả các thành viên trong Hội đồng TĐG căn cứ theo các quyết định thành lập hội đồng đã ban hành; cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên, người lao động và người học trong toàn Trường quan tâm.

3. Nội dung, chương trình tập huấn

Giới thiệu về bộ tiêu chuẩn và tiêu chí được sử dụng cho đợt TĐG CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GDĐT;

Quy trình đánh giá;

Kỹ thuật phân tích, thu thập, xử lý, sử dụng minh chứng, lưu trữ và bảo quản minh chứng, cách mã hóa minh chứng;

Kỹ thuật viết phiếu đánh giá tiêu chí: bao gồm quy trình viết phiếu đánh giá tiêu chí; phân tích, mô tả thực trạng CTĐT, cách xác định điểm mạnh, điểm yếu; lập kế hoạch hành động;

Cách thức thu thập, phân tích cơ sở dữ liệu sử dụng trong quá trình viết báo cáo TĐG;

Cách sử dụng hiệu quả kết quả lấy ý kiến thăm dò của các bên liên quan tới quá trình TĐG CTĐT.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

Khoảng thời gian cung cấp số liệu từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022 – 2023.

Thời điểm huy động toàn bộ nguồn lực diễn ra trong vòng 28 tuần (từ ngày 24/4/2023 đến ngày 03/11/2023).

Tài chính: nguồn tài chính hỗ trợ công tác TĐG từ phía Nhà trường, khoa tài trợ...

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Nhân lực
1	Tiêu chuẩn 01: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	- Xây dựng CTĐT bám sát mục tiêu. - Các hoạt động về CĐR, cách thức thực hiện, đáp ứng yêu cầu các bên liên quan.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế và các bên liên quan.
2	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT	- Thông tin về bản mô tả CTĐT; bản đề cương. - Việc tiếp cận của các bên liên quan tới bản mô tả CTĐT.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế và các bên liên quan.
3	Tiêu chuẩn 03: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (CTDH)	- Việc xây dựng và thiết kế CTDH dựa vào CĐR. - Nội dung mỗi học phần đóng góp cho việc đạt CĐR của sinh viên.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế và các bên liên quan.
4	Tiêu chuẩn 04: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	- Việc công bố, phổ biến triển khai phương pháp giảng dạy tới các bên liên quan. - Cách thức triển khai phù hợp với CĐR, rèn luyện kỹ năng và khả năng học tập suốt đời của sinh viên.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế và các bên liên quan.
5	Tiêu chuẩn 05:	- Các hoạt động về việc	Đơn vị Khoa có CTĐT

	Đánh giá kết quả của người học	đánh giá kết quả học tập của người học, các quy định, quy chế được ban hành, phương pháp đánh giá, sự phản hồi kịp thời giúp người học đánh giá đúng việc học tập.	làm công tác TDG. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục và các bên liên quan.
6	Tiêu chuẩn 06: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	<ul style="list-style-type: none"> - Các hoạt động liên quan tới công tác cán bộ, quy hoạch cán bộ đáp ứng nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu khoa học để xác định tỷ lệ giảng viên/sinh viên. - Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm đáp ứng năng lực, tiêu chí theo yêu cầu chung. 	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TDG. Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận Tổ chức cán bộ) và các bên liên quan.
7	Tiêu chuẩn 07: Đội ngũ nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> - Các hoạt động quy hoạch đội ngũ cán bộ phù hợp với từng vị trí việc làm. - Công tác quy hoạch, tiêu chí tuyển chọn được công bố rộng rãi dựa vào nhu cầu, năng lực, trình độ đáp ứng công việc từng vị trí. - Các hoạt động liên quan tới đánh giá định kỳ, thi đua khen thưởng, 	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TDG. Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận Tổ chức cán bộ) và các bên liên quan.

		kỷ luật, học tập, bồi dưỡng.	
8	Tiêu chuẩn 08: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Các hoạt động hỗ trợ người học về công tác tuyển sinh, giám sát kết quả học tập rèn luyện, hoạt động chính sách, hỗ trợ hoạt động ngoại khóa, việc làm, môi trường học tập, NCKH.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TDG. Phòng Công tác học sinh, sinh viên và các bên liên quan.
9	Tiêu chuẩn 09: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Các công việc triển khai tới công tác cơ ở vật chất của Nhà trường bao gồm: hệ thống phòng học phục vụ công tác đào tạo, NCKH, hệ thống phòng làm việc, thực hành, thư viện, nhà hát...	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TDG. Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận Hành chính, Quản trị), Ban dự án và các bên liên quan.
10	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	Các hoạt động liên quan tới thu thập thông tin, ý kiến phản hồi, nâng cao chất lượng CTĐT thông qua các bên liên quan, căn cứ để phát triển CTDH. Việc phát triển CTDH được thiết kế, đánh giá cải tiến phù hợp với CDR và nhu cầu xã hội.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TDG. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng Công tác học sinh, sinh viên và các bên liên quan.
11	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Xác định được các thống kê hàng năm liên	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TDG. Phòng

	quan tới công tác học tập của sinh viên: tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ buộc thôi học để lấy số liệu đối sánh, có sự giám sát, kiểm tra chất lượng đầu vào và đầu ra của người học.	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng Công tác học sinh, sinh viên và các bên liên quan.
--	--	---

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Các đơn vị sẽ lấy ý kiến đóng góp về CTĐT, CDR và các yêu cầu từ các bên liên quan trong đó có các thông tin từ bên ngoài Trường. Trong quá trình làm công tác TDG, các Khoa tự lập kế hoạch chi tiết, cụ thể để thu thập, xử lý thông tin một cách chính xác, có độ tin cậy cao. Dự trù về nguồn lực cần huy động để hoàn thành việc thu thập và tìm kiếm thông tin.

Đối với việc thu thập thông tin, cơ sở dữ liệu đối với các đơn vị thực hiện CTĐT và các đơn vị có liên quan khác trong Trường thì căn cứ vào phụ lục 7 – Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT trích trong Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ban hành ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TDG

Ban thường trực Hội đồng TDG sẽ lập kế hoạch, chương trình làm việc cụ thể về việc thuê chuyên gia tư vấn về làm việc với Nhà trường, giúp cho công tác TDG được hoàn thiện một cách chính xác, đúng mục đích và yêu cầu đặt ra.

Nội dung làm việc với chuyên gia sẽ bao gồm: lĩnh vực cần thuê chuyên gia; mục đích thuê chuyên gia; vai trò của chuyên gia; số lượng chuyên gia; thời gian cần thuê chuyên gia; kinh phí thuê chuyên gia...

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí, phân loại và mã hóa các minh chứng thu được, Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục minh chứng.

Bảng danh mục mã hóa minh chứng được trình bày ở bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần phụ lục của Báo cáo TĐG). Việc sử dụng, xử lý phân tích các thông tin từ minh chứng được hướng dẫn cụ thể trong mục II – Quy trình TĐG của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ban hành ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng và Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 01 – 02 Từ ngày 24/4/2023 đến ngày 05/5/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Họp Hiệu trưởng và trưởng các đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. - Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT - Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: <ul style="list-style-type: none"> + Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; + Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; + Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; + Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.
Tuần 03 – 04	- Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn

<p>Từ ngày 08/5/2023 đến ngày 19/5/2023</p>	<p>thể cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hội thảo/hội nghị; tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho Hội đồng TĐG và các thành viên khác. - Hợp Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: <ul style="list-style-type: none"> + Bản kế hoạch TĐG CTĐT; + Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của các Khoa thực hiện CTĐT) + Trình Hiệu trưởng đề nghị ban hành kế hoạch TĐG.
<p>Tuần 05 – 12 <p>Từ ngày 22/5/2023 đến ngày 14/7/2023</p> </p>	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho hội đồng. - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hóa các thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
<p>Tuần 13 – 20 <p>Từ ngày 17/7/2023 đến ngày 08/9/2023</p> </p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). - Trường các nhóm chuyên trách tổng hợp các

	báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 21 Từ ngày 11/9/2023 đến ngày 15/9/2023	Hội đồng TĐG CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 22 - 23 Từ ngày 18/9/2023 đến ngày 29/9/2023	- Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu có); - Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban... để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 24 - 25 Từ ngày 02/10/2023 đến ngày 13/10/2023	- Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. - Các bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên, người học... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG.
Tuần 26 - 27 Từ ngày 16/10/2023 đến ngày 27/10/2023	- Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện. - Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo

	TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT và thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét. - Hoàn thiện báo cáo TĐG.
Tuần 28 Từ ngày 30/10/2023 đến ngày 03/11/2023	- Nhà trường gửi báo cáo TĐG và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp Bộ GDĐT. - Nhà trường bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.

Trên đây là kế hoạch thực hiện công tác tự đánh giá 06 chương trình đào tạo của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội, Hiệu trưởng yêu cầu trường các đơn vị nghiêm túc triển khai nội dung và tiến hành thực hiện kế hoạch theo thời gian đã quy định./

Nơi nhận:

- ĐU, HĐT, BGH (để báo cáo);
- Các đơn vị trong Trường (để thực hiện);
- Lưu VT, KT&ĐBCLGD, NTP.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Đình Thi

Phụ lục 4

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH ĐẠO ĐIỂN SÂN KHẤU**

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội**

Mã: 52210235

Tên CTĐT: **Cử nhân Đạo diễn sân khấu**

Mã CTĐT: 7210227

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								4,33	3	100 (3/3)
Tiêu chí 1.1				x						
Tiêu chí 1.2				x						
Tiêu chí 1.3					x					
Tiêu chuẩn 2								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 2.1				x						
Tiêu chí 2.2				x						
Tiêu chí 2.3				x						
Tiêu chuẩn 3								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 3.1				x						
Tiêu chí 3.2				x						
Tiêu chí 3.3				x						
Tiêu chuẩn 4								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 4.1				x						
Tiêu chí 4.2				x						
Tiêu chí 4.3				x						
Tiêu chuẩn 5								4,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 5.1				x						
Tiêu chí 5.2				x						
Tiêu chí 5.3				x						
Tiêu chí 5.4				x						
Tiêu chí 5.5				x						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 6								4,00	7	100 (7/7)
Tiêu chí 6.1				x						
Tiêu chí 6.2				x						
Tiêu chí 6.3				x						
Tiêu chí 6.4				x						
Tiêu chí 6.5				x						
Tiêu chí 6.6				x						
Tiêu chí 6.7				x						
Tiêu chuẩn 7								4,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 7.1				x						
Tiêu chí 7.2				x						
Tiêu chí 7.3				x						
Tiêu chí 7.4				x						
Tiêu chí 7.5				x						
Tiêu chuẩn 8								4,40	5	100 (5/5)
Tiêu chí 8.1				x						
Tiêu chí 8.2					x					
Tiêu chí 8.3				x						
Tiêu chí 8.4				x						
Tiêu chí 8.5					x					
Tiêu chuẩn 9								5.00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 9.1					x					
Tiêu chí 9.2					x					
Tiêu chí 9.3					x					
Tiêu chí 9.4					x					
Tiêu chí 9.5					x					
Tiêu chuẩn 10								4,16	6	100 (6/6)
Tiêu chí 10.1				x						
Tiêu chí 10.2				x						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 10.3				x				4,16	6	100 (6/6)
Tiêu chí 10.4					x					
Tiêu chí 10.5				x						
Tiêu chí 10.6				x						
Tiêu chuẩn 11								4,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 11.1				x						
Tiêu chí 11.2				x						
Tiêu chí 11.3				x						
Tiêu chí 11.4				x						
Tiêu chí 11.5				x						
Đánh giá chung CTĐT								4,17	50/50	100%

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Hiệu Trưởng

PGS.TS.Nguyễn Đình Thi